

Wasow  
DS522  
V651  
n.s.  
no. 42-44  
1959

#42-44  
July-Sept 1959

# VĂN-HÓA

## NGUYỆT - SAN

### CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG

#### MỤC-LỤC TRÍCH-YẾU

- ★ Nguyễn.Công-Trứ . . . . . NGUYỄN-CÔNG-HUÂN
- ☆ Sử-học Việt.Nam qua các thời-đại. . . . . BAO-LA cư-sĩ
- ★ Công-cuộc khảo-cứu nguồn gốc chữ quốc-ngữ . . . . . LM. NGUYỄN-KHẮC-XUYÊN
- ☆ Thanh-tâm tài-nhân là ai? . . . . . BỬU-CÀM
- ★ Hai ông Cự . . . . . .BOÀN-THÊM
- ☆ Khảo-luận về Truyện Hoa-tiên . . . . . PHẠM VĂN ĐIỀU
- ★ Cùng bạn Văn-học (thơ) . . . . . TRẦN-TUẤN-KHÁI
- ☆ Đạo-đức.kinh quốc.văn giải-thích . . . . . NGHIÊM TOẢN
- ★ Lịch-trình văn-học Việt.Nam . . . . . MAURICE DURAND
- ☆ Bạch-vân am thi-tập (thơ dịch) . . . . . TRẦN-THANH-ĐẠM
- ★ Hương thơm . . . . . . . . . . THANH-TÂM
- ★ Thú xem truyện Tàu. . . . . VƯƠNG-HỒNG-SÈN

VÀ CÁC MỤC THƯỜNG-XUYÊN

Xem mục-lục đầy-đủ nơi trang trong

LOẠI MỚI - SỐ 42 THÁNG 7 NĂM 1959

WR05513  
đd 101



# VĂN-HÓA

NGUYỆT - SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG

LOẠI MỚI - SỐ 42 THÁNG 7 NĂM 1959

## MỤC-LỤC

### I - VĂN-HÓA VIỆT-NAM

— Công cuộc khảo-cứu nguồn gốc chữ quốc-ngữ. . . . .	L.M. NGUYỄN-KHẮC-XUYỀN	Số trang 685
— Thanh-tâm tài-nhân là ai ? (tiếp theo và hết) . . . . .	BỮU CÀM	694
— Thân-thể và sự-nghiệp Nguyễn-công-Trứ . . . . .	NGUYỄN-CÔNG-HUÂN	701
— Hai ông Cự . . . . .	ĐOÀN-THÊM	708
— Khảo-Luận về Truyện Hoa - Tiên (tiếp theo) . . . . .	PHẠM VĂN ĐIỀU	713
— Một giả-thuyết về truyện Tấm Cám (tiếp theo) . . . . .	NGUYỄN-KHẮC-NGŨ	724
— Doãn-Uần (tiếp theo) . . . . .	NGUYỄN-ĐÌNH-DIỆM	732
— Sử-học Việt-Nam qua các thời-đại BAO-LA cư-sĩ . . . . .		739
— Dịch « Bạch-vân-am thi-tập » . . . . .	TRẦN-THANH-ĐẠM	746
— Lịch-trình văn-học Việt-Nam . . . . .	MAURICE DURAND và TÂN-VIỆT-ĐIỀU	755
— Lược-khảo về Tây-Hồ (tiếp theo) . . . . .	TƯ-NGUYỄN	772

— Thi ca : Mầu thu . . . . .	BỮU CÀM	786
— Cùng bạn văn-học . . . . .	TRẦN-TUẤN-KHÁI	787
— Trên bãi Nha-Trang . . . . .	THANH-SƠN	787
— Yêu trúc . . . . .	ĐÔNG-XUYỀN	787
— Nỗi lòng sơn-nữ . . . . .	HÀ-BẠCH-NGỌC	788
— Thăm Long-Hải . . . . .	HỒNG-THIÊN nữ-sĩ	788
— Màu sắc Nha-Trang . . . . .	THANH-SƠN	789
— Tây-Hồ buổi chiều tà . . . . .	MÀI-OANH nữ-sĩ	790
— Đề bốn bức tranh . . . . .	TRẦN-TUẤN-KHÁI	791
— Quá Tây-Hồ sự (Nguyên-tác của Nguyễn-Long-Cát) . . . . .	ĐÔNG-XUYỀN dịch	792

### II - VĂN-HÓA THẾ-GIỚI

— Đạo-đức-kinh quốc-văn giải-thích (tiếp theo) . . . . .	NGHIÊM TOẢN	dịch thuật	793
— Hương thơm . . . . .	THANH-TÂM		799
— Thú xem truyện Tàu (tiếp theo)	VƯƠNG-HỒNG-SẼN		809
— Thân-thể Lý-Bạch (tiếp theo và hết)	TU-TRAI		817
— Giáo-dục căn-bản và giáo-dục tráng-niên . . . . .	THIỆN-PHƯỚC	dịch-thuật	827
— Thơ dịch : Le semailleur (Victor Hugo)	ĐẠM-QUANG		838
Sursaut (Fernand Gregh) . . . . .	HOÀI-QUANG		839
Morts pour la Patrie (Victor Hugo)	THANH-TÙNG		840
Túc-phủ (Đỗ-Phủ) . . . . .	TRẦN-TUẤN-KHÁI		841
— Đọc tập thơ « Từ-Thức » cảm-đề	HOÀI-QUANG		842

### III - TIN-TỨC VĂN-HÓA

— Tin trong nước . . . . .		845
— Tin ngoài nước . . . . .		851

### TRANH ẢNH TRONG SỐ NÀY

- Chân-dung Cự Nguyễn-công-Trứ
- Tự-tích Cự Nguyễn-Công-Trứ





CÔNG-CUỘC KHẢO-CỨU

**NGUỒN GỐC CHỮ QUỐC-NGŨ**  
**CHỮ QUỐC-NGŨ VÀO NĂM 1631**

★ L.M. NGUYỄN-KHẮC-XUYÊN ★

Hiện nay ai cũng phải nhận ra rằng : muốn khảo-cứu chữ quốc-ngữ, không thể nào bỏ qua ba tác-phẩm chính của giáo-sĩ A-lich-sơn Đắc-Lộ. Nói cách khác, với ba cuốn : Sách Giáo-lý hay phép Giảng tám ngày, sách Văn-pháp Việt-nam và bộ Tự-diễn Việt-Bồ-La, xuất-bản tại Roma, năm 1631, giáo-sĩ Đắc-lộ đã xứng-dáng được liệt vào danh-hiệu ông Tò hay người sáng-lập ra chữ quốc-ngữ, hay đúng hơn Việt-ngữ phiên-âm.

Trong cuốn « Biều nhất-lâm Văn-học cận-dại », Tự-do xuất-bản, Sài-gòn, 1958, tác-giả Thanh-lăng đã viết : « Năm 1631 là một niên-lịch cực-kỳ quan-trọng đối với văn-học Việt-nam » (tr. 40). Vẫn biết rằng công-cuộc thành-lập chữ quốc-ngữ là một công-cuộc chung, do sự cộng-tác của nhiều người thuộc nhiều quốc-tịch khác nhau, như là người Ý và người Bồ. Nhưng hoàn tất sự phiên-âm ấy chính là giáo-sĩ Đắc-lộ. Cho nên năm 1631 đánh dấu một giai-đoạn quan-trọng, một khúc quẹo trong văn-học Việt-nam, cũng như tên giáo-sĩ Đắc-lộ phải là một tên chói-lọi trong lịch-sử quốc-tự Việt-nam.



Nhưng niên-lịch 1651 cũng như tên cha Đắc-lộ và phương-pháp phiên-âm của ngài hình như chưa làm thỏa-mãn óc tìm-tòi của chúng ta. Chúng ta muốn biết nguồn-gốc chữ quốc-ngữ, những bước chập-chững của buổi đầu, những sáng-kiến nguyên-thủy, những dò-dẫm sơ-khai và sự phát-triển tuần-tự như bất cứ một công-cuộc nào, cho tới giai-đoạn kể là hoàn-thành trong những tác-phẩm của giáo-sĩ Đắc-lộ. Năm 1651 là năm kết-quả, nhưng trước niên-lịch hệ-trọng ấy, còn xây ra những gì đáng kể trong công-cuộc thành-lập chữ quốc-ngữ.

Lịch-sử việc truyền-bá Kitô-giáo tại Việt-nam cũng như sách vở của cha Đắc-lộ có thể giúp chúng ta tìm kiếm, ngõ hầu khám-phá được những phạm-vi mới mẻ khác. Về lịch-sử, chúng ta có thể theo dõi từng giáo-sĩ, những người đầu tiên đặt chân trên đất Việt, nhất là những vị đã lưu lại hậu-thế hoặc sách in hay bản viết tay. Về mặt sách vở, chẳng hạn như nhờ vào bộ Tự-điền Việt-Bồ-La của cha Đắc-lộ, 1651, mà chúng ta biết đã có hai vị đã soạn hai cuốn tự-điền đầu-tiên, trước cả cha Đắc-lộ: cuốn Việt-Bồ do giáo-sĩ Gaspar d'Amaral và cuốn Bồ-Việt do giáo-sĩ Antonio Barbosa, cả hai đều là người Bồ-đào-nha.

Đề sưu-tầm vết-tích hai tài-liệu quý-hóa trên, cũng như tất cả những văn-kiện nào khác trước niên-lịch 1651, chúng tôi đã thử đi tìm kiếm trong mấy thư-viện chính tại Âu-châu: Thư-viện quốc-gia, Rue de Richelieu, Paris I; Bảo-tàng-viện (tư) của Hội Giảng-đạo ngoại-quốc Paris (Missions Étrangères de Paris), rue du Bac, Paris VII. Đặc-biệt hơn cả là Roma, trung-tâm truyền-giáo thế-kỷ XVI-XVII, cũng như ngày nay và bao giờ hết, với Thư-viện quốc-gia Vittorio-Emmanuele, Via Collegio Romano (xưa là trường Đại-học của Dòng Tên); Thư-viện Tòa-thánh Vaticano, Città del Vaticano; Bảo-tàng-viện của Bộ Truyền-giáo, Via della Propaganda Fide; nhất là Bảo-tàng-viện của Dòng Tên tại Roma, (ARSI = Archivum Romanum Societatis Iesu), Borgo Santo Spirito.

Nhưng chúng tôi đã gần như thất-vọng, vì trừ một vài tài-liệu nhỏ-mọn, còn thì toàn là những văn-kiện sau 1651. Ngay đến những bản-thảo viết tay của cha Đắc-lộ cũng không còn, trừ bản viết tay về cuốn Lịch-sử Đàng-Ngoài bằng tiếng la-tinh. Bản này đã được in bằng tiếng Ý năm 1650 dưới nhan đề: «*Relazione de felici successi della Fede predicata da Padri della Compagnia di Gesu nel Regno di Tunchino*». Năm sau 1651, đã phát hành bản bằng Pháp-

văn tại Lyon: «*Histoire du royaume du Tunchin...*» Cho tới năm 1652, nguyên-bản bằng tiếng la-tinh mới được in thành sách tại Lyon: «*Tonchinois's Historiae libri duo*». Nguyên-bản này có lẽ đã được soạn tại Macao năm 1636.

Thư-viện quốc-gia tại Paris cũng không cho chúng ta biết thêm về chữ quốc-ngữ trước 1651, trái lại thư-viện này hiện nay còn giữ được một số sách chữ nôm viết tay thế-kỷ XVII của giáo-sĩ Girolamo Maiorica. Ngoài ra, những thư-viện như Thư-viện Tòa-thánh Vaticano hay Bảo-tàng-viện Hội Truyền-giáo Ngoại-quốc Paris cũng chỉ giữ đa số các văn-kiện về chữ quốc-ngữ sau 1651.

Vậy hai bản viết tay của Gaspar d'Amaral về cuốn tự-điền Việt-Bồ đầu-tiên và của Antonio Barbosa về cuốn Bồ-Việt, đã thất-lạc hẳn và không còn hi-vọng phát-giác ra ư? Cha Đắc-lộ có đem hai tài-liệu ấy về Âu-châu hay ngài đã để lại đâu? Thật là những câu hỏi khó lòng giải-đáp.

Theo dõi đời sống và cuộc hành-trình của ngài, chúng ta thấy có một câu truyện như sau. Số là năm 1646, khi ngài lấy tàu trở về Âu-châu, đến Jaquetra, lúc ấy thuộc Hòa-lan, một nước theo Tin-lành, ngài đã bị bắt và bị tống ngục. Những vị hữu-trách tại đảo đã nghi-ngờ ngài làm «*gián-diệp*» cho người Pháp, nhất là người Bồ. Các tài-liệu của ngài, dụng-cụ cũng như sách vở, dĩ chí đến cả sách kinh, sách nguyện của ngài đều bị tịch-thu (Rhodes, *Voyages et Missions*, Paris, éd. 1854, tr. 336). Phòng chúng ta có lý-do cho rằng trong dịp này ngài đã bị tước hết các bản thảo hay tài-liệu về chữ quốc-ngữ. Thực ra, khi ngài được thả ra, người ta đã trả lại ngài một cái hộp nhỏ trong đó ngài đã để một ít giấy tờ với một ít tiền bạc (Rhodes, *sách dẫn*, tr. 372). Cứ theo bản văn thì khó mà ước-đoán những giấy-tờ kia là những gì? Có lẽ không hẳn là các bản thảo đồ-sộ, nhưng chỉ là những tờ lý-lịch hay gì khác?

Căn-cứ vào câu truyện trên đây do chính cha Đắc-lộ kể lại và đề tìm kiếm những bút-tích lịch-sử kia mà cha Louis Cadière, một học-giả thời-danh, đã biên thư nhờ các vị hữu-trách tại đảo sưu-tầm trong các Viện khảo-cổ hay thư-viện xem có những giấy tờ thất-lạc kia không? Bác-sĩ Brandes đã trả lời là chính các giáo-sĩ Dòng Tên tại Batavia cũng đã nhờ ông tìm trong Bảo-tàng-viện của «*hãng Compagnie des Indes*», nhưng

cho tới nay vẫn chưa kết-quả (L.Cadière, *Les Européens qui ont vu le vieux Hué : le P.de Rhodes*, trong BAVH, 1915, II, số 3, tr.235, chú 2).

Hãy là chúng ta phải tìm trong Thư-viện quốc-gia tại Amsterdam, thủ-đô Hòa-lan ? Chúng tôi dám hoài-nghi kết-quả.

Thực ra còn một Thư-viện tích-trữ một kho báu về lịch-sử Việt-nam, hay đúng hơn về lịch-sử đạo Kitô tại Việt-nam, đó là Thư-viện quốc-gia Bồ-đào-nha : Ajuda tại Lisboa. Chúng tôi chưa kịp đến tham-khảo tại chỗ, nhưng chúng tôi đã gặp một bậc học-giả đã lâu năm làm việc và nghiên-cứu tại thư-viện đó, giáo-sĩ Schurhammer, Dòng Tên, người Đức. Ngài đã chép lại danh sách tất cả những tài-liệu chính của viện vào thế-kỷ XVI-XVII. Tài-liệu về lịch-sử Việt-nam thì có, nhưng ngài không thấy có bút-tích nói về chữ quốc-ngữ hay phiên-âm Việt-ngữ. Chính vì vậy, trong khi sưu-tầm hết các tài-liệu về thánh Phanchicô Xavie, cũng đã tới Thư-viện Vaticano lục-soát các sách in cũng như bản viết tay bằng chữ nôm hay quốc-ngữ thế-kỷ XVI, XVII, XVIII và XIX, nói về vị thánh tông-đồ miền Ấn-độ kê trên (Schurhammer, *Annamitische Xaverius-literatur*, trong *Missionswissenschaftliche Studien*, Auchen, 1951, tr. 300-314) (1).

Đó là hiện-tình việc khảo-cứu nguồn-gốc chữ quốc-ngữ. Chúng tôi hi-vọng với thời-gian sẽ có thể có những phát-giác bất ngờ của những học-giả tương-lai. Ngày nay với sự hiểu-biết nông-cạn của chúng tôi, chúng tôi chỉ thấy còn lại hai tài-liệu chính về chữ quốc-ngữ trước năm 1651 ; một tài-liệu chữ in và một tài-liệu chữ viết. Hai văn-kiện này đã trở nên quý-hóa đối với chúng ta, vì ngoài chúng ra, không còn sách vở hay giấy tờ gì bàn-giải về hay ghi chép bằng chữ quốc-ngữ. Đó là cuốn ký-thuật của Borri (1631) và tập biên-bản viết tay đàm-luận về Công-thức dùng trong việc cử-hành nghi-lễ Thụ-giáo hay phép Rửa tội cho giáo - dân tân-tòng năm 1645.

## CHỮ QUỐC-NGỮ VÀO NĂM 1631

Tài-liệu in cổ nhất đánh dấu cuộc tiếp-xúc giữa các giáo-sĩ Dòng Tên và nước Việt-Nam, và cũng là cuốn sách đầu tiên giới-thiệu giòng giống Lạc-hồng với các nước Âu-châu, hẳn phải là cuốn « *Histore de ce qui s'est passé au Royaume d'Ethiopie.. Avec une brève narration*

*du voyage qui s'est fait au royaume de Tunquim...* Paris, 1629. Nguyên-văn bằng tiếng Ý đã được xuất-bản tại Roma cũng trong năm đó. Thực ra tác-giả, Julien Baldinotti, người Ý, đã biên-soạn tại Macao ngày 12 tháng 12 năm 1626, sau khi đã lưu-trú tại miền Bắc mấy tháng. Chúng tôi đã đọc những trang quý-hóa ấy, nhưng về vấn-đề chữ quốc-ngữ, chúng tôi không thu-lượm được gì thêm.

Trái lại, cuốn tường-trình thứ hai về nước Việt-nam và về công cuộc truyền-giáo tại đó vào đầu thế-kỷ XVII của cha Christophe Borri là một văn-kiện quý vào bậc nhất. Nguyên văn bằng tiếng Ý, nhan-đề là : « *Relazione della nuova missione delli PP. della Compagnia di Giesu al Regno della Cocincina...* Romae, 1631 ». Cũng năm ấy, bản dịch ra Pháp-văn đã được in tại Pháp nhan-đề : « *Relation de la nouvelle mission des Pères de la Compagnie de Jésus au Royaume de Cochinchine...* Lille, 1631 ».

Chúng tôi sẽ không bàn tới nội-dung về địa-dư, lịch-sử, phong-tục và tình-hình xã-hội, kinh-tế trong cuốn sách nhỏ mọn này. Chúng ta được biết rằng đây là một kiểu-mẫu cho những cuốn sách viết về Việt-Nam sau này như của cha Đắc-lộ (1650), Tissanier (1663) và Marini (1663). Chúng tôi chỉ nói tới hình-thức chữ quốc-ngữ chứa-đựng trong tác-phẩm ấy.

Thực vậy, trái với các tác-giả nào khác, bắt đầu dĩ mới viết một bài chữ «chuyên-môn» bằng Việt-ngữ, chẳng hạn như tên riêng về địa-dư hay lịch-sử, đằng này, Christophe Borri hình như đã chú-ý chép lại nhiều danh-từ tiếng Việt, nhiều câu hoàn-toàn bằng «quốc-ngữ». Người ta có cảm-tưởng như tác-giả thú-chí trong khi làm công việc đó. Và cũng nhờ vậy mà ngày nay chúng ta biết được một chút nào về chữ quốc-ngữ trong giai-đoạn còn thai nghén.

Trong bản bằng tiếng Ý phát-hành tại Roma, người người ta không phân-biệt chữ Ý với tiếng Việt : cả hai đều in bằng «một thứ chữ». Trái lại trong cuốn bằng Pháp-văn ấn-loạt tại Lille, những tiếng Việt đều được in bằng chữ ngả. Trong bài này, những câu hai lời trích- dẫn đều lấy trong chính nguyên-bản tiếng Ý « *Relazione della nuova missione...* »

Trước hết chúng ta thấy những danh-từ riêng về địa-dư như *Chiampa*, *Sinnuà*, *Cacciam*, *Quamguya*, *Quignin*, *Renran*, *Giachi..*, hoặc danh-từ chung như *Sayc*, *kim* (Sách, kinh) ; *sayc*, *chiu* (sách, chữ. tr.78) ; *chia*



(chè, tr.65); *omgne* (ông nghề tr.186,187); *onsaij* (ông sai tr.112,117, 142 143...) hoặc *onsai* (ông sai tr.115,118); *nuoecman* (nước mặn tr.132,133); *maa* (ma tr.208); *maqui, macò* (ma qui, ma cò tr.215); *bũa...chiuua* (vua... chúa tr.224-225); *gnò* (nhò tr.17); *gnin* (nhin = nhân tr.44); *ke moi* (kẻ mọi = người mọi).

Hơn nữa, không những tác-giả chép lại các danh-từ mà còn biên cả một câu hoặc ngắn hoặc dài. Trong một đoạn, ngài đã giải-thích và chứng-minh trong Việt-ngữ không có chia các động-từ như các tiếng Âu-châu. Ngài đã lấy động-từ «có» làm tí-dụ, nhưng chữ «có» ngài đã không ghi dấu sắc, tức là «co» (tr.79). Động-từ «đổi» cũng vậy, ngài đã không đánh dấu và còn thêm chữ j ở sau : «*doij*», (trang 51). Không rõ chưa kịp đục chữ «đ» hay chưa đặt ra chữ «đ» nên tác-giả đã dùng chữ «d» Âu-châu.

Nạn lụt-lội thường xảy đến trong nước ta thời xưa, đã được nhắc tới trong câu : *dà dèn, Lút, dà, dèn, Lút* (đã đến lụt. đã đến lụt tr. 11), một câu tòa trên cửa miệng người thời ấy, như một tiếng nã-nuột, khùng-khiếp, gieo ai-oán và tai-họa. Trong câu này, tác-giả chỉ toàn dùng dấu huyền. Người ta có cảm-tưởng như ngài đã có một chút quan-niệm gì về âm-thanh trong Việt-ngữ và đã có ý-chí dùng một ký-hiệu nào để ghi nhưng có lẽ hoặc chưa kịp đục hoặc chưa ấn-định hẳn những dấu-hiệu kia. Hai ba lần, ngài còn dùng chữ lụt với quán-từ giống đục của tiếng Ý : *il lút* (tr. 12, 13, 14) hình như muốn cho sát-nhập chữ đó vào Ý-ngữ.

Đề nói đến cái thói quen hay chia tay xin của người bình-dân cũng như sự dễ-dàng tiếp-xúc của dân chúng đối với người ngoại-quốc, tác-giả đã viết lại lời « *Scin mocaij* » (xin một cái tr. 52, 53).

Một phong-tục khác cũng đã được ghi lại. Đó là trong dân-gian, về nguyệt-thực, người ta thường tin rằng có con gấu hay con rồng đến nuốt trăng. Đề cứu chi Hãng khỏi tai-wrong hiềm-họa, người ta đã khua chuông gõ mõ, đánh trống đập mẹt hay khua động bất cứ cái gì, cả đến chậu đồng, chậu thau, mẹt, nia. Và trong khi theo dõi tám «thảm kịch» xảy ra trên trời, người dưới đất bảo nhau : *Da, an, nua, Da, an, het* » (Đã ăn nửa, đã ăn hết tr. 180).

Còn một câu truyện nữa. Có một vị sai chùa xin gia-nhập đạo Kitô. Sau khi đã chịu phép thụ-giáo, ông đã trở nên một tín-đồ nhiệt-thành và hết sức trầm-tư mặc-tưởng. Trong mấy hôm liền, người ta cứ thấy ông

đi đi lại lại một mình trong phòng và làm-bàn những lời tỏ dạ thống-hối về quá khứ tội-lỗi của mình, khi ông chưa được biết đạo Chúa. Trong những lời ấy, người ta thoáng nghe thấy câu : « *Tuijciam biet* » (Tôi chẳng biết tr. 194-195; chữ tui ở đây thường đọc là tôi). Những người lân-cận, mỗi lần thấy ông đi tản-bộ, liền kháo-láo nhau : « *onsaij di lay* » (ông sai đi lại tr. 196).

Một sự hiểu lầm lớn lao và có thể gây hậu-quả tai-hại cho công-cuộc truyền-giáo cũng đã được ghi chép lại bằng Việt-ngữ. Không hiểu người thông-ngôn đầu-tiên hay các vị thừa-sai nguyên-khởi đã dựa vào đâu mà dịch câu ngữ-ngân này, khi muốn hỏi người ta có muốn gia-nhập đạo Kitô. Các ngài đã hiệu-triệu người ta ; « *Con gnoo muon bau tlom laom Hoalaom chiam ?* » (Con nhủ muốn vào trong lòng Hòa-lan chẳng? tr. 107). Vì thế đã có một ban tuồng, một hôm tại giữa chợ, đã diễn lại tám hài-kịch ngộ-ngĩnh này. Có một anh chàng đóng vai một người Bồ-đào-nha, hẳn là với cái mũi lõ và cái bụng phệ. Người này bệ-vệ hỏi một trẻ nhỏ rằng : « *Con gnoo muon bau tlom laom Hoalaom chiam ?* ». Đứa bé ứng-thuận. Tức khắc người ngoại-quốc kia cố-gắng nhét đứa bé vào bụng một cách rất hài-hước làm cho khán-giả cười ò lên một cách chế-rễu. Cha Francesco Buzomi, một trong những vị giáo-sĩ đầu tiên đặt chân trên miền Nam (1615), chính ngài đã được chứng-kiến tấn hài-kịch nguy-hiềm kia. Sau khi điều-tra và hiểu biết sự thể, ngài đã cho đòi kiêu-nói. Từ nay sẽ không hỏi người muốn theo đạo bằng câu : « *Muon bau tlom laom Hoalaom chtam* » (Muốn vào trong lòng Hòa-lan chẳng? tr. 108), nhưng « *Muon bau dau Christiam chiam ?* » (Muốn vào đạo Kitô chẳng? tr. 109), Xem : Thanh-lãng, *Biểu. nhất-lãm Văn-học cận-đại*, Nhà xuất-bản Tự-do, Sài-gòn, 1958, tr. 19-20. Những câu tiếng Việt trích theo cuốn « *Lịch-sử đạo Thiên-chúa trên đất Việt-nam* » không đúng với nguyên-văn bằng tiếng Ý của Christophe Borri : *Relatione...*

Sau khi đã lược nhặt hết những câu hay chữ Việt-ngữ có thể gặp được trong cuốn ký-thuật trên đây, chúng ta nhận thấy rằng : ngoài những sự khác-biệt nhỏ nhỏ trong văn quốc-ngữ buổi sơ-khai, như dùng chữ D thế cho Đ, chữ J sau chữ I (Tuij = tui hay tôi ; Saij = sai) và một vài văn giống như trong các tác-phẩm của Đắc-lộ như TL = TR, B = V, chúng ta phải kể đến hai nhận-xét quan-trọng sau đây :

1. — Thứ chữ quốc-ngữ trong tập tường-trình 1631 của Borri là thứ chữ quốc-ngữ chưa hoàn-toàn. Nó thiếu một yếu-tố căn-bản trong Việt-ngữ cũng như trong Hoa-ngữ hay thứ chữ độc-vận, đó là các dấu hay ký-hiệu để chỉ-dịnh các âm-thanh. Thực ra tác-giả đã dùng dấu huyền nhưng không đúng chỗ, và chỉ có dấu huyền mà thôi : « *Dà dèn lùt* » (đã đến lựt tr. 11) : « *macô* » (ma cô tr. 215) ; « *Ban cô* » (bàn cô tr. 204). Đôi khi người ta có cảm-tưởng như đứng trước một thứ chữ quốc-ngữ mới, nghĩa là dùng chữ phụ thay vì dấu, như đã có một trào-lưu chủ-trương nhưng không có kết-quả, tỉ-dụ như : *doij* (đôi tr. 51) ; *mocaij* (một cái tr. 52, 53) ; *gnoo* (nhỏ tr. 107) ; *saij* (sãi tr. 196). Tuy trung, chữ quốc-ngữ 1631 và về trước nữa có thể gọi là thứ chữ quốc-ngữ chưa có dấu, theo tài-liệu chúng ta đã phân-tách.

2. — Thứ chữ quốc-ngữ ở đây có khuynh-hướng theo cách đánh vần và lối đọc của tiếng Ý, chúng tôi nói : có khuynh-hướng thối. Thực vậy, trước hết chúng ta thấy *NH* của chúng ta hiện nay và cả trong những sách của cha Đắc-lộ đã được viết là *GN*, tỉ-dụ như « *gnin* » (nhìn = nhân tr. 44 : « *gnoo* » (nhỏ tr. 17) ; « *gnoo* » (nhỏ tr. 107) ; trừ « *omgne* » (ông nghề tr. 186-187). Thực ra vần *gn* này cùng chung với tiếng latin, tiếng Pháp...

Thứ đến những vần *CI* và *SC* dùng ở đây cũng tỏ cho chúng ta biết nguồn gốc từ tiếng Ý của chúng, tỉ như : *ciam* (chăng tr. 194) ; *scin* (xin tr. 52, 53). Thực ra *CI* của Ý phải đọc như *Tchi* của Pháp. Mặc dầu cách ghi không hợp hẳn với cách thức phải đọc, nhưng chúng ta cũng nhận ra cái khuynh-hướng dùng âm-vận Ý-ngữ để phiên-âm Việt-ngữ. Dùng *Sc* để viết *X* thì mới rõ-rệt khuynh-hướng trên. Chính cha Đắc-lộ cũng đã bàn tới trong cuốn Văn-pháp của ngài. Theo ngài thì chữ *x* đọc như trong tiếng Bồ hoặc *sc* trong tiếng Ý (Rhodes, *Linguae annamiticae seu Tunchinensis brevis declaratio*, Romae, 1651, tr. 7. Xem Thanh-lãng, sách dẫn, tr. 33, chú 3).

Chúng tôi có thể kết-luận được rằng : nếu tiếng Ý đã là thứ tiếng chính-thức dùng trong thời-đại ấy, như tiếng Bồ thế-kỷ XVI-XVII hay tiếng Pháp, nhất là tiếng Anh ngày nay, và nếu công-cuộc phiên-âm Việt-ngữ đã được tiếp-tục và làm cho hoàn-thành do các giáo-sĩ người Ý, thì hẳn bây giờ chúng ta đã dùng cách đọc và lối viết các âm-vận của Ý-ngữ để phiên-âm tiếng Việt.

Nhưng không, bánh xe lịch-sử đã vận-chuyển một cách khác. Những văn-kiến hiện nay còn lưu lại hoặc đã thất-lạc, đa-số là do các vị người

Bồ và những tác-phẩm sáng-lạn nhất về chữ quốc-ngữ lại thuộc về một giáo-sĩ người Avignon bên Pháp, người đã tiếp-tục và hoàn-tất công-cuộc của các giáo-sĩ người Bồ.

L.M. NGUYỄN-KHẮC-XUYỀN

### CHÚ-THÍCH

(1) Chúng tôi toát-lược mấy giòng về thân-thể và sự-nghiệp của hai nhà trước-tác đầu-tiên trong nền văn-học quốc-ngữ, mặc dầu tác-phẩm của các ngài đã thất-lạc.

*Gaspar d'Amaral* sinh 1592 tại Curvacaera, nước Bồ-đào-nha. Năm 1608, ngài làm giáo-sư văn-chương tại Braga, Coimbra và Evora. Năm 1623 được cử đi giảng đạo tại Nhật. Hình như từ 1628 tới 1630 hay 1631, ngài có theo tàu buôn cập bến đất Bắc mấy lần, cho tới 1630 hay 1631, ngài ở hẳn miền Bắc. Đứng trường-doàn truyền-giáo, ngài đã có sáng-kiến dùng người Việt để giảng đạo cho người Lào. Ngài phái mấy thầy tu-sĩ đem thư-tín tới triều-đình vua Lào năm 1634, nhưng không có kết-quả gì. Năm 1638, ngài về Macao dưỡng-sức. Lúc trở lại đất Bắc, ngài đã chết đuối trong vụ đắm tàu, ngày 23 tháng 2 năm 1646.

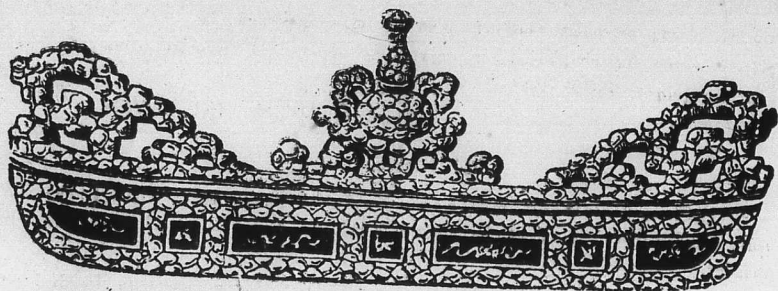
Theo cha Đắc-lộ thì không những ngài thạo tiếng Việt và đã soạn cuốn tự-diễn Việt-Bồ (Rhodes, *Dictionarium Annamiticum, lusitanum, Romae*, 1651, tr. 7-8) mà còn thạo cả tiếng Nhật nữa (Rhodes, *Histoire du Royaume de Tonquin*, Lyon, 1651, tr. 262-263).

Trong một văn-kiến mà chúng tôi sẽ bàn trong một bài sau, hiện nay giữ tại Viện-bảo-tàng Đòng Tên tại Roma, chúng ta thấy ghi tên ngài với lời cửơc-chú hay danh-hiệu : « rất thông-thạo tiếng » nghĩa là tiếng Việt (peritissimus linguae).

*Antonio Barbosa* sinh tại Villa de Arrifana de Souza, nước Bồ-đào-nha. Năm 1624 vào Đòng Tên và năm 1629 được phái tới miền Nam để giảng đạo. Ngài có ra đất Bắc và đã hoạt-động truyền-giáo. Theo cha Đắc-lộ thì vào khoảng năm 1639 ngài bị bệnh. Người ta đã đem ngài về Macao để tĩnh-dưỡng, rồi về Goa. Có lẽ năm 1645 ngài vẫn còn ở Macao vì ngài cũng đã tham-gia vào cuộc tranh-luận về công-thức phải dùng trong nghi-lễ thụ-giáo. Ngài đã mất tại Goa, có lẽ là sau năm 1645 (Rhodes, *Histoire du Royaume de Tonquin*, tr. 294). Cha Barbosa đã soạn cuốn tự-diễn Bồ-Việt, như Đắc-lộ đã nói tới trong lời tựa của bộ Việt-Bồ-La chúng tôi đã nhắc ở trên.

Cũng trong văn-kiến viết tay kể trên, ngài đã được liệt-vào hạng « thông-thạo tiếng » (peritus linguae).





KHAO.CỨU

## THANH - TÂM TÀI - NHÂN LÀ AI?

(Tiếp theo V.H.N.S. số 41)

BỮU CÀM

Giảng-sư Đại-học Văn-khoa Sài-gòn

Viên Hoảng-Đạo 袁宏道, một danh-sĩ đời Minh, đồ tiên-sĩ về niên-hiệu Vạn-lịch 萬曆 (1573-1619), có soạn bài *Từ Văn-trường truyện* 徐文長傳, chép rõ thân-thể và sự nghiệp của Văn-trường (1), nhưng cũng không đề-cập *Kim Vân Kiều truyện*.

Trong các tác-phẩm của Từ Văn-trường, có tập kịch *Tứ thanh viên* 四聲猿 là được nhiều người biết đến. Theo Triệu Thường, Từ Văn-trường sở dĩ soạn ra tác-phẩm này cũng vì thương-xót cho số-phận Vương Thúy-Kiều (*Vương Thúy-Kiều truyện giới-thiệu*). *Tứ thanh viên* là nhan-đề một cuốn sách gồm có bốn vở kịch khác nhau:

(1) Xem *Cổ văn quan chi* 古文觀止, Bách-tân thư-diểm xuất-bản, Thượng-hải, 1948, tr. 302-305. Cũng như trong các sách *Từ hải* và *Từ nguyên*, bài *Từ Văn-trường truyện* của Viên Hoảng-Đạo không có ghi năm sinh và năm mất của Từ Vị. *Lục Khâm-Như* 陸侃如 và *Phùng Nguyên-Quân* 馮沅君, trong quyển *Trung-quốc văn-học sử giản biên* 中國文學史簡編 (do Khai-minh thư-diểm & Thượng-hải in lần thứ VIII, 1949, tr. 148), có ghi rõ Từ Vị sinh năm 1521, mất năm 1593, và ngoài hai biệt-hiệu Thanh-dăng đạo-sĩ 青藤道士, Thiên-trì sơn-nhân 天池山人, Vị còn có một biệt-hiệu nữa là Điền-thủy-nguyệt 田水月.

- 1.— *Cường cổ sử* 狂鼓史 hay là *Ngư-dương lộng* 漁陽弄;
- 2.— *Ngọc thiên-sư* 玉禪師 hay là *Thúy-hương mộng* 翠鄉夢;
- 3.— *Thư Mộc-Lan* 雌木蘭 hay là *Đại phụ tòng quân* 代父從軍;
- 4.— *Nữ trạng-nguyên* 女狀元 hay là *Từ hoàng đắc phượng* 辭凰得鳳.

Triệu Thường cho rằng: « Vở *Thư Mộc-Lan* thuật chuyện nàng Mộc-Lan tòng quân thay thế cho cha, vở *Thúy-hương mộng* thuật việc Nguyệt-minh hòa-thượng độ nàng Liễu-Thúy, là ngụ cái triết-lý nhân quả; hai vở kịch ấy đều có sự quan-hệ mật-thiết với truyện *Kiều*. » (*Vương Thúy-Kiều truyện giới-thiệu*).

Những lời bàn của Vương Định-Quế 王定桂 về tập kịch *Tứ thanh viên*, mà Trương Thụy-Tảo 蔣瑞藻 đã dẫn ra trong sách *Tiểu-thuyết khảo-chứng* 小說考證 (in tại Thương-vụ ấn-thư-quán ở Thượng-hải năm 1935, tr. 532), cho chúng ta biết rằng Từ Văn-trường đã liên-lạc với Thúy-Kiều trong lúc nàng còn là ái-thiếp của Từ-Hải:

« 或謂文長四曲, 俱有寄託. 余嘗考之: 文長佐胡梅林宗憲幕, 時山陰某寺僧頗有遺行, 文長曾嗾梅林以他事殺之... 又文長之繼室張, 才而美, 文長以狂疾手殺之. 又文長助梅林平徐海之亂, 嘗結海婁翠翹, 以為內援, 及事定, 翠翹失志死, 吾鄉秦盾雨曾作翠翹歌以弔之... 故所作四聲猿: 翠鄉夢, 弔寺僧也; 木蘭女, 悼翠翹也; 女狀元, 悲繼室張氏也 =

Hoặc vị Văn-trường tứ khúc, câu hữu ký-thác. Dư thường khảo chi: Văn-trường tá Hồ Mai-lâm Tông-Hiến mạc, thời Sơn-âm mỗ tự tăng phá hữu di hạnh, Văn-trường thốc Mai-lâm dĩ tha sự sát chi... Hựu Văn-trường chi kế-thất Trương, tài nhi mỹ, Văn-trường dĩ cường tạt thủ sát chi. Hựu Văn-trường trợ Mai-lâm bình Từ Hải chi loạn, thường kết Hải thiếp Thúy-Kiều, dĩ vi nội viện; cập sự định, Thúy-Kiều thất chí tử, ngô hương Tân Phu-vũ tăng tác Thúy-Kiều ca dĩ điệu chi... Cổ sở tác Tứ thanh viên: Thúy-hương mộng, điệu tự tăng dã; Mộc-Lan nữ, điệu Thúy-Kiều dã; Nữ trạng-nguyên, bi kế-thất Trương-thị dã ». (Có người nói rằng trong bốn vở kịch của Từ Văn-trường đều có sự ký-thác. Tôi xét thì thấy: Trong thời-gian Văn-trường giúp Mai-Lâm Hồ Tông-Hiến, ở Sơn-âm có một nhà sư nết-hạnh không tốt, Văn-trường xúi-giục Mai làm mượn cớ mà giết nhà sư ấy đi... Vợ kế của Văn-trường là Trương-thị, có tài và đẹp, Văn-trường vì phát-cuồng nên đã giết nàng. Văn-trường giúp Mai-lâm dẹp loạn Từ Hải, liên-

lạc với vợ lẽ của Hải là Thúy-Kiều để nhờ nàng làm nội-viên; đến lúc việc yên, Thúy-Kiều thất chí mà chết; người ở làng tôi là Tân Phu-vũ có bài *Thúy-Kiều ca* để diễu nàng... Bởi vậy, Văn-trường soạn tập kịch *Tứ thanh viên* với chủ-ý này: vợ *Thúy-hương mộng* để diễu nhà sư, vợ *Mộc-Lan nữ* để truy-diệu Thúy-Kiều, vợ *Nữ trạng-nguyên* để xót-thương cho bà vợ kế họ Trương).

Thế là, theo Vương Định-quế, Văn-trường đã soạn tập kịch *Tứ thanh viên* trong lúc lương-tâm cắn-rứt vì hối-hận về những tội-lỗi của mình: Văn-trường đã trực-tiếp giết vợ và gián-tiếp giết nhà sư cùng Thúy-Kiều. Văn-trường vì phát cuồng mà giết vợ, vì thù ghét mà giết nhà sư, còn như đặt Thúy-Kiều vào cái cảnh-ngộ tuyệt-vọng, khiến nàng phải gieo mình xuống sông Tiền-đường, thì hẳn là không phải do ý muốn của Văn-trường. Có lẽ vì thế nên cái chết của Thúy-Kiều đã làm cho Văn-trường đau khổ và phản-úat đến cực độ.

Văn-trường lấy ba chữ *Tứ thanh viên* 四聲猿 để làm nhan-đề cho tập kịch của mình là ngụ ý gì? Bài thứ hai trong tám bài *Thu húng* 秋興 của Đỗ Phủ 杜甫 có câu: «*聽猿實下三聲淚 = Thính viên thực hạ tam thanh lệ*» (Nước mắt tuôn theo ba tiếng vượn); lúc viết câu đó, Đỗ Phủ đã chịu ảnh-hưởng câu sau đây trong bài *Ba-đông tam giáp ca* 巴東三峽歌 (1) của một tác-giả vô-danh đời Hán: «*猿鳴三聲淚沾裳: Viên minh tam thanh lệ triêm thương*» (Vượn kêu ba tiếng lệ đầm áo). Vậy, *Tứ thanh viên* của Văn-trường nghĩa là «vượn kêu bốn tiếng», bốn tiếng đoạn-trường, bốn tiếng ấy phát ra khiến người nghe không cầm được nước mắt.

Sau đó, Quế Vĩ-cốc 桂未谷 nhân đọc *Tứ thanh viên* mà động lòng cảm-khái rồi soạn ra *Hậu tứ thanh viên* 後四聲猿. Trong *Quan lũng dư trung* 關隴餘中 biên 關隴與中偶憶編 (2) có chép chuyện này và có đưa ra hai câu thơ liên-quan đến Thúy-Kiều và Thanh-đăng (hiệu của Từ Vĩ):

(1) Xem *Đường thi hợp giải tiên chú* 唐詩合解箋注 (Ngũ-quế-duyên thư-cục ấn-hành, Hương-cảng, 1951) hạ sách, phần *Cổ-thi* 古詩, q.1, tr.8.

(2) Xem *Tiêu-thuyết Khảo-chứng* 小說考證 của Trương Thụy-Tào 蔣瑞藻 (Thương-vụ ấn-thư-quán, Thượng-hải, 1935), tr. 199.

翠 翹 已 死 青 藤 老  
恨 海 茫 茫 又 一 界

Phiên âm:

Thúy-Kiều đã tử, Thanh-đăng lão,  
Hận hải mang mang hựu nhất thanh.

Dịch nghĩa:

*Thúy-Kiều đã chết, Thanh-đăng già,  
Bề hận mênh-mông, lại kêu thêm một tiếng nữa.*

Sách *Tiêu hạ nhân ký* 銷夏閑記 cũng cho chúng ta biết một tấn bi-hài-kịch đã xảy ra tại đại-bản-doanh của Hồ Tông-Hiến mà nhân-vật chủ-động là Từ Vĩ và Thúy-Kiều:

«*山陰徐文長, 客胡宗憲中丞幕。宗憲平倭寇徐海, 遣謀厚賂海所幸妓王翠翹, 使說海降。海死, 胡納翠翹為妾。時翹寓僧舍, 文長欲窺之, 服僧衣帽, 自牆外與之戲。宗憲知之, 怒, 悉集僧, 令翠翹諦觀, 誤指貌似者, 遂殺之。後文長歸, 瞥見繼室與僧共卧, 手刃之, 乃繼室也; 下獄論死, 張太史元忭力解得脫 = Sơn-âm Từ Văn-trường, khách Hồ Tông-Hiến trung-thừa mạc. Tông Hiến bình nuy khấu Từ Hải, khiến điệp hậu lộ Hải sở hạnh kỹ Vương Thúy-Kiều, sử thuyết Hải hàng. Hải tử, Hồ nạp Thúy-Kiều vi thiếp. Thời Kiều ngụ tăng xá, Văn-trường dục khuy chi, phục tăng y mào, tự tường ngoại dĩ chi hý. Tông-Hiến trư chi, nộ, tất tập tăng, lĩnh Thúy-Kiều để quan, ngộ chỉ mạo tự giả, toại sát chi. Hậu Văn-trường qui, miệt kiến kế-thất dĩ tăng cộng ngoạn, thủ nhận chi, nãi kế-thất dã; hạ ngục luận tử, Trương thái-sử Nguyên-Biến lực giải đắc thoát*» (Từ Văn-trường, người ở Sơn-âm, làm mạc-khách của trung-thừa Hồ Tông-Hiến. Tông-Hiến đánh giặc lùn Từ-Hải (1), sai gián-điệp dút lót cho người xướng-

(1) Đời Minh, có bọn giặc bề người Nhật thường quấy-nhiều miền duyên-hải Trung-quốc. Bọn người Hán như Ông Trực 汪直 và Từ Hải 徐海 liên-kết với chúng để phá rối nhiều nơi. Chúng tung-hoành trên nghìn dặm như vào chỗ không người. Các thành-vệ duyên-hải như Xương-quốc 昌國 (phía tây-nam huyện Tượng-sơn 象山 tỉnh Chiết-giang 浙江 ngày nay), Thượng-hải 上海, Kim-sơn 金山 đều bị thất-hãm. Lúc Hồ Tông-Hiến 胡宗憲 làm Tông-dốc Chiết-giang quân-vụ mới dẹp được Từ Hải và Ông-Trực (1556-1557). Từ đó, bọn giặc lùn mất người hướng-đạo nên càng đánh càng thua, xoay sang cướp phá vùng Mân 閩, Quảng 廣. Năm Gia-tĩnh 嘉靖 thứ 43 (1564), tông-binh Du Đại-Du 俞大猷 và Thích Kế-Quang 戚繼光 bình được giặc ấy. (Xem *Trung-quốc ngũ thiên niên đại sự ký* 中國五千年大事記 của Lưu Hy-Văn 盧希文, do Kiến-hoa thư-cục ở Hương-cảng xuất-bản năm 1956, tr.176).



ký yêu-dấu của Hải là Vương Thúy-Kiều, khiến nàng khuyên Hải hàng. Sau khi Hải chết, Hồ nạp Thúy-Kiều làm vợ bé. Lúc ấy Kiều ngụ tại nhà chiến, Văn-trường muốn đem nàng, mới mặc áo đội mũ nhà sư, đứng ở ngoài tường, dựa cột với nàng Tông-Hiến biết việc ấy, giận lắm, cho tập hợp các sư trong chùa lại, rồi bảo Thúy-Kiều nhìn mặt; Kiều chỉ làm một ông sư giống với người trêu ghẹo nàng, Hồ liền giết nhà sư ấy đi. Sau Văn-trường trở về nhà, chợt thấy vợ kế của mình nằm chung với một nhà sư, bèn đâm chết tình-dịch, nhưng khi nhìn kỹ nhận lại là bà vợ kế. Vì thế Văn-trường bị bắt giam và bị kết án-tử hình, song nhờ có thái-sử Trương Nguyên-Biện hết sức cứu cho mà được khỏi tội).

Nếu thuyết trên đây là đúng, thì Văn-trường và Thúy-Kiều chẳng những quen biết nhau mà hình như hai người còn có tình-y với nhau nữa: Thúy-Kiều đã dựa cột với Văn-trường chứ không cự-tuyệt; khi nhận diện các nhà sư, Thúy-Kiều đã chỉ vào một người nào đó là có chủ ý muốn làm cho yên chuyện và che giấu cho Văn-trường. Văn-trường đã liên-lạc với Thúy-Kiều trong lúc nàng còn làm vợ Từ Hải, hai người đã gặp nhau nhiều lần, lẽ nào Thúy-Kiều không biết mặt Văn-trường mà phải nhận lầm; nhưng vì muốn gỡ tội cho Văn-trường, nàng đã bắt một nhà sư vô tội phải chịu chết oan. Có lẽ Văn-trường và Thúy-Kiều đã mến nhau từ buổi mới quen nhau. Đó cũng là sự thông-cảm tự-nhiên giữa giai-nhân và tài-tử. Văn-trường muốn cướp Thúy-Kiều trên tay Từ Hải, nhưng sau khi Hải chết, Hồ Tông-Hiến lại lấy Thúy-Kiều làm vợ bé, ấy là điều trái với lòng mong muốn của Văn-trường. Đến lúc Hồ Tông-Hiến chán Thúy-Kiều, hoặc là vì sợ thiên-hạ chê cười, triều-dình khiển-trách, nên ép gả Thúy-Kiều cho một viên thô-tù, ấy lại là điều trái với ước-vọng của Thúy-Kiều. Cái hành-động *duy lý-trí phân tình-cảm* ấy của nhà chính-trị kiêm võ-tướng Hồ Tông-Hiến đã làm cho Thúy-Kiều phải tự-tận, Văn-trường phải phát cuồng rồi dẫn bước giang-hồ để tìm niềm an-uit trong cuộc lang-du.

Chúng ta cũng nên đánh cái dấu hỏi to tướng về điểm này: Có sao Hồ Tông-Hiến không gả Thúy-Kiều cho Văn-trường, người đã có công lớn trong việc đánh dẹp Từ Hải, lại ép nàng phải lấy một viên thô-tù?

Thúy-Kiều chết đi, để lại cho Văn-trường một « bẽ bặt mênh-mông ». Trong lúc vô-cùng đau-khổ ấy, Văn-trường đã soạn ra kịch *Từ thanh viên*; tên tuổi của Văn-trường còn lưu lại đến ngày nay cũng nhờ tác-phẩm đó. Ngoài ra, Văn-trường còn trứ-tác rất nhiều thơ văn, nhưng phần nhiều chưa in thành sách.

Trong bài *Từ Văn-trường truyện*, Viên Hoảng-Đạo có nói đến những tác-phẩm của Văn-trường (1) làm trong lúc văn-niên như sau:

« 周望言晚歲詩文益奇，無刻本，集藏於家... 余所見者，徐文長集開編，二種而已 =

*Chu Vọng ngôn vãn tuế thi văn ích kỳ, vô khắc bản, tập tàng u gia... Du sở kiến giả, Từ Văn-trường tập khuyết biên, nhị chủng nhi dĩ* » (Chu Vọng nói rằng Văn-trường lúc tuổi già làm thơ văn lại càng lạ-lùng, nhưng không có khắc-bản, chỉ soạn thành tập và cất ở nhà... Thi-văn-tập của Từ Văn-trường mà tôi được xem không đủ bộ, chỉ có hai loại thôi).

Thế là có nhiều tác-phẩm của Văn-trường còn tiềm-tàng trong bóng tối; ai yêu văn-chương của con người kỳ-dị ấy thì sao chép lại và cất làm của riêng. Có lẽ quyển *Kim Vân Kiều truyện* là một trong số những tác-phẩm của Văn-trường làm vào buổi văn-niên và chưa được công-bố trong lúc tác-giả còn sống. Người sau đọc cáo-bản tiêu-thuyết ấy, thấy hay, mới đem khắc và in ra để công-hiến cho đời.

Cái biệt-hiệu Thanh-tâm tài-nhân của tác-giả để ngoài bìa quyển tiêu-thuyết ấy cũng cần được đưa ra thảo-luận lại. Văn-trường lúc già lấy biệt-hiệu là Thanh-dăng 青藤; có lẽ khi soạn quyển *Kim Vân Kiều truyện*, Văn-trường đã đổi hiệu Thanh-dăng ra Thanh-tâm 青心. Hai chữ Thanh-tâm viết như vậy hẳn có dụng-ý: hai chữ ấy hợp lại làm một thì hóa thành chữ *tinh tình*, và Thanh-tâm tài-nhân có nghĩa là « đa-tình tài-tử ». Quyển *Kim Vân Kiều truyện* cho độc-giả thấy trong đó tác-giả đã ký-thác rất nhiều: tác-giả đã tả hình-mạo và tâm-lý của mình qua nhân-vật Kim Trọng, một khách chung-tình (chữ Kim 金 và chữ Trọng 重 hợp lại thành chữ chung 鍾). Nếu quả thật tác-phẩm này do Từ Văn-trường soạn ra, thì nó là một kỷ-niệm bất-diệt về mối tình u-ân giữa Văn-trường và Thúy-Kiều, giữa một tài-tử đa-truân và một giai-nhân bạc-mệnh.

Bấy nhiêu tài-liệu dẫn ra ở trên cho ta thấy rằng: Hồ Tông-Hiến, Từ Hải, Vương Thúy-Kiều là những nhân-vật có thực, còn các vai trò khác trong truyện đều do tác-giả « đẻ» ra để làm những nhân-vật điển-hình cho các hạng người trong xã-hội thời bấy giờ.

(1) Viên Hoảng-Đạo đi du-lich Chiết-giang, được di-cáo của Từ Vĩ, bèn đem cho Tể-tử Đào Vọng-Linh 陶望齡 xem rồi mới đưa khắc in. (Xem *Minh sử* 明文, q.288, tờ 2 b).

Nguyễn Du chắc đã đọc *Kim Vân Kiều truyện* trong lúc đi sứ sang Trung-quốc (1813), rồi về mới nhân cốt truyện ấy mà viết ra quyển *Đoạn-trường tân-thanh*.

Một điều đáng chú-ý là tên quyển tiểu-thuyết bằng văn vần của Nguyễn Du có mối tương-quan mật-thiết với nhan-đề tập kịch của Từ Văn-trường : *Tứ thanh viên*. Như trên đã nói, *Tứ thanh viên* nghĩa là : vợ kêu bốn tiếng. Sách *Sưu thần hậu ký* 搜神後記 có kể chuyện này : « Có người giết con vợ con, vợ kêu lên rất thê-thảm rồi ngã ra chết. Khi người ta mổ bụng vợ, thấy ruột nó đứt từng đoạn » (1). Thế thì mấy chữ *Tứ thanh viên* cũng có thể dịch là « bốn tiếng đứt ruột » hoặc « bốn tiếng đoạn-trường ». Quê Vi-cốc soạn *Hậu tứ thanh viên*, tức là đã kêu thêm một tiếng đoạn-trường ; đến Nguyễn Du phỏng-tác truyện *Kiều* và đặt tên cho tác-phẩm của mình là *Đoạn-trường tân-thanh* 斷腸新聲 (tiếng mới đứt ruột), lại kêu thêm một tiếng nữa. Nhan-đề tác-phẩm của Nguyễn-Du chứng-minh rằng tác-giả đã được đọc *Tứ thanh viên* đồng thời với *Kim Vân Kiều truyện*.

Tất cả những chứng-cứ tôi vừa nêu lên có thể cho phép chúng ta vin vào đó để ngờ rằng Thanh-tâm tài-nhân 青心才人 là một biệt-hiệu của Từ-Vị 徐渭. Tôi đưa giả-thuyết này ra giới-thiệu cùng độc-giả với sự dè-dặt chứ không dám vũ-đoán. Tuy-nhiên, đây là một giả-thuyết có căn-cứ và được khảo-chứng rõ-ràng. Bởi vậy, tôi mới không ngần-ngại viết bài này để góp thêm một vài ý-kiến trong công-việc nghiên-cứu truyện *Kiều* của các học-giả Việt-Nam và ngoại-quốc từ trước đến nay.

BỮU CẨM



(1) Xem điển *Đoạn trường* 斷腸 trong *Từ nguyên* 辭源 (mão tập 卯集, căn bộ 斤部, thập tứ hoặc 十四畫).

THÂN-THÉ VÀ SỰ-NGHIỆP

## NGUYỄN-CÔNG-TRỨ

NGUYỄN-CÔNG-HUÂN

Ngày mồng 7 tháng 12 năm 1958 là đệ bách chủ niên húy-nhật của cụ NGUYỄN-CÔNG-TRỨ, một bậc danh-nho Việt-Nam. Văn võ kiêm toàn, một vị dinh điền sự có óc kinh-doanh nông-nghiệp phi thường, một tướng giỏi có tài đánh đông dẹp bắc, thêm vào đây, một thi-hào xuất-sắc có áng văn-chương huyền diệu, tuyệt vời lối-lạc, 5-từ đời-dào, phong phú, sâu-sắc và mạnh-mẽ, một người khuy-nh-hướng quốc-gia đã lưu-danh hậu-thế bằng 3 sự-nghiệp :

- 1) — Sự-nghiệp khàn hoang lập ấp.
- 2) — Sự-nghiệp đánh dẹp giặc.
- 3) — Sự-nghiệp văn-chương.

Cụ NGUYỄN-CÔNG-TRỨ mất đêm 14 tháng 11 Âm-lịch năm Mậu-ngọ, Tỵ-Đức thứ 12, so với dương-lịch là ngày nùng 7 tháng chạp năm 1858, tại chánh quán làng Uy-Viên, tổng Phan-Xá, huyện Nghi-Xuân, tỉnh Nghệ-An, Hà-Tĩnh, hưởng thọ 82 tuổi.

Đề kỷ-niệm và tưởng nhớ đến cụ NGUYỄN-CÔNG-TRỨ, chúng tôi xin mạn phép trình bày sơ lược ít giòng về quê-hương và tiểu-sử của cụ.

### TIỂU-SỬ VÀ SỰ-NGHIỆP CỤ NGUYỄN-CÔNG-TRỨ

Ngay ở chân núi Hồng-Linh tên thô âm là « Rú-Hóng » có sông Lam hay Lam-Giang, là hạ lưu của sông Cả, uốn khúc ở phía Bắc rồi chảy ra cửa bể Hội-Thống ; phía Đông có bể Đông-Hải và hai hòn đảo nhỏ thường gọi là đảo Song-Ngư vì hình giống hai con cá đớp sóng, có dãy núi Hồng-Linh án-ngư phương Nam, còn phía Tây, thì có núi Dũng-Quyết và núi Mèo đứng chắn bên kia bờ sông. Đây là giải đất mà cây cối mọc lơ-thơ, đất đai khô-khan thuộc loại phù-sa cũ trộn lẫn đất cát, sỏi, diềm thêm vỏ hà, vỏ ốc, di tích của nơi bờ biển cũ, bãi dâu xưa, thỉnh-thoảng xuất-hiện đám khóm cây đa cổ-thụ, cành lá xanh tươi, mọc xen cùng vào bụi tre sò-sạc. Đây là nơi nương tựa của các thôn xã thuộc tổng Phan-xá, huyện Nghi-Xuân, tỉnh Nghệ-An, Hà-Tĩnh, nơi quê hương cụ NGUYỄN-CÔNG-TRỨ, một danh-lam tráng



cảnh đã hun-dúc biết bao danh-nho, danh-tyrợng, nhân tài cái thế, công-nghiệp vang lừng bốn cõi, danh tiếng để lại muôn đời : nào Cụ Tiên-Điền Nguyễn-Du, Cụ Tả-Ao v.v.

Phong cảnh ở gần trông có vẻ tiêu-sơ, nhưng đứng xa thấy hùng-vi và ngoạn-mục.

Các nhà tra phong thủy cũng như bao nhiêu văn nhân mặc khách đã đề mắt tới, thật là :

Hồng-linh sơn cao,  
Song-ngư hải khóat.  
Nhược trị minh thời,  
Nhân tài tú phát.

Hay là :

Hồng-linh núi cao,  
Song-ngư biển rộng.  
Nếu gặp thời minh,  
Nhân tài phát chóng.

Tổng Phan-Xá có 5 xã và một thôn, ấy là xã Oai-Viễn, xã Tiên-Điền, xã Phan-Xá, xã Tiên-Bảo, xã Mỹ-Duyên, thôn Đông-Hội. Xã Oai-Viễn hay Uy-Viễn là quê-hương cụ NGUYỄN-CÔNG-TRÚ. Cụ NGUYỄN-DU quê ở xã Tiên-Điền, tổng Xuân-Viên cách Oai-Viễn non một ngàn thước.

Ngay từ nhỏ, cụ đã xa quê-hương theo thân-phụ ra Bắc. Đến lúc Tây-Son dấy binh và thân-phụ cụ từ quan về làng, và tới khi hưu-trí thì cụ mới ở đây lâu.

Cụ NGUYỄN-CÔNG-TRÚ thuộc dòng-giới trâm-anh thế-phiệt, khoa giáp danh-gia,

Thân-phụ cụ là NGUYỄN-CÔNG-TẤN, sanh năm 1716 dưới triều Lê Dụ-Tôn và Chúa Nguyễn-Phúc-Chu. Học-vấn uyên-bác, văn-chương nổi tiếng, năm 24 tuổi, Canh-thân (1740), dưới Triều Lê Hiến-Tông, thi đậu hương giải, Cử-nhân. Lúc đầu lãnh chức giáo-thụ tại phủ Anh-Son tỉnh Nghệ-An, rồi được bổ làm Tri-Huyện huyện Quỳnh-Côi, tỉnh Thái-Bình. Sau, thăng Tri-Phủ và đổi đến phủ Tiên-Hưng cũng tỉnh Thái-Bình. Tại chức được mấy

năm đến tháng 11 năm Đinh-mùi (1787), quân Tây-Son đem binh ra Bắc và năm 1788 tướng Nguyễn-Văn-Hòa giết được Công-Chính và Vua Quang-Trung đại-phá quân-nhà Thanh, hạ thành Thăng-Long năm 1789, vua Lê Chiêu-Thống cùng Hoàng-Thái-Hậu phải bỏ chạy theo Tôn-Si-Nghị và cùng một bọn đình thần trốn sang Tàu cầu cứu vua nhà Thanh.

Sau khi thành Thăng-Long thất thủ, Đức Ngạn-Hầu định đi tìm Lê Chiêu-Thống thì Lê-Hoàng đã vượt ải Nam-Quan sang Quảng-Tây rồi, ngài trở về quê nhà ở Uy-Viễn, nhưng nhà cửa đã bị quân Tây-Son triệt-hạ đốt phá mất hết. Ngài phải dựng ba gian nhà tranh mở trường dạy học cho qua ngày tháng.

Đến năm Cảnh-Thịnh thứ 8 tức là năm Canh-Thân (1800) thì mất tại Chánh-quán Uy-Viễn, thọ 84 tuổi. Lúc ấy cụ NGUYỄN-CÔNG-TRÚ mới 22 tuổi.

Đức Ngạn-Hầu sinh hạ được sáu người con, ba trai và ba gái.

Cụ NGUYỄN-CÔNG-TRÚ là con bà NGUYỄN-THỊ, con gái quan quân nội-thị Cảnh-Nhạc-Bá người xã Phụng-Dục, huyện Thượng-Phúc nay là xã Phụng-Dục phủ Thượng-Tín, (Hà-Đông). Một người con gái của Đức Ngạn-Hầu là bà Diệu-Điện Thiên-Sư, nhan sắc diễm-lệ, rất thông kinh sử, đã nổi tiếng có tài văn-thơ, giỏi bút-nghiên tặng bà danh-hiệu «Năng-văn Nữ-Sĩ». Hồi 19 tuổi bà góa chồng, nhưng nhất tâm thủ tiết, và quy y ở chùa.

Năm Minh-Mạng thứ 18 (1837), vua ban cho bà một tấm biển bằng vàng, khắc bốn chữ «Tiết-Hạnh khả phong».

Như vậy, gia-thế cụ NGUYỄN-CÔNG-TRÚ thật là một gia-đình thế-phiệt, thi-thư, khoa-giáp danh lừng, có đủ trung-thần liệt-nữ, tiếng tăm từng chói lọi khắp vùng Hồng-Linh, Lam-Giang.

### THỜI-KỲ HÀN NHO NIÊN-THIỆU :

Cụ NGUYỄN-CÔNG-TRÚ, tự là Tôn-Chất, hiệu là Ngạc-Trai, biệt-hiệu là Hi-Văn, lại có tiêu-húy là Cung.

Cụ sinh ngày mồng một tháng mười một, năm Mậu-tuất, niên-hiệu Cảnh-Hưng thứ 38, triều vua Lê Hiến-Tôn tức là năm Nguyễn-Nhạc xưng Vương

ở Qui-Nhon lấy niên-hiệu Thái-Đức, tính vào dương-lịch là ngày 24 tháng 11 năm 1778. Cụ chánh sinh tại xã Địa-Linh thuộc huyện-lỵ Quỳnh-Côi, nơi mà thân-phụ cụ, Đức Ngạn-Hầu đang làm Tri-Huyện và đã 62 tuổi. Đến khi Đức Ngạn-Hầu từ quan, đời phủ Tiên-Hưng tỉnh Thái-Bình thì cụ NGUYỄN-CÔNG-TRÚ cùng gia-đình rút về Uy-Viên Nghệ-An (Hà-Tĩnh); có một thời gian, sau khi Đức Ngạn-Hầu mất vào năm 1800 thì cụ theo thân mẫu ra ở quê ngoại ngoài Bắc, tại xã Phụng-Dực tỉnh Hà-Đông để ăn học.

Lúc còn thiếu-thời, cụ NGUYỄN-CÔNG-TRÚ đã có thiên-tư dĩnh-ngộ dị-thường. Năm lên 8 tuổi đã đọc thông câu đối ở các tư-thất và đình chùa. Năm 15 tuổi đã làm thơ phú rất lưu-loát.

Trong nhà cụ có treo một bức tranh thủy-mạc, vẽ cảnh hoàng hôn trên ngàn có đàn chim bay về tổ, dưới sông có một Ngư-Ông ngồi câu cá, có vẻ trầm tư mặc tưởng. Cụ lấy bút đề vào bức tranh một câu rằm:

*Chim bay về núi tối rồi,*

*Sao không lo liệu còn ngồi chi đây!*

Cụ thụ-nghiệp với võ-quan Tham-Đốc họ Lê, người xã Thuần-chân-Văn-chương cụ nhiều ý tứ lối-lạc, rất tự nhiên và thiết-thực. Cụ lại có tài xuất khẩu thành chương, tính-tình phóng khoáng, tư-tưởng cao xa nên quan Tham-Đốc rất mến cụ, tin rằng sau này cụ sẽ trở nên một nhân-tài lối-lạc.

Tuy xuất-thân ở một gia-đình thế-phiệt trâm-anh, nhưng từ khi thân-phụ là Đức Ngạn-Hầu từ quan, khởi xướng nghĩa Cần-vương phò Lê bị thất-bại, nhà cửa cơ-nghiệp ở quê bị tàn phá, gia-tài khánh-kiệt, nên cụ NGUYỄN-CÔNG-TRÚ thành ra cũng ở trong cảnh nghèo nàn, bần nhơ hàn-sĩ.

Thân mẫu cụ tần-tảo buôn ngược bán xuôi để nuôi cụ ăn học, nhưng vì gia-đình đông, gia-cảnh lại nghèo, khiến cảnh-ngộ cụ nhiều khi quần-bách gian-truân, không được thành-thời để mài dũa kinh sử, khiến thành đạt cũng muộn mằn. Tuy-nhiên, cảnh-ngộ càng éo-le, cuộc đời càng khó khăn, sống trong cảnh bần-hàn, cụ lại càng hăng-hái thêm, không bao giờ oán-trách số phận, và lúc nào cũng giữ vững một-ý chí cương-quyết để theo đuổi

## CHÂN-DUNG CỤ NGUYỄN-CÔNG-TRÚ



Đây là chân-dung nhà thi-hào Nguyễn-Công-Trứ do một người học-trò họ Võ ở tổng Hương-Đạo họa năm 1852, khi Cụ 74 tuổi và đã về trí-sĩ. Năm ấy, Cụ ở Uy-Viên ra thăm Tiên-Hải Kim-Sơn lần chót, do lời mời của dân hai Huyện, nhân dịp hoàn-thành ngôi đền Sinh-Tử kỷ-niệm công đức Cụ Đình-điền-sứ.



ở Qui-Nhon lấy niên-hiệu Thái-Đức, tính vào dương-lịch là ngày 24 tháng 11 năm 1778. Cụ thành sinh tại xã Địa-Linh thuộc huyện-lỵ Quy-hồ-Côi, nơi mà thân-phụ cụ, Đức Ngạn-Hầu đang làm Tri-Huyện và đã 62 tuổi. Đến khi Đức Ngạn-Hầu từ quan, dời phủ Tiên-Hưng tỉnh Thái-Bình thì cụ NGUYỄN-CÔNG-TRÚ cũng gia-dinh rút về Uy-Viên Nghệ-An (Hà-Ninh); có một thời gian, sau khi Đức Ngạn-Hầu mất vào năm 1800 thì cụ theo thân-mẫu ra ở quê ngoại ngoài Bắc, tại xã Phụng-Dực tỉnh Hà-Đông để ăn học.

Lúc còn thiếu-thời, cụ NGUYỄN-CÔNG-TRÚ đã có thiếp-tư đính-ngộ dị-thường. Năm lên 8 tuổi đã đọc thông câu đối ở các tư-thất và đình chùa. Năm 15 tuổi đã làm thơ phú rất lưu-loát.

Trong nhà cụ có treo một bức tranh thủy-mạc, vẽ cảnh hoàng hôn trên ngàn có đàn chim bay về tổ, dưới sông có một Ngư-Ông ngồi câu cá, có vẻ trầm tư mặc tưởng. Cụ lấy bút đề vào bức tranh một câu rằng:

*Chim bay về núi lữ rồi,*

*Sao không lo liệu còn ngồi chi đây!*

Cụ thụ-nghiệp với võ-quan Tham-Đốc họ Lê, người xã Thuận-chân, Văn-chương cụ nhiều ý tứ lối-lạc, rất tự nhiên và thiết-thực. Cụ lại có tài xuất khẩu thành chương, tinh-tinh phóng khoáng, tư-tưởng cao xa nên quan Tham-Đốc rất mến cụ, tin rằng sau này cụ sẽ trở nên một nhân-tài lối-lạc.

Tuy xuất-thân ở một gia-dinh thế-phệt trâm-tranh, nhưng từ khi thân-phụ là Đức Ngạn-Hầu từ quan, khối xương nghĩa Cáo-vương phò Lê bị thất-bại, nhà cửa cơ-nghiệp ở quê bị tàn phá, gia-tài khánh-liệt, nên cụ NGUYỄN-CÔNG-TRÚ thành ra cũng ở trong cảnh nghèo nàn, bần nhơ hàn-sĩ.

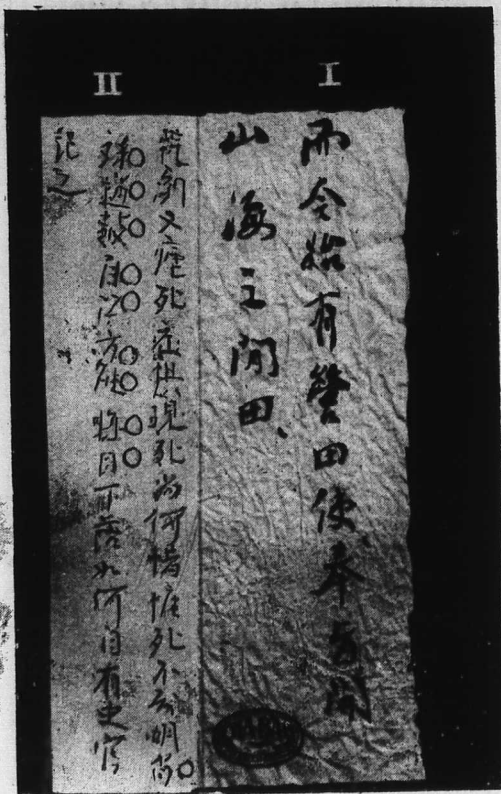
Thần-mẫu cụ tàn-táo buồn ngược bán sưỡi để nuôi cụ ăn học, nhưng vì gia-dình đông, gia-cảnh lại nghèo, khiến cảnh-ngộ cụ nhiều khi quẩn-bách gian-truân, không được thành-thời để mài dũa kinh-sử, khiến thành đạt cũng muộn-mãn. Tuy-nhiên, cảnh-ngộ càng éo-lẻ, cuộc đời càng khổ-khối, sống trong cảnh bần-hàn, cụ lại càng hăng-hái thêm, không bao giờ oán-trách số-phận, và lúc nào cũng giữ vững một ý chí cương-quyết để theo đuổi

## CHÂN-DUNG CỤ NGUYỄN-CÔNG-TRÚ



Đây là chân-dung nhà thi-hào Nguyễn-Công-Trứ do một người học-trò họ Võ ở tổng Hưởng-Đạo họa năm 1852, khi Cụ 74 tuổi và đã về trí-sĩ. Năm ấy, Cụ ở Uy-Viên ra thăm Tiên-Hải Kim-Sơn lần chót, do lời mời của dân hai Huyện, nhân dịp hoàn-thành ngôi đền Sinh-Tử kỷ-niệm công đức Cụ Đình-diền-sứ.

TỰ-TÍCH CỤ NGUYỄN-CÔNG-TRỨ



Bên phải (I) — Tự-tích năm 1825 — « Nhi kim thi hữu Đình Điền-Sứ Phụng chỉ khai sơn hải chi nhân điền ».  
 Diễn nôm : Nay có Đình-điền-sứ, phụng chỉ ra khai-khân miền sơn-hải.

Bên trái (II) — Tự-tích năm 1852. « Ký ly hữu ngược, tử chủng câu hiện, tử thương hà tích duy tử bát phân minh, đương tộc quá cổ tự tung, phương minh mục, hà lạc như hà, tự hữu sử quan, chi »

Dung hoài-bào của cụ, lúc nhỏ cụ cũng hành-diện tự-đức, đề cao tinh-thần tự cao mặc thì của nhà nho, của con giống châu giông, lấy non sông làm lý-tưởng, đem vũ-trụ làm khám-hoài. Cụ có làm câu đối sau này dán nơi phòng học :

Mọc vị khôn hành phi ngọc nhữ,  
 Cầm tương bần tiện cố kiều nhân.

Tạm dịch : Học vị khôn hành phi ngọc nhữ,  
 Cầm tương bần tiện cố kiều nhân.  
 Phan, khó trời gây thành ngọc,  
 Thân nghèo ta cố dám khinh ai.

Không những tư thư ngũ kinh, cụ thông thuộc hơn ai hết, cụ lại am-hiếu cả binh-thư binh-pháp, khiến cụ có đủ cả tài năng văn và năng vũ, sau này có dịp thì thể với đời.

Tuy học giỏi, văn hay chữ tốt mà cụ đã rớt thi hai khoa vì lời nói, giọng văn thường có khi-phách ngang-tàng du-lãng.

Năm 1803, khi cụ 25 tuổi, Gia-long thứ hai, Vua Thế-Tò cùng tướng Lê-Văn-Duyệt ra Bắc-Thành có vũ tại tỉnh Vinh (Nghệ-An). Lúc ấy cụ còn là một kẻ thủ sinh, nhưng có tài hành cung xin dâng một tập điều-trần gọi là « Thái-bình thập sách », trong nói mười điều đề nghị của cụ để nhà Vua nên thực-hiện mà an-dân, thủ dụng sĩ-phu, và làm cho dân được no ấm, trăm họ yên vui, thái bình an-cả.

Vua xem rồi ban khen, giao cho hộ lại và các quan đình-thần khảo đau. Bài điều-trần ấy được các quan chú ý.

Năm Quý-dậu, Gia-long thứ mười một (1813), Triều-đình mở khoa thi hương, lúc ấy cụ đã 36 tuổi. Trước khi đi thi, cụ làm câu :

Đi không há lẽ trở về không.

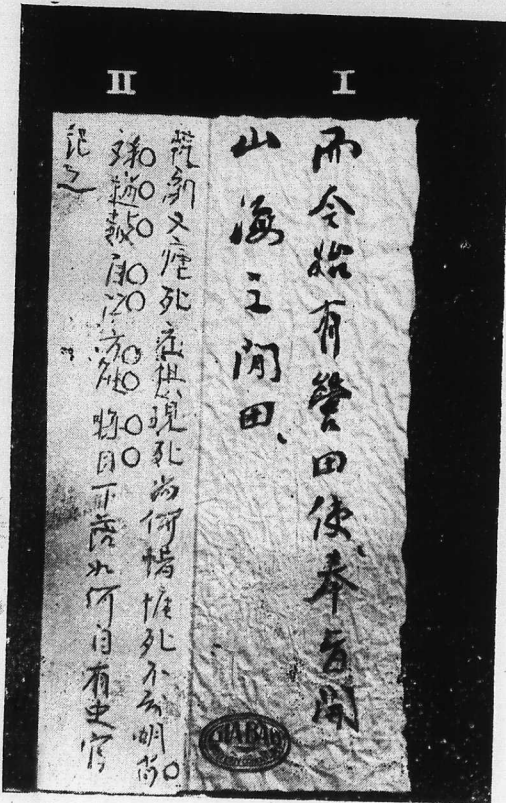
Cái nợ cầm thư phải trả xong.

Rập mượn điền-điền-out tuổ ngược,

Dở đem thân thể hẹn tang bồng.



TỰ-TÍCH CỤ NGUYỄN-CÔNG-TRỨ



Bên phải (I) — Tự-tích năm 1825 — « Nhi kim thi hữu Đình  
Điền-Sứ Phụng chỉ khai sơn hải chi nhân điền ».  
Diễn nôm : Nay có Đình-điền-sứ, phụng chỉ ra khai-khẩn  
miền sơn-hải.

★  
Bên trái (II) — Tự-tích năm 1852. — « Ký lý hữu ngược, tử  
chứng câu hiện, tử thương hà tích duy tử bất  
phân minh, đương tộc quá cổ tự tung, phương  
ng minh mục, hà lạc như hà, tự hữu sử quan,  
hi »

lòng hoài-bào của cụ, lúc nào cụ cũng hành-diện tự-dắc, đề cao tinh-thần  
tự cao mặc thì của nhà nho, của con giòng cháu giống, lấy non sông làm  
lý-tưởng, đem vũ-trụ làm khâm-hoài. Cụ có làm câu đối sau này dán nơi  
phòng học :

Mọc vị khốn hành phi ngọc nữ,  
Cảm tương bần tiện cố kiều nhân.

Tạm dịch :

Vận khó trời gây thành vẻ ngọc,  
Thân nghèo ta cố dám khinh ai.

Không những tứ thư ngũ kinh, cụ thông thuộc hơn ai hết, cụ lại  
am-hiêu cả binh-thư binh-pháp, khiến cụ có đủ cả tài năng văn và năng  
võ, sau này có dịp thi thố với đời.

Tuy học giỏi, văn hay chữ tốt mà cụ đã rớt thi hai khoa vì lời  
nói, giọng văn thường có khí-phách ngang-tàng du-lãng.

Năm 1803, khi cụ 25 tuổi, Gia-long thứ hai, Vua Thế-Tò cùng  
tướng Lê-Văn-Duyệt ra Bắc-Thành có trú tại tỉnh Vinh (Nghệ-An). Lúc ấy  
cụ còn là một kẻ thư sinh, nhưng có tới hành cung xin dâng một tập  
điều-trần gọi là « Thái-bình thập sách », trong nói mười điều đề-nghị của  
cụ đề nhà Vua nên thực-hiện mà an-dân, thu dụng sĩ-phu, và làm cho  
dân được no ấm, trăm họ yên vui, thái bình âu-ca.

Vua xem rồi ban khen, giao cho hộ lại và các quan đình-thần khảo  
tâu. Bài điều-trần ấy được các quan chú ý.

Năm Quý-dậu, Gia-long thứ mười một (1813), Triều-đình mở khoa  
thi hương, lúc ấy cụ đã 36 tuổi. Trước khi đi thi, cụ làm câu :

Đi không há lẽ trở về không,  
Cát nợ cầm thư phát trả xong.  
Rắp mượn điền-viên out tuế nguyệt,  
Dở đem thân thể hẹn tang bồng.

*Đã mang tiếng ở trong trời đất,*

*Phải có danh gì với núi sông.*

*Trong cuộc trần ai, ai để biết,*

*Rời ra mới rõ mặt anh hùng.*

Năm ấy cụ đậu Tú-Tài. Tuy thi đậu, cảnh nhà vẫn túng thiếu, vợ chồng con cái theo-nhóc, công danh đầu đã tới còn phải đợi khóa sau 6 năm nữa. Trong thời gian này cụ gặp cảnh nghèo, phải vay mượn, bôn-tàu khắp nơi, nhưng trí vẫn bền, tâm vẫn vững, mong sao cho công thành danh toại để ra gánh-vác sự đời, giúp dân lợi nước. Cụ đã có câu làm phùng-châm :

*Đã mang tiếng ở trong trời đất,*

*Phải có danh gì với núi sông.*

Trong thời-kỳ này cụ gặp nhiều nỗi gian-truân, nhưng chính trong cảnh nghèo mà cụ đã có nhiều bài thơ rất hay, đầy triết-lý, và có nhiều giai-thoại đáng kể về đời phiêu-lưu của cụ.

### THI ĐẬU GIẢI-NGUYỄN

Năm Giáp-tuất, niên-hiệu Gia-long thứ 17 (1819) có mở khoa thi Hương, cụ NGUYỄN-CÔNG-TRÚ thi đậu Giải-Nguyễn. Năm ấy cụ đã 41 tuổi.

Lúc đó trí đã định, tuổi đã đứng, nên cụ nhất quyết đem tâm huyết để giúp nước. Cụ đã có câu ngâm vịnh :

*Đã từng tắm gội ơn mưa móc,*

*Cũng phải xênh xang hội gió mây.*

Kề ra đối với cụ Trú, bước công-danh tuy muộn, nhưng cơ-hội may đã đến để cụ có thể thăng tiến trên con đường sĩ-hoạn, theo lòng hoài-báo của cụ đã mong mỏi bấy lâu nay.

Năm 1820, Minh-Mạng nguyên-niên, cụ được bổ làm Hành-Tàu, Sứ-Quán, hàm tòng thất phẩm ở kinh-đô Phú-Xuân.

Năm 1823, Minh-Mạng tam niên, cụ được tiến cử bổ Tri-Huyện Đường-Hào thuộc tỉnh Hải-Dương, Bắc-Thành (nay là Huyện Mỹ-Hào, tỉnh Hưng-Yên, Bắc-Việt).

Ngôi Tri-Huyện được một năm ở Đường-Hào, năm sau 1824, Minh-Mạng ngũ niên, vì biết cụ tận-tâm làm việc, Triều-Đình thăng-bổ Lang-Trung gọi vào kinh làm ở Ty Thanh-Lại lại Bộ-Lại, hàm chánh tứ phẩm. Như vậy cụ đã được đặc cách thăng lên 5 cấp sau bốn năm làm việc. Mấy tháng sau, vì cụ văn hay, chữ tốt, vua vời vào làm Tư-Nghị ở Quốc-Tử-Giám.

Tháng 10 năm 1824, cụ được thăng ba cấp làm Thiên-Sự tại Bộ-Hình hàm chánh tam phẩm.

Trong một năm cụ được thăng hai lần, cả thảy tám cấp. Làm Thiên-Sự Bộ-Hình, cụ chuyên việc cứu xét những tội nặng, những án ngờ, những việc tù giam ngục cấm.

Năm 1825, làm Tham-Hiệp Thanh-Hóa đánh giặc Lê-Duy-Lương. Minh-Mạng lục niên, cụ được bổ làm Phủ-Thừa tại Phủ-Thừa-Thiên, và bốn tháng sau cụ được đặc cách thăng làm Tham-Hiệp trấn Thanh-Hóa, hàm tòng nhị phẩm, ngang hàng Tham-Tri, từ cấp Thiên-Sự tới cấp Tham-Sự cụ được thăng hai cấp.

Vừa được bổ Tham-Hiệp Thanh-Hóa, ở hạt Ngọc-Son và huyện Nông Công có giặc Lê-Duy-Lương tụ tập đồng đảng, cướp phá dân-gian, cụ dâng sớ tình nguyện đi tiêu trừ. Ra Ninh-Bình, xông vào huyện Lạc-Thổ và Yên-Hóa, bắt buộc Lê-Duy-Lương, đóng cúi giải về kinh trị tội.

Năm 1826 Minh-Mạng thất niên, tháng sáu âm-lich, thân mẫu cụ mất ở Uy-Viên, cụ xin về Đỉnh-uru. Vua Minh-Mạng thấy nhà cụ thanh-bần, sai người đến nhà ban cấp cho 100 lạng bạc để giúp việc ma chay.

(Còn tiếp)

NGUYỄN-CÔNG-HUÂN

---

### TU-TƯỚNG ĐẸP

Một cách hay nhất để thành-công trên đời là khởi-sự làm những việc gì mình thường khuyên kẻ khác.

A.LINCOLN





## HAI ÔNG CỤ

★ ĐOÀN-THÊM ★

**NHẬT** nguyệt đôi vàng soi dòng bích-thủy, um tùm cồ-thụ, bóng rẽ si rưng rinh đáy nước, ngàn lau xào-xạc, gió đưa tiếng cuốc gọi hè....

**CHẶNG** phải Thiên-Thai, sao bằng Lạc-Phổ ! Nhưng có cầu, có bến, có quán chợ bên sông, lững lờ trôi đôi chiếc thuyền bông... non nước đó, vầy vùng tôi với bác.

**CÙNG** sinh-trưởng nơi ông cha sống thác, cùng học, cùng chơi, tự thuở đầu xanh đến khi tóc bạc, luống ao ước xuân thu đồng-lạc, éo le thay, sao khác phận duyên tình ? Có lẽ vì con Tạo đành hanh, mới chấp mối hai anh đồ kiết xác.

☆

**BÁC** nhớ không ? Hai đứa nhi đồng, đua bơi trên sông ? Tôi quen ngược nước, bác khéo thuận dòng ; buổi thi thuyền, nhẹ lái bác thông dong, tôi trái gió bình bằng thua sông vồ.

**LẠI** nhớ thuở đầu đương bị gỡ, bác chữ tốt văn hay, sách khuyên tròn khuyên đỏ ; tôi học đâu quên đó, dạ tối tăm như bóng đêm ma xó, liếc roi mây cần cỏ lạy tôn-sư.

**MỘT** dòng khoa-hoạn, một nếp thi thư. Leo thang mây, bác sớm gọi mọc mưa, tôi xếp sách cày bừa bên mộ tổ. Bác cờ biển, tôi cày cấy xấu hồ, bút mực này hoen ó cả non sông.

**TÔI** là thằng, bác đã nên ông. Thương tôi, bác tốn công khuyên nhủ. Vì nê bác gắng theo nghiệp cũ, sách mốc rôi, lại mở tủ đem phơi. Học dăm pho, khoa sát đến nơi, phen này nữa, phước trời và ơn bạn.

☆

**THU** Giáp-Tuất, huân-phong rờn bề hoạn, vượt vũ môn may nhờ nước cạn, cá chép nên rồng. Vênh râu tôm, hàn-sĩ mộng tam-công, cũng thụng lam, cánh đỏ, vồng hồng, hồi trống khau tong tong vang bốn tòng.

**DƯƠNG** công-khanh thênh thang mở rộng, chắc rồi đây cờ lọng rợp chân mây. Ai ngờ đâu vận-hội đổi thay, khắp nam bắc đông tây bùng khói lửa. Ai Lạng, cờ Đen phá cửa, Sơn Hưng Tuyên giặc tràn đê vỡ, Tây hạ thành, Kê Chợ cũng tan hoang.

**TRÓNG** châu xinh, tĩnh-tọa bác khao làng, phong ngũ-đại, phần-hoàng to đảo đê ! Rực rỡ hoành-phi, thiên quan chúng tề, cuộc liên-hoan xá kẻ chuyện tang-thương. Ngắm môi son trâm bông giọng Tâm-dương, tình tang tính vấn vương lòng Tư-Mã.

**TÔI**, Trần-công trướng-hạ, thân hàn-nho cũng vất vả cung đao. Bãi Sậy Hưng-Yên tên đạn dạt dào, con ngựa VĂN-HÓA — SỐ 42

què bước thấp bước cao, buông cương thảo trát, gió Tản-Viên cuốn ngọn cờ đào, sóng Tiên-Hải, giết chiến-bào, phơi bóng nguyệt....



**THƯƠNG** bách-tính phải dài dầm mao việt, xót xa nhìn máu huyết chảy thành sông. Tích đức hơn là tích chiến-công, cố cứu vớt lương-nông, tôi chiêu dân lập ấp, tội nhu-nhược bị giáng liền ba cấp, tạ ơn trên lập-cập về doanh. Chém hay tha cho thảo-khẩu đỡ tung hoành, tôi ngu tối, xin cao xanh soi xét hộ !

**NGƯỠNG** nhìn bác, bức tâm-thư tôi thò lộ. Thuyết khoan-hồng, tưởng Binh-bộ cũng nghe qua : Bác gặt gù nhưng giao chuyển Tam-Tòa, rồi lại thấy tiếng loa dậy đất, bùng sát-khí tận trời cao ngất, đóng xương tàn nay chông mai chát, phận truy tùy lại đành quất vó câu. Khấp đông đoàn quải nặng gánh sầu, bác hò hét, chỉ đâu thì đánh đấy !

**CHỢT** tới lúc xác Tây chôn Cầu Giấy, quý-thê sac run như cày sậy, nó kéo lại trả thù, biết nơi đâu mà chạy ? Áo thụng lam xoa tay vái lạy, mưu Gia-Cát chống thêm chiếc gậy, vờ già còng nó thấy chắc thương. Trống canh năm nghe hịch cần-vương. bác càng thấy trăm đường khó xử, nghĩa quân-thần xá chi sinh tử, nhưng tắc lòng nhi-nữ vương muôn day...

**TÔI** dẫu ngu sớm biết nỗi này, nhân-tâm mất, dân hàng Tây, đâu có lạ ? Bác loa gọi, bốn phương ai dạ ? Khách anh-hùng, tấm cá bóng chim, tìm trung trinh như đáy biển mò kim, khắp bờ cõi dây bìm leo giậu đỏ. Van trời đất cứu giống nòi đau khổ, Cờ Đen, Cờ Vàng,

lại ba màu xanh trắng đỏ, lũ dân hèn ngồi miệng hó chờ chôn...



**NHÌN** cân đai, lưỡng thiện với nước non, tôi và bác, chúng ta còn, nhưng nước mắt Đầu chưa chột, thì lui chân ăn dật, nợ giang-sơn đành tạm khát phen này. Nghĩa vua tôi chưa báo đáp cao dày, hãy cố giữ râu mày không ám bụi.

**BÁC** luận chữ *tùy thời*, để vào luồn ra cúi, cơm với áo nặng hơn sông núi, vinh bề ngoài, nhưng chắc túi bên trong.

**THÀ** theo gương Yên-Đồ cho xong, chú Tam-Nguyên rau cháo mát lòng, mượn trào-phúng, quên hưng vong trị loạn.

**QUAN-CÔNG** nói : « không hàng Tào, duy qui Hán ». Có kẻ chê nguy-biện đề cầu an, cuống-ngôn hồng thoát nạn.

**THÔI**, trả Đông-Các về đây với bạn, sống qua ngày, ta chán vạ thứ tiêu-dao. Thứ điền-viên, ta vui cảnh ông Đào ; phạm tước kia, tôi thấp bác cao, tam nhị nhất cũng thò lò sáu mặt. Mặc thiên-hạ đua tranh trò đắc thất, tuổi xuân tàn, gửi tạo-vật mượn hoa hương ; dạy con em giữ mối cương-thường, biết đâu đấy ? trời thương thì lại tiến.



**BÁC** không nghe, bon chen triều điện, chẳng Cần-Chánh cũng Văn-Minh hay Võ-Hiến, mới thỏa lòng ước nguyện bình sinh. Tôi chợt nghe tin bác chẳng lành : tâm trí lực vì công danh mòn mỏi ; sấm nhúng qué, số trời khôn qua khỏi, ối thương ối, tôi hỏi, bác làm thình !

**HẠT** sương gieo cùng lệ rõ năm canh, tình với nghĩa, thôi cũng đành như thế vậy.



**QUANG** đồng vàng, chiều hôm tôi chóng gậy, viếng  
mộ-phần, bác thấy tôi buồn chẳng ?

**RẼ** đôi đường, vẫn nhớ hữu-bằng, râu tóc này đã nhuộm  
tuyết băng, ngậm trường-hân lúc trâm thăng vô tri-kỷ l..



**NHẬT** nguyệt đôi vàng soi dòng bích-thủy, um tùm  
cỏ-thụ, bóng rẽ si rung rinh đáy nước, ngàn lau xào-xạc,  
gió đưa tiếng cuộc gọi hè....

ĐOÀN-THÊM

THƠ DỊCH

DÃ THÚ

Địa thiên cư tự ổn,  
Thạch-lộ tiếp bình-diên.  
Vân hợp mao-thiền thụ,  
Vũ thiêm hoa-giản tuyên.  
Không-sơn tình trích thúy,  
Viên-thủy lục sinh yên.  
Hoán từ Thanh-lâm độ,  
Tà-dương hệ khách thuyền.

CHU-QUYÊN (đời Nguyên)

DỊCH NGHĨA

THÚ QUÊ

Ấn mình nơi hẻo lánh,  
Đường đá tiếp đồng xa.  
Mấy hợp cây nhà lá,  
Mưa đây nước suối hoa.  
Núi cao sương biếc rỏ...  
Sông thẳm khói xanh pha.  
Gọi rượu, neo thuyền, chén,  
Bến Thanh-Lâm bóng tà...

ĐÔNG-XUYỀN dịch



**KHẢO-LUẬN VỀ TRUYỆN HOA-TIÊN**

(Tiếp theo V.H.N.S. số 41)

Giáo-sư PHẠM VĂN ĐIỀU

Lương-sinh bèn xin mẹ đi du-học sang ở Trùng-châu 長州 nơi quê ngoại,  
ngụ tại nhà bà mẹ là Diêu phu-nhân 姚夫人, và cùng với con mẹ là Diêu-  
sinh 姚生 kết bầu-bạn. Nơi đây, giữa một đêm xuân lạnh trong một khung-cảnh  
vườn nhà thâm-u, hương hoa bay, giọng oanh hót, mối duyên lành ai đã đưa tin, chàng  
tình-cờ gặp nàng Dao-Tiên, người giai-nhân tuyệt-sắc, con một vị trọng-thần là  
Dương tướng-quân 楊將軍 làm cho chàng say mê. Chàng càng khôn xiết  
ngần-ngơ sau khi bóng hồng vừa thoáng gặp lại vụt biến đi về nẻo lâu-trang :

*Bóng sáu trăng hãy còn cầm,*

*Ni-non van đủ, âm-thầm trách hoa.*

Chàng ngơ-ngần như mất hồn trong lời thăm hỏi a-hoàn Bích-Nguyệt :

*Tiền nào ban nãy xuống đây,*

*Quyển hồn khôn vía đại này đi đâu ?*

Câu thơ ngơ-ngác trong nhịp-diệu trẻ-tràng càng chạm khắc rõ cá;  
trạng-thái bán-hoàn của chàng thư-sinh lần đầu-tiên bị phải tiếng sét ái-tình.

Rồi từ buổi tìm thấy ở nàng Dao-Tiên người yêu lý-tưởng, chàng thư sinh  
họ Lương cũng đã dùng đủ cách xoay-xở, chinh-phục cho kỳ được tình-yêu. Chàng  
rất say mê trong ngũ tình-yêu, và mối tình đầu tha thiết ấy chẳng giờ phút nào buông  
tha chàng. Điều này, ta thấy rõ trong sự sắp-đặt của chàng đề được gần-

gọi cùng nàng Dao-Tiên. Chàng đã dọn nhà đến ở cạnh bên vườn phủ Dương tướng-quân, chàng làm thơ Vịnh liễu 詠柳 đề ngụ tả nỗi lòng, chàng còn thông-đồng với hai con hầu Dao-Tiên, nhờ cậy chúng sự thực-hiện cái mộng-ước của mình, hai con hầu Vân-Hương 芸香, Bích-Nguyệt 碧月 trong truyện nghiệm nhiên đã đóng những vai phụ (1) của kịch-bản cổ-diễn Pháp. Rồi, sau những ngày mong nhớ, sống dày-vò vì một nỗi sầu-muộn không thôi ấy :

*Con mây sớm ngọn đèn khuya,  
Trà gầy giọng khát, hương chia mùi sầu.*

Lần đầu, chàng được gặp Dao-Tiên tận mặt và chàng bày tỏ tình. Nhưng phải chờ cho đến lần gặp-gỡ thứ hai, nhờ có hai con nữ-tỳ cố tâm giúp cho chàng, thì Lương-sinh mới được cùng người yêu thề-nguyên tạc đá, ghi vàng ; lời nguyện-ước gần-bó viết trên hai tờ giấy hoa-tiên 花箋 mỗi người giữ lấy một tờ, và sự này thành đã lưu-tạc hai chữ nhau-để cuốn truyện là *Hoa-tiên*. Rồi cũng như các truyện tình xưa, đến đây cuộc tình-duyên tưởng rằng sẽ mọi bề êm-đẹp, nào ngờ Lương-sinh bỗng được tin nhà gọi về. Thế là tới cảnh ly-biệt đau đớn, lâm-ly, yếm bắc nhận nam, nước non cách trở. Nhưng nghịch-cảnh nào phải chỉ có thế thôi, Lương sinh khi trở lại gia-hương lại đã phải chịu đựng thêm một khổ đau khác : mẹ chàng cho hay là đã đính-ước thông-gia với nhà họ Lưu 劉, và sẽ cưới nàng Ngọc-Khanh 玉卿 cho chàng. Xưa kia, kỷ-luật gia-đình rất nghiêm, con cái không hề có chút quyền gì cả, ngay việc chọn bạn đời lứa trăm năm cũng thế, là việc của mẹ cha. Trước cảnh-ngộ éo-le này, Lương-sinh chỉ có mỗi một bôn-phận là vâng lời. Vả, nàng Lưu Ngọc-Khanh 劉玉卿 đối với chàng cũng xứng-đáng, vì thực ra thì nàng vừa có nhan-sắc, mà vừa có đức-hạnh như truyện về sau này sẽ bày rõ. Tuy vậy, sự đính-hôn cùng nàng Lưu đối với chàng Lương cũng chỉ là câu chuyện về bôn-phận làm con, nhưng người mà chàng tha-thiết yêu thương không có gì làm cho chàng khuấy-khỏa thì vẫn là nàng Dao-Tiên :

*Thôi thôi lòng đã phụ lòng !  
Trăm năm để khuyết chữ đồng với ai.  
Bẽ bàng trăng sớm gió mai,  
Sao duyên ngang-ngửa cho người dờ-đang ?*

(1) Là *Confidentes* trong chữ Pháp.

Kể từ đây, cha mẹ chàng Lương thôi không cho chàng đi du-học phương xa nữa, và chàng đành cách-biệt nàng Dao-Tiên.

Còn về phần nàng Dao-Tiên, không bao lâu rồi nàng cũng nghe được cái tin đau-đớn sét đánh lưng trời kia. Nàng khôn xiết xót-xa khổ-sở, và đã bao nhiêu u-buồn, tan-tác bảm vào buồng tím mà dày-vò thề-phách và tinh-thần của người khuê-nữ :

*Từ đây bèo nước lênh-đênh,  
Cánh hoa vô chủ đã đành từ đây.*

Thêm vào đó, là cả một nỗi đau đớn khác đồn theo : Dương tướng-quân được lệnh nhà vua triệu về kinh, nàng lại đi theo cha mẹ, già-từ tất cả cảnh vật yêu-dấu đã chứng-kiến lời thề-nguyên năm xưa, đã ghi dấu bao phen chờ-đợi nhìn đàn nhận lưng trời, hoặc tựa bóng trăng suông, cùng là nỗi niềm tâm-sự ni-non khi biết tin chàng Lương bội ước cũ. Về đến kinh-kỳ, vừa gặp khi xảy việc giặc Hồ 胡 quấy-nhiều ngoài biên-thùy, Dương tướng-quân lại được mệnh vua đi quân-thứ thảo-trừ, còn nàng thì cùng theo với mẫu-thân phải nương-náu ở kinh, tại nhà một vị Hàn-lâm 翰林 bà con, họ Tiền 錢.

Trong khi đó, Lương-sinh vì nỗi buồn nhớ Dao-Tiên thôi-thức, bèn xin phép cha mẹ trở lại thăm Tràng-châu, viếng cảnh cũ, người xưa. Đến nơi, chẳng ngờ rằng cả nhà Dương tướng-quân đã trải kinh từ lâu, chàng tìm không thấy bóng người của lòng chàng yêu-thương mãi mãi đâu nữa. Trước khung vườn thiếu chủ, quạnh-hiu tàn-tạ như kêu gọi bao kỷ-niệm của mối tình ban đầu buổi ấy, trong lòng sinh ra vô cùng bi-thống, nên chàng đã ngắt người mê-mẩn, và làm bệnh :

*Bán-khoan đến trước đình ba,  
Lương không yên để, song tà uện trăng.  
Dấu thơ vách kỹ dăng-dang,  
Xả-thơ cách mấy mươi tầng người thơ.  
Nửa rèm lác đác sao thưa,  
Sân rêu này chốn ngày xưa chén đồng.  
Mây dương liễu, mặt phù dung,  
Ngắm hoa thêm nhắc tấm lòng sinh-ly :  
« Trùng thê vẫn đó chi chi,*



Liều Chương-đài biết chàng đi đâu rồi.

Mừng xuân đào hây ngắm cười,

Về lòng như cũ, mặt người nào đâu?

Nào khi gương gác phấn lâu,

Giờ sao lạnh ngắt mặc dầu khói sương.

Này ai đắp lửa vùi hương?

Đề ai nát đá phai vàng với ai?

Giận riêng trăm nỗi chất đầy,

Một hơi giá ngắt, hai tay lạnh đờng.

Lúc ấy, may nhờ người giữ vườn kịp thời thang thuốc, chàng tỉnh dậy lần-thần về nhà riêng dưỡng bệnh. Lại có Diêu-sinh 姚生 sang thăm ép phần thuốc thang cho chàng chóng khỏi, và khuyên-nhủ chàng chớ đeo nặng mối sầu, nên hết lòng vì hiếu-đạo, giữ phận-sự nẫu sừ xối kinh để lập nên công-danh; mà rồi sau này nhờ vào đó, may ra còn có cơ-hội thực-hiện được điều mong mỏi tâm-nguyên của mình, và rửa sạch bao nhiêu phiền-não cũ xưa:

Sinh rằng: « Duyệt-nghiệp dở-dang,

Thời thời còn nghĩ chi đường công-danh.»

Thưa rằng: « Day thế sao đành?

Lâu ban sáu kỹ, song huynh mướn thu.

Lại gì cho trọng hơn ru?

Mà coi muốn dậm ván-củ làm chơi.

Gió bằng chiu vạn bay khơi.

Bất-bình dẫu việc tay trời cũng xong.»

Bấy giờ ở chốn kinh-đô, nàng Dao-Tiên lại khôn xiết u-sầu vì nghe được tin cha thua trận, đã lui quân về giữ đất Ngọc-quan 玉関, giặc thì vây bốn bề, mà triều-đình đang còn lo lắng tìm kế thảo-trừ, tin lành dữ xa-xói chưa biết thế nào.

Hồi bấy giờ lại chính là đương khi nhà vua mở khoa thi, Lương Diêu hai chàng đều phó kinh ứng thí, rồi Lương-sinh đậu Thám-hoa 探花 bổ chức Hàn-lâm 翰林, Diêu-sinh đỗ Hoàng-giáp 黄甲 sung chức Lại-bộ. Sự xảy đến không ai ngờ là Định-mệnh đã sắp đặt đây-đưa đôi bạn xưa tình-cờ gặp nhau: nha-thự Hàn-lâm vốn ở cạnh vườn nhà, vị Tiền Hàn-lâm 钱翰林, cho nên một đêm trăng kia đôi mặt song song, tình cũ thêm đậm-dà, sau bao lời trách móc, phân-trần, an-ủi, và sau bao dòng lệ thương-tâm, đau-đớn, trình-thành... Lương-sinh cũng đã làm cho Dao-Tiên vẫn tin nơi lòng chàng:

chàng vì chữ hiếu ràng-buộc, phải vâng lệnh mẹ cha kết hôn với nàng Ngọc-Khanh, nhưng người chàng yêu mãi mãi, người của lòng chàng bao giờ cũng là Dao-Tiên. Chàng sẽ chứng-minh cùng nàng điều đó: chàng sẽ nguyện xin vua cho chàng ra biên-thùy dẹp giặc và giải-cứ Dương-trưởng-quân. Rồi, như lòng ước, Lương-sinh vâng mệnh-lệnh vua tiến-binh, nào ngờ đến lượt chàng cũng bị rọ Hồ vây nốt, tin đồn đưa về đến kinh-đô rằng chàng bị thua, và liều mình giữa trận. Nhà vua bèn sai đại-binh cứu viện, Diêu-sinh phen này lại được cử giữ một trọng-chức trong đoàn quân viễn-chinh.

Khi Dao-Tiên hay được tin đồn Lương-sinh đã tử trận, nàng khôn xiết đau đớn mà vật mình khốc-lốc, thổ-than, quyết liều thân chết theo người yêu đã vì mình bỏ mạng sa-trường:

Vì ai cho lụy đến ai,

Thà liều mạng bạc, kẻo sai chữ đờng.

Nhưng may nhờ có hai nữ-tỳ đã đem hết lời khuyên-giải nhỏ to, nhắc-nhủ nàng lẽ hiếu-đạo, và làm cho nàng trở về với bôn-phận làm con:

Tình kia bề núi thực rằng,

Tình này sao lại nhắc bằng hiếu-kia?

Nói về ông bà họ Lương nhận được tin truyền Lương-sinh trận vong thì chi xiết nỗi thảm-sầu, bèn lo đủ lễ tang chay cho con. Còn bên nhà họ Lưu khi hay Lương-sinh đã thác, mà thấy nàng Ngọc-Khanh còn tuổi trẻ, vì thương con nên cũng đã ép nàng cải-giá gả nàng cho nhà họ Lam. Song Nàng Ngọc-Khanh bấy giờ lại nhất quyết giữ tiết-trình cùng vị hôn-phu, và định sự quyền-sinh, nửa đêm bỏ nhà ra đi tìm đường gởi mình cho sông nước:

Tiếc đời chi nữa cũng rằng,

Dẫu rằng có thác cầm bằng không sinh.

Phải điều gì tiếng mưa danh,

Sao cho phải phận-sự mình là cam.

Lời nói nghiêm-nhiên chẳng khác nào giọng « nhân-vật hùng Corneille » (1), mà cái đức tiết-liệt ấy sẽ được đền bù, và đời liệt-nữ sẽ được đất trời phù-hộ: đang khi nàng trầm mình giữa dòng tràng-giang thì vừa gặp thuyền quan Đề-học họ Long 龍提學 trảy kinh cũng vừa đến đó, cứu vớt nàng kịp-thời, lại nhận nàng làm con nuôi, mà đem nàng theo về kinh-kỳ.

(1) héros cornélien

Trong khi ấy, ngoài biên-thùy Lương-sinh vẫn hãy còn sống và cố thủ thành-trị. Diêu-sinh đến nơi biết rõ thực-tình, bèn bần tin vào thành kế-dịch sự hội binh phá vòng vây rọ Hồ. Tiếp tin, Lương-sinh liền thông-truyền cho Dương tướng-quân để thi-hành mật-sách, quả nhiên sau đánh tan được giặc, rồi dâng sớ về báo tiếp. Được ít lâu Dương tướng-quân, Lương-sinh, Diêu-sinh lại kéo quân khai-quân về kinh, và đều được phong tước hầu. Trong cuộc tiệc mừng vui, có Lưu công-tử 留公子 là anh nàng Ngọc-Khanh đến dự, chàng đã thuật cùng Lương-sinh chuyện nàng Ngọc-Khanh từ-tiết, khiến nói Lương-Sinh ngậm-ngùi thương-tạm cho người phận bạc :

*Dà khi vui cũng tránh niềm,  
Chứa cam tình nợ, lại thêm nghĩa này:  
« Lửa hương nào đã chi đây,  
Mà liều cung nước lạng mấy hơi người?  
Khởi tình mang nặng nghìn đời,  
Đình-chung hầu để đến bởi được lâu »!*

Chàng bèn dâng biểu tâu vua việc nàng từ-tiết, nhà vua cảm nghĩa ban tinh-biêu 旌表 cho nàng. Bấy giờ, vua lại xuống chiếu gả Dao-Tiên cho Lương-Sinh, thật là giai-nhân tài-tử xứng đôi, thỏa vẹn lời nguyện non-nước cũ. Song Lương-Sinh lòng vẫn e-dè trước nỗi duyên mới, chẳng vì cái sung-sướng sum-hợp này mà không xao-xuyến, động lòng trắc-ân nghĩ nhớ đến Lưu Ngọc-Khanh xưa :

*« Bên Trung việc hãy rành-rành,  
Nào đã kết cò, ngậm vành chi đâu.  
Vì mình cho thiệt-thời nhau,  
Trách ai dốt được mới sần cho đang,  
Chưa cảm-sát, cũng tao-khang,  
Nói đây thì chẳng vội-vàng làm ru!  
Mai sau chín suối thấy nhau,  
Cậy ai đổi lấy mặt đầu với người.*

Nhưng, thuyên của Long đề-học cùng nàng Lưu Ngọc-Khanh đúng vào khi ấy cũng về đến kinh-đô. Long đề-học bèn thuật lại sự-tình đã xảy trên cho nàng Lưu nghe, và cho biết ý-dịnh ông sẽ làm sớ tâu vua việc nàng. Song Lưu Ngọc-Khanh trước cảnh đời mới của chàng Lương, tỏ bày rằng nàng không muốn nghĩ chi đến tình-duyên nữa, nhưng Long đề-học bấy giờ đã giảng-giải, lấy lời lẽ khuyên lơn minh-chứng cho nàng rõ là tấm lòng của chàng Lương-sinh đối với

nàng vẫn hãy còn nguyên- vẹn, vì chính chàng đã xin vua ban phong cho nàng, và ngay cuộc tác-hợp giữa chàng với Dao-Tiên cũng là do sắc-chi của nhà vua mà có. Nói về nhà vua, lúc nghe Long đề-học tâu rõ sự-tình nàng Lưu, hết sức khen nàng tiết-nghĩa, lại cho nàng về duyên cùng chàng Lương, và ban phong cả hai kiều-nữ Dao-Tiên và Ngọc-Khanh đều là nhất phẩm phu-nhân 一品夫人. Riêng về Dao-Tiên, nàng vốn là người chín-chắn, biết cân nhắc trước sau, lại sẵn có tấm lòng nhân-từ trung-hậu, rất ham-chuộng điều đạo-nghĩa, nên nàng vui lòng để cho nàng Lưu cùng mình chung hưởng hạnh-phúc gia-đình. Còn hai tỳ-nữ Bích-Nguyệt 碧月, Vân Hương 雲香 từng giúp nhiều công khó và cố tâm vun quén cho hạnh-phúc của Lương-sinh và Dao-Tiên, nên cũng được phần dự làm tiên-thiếp. Thế một nhà rạng-rỡ, ấm êm, đoàn-tụ. Và chàng Lương lại là người sung-sướng hơn ai hết, chàng rất có điểm-phúc vì duyên gặp bốn vợ, tất cả đều yêu chàng, và thương-chuộng chàng mãi-mãi...

Trở lên là nội-dung câu truyện Hoa-tiên, một câu truyện tình êm-đẹp khoan-hòa, mà tác-giả Hoa-tiên đã khép lại bằng một giọng ôn-tòn rộng-rãi, bằng những lời khuyên luân thường đạo-lý, bằng một lời kết xiết bao hiền-hậu :

*Gót đầu bàn lại mà chơi,  
Phong-quang hai chữ, coi người ai không.  
Lấy tình gặp-gỡ đã xong,  
Trước sau vẹn một chữ tông mới ghé!  
Lời quẻ dù đã nhằm nghe,  
Gác bên tình-tử, giữ bề hiếu-trinh.  
Luân thường sung để rành-rành,  
Chớ đem bác bần mà khinh làm thường.*

## 2.— HOA-TIÊN TRUYỆN NHUỐM MÀU-SẮC LUÂN-LÝ CỎ, HỒ-HẤP TRONG BẦU KHÔNG-KHÍ ĐẠO-ĐỨC KHÔNG-MẠNH

Hoa-tiên là một chuyện tình, nhưng phát-doan quyền truyện là những quan-niệm tình-ái nhiệm đượm tính-cách luân-lý rõ-rệt, và kết-thúc cả mối tình lại chính là sự toàn-thắng của đạo-đức luân-thường. Đối theo bước tiến-triền tình-tiết của cuốn truyện, điều ấy càng thấy rõ, và rất cụ-thể. Lương-sinh mặc dầu yêu nàng Dao-Tiên da-điết, nhưng vì đạo hiếu mà chàng phải tuân theo ý-dịnh của cha mẹ, và đính-hôn cùng nàng Ngọc-Khanh :



*Dầu vàng dầu đã với người,  
Nặng tình dầu dấm nhẹ lời song thân.*

Nàng Dao-Tiên khi nghe tin đồn Lương-sinh đã bỏ mình chốn trận-địa, mà vật mình đau-đớn quyết liều thân, chết theo tình-lang, thì nữ-tý Vân-Hương cũng đã dùng đến chữ hiếu để cản-ngăn nàng :

*Tình kia bề núi thực ràng,  
Tình này sao lại nhắc bằng hiếu kia.  
Gìn lòng ngọc tạc vàng ghi,  
Hiếu tình cần lại nhắc đi cho toàn.*

Bao nhiêu tình-cảm tha-thiết, bao nhiêu dấm-đuối si-mê, bao nhiêu chán-ngán rầu-rĩ thấy đều bị vùi kín dưới quyền-uy chữ hiếu thiêng-liêng của gia-đình Nho-giáo thời xưa...

Làm con phải hiếu, thì làm tôi phải trung. Vì trung với nhà vua, Dương tướng-quân đành gác bỏ nỗi tình nhà, mối mâu-thuẫn giữa « phép công » với « niềm tây » chỉ có thể giải-quyết bằng sự hy-sinh tình-cảm cá-nhân, mà hết lòng vì « vương-sự » trên con đường chiến-trận gian-hiêm xông-pha :

*Tình kiều-tử, dạ quý hương,  
Dù cay-đắng cũng phận thường nghĩ nao.*

Ngoài biên-tái xa-vời, Dương tướng-công, Lương-sinh chính cũng vì lẽ trung mà trị-thù cô-thành giữa trùng-trùng giặc vây...

Về phần gái, thì Dao-Tiên tuy hay biết là chàng Lương đã lỗi nguyên-xưa, nhưng lòng nàng vẫn đinh-ninh một niềm chung-thủy sắt-son, dấm-thắm, trước sau như một :

*« Mặc ai dạn nhạt nguyên phai,  
Tự ta xuân khóa máy cái với ta ».*

Còn nàng Lưu Ngọc-Khanh, sau lúc xảy ra sự tin đồn chàng Lương tử trận, gặp phải chuyện bà mẹ ép duyên, nàng tự thấy bị mất nghệt giữa hai bên-phận đều trọng-đại cả : ấy là hiếu với mẹ và trinh cùng chồng. Và nàng đã chọn con đường quyền-sinh, gởi thân theo dòng nước, để hiếu tình vẹn cả vừa hai :

*Luân-thường quyết gánh lấy mình,  
Treo gương trinh-bạch rành-rành cho coi.*

Bên cạnh hai nhân-vật chính là Lương-Sinh và Dao-Tiên, còn có các

nhân-vật phụ đều là những con người yêu-chuộng đời sống luận-thường, đạo-đức. Bà mẹ nàng Ngọc-Khanh tuy có ép con cái-giá lấy chồng, nhưng suy ra thì cũng vô tội là vì bà tin rằng Lương Sinh đã chết, và sự ép-uông này không ngoài thiện-ý gây-đựng hạnh-phúc cho con hãy đương còn thuở niên-hoa. Gia dĩ về sau này, bà thực cũng đã ăn-năn về sự lơ-lần xưa của mình. Điều-Sinh thì luôn luôn là người bạn tâm-tình của chàng Lương, bao giờ cũng lấy điều hơn thiệt, thành-thật khuyên-lơn, và giúp đỡ chàng. Hai nữ-tý là Bích-Nguyệt Vân-Hương mà cũng sẵn hành-vi và ngôn-ngữ đẹp-đẽ, có hảo-ý tác-thành mối tình-duyên giữa chàng Lương với Dao-Tiên. Các vị quan như Lương tướng-công 梁相公, Dương đô-đốc 揚都督 đều đã nêu gương tốt của bề tôi trung, nhưng cũng đã nêu cao cái lẽ qui-túc của đời người tài trai : sau đoạn đời quang-vinh đem tâm-huyết giúp vua trị nước là cảnh về yên nghỉ, tiêu-dao gió trăng thơ rượu hào-hoa :

*Thánh thánh dạm tía lối hồng,  
Về nhườn mà gắm, hương lồng vô cầu.  
Màng vui cờ cuộc rượu bữa,  
Cầm bên bóng nguyệt, thi đầu ngàn thóng.*

Như vậy, thế-giới trong *Hoa-tiên* thành là một thế-giới thanh-cao đẹp-đẽ, xã-hội trong *Hoa-tiên* là một xã-hội không ai người hèn-hạ ty-tiện, không hiện-tượng nhiều hạng người xung-đột nhau, không có mâu-thuẫn nào lớn-lao, gay-gắt. Ấy là một không-khí thanh-bình, một xã-hội không chỉ là đặc sắc, bệc-lộ, không sôi-nổi, không ăn-khúc. Một xã-hội quân-bình, hài-hòa và êm-tĩnh, thanh-thần lạ-thường. Vì kinh-qua cái thơ-mộng óng-à của văn-chương thi-từ cổ, kinh-qua những nguyên-tắc đạo-đức xưa từng đào-luyện thành một nền văn-minh tinh-thần rực rỡ, và khuôn-nắn, rền-giữa con người rảnh-chắc đẹp-đẽ như kim-thạch, cảnh đời trong *Hoa-tiên* đã pha màu-sắc vô cùng hòa-hảo, ánh sáng trong *Hoa-tiên* là một thứ ánh-sáng êm-ái, xoa-dịu làm khuyến-khích lòng người. Sự thực thì giấc mộng của người Việt-Nam xưa rất gần đời, vẫn luôn luôn sắp xếp để sống theo với thực-tế. Tâm-linh thăng-hoặc có dâng-phi lên chín tầng mây, nhưng cũng chưa bao giờ nhìn sâu tới cõi lai-thế (vie future) xa-xôi. Hạnh-phúc của đời sống hiện-tại vẫn được trị cao giá hơn những ảo-vọng kiếp « lai-sinh ». Ái-tình, ông cha ta xưa cũng đã từng nếm-trải qua bao nhiêu thi-vị nồng-nàn, êm-ấm, say-mê, chán-chường, ông cha ta cũng bao phen tương-tư

sâu-khò, bức-rút vì những tư-tưởng quá thiết-tha của nỗi lòng yêu nhỏ... Nhờ những căn-bản dân-tộc ấy, mà những ưu-tư về đạo-đức của các soạn-giả *Hoa-tiên* cầu mong đem lại cho người đời nguồn ánh-sáng của nghĩa-lý Khổng-Mạnh thực ra chưa hề bóp ngạt đến làm cho những nhân-vật trong *Hoa-tiên truyện* hoàn-toàn có tính-chất ước-lệ, giả-tạo, như sẽ thấy rõ sau này. Luân-lý tuy có khắt-khe, nhưng vẫn phải-trừ-tính đề-gần-gũi thực-tế, vì như chuyện chế-độ da-thê xưa kia cũng đã dung-hòa được mối gay-cấn giữa tình-yêu và chủ-nghĩa gia-đình cũ, và sắp xếp mọi phức-tạp tạm bề-đơn-thoả. Hơn nữa, đối với xã-hội Việt-Nam Nho-giáo cổ-thời thì những nhân-vật này cũng không đến nỗi là xa lạ cho lắm, vì người khuôn-mẫu của thời trước phải biết thủ-tiêu mọi mối tình riêng của mình, và trong những trường-hợp khủng-hoảng, lại biết làm theo những hành-động có tính-cách lễ-nghi đặt-sẵn từ trước. Những thắc-mắc, những hứng-thú về cá-tính, về diện-hình, những yêu-cầu rạch-ròi tỉ-mỉ về cử-chỉ, về lời ăn tiếng nói người xưa đâu đã cảm thấy, và chỉ là những yêu-cầu đòi-hỏi của văn-học, nghệ-thuật ngày nay mà thôi.

Chung-quí, xưa kia cá-nhân phải sống cho gia-đình, bề tôi phải sống vì nhà vua, nam nữ đôi bên đều chấp-nhận rằng mỗi một thái-độ, một cử-chỉ hành-động của mình có liên-quan mật-thiết với xã-hội, và hiểu biết rằng một hành-vi xấu xa trái với đạo-lý, chẳng những sẽ gây ảnh-hưởng tai-hại ở chung quanh, mà còn để lại một gương xấu cho người theo sau. Thành ra tất cả đều nâng-đỡ nhau trong một bầu không-khí luân-lý êm-đẹp, đều vui lòng nhận-nhiệm-vụ, và đẹp qua bên bao nhiêu phần riêng-tư của mình, cố sức thực-hành tấm-gương sáng cho đời soi chung. Bởi đó mà người trong cuộc không hề có những dầy-vò thề-phách và tình-thần một cách rõ-rệt, và triền-miên. Bởi đó, mà không có những khủng-khoảng tâm-lý quyết-liệt, những mâu-thuẫn thâm-dạm, bi-kịch giữa tình-ái và bổn-phận, diễn-xuất bằng những lời chống-chế, những phản-kháng dữ-dội, lâm-lý, bằng những tiếng khóc nức-nở, kêu-gào tuyệt-vọng... Sự giằng-co trong tâm-lý người Việt xưa rất kín-đáo âm-thầm, và bao giờ cũng kết-thúc với sự đặc-thắng của đạo-nghĩa. Người ta có thể nghĩ rằng con người như thế vẫn có vẻ giả-tạo ước-lệ, thiếu thành-thực, nhưng nếu cho rằng đời lý-tưởng cao-đẹp là một gắng-gỏi vươn cao không ngừng trong luân-lý, kiểm-hãm các bản-năng xấu-xa, những dục-vọng hạ-cấp nơi con người, thì những nhân-vật *Hoa-tiên* đã có một bản-

lĩnh, phạm-cách siêu-phạm. Đây ta không bàn xét về những luận-đề luân-lý trong Khổng-giáo, chỉ nội một ý-nghĩa, bản-lĩnh chế-ngự thường-nhật ấy, và sự tìm đến cái bình-thần trong đạo-đức của tâm-hồn, cũng đã là một hình-ảnh phi-thường đáng ca-ngợi vậy. Các nhà nho rất ưa thích *Truyện Hoa-tiên*, điều đó rất dễ hiểu, vì *Hoa-tiên* vừa là truyện một tình-luyến, nhưng cũng vừa là truyện những tình-cảm cao-đẹp, bình-vực một cách rất hoa-mỹ cái luân-lý Khổng-Mạnh xưa. Điều ấy, còn thấy lại rất rõ trong những bài tựa *Hoa-tiên*, nhất là lời Cao Bá-Quát «... Như *Truyện Hoa-tiên* này thật là hay quá, trong truyện này nói đủ cả, trước thì trai gái gặp-gỡ, vợ chồng yêu-đương, rồi đến cả đạo cha con, nghĩa vua tôi, tình anh em, sự bè bạn, lớn thì triều-đình binh-mru, bao trung khuyến-tiết, nhỏ thì nhân-tình thế-thái, cỏ cây mây gió, văn thực là hay, nghĩa thực là thẳng, về rất lịch-sự, lời rất thanh-tao».

Ngày nay, dẫu rằng triết-học và luân-lý Nho-giáo xét trên đại-thê không còn tiết-tấu, phù-hợp với thời-đại mới nữa, song đối với chúng ta, nếu biết đọc và hiểu *Hoa-tiên truyện* một cách tế-nhĩ, thì ta sẽ thấy rằng vẻ đẹp của *Hoa-tiên* vẫn mãi là vô-giá, mà *Hoa-tiên* sẽ đưa ta trở về một thế-giới riêng ấm-áp. *Hoa-tiên truyện* sau cũng như trước, đều hô-hấp trong một quan-niệm về đời người rất êm-đềm, phấn-khởi, và nội-thần thướt-tha bằng-bạc một bầu không-khí trong sáng, thanh-bình, biểu-hiệu của một thời tương-đối còn về thịnh-trị, chưa có những nghiêng-ngửa dữ-dội làm xáo-trộn, dờ võ bao nhiêu giá-trị, dầy-vò bao nhiêu tâm-hồn, đã làm cho bằng-bình, chìm nổi, đau-xót một Nguyễn Du thời sau này. Ta nên nhớ *Hoa-tiên truyện* nguyên xưa là công-trình của một vị đại-thần hạnh-đạt, phạm-cách rất cao, được trên nê vì, dưới yêu-kính, bản-thân nhà thơ chưa hề chịu-đựng ẽ-chê những giông-tổ của thời-đại phú-phàng. Trái lại, *Đoạn-trường tân-thanh* đã mang nặng xiết bao ý-vị chán-chường của một thời bão-táp phong-ba, của một con người đau-khổ não-nê. Nếu như *Đoạn-trường tân-thanh* là một mặt trời chói-lọi và huy-hoàng, thì *Hoa-tiên* có thể xem như một con trăng mùa thu, trong lành và êm mát. Bởi vì ít ra, là *Hoa-tiên* vẫn còn biểu-tả giúp ta khám phá về con người, cho ta chiêm-ngưỡng những tình-cảm cao đẹp, dạy ta tình-thần trách-nhiệm và bổn-phận, tình-thần kỷ-luật, làm cho ta quen biết, mến yêu, thường-thức những đường nét hình ảnh tinh-tảo, êm-đềm, trong sáng, và làm thức dậy trong ta lòng say-mê, tha-thiết đời thanh-bình.

(Còn tiếp)

Giáo-sư PHẠM VĂN ĐIỀU





MỘT GIẢ-THUYẾT VỀ TRUYỀN

## TĂM CĂM

(tiếp theo V.H.N.S. số 41)

NGUYỄN KHẮC NGŨ

Nhà vua khi ấy đang ngồi đọc sách, bỗng thấy chiếc hài nhỏ rơi ở bên thêm mới truyền nhặt lên coi thì thấy đẹp đẽ vô cùng. Ngài cho rằng người có chiếc hài này hẳn đẹp đẽ vô song, nếu là người chưa có chồng, ngài quyết lấy làm vợ. Ngài bèn truyền cho tất cả các con gái trong nước vào cung thử hài, ai đi vừa thì sẽ được làm hoàng-hậu.

Tất cả các thiếu-nữ trong vương-quốc lũ lượt kéo về kinh thử hài. Dong cũng xin phép mẹ để đi nhưng mẹ nó không cho. Trái lại, bà lại bắt Hu-lê phải sửa soạn đi thử giày ngay. Dong thấy thế tủi thân khóc lóc và cố xin phép mẹ cho đi một lúc mà thôi. Bà mẹ nuôi không muốn cho Dong đi nên mới bảo :

— Tao có một ít thóc và một ít đậu đũa, tao đem trộn với nhậu và đồ xuống đầm cỏ ở ngoài sân, nếu mày nhặt lên được đủ, chọn riêng đậu ra đậu, thóc ra thóc thì tao sẽ cho mày đi ngay ! Nếu không làm xong thì đừng có hòng đi !

Nói rồi bà lấy 3 đấu thóc, 3 đấu đậu và làm như lời.

Dong biết là không thể nào nhặt xong nhanh được nên vừa nhặt nước mắt vừa chảy ròng ròng. Đức Phật thấy thế liền sai một đàn chim xuống nhặt giúp và chỉ một lúc đã xong.

Dong liền vào trình mẹ. Bà mẹ ra xem, hết sức ngạc nhiên nhưng lại bảo :

— Mày đã nhặt cái ấy xong rồi nhưng vẫn chưa thể đi được, mày phải gỡ xong năm tơ kia thì mới được đi.

Nói rồi bà lấy một con tơ, vò cho rối đi và đưa cho nàng.

Dong không dám cãi lại, chỉ biết âm-ức khóc và lại hi-hục gỡ. Phật thương hại Dong nên cho một đàn kiến xuống giúp. Thế là chẳng mấy tí cuộn tơ rối đã gỡ xong và đem trình mẹ. Bà mẹ rất đỗi ngạc nhiên, tuy không muốn cho đi nhưng bắt buộc đi phải chiều ý nàng.

Được phép rồi, Dong liền vào trong nhà, lấy chiếc hài nhặt được ở mộ cả khi trước, giấu trong tay áo và đi vào cung. Nhà vua thấy nàng liền truyền cho thử hài và thấy vừa đúng như in. Sau đó nàng lại bỏ chiếc hài kia ra để trình nhà vua. Vua xem thấy hai chiếc giống nhau như đúc, ngài bèn hỏi :

— Chẳng hay thợ nào đã làm đôi hài này mà khéo thế này ?

Dong liền đem đầu đuôi chuyện nuôi cá bống ra kể nhưng tuyệt nhiên không nói đến việc bà mẹ làm khó để không cho nàng vào cung thử hài.

Nhà vua mừng lắm, ngài phán :

— Trời Phật đã khiến nàng thành vợ ta, và truyền cho bà quan sửa-soạn lễ cưới. Thế là Dong từ một cô bé nghèo hèn đã trở thành bậc mẫu-nghi thiên hạ.

Mấy tháng sau, bà mẹ nuôi vào cung vua thăm Dong. Sau khi chào hỏi, bà liền xin phép nhà vua để cho Dong về chơi nhà, trong ngày bà dọn sang nhà mới.

Nhà vua chuẩn-y và dặn bà hôm sau phải đưa hoàng-hậu vào cung. Về nhà, càng thấy Dong sung-sướng bà lại càng tức tởm. Còn Hu-lê thì thấy Dong lấy được đức vua thì ghen lòng, ghen lộn. Tuy hai người không để lộ ý ấy ra nhưng đến bữa, cơm chẳng cho ăn, tối đến chân không cho đắp. Sáng hôm sau bà mẹ liền bảo hai nàng ra vườn cấy dứa. Hai nàng vâng lời ra vườn. Dong trèo lên cây còn Hu-lê cầm dao đứng dưới gốc. Khi Dong trèo đến ngọn thì Hu-lê cầm dao chặt cây. Dong biết vậy nhưng không xuống, chờ cho cây đổ thì lại đu sang cây khác. Hu-lê lại chặt cây mà Dong vừa chừa sang và tới khi cây ngã thì Dong lại bám sang cây bên cạnh. Hu-lê giận quá lại chặt cây ấy. Mãi đến khi vườn đã chẳng còn một cây thì Dong mới bị ngã xuống ao và chết đuối ở đó. Xác Dong biến thành con rùa vàng sống trong ao ấy.

Hu-lé trở về mách mẹ việc mình làm Dong chết. Bà mẹ lắc đầu bảo:

— Nó chết thì mặc mẹ nó!

Nhưng sau nghĩ lại không biết trả lời nhà vua ra làm sao nên lo lắng bàn với con:

— Hay là mẹ đưa con đến để dâng vua thay cho Dong?

Thế rồi bà đưa Hu-lé vào cung, vua nhìn thấy biết ngay không phải là Dong nên hỏi:

— Hoàng-hậu đâu? Sao không thấy cùng về? Bà mẹ biết không thể đánh lừa được nên nói dối:

— Tôi xin phép ngài đưa nó về nhà chơi, nhưng đi được nửa đường nó trốn đi mất, không ai thấy vết tích gì cả! Tôi đã tìm suốt buổi mà không thấy đâu cả? Bây giờ sợ ngài quở mắng nên tôi phải đem con gái tôi vào dâng ngài, thay cho Dong để chuộc tội! Xin ngài cứ lấy con tôi thay Dong, đến khi tìm thấy Dong tôi sẽ đưa vào hầu ngài ngay ạ!

Vua truyền phạt bà mẹ đã không trông nom Dong cẩn thận để nung lạc đầu mất. Bà ta sợ hãi kêu van và xin vua để cho đi tìm hoàng-hậu ngay. Nhà vua không biết làm thế nào đành hăng lòng, nhưng từ ngày ấy nhà vua buồn lắm, ruột ngài nóng như đốt và không biết làm thế nào cho khỏi. Một hôm ngài truyền quan tư-pháp (Y-un-tsch), quan vận-tải đường bộ (Chà-crây) và quan thái-giám (Vê-ang) theo ngài vào rừng săn. Ngài lại truyền quan coi về thủy-phận sửa soạn lưới để nếu tiện ngài đi đánh cá.

Ngài và đoàn tùy tùng đi qua cái ao, nơi hoàng-hậu chết thì tự nhiên ngài thấy buồn rười-rượi, muốn khóc mà không khóc lên được: ngài nhớ nàng Dong quá. Ngài truyền dừng lại và chẳng muốn dời ao nữa. Ngài gọi quan coi về thủy-phận và quan tư-pháp đến và bảo:

— Trẫm không hiểu tại sao từ lúc đi đến đây ta buồn quá, ta không muốn đi đâu nữa. Các khanh thử xem trong ao có cái gì lạ khiến ta thế này?

Hai quan vâng lời cho tùy tùng thả lưới xuống ao thì vớt lên được con rùa vàng đẹp lắm. Các quan dâng lên vua. Từ lúc trông thấy rùa ngài thấy khó thở, nước mắt ràn-rụa, ngài bèn truyền quan quân mang về cung đem thả vào trong một cái bể đất vàng. Ngày ngày

nhà vua ra thăm rùa và tỏ vẻ yêu quý rùa lắm. Hu-lé khi ấy ở trong cung thấy vua thân mật với rùa, không ngờ ngẫm gì đến mình nên tức lắm. Một hôm nhà vua đi chơi xa, nạng ở nhà liền bắt rùa vàng làm thịt.

Đi chơi về, vua ra thăm rùa thì rùa đã mất, ngài hỏi:

— Ai bắt rùa ta nuôi ở bể này?

thì Hu-lé trả lời:

— Không phải thiếp! Thiếp bắt mà làm gì?

Nhà vua hỏi không ra liền phán:

— Ai bắt rùa của ta, ta cầu trời sẽ biết tên nó và ta sẽ lấy đầu nó ngay!

Hu-lé thấy thế sợ quá phải nói thực ra và nhà vua bảo:

— Ta có nhiều dê, nhiều hoàng-nuôi ở trong chuồng sao không bảo làm thịt mà ăn mà lại giết rùa của ta?

Hu-lé thủ thủ thưa:

— Tàu nhà vua, thiếp thấy nói người có mạng ăn thịt rùa bỏ làm nên thiếp mới cho làm thịt rùa ăn, không ngờ lại phạm vào rùa quý của nhà vua!

Vua không biết nói sao đành lủi thủi trở về cung. Hu-lé ăn thịt rùa, bỏ mai rùa ở ngoài cung, mai rùa biến thành một con vẹt nói được. Con vẹt đậu ở cung điện hát làm ai cũng thích nghe; nhà vua nghe vẹt hát trạnh nhớ tới Dong và ước rằng:

— Nếu nàng Dong đã chết và đầu thai vào con vẹt này thì vẹt hãy đậu vào tay ta.

Tự nhiên con vẹt liền bay xà vào lòng vua và đậu vào tay ngài. Nhà vua truyền cho làm một cái lồng vàng để nuôi vẹt và quý vẹt lắm. Bảy ngày sau, khi vua còn đi săn ở trong rừng thì Hu-lé lại bắt vẹt làm thịt ăn. Lúc vua về không thấy vẹt đâu liền hỏi thì Hu-lé trả lời rằng:

— Lúc thiếp đang đun nước thổi cơm, nó nhảy ngay trong nồi nước sôi mà chết, thiếp đem làm thịt ăn mất rồi.

Nhà vua thương-xót lắm, nhưng không nói nên lời. Hu-lé ăn thịt vẹt còn lông bỏ ngoài hoàng cung và biến thành một gốc măng xanh tốt. Một hôm nhà vua đi chơi qua đó trông thấy lấy làm lạ hỏi:

— Sau ở đây không có tre mà lại có ngọn măng xanh tốt thế này?

Hu-lé nghe thấy vua hỏi mới nhận ra chỗ đó chính là nơi nạng



vứt lông con vẹt và chờ lúc vua đang bận việc-triều, dính nạng liền cắt măng về nấu ăn. Hôm sau vua ra chỗ cây măng cũ, ngai không thấy đâu nữa nên mới hỏi:

- Ai cắt ngọn măng ở chỗ này?  
Hu-lé trả:

- Thiếp thấy măng mọc một mình cắt để nấu ăn mất rồi, thiếp không biết là nhà vua định giữ...

Nhà vua chẳng biết nói gì hơn đành im lặng. Lần này Hu-lé ăn xong còn bẹ măng nạng sai người đem bỏ ở một nơi xa, phải đi đến mấy thoi (1) đường mới tới.

Bẹ măng này biến thành một (cây thị mọc ngay lề đường, nơi mọi người thường qua lại.

Chẳng mấy lúc cây đã mọc cao và ai ai cũng nhận thấy nó có một vẻ đẹp lạ lùng.

Một hôm có một bà lão nhà quê đi bán gạo dẹt vải qua đó, ngồi nghỉ chân dưới cây. Bà ngắm cây một lúc rồi lầm bầm:

- Cây đẹp như thế này mà không có lấy một quả là thế nào?

Nhìn mãi bà chợt thấy có một quả tròn và đẹp, đã có vẻ chín vàng lẫn vào trong đám lá xanh. Nhưng quả ở cao quá bà không làm thế nào mà hái được. Bà nghĩ: Ước gì quả kia rụng vào thúng này cho lão? Bà vừa nghĩ thế thì quả thị liền rụng ngay vào thúng của bà. Bà cẩn thận lượm lên định ăn nhưng thấy quả đẹp quá nên để lại và bỏ vào trong thúng mang về.

Đến nhà bà để thị vào trong chum gạo rồi lại đi bán hàng. Buổi trưa bà về nhà để ăn trưa thì lạ thay, nhà cửa đã được quét dọn kỹ càng và có một mâm cơm dọn sẵn ở trên kỷ rồi.

Bà hết sức ngạc nhiên, tự hỏi:

- Ai dọn nhà và làm cơm hộ ta thế này?

Nhưng không tìm được câu trả lời. Song bà cũng ngồi xuống ăn và lại đi bán gạo nữa.

Đến tối bà về nhà thì lại thấy có mâm cơm nữa dọn sẵn rồi, bà nghĩ:

- Mình không cha, không mẹ, không chị, không em lại nghèo khó thế này thì ai đến quét dọn và làm cơm hộ thế này?

Hôm sau bà đi bán gạo rồi thì Dong chui ở trong quả thị ra và tự bảo:

- Phải làm ở đây một cái sân đẹp .... bày ở đây một cái mâm trên có đĩa và mâm sẽ để trên một bộ ván con.

(1) Đoạn đường giữa hai chặng nghỉ.

Trưa hôm ấy bà lão trở về, thấy nhà cửa khác hẳn lại càng lạ lùng hơn nữa, không biết lúc bà đi vắng người hay thần thánh đã làm giúp bà như thế?

Hai ngày sau, bà già vờ đi bán hàng và trở về nấp ở một chỗ để xem thì thấy có một người con gái đang dọn-dẹp ở trong nhà.

Bà nghĩ rằng không biết nàng con gái này là ai, ở đâu mà lại đến nhà mình làm giúp thế này? Bà liền tưởng đến quả thị hôm nọ và chạy vào chum gạo coi thì thấy chỉ còn một cái vỏ mà thôi. Bà vội giấu cái vỏ thị đi rồi và đi đến chỗ người con gái hỏi:

- Nàng ở đâu? Có phải nàng ở trong quả thị không? Làm sao lại đến đây?

Dong đem hết sự tình kể cho bà lão nghe. Bà lão lại hỏi:

- Nàng ở trong vỏ thị đó thì ăn uống bằng gì?

- Khi tôi muốn ăn thì tôi lại không thể ăn được, còn lúc thường tôi chẳng ăn cũng chẳng thấy gì...

Nàng nhận bà lão là mẹ và bảo:

- Mẹ đi mời nhà vua đến nhà ta... nhà vua có hỏi thì mẹ đáp là nhà có bày tiệc lớn để rước ngài.

Bà lão nghe nói đến mời nhà vua thì sợ hãi bảo:

- Nhà ta cũ kỹ, hư hỏng, đồ nát, lại chẳng có gì để thết ngài thì làm thế nào?

Nàng đáp:

- Mẹ đừng lo mẹ ạ! Mẹ cứ lẹm như lời con ngay đi... con ở nhà, con lo sửa sang nhà cửa, sắp dọn đồ ăn để đón nhà vua...

- Bà lão nê quá, nghe lời, mặc áo đi đến hoàng cung. Bà vào xin yết kiến nhà vua. Nhà vua thấy bà già liền hỏi:

- Bà lão ở đâu đến thế? Bà muốn xin gì? Bà già quỳ xuống thưa:

- Tâu hoàng-thượng, hôm nay ở nhà thần có bày một tiệc lớn, xin mời hoàng-thượng ngự-giá đến tộ-xá để thần được tiếp ngài... Nhà vua nhìn bộ tịch của bà lão lấy làm lạ và phán:

- Bà muốn trẫm đến nhà bà thì bà hãy lấy nhưng làm thăm trải từ hoàng cung đến nhà bà... khi nào có thăm ta sẽ đến ngay!

Bà già biết là không xong liền bái biệt trở về. Lúc bấy giờ nhà cửa đã khác hẳn, nào mái ngóc, nào cột vàng, lại mâm cơm đầy cao lương mỹ vị bày sẵn ở kỷ rồi.

Bà đem lời nhà vua bảo nàng thì nàng gặt đầu bảo:

— Được rồi, sẽ có thăm, mẹ cứ đến hoàng cung mời lại đi...  
Bà già lại tất tả nghe theo, bà đi đến đâu thì có thăm nhưng chạy theo bà, trải thành thăm từ nhà đến tận cung vua.

Nhà vua thấy có thăm rồi liền bảo :

— Được, ta sẽ ngự đến nhà bà chiều nay, lúc trời râm mát !

Nhà vua nói rồi vào cung, bà lão trở về và bảo Dong :

— Đến chiều mát nhà vua sẽ ngự đến nhà ta.

Nàng Dong hỏi :

— Mẹ có nói với nhà vua là có con ở đây không ?

— Không ! Mẹ chẳng dám kể chuyện con với ai cả ! Bà lão trả lời.

Trời đã mát, nhà vua rời cung, đi bộ đến nhà bà lão, theo sau nhà vua có các quan, binh lính và các người hầu cận không kém 10 ngàn người.

Khi nhà vua đến trước cửa nhà bà lão thì ngài tự nhiên thấy lòng nôn nao như lúc đi qua cái ao, nơi hoàng-hậu chết đuối vậy.

Bà lão ra đón ngài và mời lên trên đại mới làm riêng để hầu ngài. Ngài ngồi thấy không yên, ngài lại nghĩ đến Dong. Nàng Dong lúc ấy ở trong nhà, tuy không ra đón nhà vua nhưng nhìn thấy cả. Nàng bảo bà lão mang trầu tèm sẵn và thuốc lá quán rồi ra dâng vua và dặn :

— Nếu nhà vua có hỏi là ai tèm trầu và quán thuốc thì cứ bảo là cô hàng xóm sang làm giúp nhé !

Bà già để trầu thuốc trên một cái mâm rất đẹp bưng ra. Vua nhìn mâm trầu và thuốc, xem xét kỹ cách tèm trầu, quán thuốc liền hỏi :

— Này bà lão... ai tèm trầu, quán thuốc cho bà mà khéo thế này ?

— Thưa hoàng - thượng, mấy cô hàng xóm sang làm giúp già đây ạ !

Ngài cầm trầu và thuốc nhưng tự nhiên cảm động như có cảm tưởng trầu, thuốc này do chính nàng Dong đã tèm, quán vậy !

Thế rồi ngài truyền cho tất cả các cô gái ở quanh đó phải tèm trầu, quán thuốc ngay trước mặt ngài để ngài coi vì ngài cho rằng ở trên đời này khó có ai ngoài nàng Dong ra lại có thể tèm trầu, quán thuốc đẹp đến thế được !

Các cô hết sức tèm trầu, quán thuốc mà không ai có thể làm được như trầu thuốc kia. Nhà vua có ý nghi ngờ... có gì bí ẩn ở nhà này. Kế đó nàng Dong lại bảo bà lão mang bánh ra mời nhà vua. Vừa trong thấy bánh, ngài hỏi ngay :

— Ai làm bánh mà đẹp thế này ?... Hãy nói thực cho ta ngay đi ?  
Bà già tâu :

— Thưa, cha mẹ già sang làm giúp đây ạ !

Vua quát :

— Bà nói dối ! Bánh này, trầu này, thuốc này, và đồ ăn này thì ngoài vợ ta không ai có thể làm nên được !

Lúc đó nàng Dong ở trong nhà thấy vậy, lo thay cho bà lão mà cũng thương nhà vua đã gặp nhiều đau khổ vì nhà vua và nàng bầy giờ cũng vì như một hộp vôi đáy ở một nơi, nắp rơi một nẻo... Bất giác nàng thở dài...

Nhà vua ngồi ở trong đài nghe tiếng thở dài ở trong nhà liền đứng dậy và bước vào.

Thấy nàng Dong ở đó, ngài cầm lấy tay và úa lẹ.

Ngài truyền tùy tùng lấy kiệu rồng để đón nàng về.

Ngài, nàng Dong và bà lão lên kiệu để về cung. Để đền ơn bà lão ngài ban cho nhiều phẩm-vật : vàng, bạc, trầu, bẹ, vôi ngựa v.v..

Tối đến, nàng liền kể lại tất cả những cảnh khổ đau mà nàng đã phải chịu bấy lâu nay.

Lúc ấy Hu-lé ở buồng bên, nghe thấy mới hay là nàng Dong đã tái-sinh và trở về với nhà vua. Nàng sợ lắm nhưng hôm sau cũng liệu gặp và hỏi :

— Hoàng-hậu làm thế nào mà càng ngày càng đẹp ra thế ?

Dong thấy mặt Hu-lé, cảm-giận lắm liền làm bộ vui-vẻ đáp :

— Tôi được Phật truyền cho cách làm cho sắc đẹp càng ngày càng tăng.

— Thưa hoàng-hậu... cách ấy thế nào đây ? Hu-lé hỏi. Nàng Dong đáp :

— Cứ lấy nước sôi mà tắm thì lột da xấu bên ngoài bong ra, lột bên trong tất là đẹp lắm.

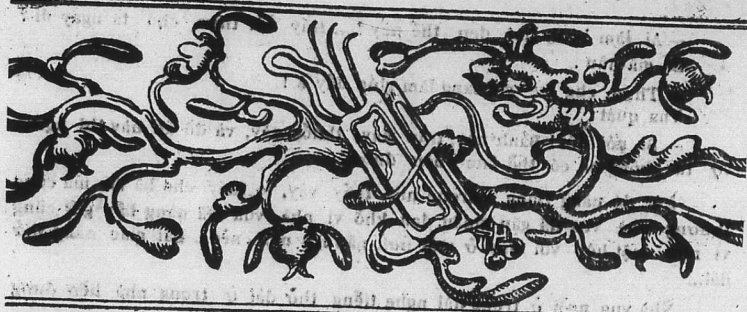
Hu-lé nghe thấy vậy liền ngồi trong cái một chum và cho người lấy nước sôi để vào. Nhưng da không bong ra mà Hu-lé chết bồng trong chum. Nàng Dong liền đem mâm và cho người mang về biếu bà mẹ nuôi, nói rằng của Hu-lé gửi về để người soi.

Bà mẹ tưởng là của con gái gửi về, vừa ăn vừa khen nức nở. Đến khi gần hết, mới thấy cái sọ bà mới ngã ngựa người, hỏi ra mới rõ mâm đó chính là mâm bưng xóc con mình. Bà tức chết người lên mà chết.

(còn tiếp)

NGUYỄN KHẮC NGŨ





Lịch-sử

THÂN-THỂ VÀ THI-CA CỦA MỘT NHÀ NHO CÁN-ĐẠI

**DOÀN-UẦN**

(Tiếp theo V.H.N.S. số 40)

TÔ-NAM

Nguyễn-đình-Diệm soạn-thuật

Cụ Uần 蘊, lúc thiếu thời đã nổi tiếng là thông-minh và tính tình rất điềm đạm. Năm Minh-Mạng thứ 9, khoa Mậu-tí 戊子 (1828) ông thi đỗ Cử-nhân thứ 3 tại trường Nam-Định, năm sau bổ Hàn-lâm điển-ba, thụ chức Chủ-sự Hộ-Bộ, sau một thời gian lại đổi sang Viên-ngoại. Năm Minh-Mạng 14 (1833) được thụ chức Án-Sát tỉnh Vĩnh-Long 永隆, gặp lúc Lê-văn-Khôi 黎文儂 làm phản, nổi dậy chiếm thành Phan-An 藩安, giết Bạch-Xuân-Nguyên 白春元 và Tổng-đốc Nguyễn-văn-Quế 阮文桂. Lúc ấy ông vừa tới nhậm, đương đi kình-lý phủ Nhạc-Hóa 樂化, tiếp được tin này, vội vã trở về tỉnh thành Vĩnh-Long, đề-nghị với Tổng-Đốc Lê-phúc-Bảo 黎福寶 đem quân đi cứu-viên. Cách hai hôm sau, Phúc-Bảo kéo đại binh đến Định-Tường 定祥, rồi đóng binh, chỉ phái một viên quân-cơ với 8 chiếc binh thuyền tiến vào mặt trận. Khi tiến đến sông Tra, vì binh-lực quá mỏng, nên bị Lê-văn-Khôi tiêu-diệt hoàn toàn. Nhận được tin này Phúc-Bảo hoảng sợ, vội bỏ dinh trại để chạy thoát thân! Quan quân ở Vĩnh-Long đương khi trông chờ tin tức, bỗng thấy Phúc-Bảo chạy về chỉ có tro-trọt một thân thì ai cũng cho rằng đại-binh đã bị tan vỡ, gây nên tình thế hoang mang, mạnh ai nấy chạy. Biên binh nhân lúc hỗn loạn, bỏ trốn quá nửa!

Lúc ấy ông là văn quan, trong tay không một tác thép, không dự binh quyền nhưng trước tình thế nguy-ngập đó cũng phải trấn tĩnh! Chạy khắp các cơ, dùng lời khăng khải, hiệu-dụ cho quân dân, tụ tập được mấy trăm binh sĩ, một mặt tỏ-chức phòng-thủ, một mặt phi báo về triều.

Thế rồi qua ngày 12, 13, thì nhận được tin quân Khôi đã chiếm Định-Tường 定祥, và có mấy vạn thủy lục quân đương rầm-rộ tiến đến Vĩnh-Long 永隆. Biết rằng binh lực của mình quá ít không thể cố thủ, ông và các tướng bộ-hạ, bàn nhau rút ra ngoài thành, hiệu-triệu các nơi được thêm hơn ngàn nghĩa-dũng, nhưng phần nhiều là quân chưa luyện-tập, khí-giới lương thực thiếu thốn mọi bề. Chiến ư? Chiếm thì đem để làm mồi cho cọp, chỉ đi đến chỗ tự sát mà thôi! Thủ ư? Thủ thì một số tân binh sao đủ phân phát? Cho được mặt trước lại hở mặt sau, biết làm thế nào? Trong lúc nguy nan và tuyệt vọng, ông cùng mấy đồng sự, chỉ nhìn nhau than thở, thế cùng sống chết mà thôi, chớ chưa tìm ra được kế gì để gỡ nước bí. Lúc ấy có ngâm lên mấy bài, đề tỏ tâm sự phảng khi tuân-tiết sau này:

其一

臨敵茫然無甲兵  
 可堪聞賊便空城  
 儒紳難作空拳勇  
 今古關頭一死生

I. — PHIÊN-ÂM

Lâm-địch mang nhiên vô giáp-binh,  
 Khô-khâm văn-tặc tiện không thành.  
 Nho thân nan tác không quyền dũng,  
 Kim-cổ quan đầu nhất tử sinh!

其二 — DỊCH-NGHĨA

Giặc đến rồi không tác giáp-binh,  
 Nhẽ đâu nghe tiếng vội dời thành.  
 Tay không nho hết đường khoe mạnh,  
 Quan-hệ thân này tử-vết sinh.

其二

區	區	寨	柵	亦	徒	為
將	意	軍	情	已	可	知
賊	至	縱	然	開	耳	目
生	來	能	不	愧	預	日
事	君	義	在	臨	危	時
報	國	身	關	履	險	者
此	地	素	稱	忠	勇	空
那	堪	相	對	渡	空	垂

## 2.— PHIÊN-ÂM

Khu khu trọi sách diệp đồ vi,  
 Tướng ý quân tình đĩ khả tri.  
 Tặc chí tung nhiên khai nhĩ mục,  
 Sinh lai nạng bất quý tu si ?  
 Sự quân nghĩa tại lâm nguy nhất,  
 Báo quốc thôn quan lý hiêm thì.  
 Thử địa số xung trung đồng giá,  
 Ná kham tương đối lệ không thù ?

## 2.— DỊCH-NGHĨA

Leo-teo đờn ắt có vào đầu,  
 Ý tướng tình quân biết đã lâu.  
 Giặc đến dẫu rằng cấm, mở mắt,  
 Sống thừa sao chẳng thẹn phò râu ?  
 Thờ vua nghĩa cả coi kệt biển,  
 Cứu nước cơn nguy tỏ dạ nhau.  
 Nỗi tiếng nơi này trung đứng lắm,  
 Cùng trông hồ nhẽ cứ tước châu ?

## HÀ-TIÊN THẤT THỦ

Ngày 14 tháng 6 năm Minh-Mạng thứ 14 (1833), Tả-quân của Khôi là Phan-bá-Nhã 潘伯非 từ Định-Tường 定祥 kéo xuống địa-giới tỉnh An-Giang 安江. Tổng-Đốc Hà-Tiên là Lê-dại-Cương 黎大綱 đem quân ra kháng cự không nổi, thấy Lãnh-Binh Thường 常 từ trận, ông Cương vội vã thoái lui, quân địch thừa thế huy-động hơn 40 chiến-thuyền vượt theo rất gấp ! Lúc ấy ông (Uần) cùng hơn trăm bộ-hạ đóng ở phía sau, lực-lượng chẳng có là bao, nhưng cũng kháng-cự kịch-liệt, dùng đại bác bắn chặn, làm cho 4, 5 chiến-thuyền của địch bị chìm ; đoàn chiến-thuyền sau liền áp mạn vào bờ, đồ bộ đông như kiến cỏ ! Biết rằng thế không đương nổi, ông chạy tắt tả về thành, hỏi đến Tổng-Đốc và Bó-Chánh thì cả hai hai đều đã cao chạy xa bay ! Bất đắc dĩ phải cùng với viên Cai-

Tổng Lê-văn-Luận 黎文論, ngay đêm hôm ấy theo lối đường tắt, chạy ra ngoài thành, lẩn lút trong quăng rừng hoang, hơn một tháng giờ, nghỉ thẹn cho mình, lại giận cho ai, vì quá dút-dắt, để cho quân địch chiếm tỉnh một cách lặng lẽ, khác chi vào chỗ không người. Bởi thế nên ông mượn mấy vần thơ, để tả bết nỗi lòng phẫn-uất :

其 一

生	平	負	志	氣
慷	慨	還	自	憐
惆	悵	英雄	雄	事
羞	慚	少	壯	年
未	能	集	逆	賊
忍	使	辱	山	川
夜	深	祈	明	月
一	為	借	龍	泉

## I.— PHIÊN-ÂM

Sinh bình phụ chí khí,  
 Kháng khái hoàn tự liên.  
 Trù trưởng anh hùng sự,  
 Tu tâm thiếu tráng niên.  
 Vị nạng điều nghịch tặc,  
 Nhân sự nhục sơn xuyên.  
 Dạ thâm kỳ minh nguyệt,  
 Nhất vị tá long tuyên.

## I.— DỊCH-NGHĨA

Ngày thường ôm chí khí,  
 Kháng khái tự thương mình.  
 Uất ức lòng anh-khệt,  
 Thẹn thùng lúc tuổi xanh.  
 Giặc còn chưa chém hết,  
 Nước đê nhục sao đành ?  
 Giăng sáng canh khuya nguyệt,  
 Gươm thần mượn một thanh.



其二

數十年來享太平  
 那知叛逆又縱橫  
 可憐民吏能為用  
 無奈將軍早棄營  
 天地豈能生亂賊  
 鬼神終亦相孤城  
 羞慚風雨深林夜  
 一念當存尚幸生

2. - PHIÊN-ÂM

Sở thập niên lai hưởng thái bình,  
 Na trị bặc nghịch hựu tung hoành.  
 Khả liên dân lại năng vi dụng,  
 Vô nại tướng quân tảo khí dinh.  
 Thiên địa khởi ứng sinh loạn tặc,  
 Quỷ thần chung diệc tướng cô thành.  
 Tu tâm phong vũ thâm lâm dạ,  
 Nhất niệm đương tồn thượng hạnh sinh !

2. - DỊCH-NGHĨA

Ba bốn mươi năm hưởng thái bình,  
 Bổng dẫu giặc giã lại tung hoành.  
 Đáng thương sĩ tốt còn nghe lệnh,  
 Sao nhĩ tướng quân vứt bỏ dinh ?  
 Trời đất nhẽ dẫu dong nghịch tặc,  
 Quỷ thần ầu cũng giúp cô thành.  
 Gió mưa luống thẹn đêm rừng rậm,  
 Nay tấm lòng son giữ vẹn lành !

其三

天壤茫茫草樹陰  
 胡為蓬蒿此空林  
 微霜點滴芭蕉葉  
 永夜迴風千古心  
 宇宙細思餐五更  
 君親長未與關山月  
 生平未全惡日

3. - PHIÊN-ÂM

Thiên nhưỡng mông mông thảo thụ âm,  
 Hồ vi bô hoạn thử không lâm.  
 Vi sương điểm trích ba tiêu diệp,  
 Vĩnh dạ hồi phong thiên cổ tâm.  
 Vũ trụ tế sự thiên cô sự,  
 Quân thiên trường hệ ngũ canh tâm.  
 Sinh bình vị dữ quán san phụ,  
 Tiêu đán toàn bằng nhật nguyệt lâm.

3. - DỊCH-NGHĨA

Cây cỏ bao la cảnh mịt mùng,  
 Quan sao lạc lõng chốn rừng hoang.  
 Sương gieo di-dách tàu tiêu nặng,  
 Đêm vắng eo-xèo tiếng dế vang.  
 Trời đất ngắm qua ngàn thuở trước,  
 Vua cha nghĩ lại mấy canh tràng.  
 Thân này chưa phụ cùng sông núi,  
 Nhật nguyệt đôi vầng đối sáng choang.

CẢNH CỐT NHỤC LƯU LY !

Khi giặc vào thành, vợ ốm con thơ, mỗi người chạy đi một ngã. Mãi sau mới gặp ở vùng quê, dắt-dấu nhau vào tìm nơi ẩn-núp mãi trong rừng rậm, vợ bị tê-liệt, con bị đói khát ! Phía ngoài giặc vẫn treo giải truy tìm. Vì thế đến đâu họ cũng chẳng cho trú-ngụ, vì sợ vợ lây, thành ra nay ở

thung lũng này, mai lại sang thung lũng khác! Cho tới nửa tháng sau mới được Viên Tú-Tài Lê-văn-Ngoan 黎文玩 tìm đón về nhà, ăn náu hơn một tháng giờ, bên ngoài vẫn tuyết vô âm-tín! Đương lúc buồn như châu cấn, thì bỗng có một chú nghĩa-dũng đem cho nài rượu đế, ông bèn mượn chén tiêu sầu nhân có mấy vần cảm khái.

**MƯỢN CHÉN TIÊU SẦU**

嘗	有	古	人	窮	似	我
不	當	似	我	重	提	携
經	旬	病	婦	冲	泥	去
深	夜	癡	兒	索	飯	啼
既	以	有	身	翻	有	恚
誰	能	無	子	更	無	妄
壯	心	不	覺	風	塵	苦
醉	起	驚	聞	何	處	鷓

**PHIÊN ÂM**

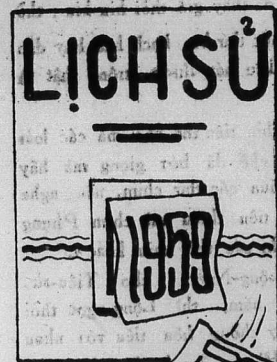
Đương hữu cổ nhân cùng tự ngã,  
 Bất đương tự ngã trong đề huê.  
 Kinh tuần bệnh phụ xung nê khứ,  
 Thâm dạ si nhi sách phạn đề.  
 Kỳ dĩ hữu thân phiên hữu hoạn,  
 Thùy năng vô tử cánh vô thê?  
 Tráng tâm bất giác phong trần khổ,  
 Túy khởi kinh văn hà xứ kê?

**DỊCH NGHĨA**

Người xưa cùng quần như ta chán,  
 Nhưng chẳng lao đao quá tựa ta.  
 Vợ ốm kinh niên còn lặn lội,  
 Con thơ đêm đói khóc bà loa.  
 Có thân có khổ, âu đành thế,  
 Không vợ không con, há nhẽ mà!  
 Chí vững quản gì cơn gió bụi,  
 Gà đâu chột gáy tự dăng xa!

(Còn tiếp)  
**NGUYỄN ĐÌNH DIỆM**  
 soạn-thuật

VĂN-HÓA - SỐ 42



**SỬ-HỌC**

**VIỆT-NAM**

**QUA CÁC THỜI-ĐẠI**

BAO-LA cư-sĩ



Phàm đã là một nước có một dĩ-vãng khá dài, thì phải có sử sách lưu-truyền. Muốn sử sách lưu-truyền thì phải có người chép sử. Cho nên từ nghìn xưa, các nước văn-minh từ Đông sang Tây đều có đặt chức sử-thần và thiết-lập sử-quán.

Nước Trung-Hoa đã có chức nội-sử từ mấy nghìn năm trước Thiên-Chúa. Sử Tàu còn ghi sự tích của Tiêu-Sử, nguyên là tiên trên thượng-giới, sau Thượng-Đế thấy trần gian sử tịch rối-ren, nên sai «người» xuống sửa sang. Ngày mồng 5 tháng 5, dưới đời vua Tuyên-Vương nhà Châu năm thứ 17, «người» giáng-sinh nơi nhà họ Tiêu, lấy tên là Tiêu Tam-Lang — Đến khi qua đời mất chức, Tiêu Tam-Lang nối chức mà tu bổ sử sách lại. Vua nhà Châu thấy Tiêu Tam-Lang có nhiều công-lao trong việc chép sử, nên mới đặt tên là Tiêu-Sử, chấp-nhiệm đã một trăm mười năm; sau được Thượng-Đế ban cho Tiêu-Sử một ống tiêu bằng ngọc, sắc tía chói lòa, thật trên đời ít có.

VĂN-HÓA - SỐ 42



Tiêu-Sử mới thôi ống tiêu trong giấy lát đã thấy gió thổi hiu-hiu ; thổi khúc thứ nhì, bốn phía kéo mây ngũ sắc, thổi khúc thứ ba, bạch hạc bay đến múa quanh, các thứ chim, con bay, con đậu, kêu hát lư-lo, trông thật là ngoạn-mục.

Tần Mục-Công mới hỏi Tiêu-Sử : « Khanh thổi tiêu thế nào mà các loài đều đến như vậy. » Tiêu-Sử trả rằng : « Tiêu tôi chế đã bớt giọng mà háy còn kêu như tiếng chim Phụng. Vì Phụng là Chúa các thứ chim, nên nghe tiếng Phụng thì bay tới ; xưa vua Thuấn nổi nhạc tiêu thổi mà chim Phụng hàng đến châu. Phụng nghe tiêu còn đến, huống chi các thứ chim khác. »

Mục-công đẹp ý, bèn gả Công-Chúa Lộng-Ngọc cho Tiêu-sử. Tiêu-Sử dạy cho Lộng-Ngọc thổi tiêu trong nửa năm, thì Lộng-ngọc thổi khúc Phụng cầu tuyết diệu. Đêm kia, đang khi vợ chồng hòa tiêu với nhau dưới bóng nguyệt, thì thấy có Xích-Long và Tử-Phụng doanh đáp bên lầu.

Tiêu-Sử bèn cỡi Xích-Long và Lộng-Ngọc cỡi Tử-Phụng bay thẳng lên trời rồi biến mất.

Câu chuyện này tuy có vẻ thần-thoại nhưng nó ngụ-ý rằng người chép sử lúc nào cũng phải giữ một tâm-hồn thanh-cao, một thái-độ trang-nhã, không ham danh-lợi, không chút bịn-rịn trần ai.

Người chép-sử đã đến với tiếng sáo Thiên-Thai và đã lững lờ ra đi với « Lòng vô sự, trăng in nước, của thăng-lai, gió thổi hoa » (Nguyễn Bình-Khiêm).

Không những thế, nhà chép sử phải đem công-tâm mà làm sứ-mạng ghi chép sự thật để lưu lại muôn đời. Ấy là trường-hợp của Thái-Sử Bá-đời Tề Trang-Công.

Khi Thái-Tử giết vua Tề xong, liền ra lệnh cho Thái-Sử Bá chép vào Sử rằng Tề Trang-Công bị bệnh mà chết. Thái-Sử Bá cứ đúng sự thật mà chép : « Thái-Tử giết Tề quân, về mùa Hạ, tháng năm, ngày Ất-hợi » — Thái-Tử thấy vậy cả giận bèn giết Thái-Sử. Sau còn ba người em là Trọng, Thúc và Quý. Trọng và Thúc cứ chép theo như trước cũng bị giết-hình.

Thái-Sử bèn cầm sổ sách kêu Thái-Sử Quý mà nói rằng : « Ba người anh của ngươi bị chết vì không nghe lời ta ; bây giờ ngươi có tiếc thân thì nên đổi chữ này, ta mới không trị tội ». Thái-Sử Quý thưa lại rằng : « Làm chức Sử-thần cứ chép sự thật, nếu tôi không chép thì cũng có người khác chép. Tướng-quốc thế nào cũng không che được tiếng xấu ; cho nên phải

việc thời cứ làm, tôi không sợ chết, tha thì được nhờ, chết cũng phải chịu, ấy là nhờ lượng Tướng-quốc mà thôi ». Thái-Tử bèn liệng quyển sách và phé mặc cho Thái-Sử Quý chép y sự thật.

Đồng một quan-niệm với các sử-gia Trung-quốc, các sử-gia Việt-Nam cũng đã tỏ ra nhiều công-tâm và thiện-chí trong khi ghi chép những sự việc của thời xưa.

Hơn thế nữa, sử ta còn có tính-cách giáo-huấn và răn dạy người đời sau, cho nên Ngô Sĩ Liên, vào đầu thế-kỷ XV, có nói rõ quan-niệm ấy trong bài tựa sách Đại-Việt Sử-ký toàn thư : « Sử để chép việc, mà việc được hay hỏng có thể làm cái gương cho đời sau soi thấy mà răn. Các nước đời xưa đều có sử, như sách Xuân-Thu của nước Lỗ, sách Đào-Nguyệt của nước Tấn, sách Thặng của nước Sở ».

Riêng về nước ta, từ đời Triệu Vũ-Vương (207-137 trước Tây-lịch) đã có chức nội-sử, vì chúng ta có thấy ghi trong phúc-thư của Vũ-Vương cho Hán Văn-Đế rằng :

« Nam-Di đại trượng lão phu thân, Đà, muội tử tội bái, dâng thư lên Hoàng-Đế Bệ hạ. Lão Phu là kẻ ở lại nước VIỆT, khi Hiếu-Huệ Hoàng-Đế lên ngôi, tình nghĩa không dứt, vẫn hậu-đãi lão-phu. Đến khi Cao-hậu lâm triều, lại phân biệt ra ngoại di, hạ lệnh cấm không được bán cho Nam-Việt những đồ vàng sắt và điện-khí, còn ngựa trâu, dê thì chỉ bán cho giống đực, chứ không bán cho giống cái.

« Lão-phu ở phương xa mà không có vật cúng tế thì phải tội, vì thế có sai nội-sử Phan, Trung-Úy Cao và Ngự-sử Bình, ba lượt dâng thư sang thượng quốc tạ lỗi, đều không trở về cả (1) ». Về nội-sử Phan, ta có thể đoán chắc Phan là họ, và đó là vị sử-quan họ Phan của đời Triệu.

Như thế chúng ta có thể xem nội-sử Phan như là vị chép sử đầu tiên của nước ta. Đáng tiếc thay là họ ra đi mà không trở về cố quốc, cho nên có lẽ vì đó mà truyền-thống chép sử đã bị gián-đoạn chăng ?

Sau đó chúng ta đã phải bị Bắc thuộc từ năm 111 trước Tây-lịch cho đến năm 939 sau Tây-lịch ; trong thời kỳ này, sử ta đành phải ép mình trong Sử Tàu vậy.

(1) Toàn-văn bức thư này có lục in trong Đại-Việt sử-ký toàn-thư, quyển 2, tờ 3 và 4.

Chúng ta phải đợi cho đến đời nhà Lý mới thấy chép rằng :  
«Tháng 6 năm Mậu-ngọ (1018), vua Lý Thái-Tổ (1010-1028) sai quan Nguyễn Đạo-Thanh và Phạm-Học sang Tàu lấy Tam-Tạng đem về để vào kho Đại-Hung».

Kho Đại-Hung rất có thể là một cơ-quan bao gồm cả thư-viện, bảo-tàng-viện và là nơi lưu-trữ và biên-soạn sử sách. Và ta còn biết rằng đời này từng có loại sách hiến-chương như «Ngọc-diệp» (1), «Hình-thư» thì ít là đời Lý đã có Sử-thần để làm sách rồi.

Đến đời nhà Trần thì tác-giả sách *An-nam chí-lược* là Lê Tắc là quan nhà Trần về hàng nhà Nguyên, sang ở bên Trung-hoa và làm sách trên bên ấy - từng cho biết dưới đời Trần Thái-tông (sách chép là Thái-vương) có Trần Tấn làm Tá-tàng, sau thăng chức Hàn-trưởng, đã làm sách *Việt-chí* (sách dẫn thượng, quyển XV, tờ 6 b). Như vậy, nhà sử-thần Trần Tấn là nhà viết sử đầu tiên có quy mô ở nước ta. Tiếc rằng sách này thất truyền. Cũng theo *An-nam chí-lược* (cũng tờ sách đã dẫn trên) thì sau việc Trần Tấn làm sách *Việt-chí* còn chép việc Lê Văn Hưu, người đồng thời với Trần Tấn - sửa sang, chỉnh đốn Việt-sử. Ngô Sĩ Liên, sử-gia đời Lê, làm sách *Đại-Việt sử-ký toàn thư* cũng xác-nhận như thế (sách dẫn, bài Tựa). Thành ra Lê Văn Hưu tác-giả bộ *Đại-Việt sử-ký* chỉ là một sử-gia hoàn thiện sự-nghiệp của Trần Tấn, đã tập lục tài-liệu ở mọi sử sách xưa của ta và của Tàu mà viết thành một bộ sử đầy đủ làm căn-bản cho các sử sách những đời sau.

Dưới triều Lê, lại có các ông Phan Phù Tiên, Hồ Tôn Thốc, Ngô Sĩ Liên, Vũ Quỳnh, đã nối chí Lê Văn Hưu mà sáng tác những bộ Việt-sử căn-bản, lớn lao.

Nhưng chúng ta phải đợi đến Triều Nguyễn, dưới đời vua Minh-Mạng mới thấy thiết-lập một Quốc-Sử quán, có tổ-chức hẳn-hoi, thu thập những nhà học-vấn uyên-thâm, chuyên việc biên-khảo những bộ Sử-ký Địa-chí rất có giá-trị.

Quốc-Sử Quán ở tại địa-phận phường Trung-Hậu, trong thành nội Huế (xưa là địa-phận phường Phú-Văn). Làm năm Minh-Mạng thứ 2 (1821); qua năm Thiệu-Trị thứ 2 (1842), xây thêm 2 nhà dài ở hai bên

(1) Có lẽ là sách *phứ-ký* của hoàng-gia.

tả hữu; năm Tự-Đức thứ 2 (1849) làm thêm ở phía sau một nhà để mộc-bản.

Bốn mặt Quốc-Sử quán đều có tường bao bọc; trước nhà chính bên hữu, có một cái giếng nước rất trong và ngọt, trong-truyền là cái giếng của làng Diên-Phái xưa kia (làng này là một trong những làng đã nhượng đất cho vua Gia-Long để lập kinh thành Huế.)

Xưa số nhân-viên Quốc-Sử quán gồm có Chánh, Phó Tổng-Tài, Toàn Tu 4 người, Biên-Tu 8 người, Khảo-Hiệu 4 người, Đăng-Lục 6 người, Thủ Chương 6 người, cùng một số thư ký - Công việc chính là biên-tập quốc-sử, khi nào chép và ngự-lâm xong, thì giao cho thợ khắc vào mộc-bản in thành sách - Nhiều bộ sử quan-trọng của nước ta như là: *Khâm-Định Việt-Sử*, *Thông-Giám Cương-Mục*, *Đại-Nam thiết-lược*, *Đại-Nam liệt-truyền*, *Minh-Mạng chính-yếu*, *Thiệu-Trị chính-yếu*, *Tự-Đức chính-yếu* v.v.... đều do Quốc-Sử quán biên-tập. Ngoài ra Sử này lại còn biên-tập các bộ sách về chế-độ nước ta (như bộ *Khâm-Định Đại-Nam hội-diễn sử-lệ*), hay là về địa-dư nước ta (như bộ *Đại-Nam Nhất Thống Chí*).

Số mộc-bản lúc trước rất nhiều; trong lúc chiến-tranh, bị hao-hụt một phần, hiện nay còn trên 31.000 tấm, tàng-trữ tại Viện Văn-Hóa Trung-Việt (Huế). Mộc-bản toàn bằng gỗ cây thị (plaqueminier) vì chỉ có thứ gỗ ấy mới đủ sức cứng và dẻo để khỏi nứt mẻ trong khi khắc chữ, không bị mối mọt tàn phá.

Những sự việc kể trên tỏ rõ rằng ở thời Hán-học, sử-học là một môn tương-đối thịnh-dạt hơn hết trong văn-học sử nước ta, và những tác-phẩm sử-học ấy đều là *quan thư* của các họ vua xưa và tác-giả là những *sử-thần* do nhà vua bổ nhiệm.

Về các sách *sử-học* của tư nhân thì hiện nay xưa nhất là bộ *An-nam chí lược* của Lê Tắc ở đời Trần Nhân-Tông (1279-1293) viết trên đất Tàu, ngoài ra còn lại thì chỉ là những tác-phẩm từ thời cuối Lê trở xuống như các bộ *Việt-Sử bị-lâm* của Nguyễn-Nghiêm, *Việt-sử tiêu án* của Ngô Thời Sĩ thuộc về thế-kỷ XVIII, các bộ *Lê quý ký sử*, *Hậu-lê thời sự ký lược*, *Lịch-triều tạp ký* viết khoảng cuối thế-kỷ XVIII và đầu thế-kỷ XIX. Tự trung đáng chú ý nhất chỉ có bộ *Lê-triều thông sử* (còn gọi là *Đại-Việt thông sử*) của Lê Quý Đôn. Nhà bác-học đệ nhất của thời Nho-học xưa viết bộ này đã bắt chước bút-pháp của Tư Mã Thiên chép *Sử-ký* để chép lịch-sử nước Việt, nhưng tiếc rằng công-trình này bị bỏ dở dang.



Trong sử học nước ta xưa, còn có loại *thư chí* cũng là một loại rất phát đạt. Về loại này, nay ta còn thấy của đời Hậu-Lê là thiên *Địa-dư* chỉ của Nguyễn-Trãi (1380 - 1442) chép trong *Úc-trai di-tập* (bản in năm 1868, Tự-Đức thứ 21), mấy thiên rời-rời của bộ Thiên-Nam dư hạ tập của đời Hồng-Đức, sách *Kiến-văn tiêu lục*, *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn soạn ở đời Lê Cảnh-Hung (1772-1786), sách *Gia-dịnh thành thông-chí* thời Nguyễn sơ, bộ *Lịch-triều hiến-chương loại chí* của Phan Huy Chú triều vua Minh-Mệnh, sách *Đạt-Việt địa-dư chí* của Nguyễn Văn Siêu đời Tự-Đức (1847-1883), bộ *Đạt-Nam Nhất Thống Chí* của Sĩ thần các đời Tự-Đức và Duy-Tân (1907-1916).

Xét về sử-học thời Hán-học, *điểm nổi bật là người chép thường là sử-quan* (historiographe), biên-niên-sử (annaliste) hay là ký-sự-viên (chroniqueur), mà rất ít sử-gia (historien) không lệ-thuộc Chính-quyền. Mặc dù môn sử-học được liệt-triệu yun quán và đề cao, song các sử-thần thường làm công việc sao chép lẫn nhau và rất ít người có cái khổ tâm theo đòi sự thực như Tư Mã Thiên mà ai nấy đều tôn làm *Sử biểu*. Tuy vậy, đối với sự nghiên-cứ sử-học của thời hiện-đại, các nhà Đông-phương học dù các quốc-tịch trước đây cũng từng xem các sách sử cũ kể trên là cả một kho tài-liệu vô giá và đã tổ-chức ra Học-viện Đông-phương Bắc-cô (Ecole Française d'Extrême-Orient) và Viện Văn-thư đồ-thư (Direction des Archives et Bibliothèques) cốt để sưu-tập những sách vở ấy và tổ-chức sự nghiên-cứ về các nước ở Đông-dương, và cũng đã công bố nhiều thành tích nghiên-cứ về Việt-Nam rất đáng kể.

Hầu hết các sử-liệu kể trên, kể cả đời Lê, đều đã được chụp hình (photocopie) và hiện nay hơn 800 cuốn phim còn tàng trữ tại chi-nhánh của trường Viễn-Đông Bắc-Cô, 37 đường Trương Minh Ký, Saigon. Đó là một kho tàng vô giá mà các học-giả và sử-gia cần phải khai thác, trong khi nghiên-cứ lịch-sử nước nhà.

Các học-giả và sử-gia, ngoài các bộ văn-tịch chỉ của Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú, cần tra cứu thêm những biên-khảo rất công phu của Léopold Cadière và Paul Pelliot (Première étude sur les sources de l'Histoire d'Annam), của Emile Gaspardone (Bibliographie annamite), của Trần Văn Giáp (Les chapitres bibliographiques de Lê Quý Đôn et de Phan Huy Chú) và của Tuân-Lý Huỳnh Khắc Dụng (Sử Liệu Việt-Nam) sắp xuất-bản trong « Văn-Hóa Tàng-Thư » của Bộ Quốc-gia Giáo-dục.

Sau hết, chúng tôi nghĩ rằng: trong khuôn khổ phục-hưng văn-hóa dân-tộc, cần phải dân-chủ-hóa Sử-học để đưa ra ánh sáng *sự-thực lịch-sử* (la vérité historique) và tái lập *Quốc-Sử-Quán* (Bureau des Annales) trên một cơ-sở khoa-học và dân-chủ tại một địa-diểm yên tĩnh như Đà-Lạt, Nha-trang hoặc Hà-tiên, để tiếp tục sự-nghiệp của tiền-nhân và công-trình của các học-giả trước 1945 đã bị bỏ dở vì chính-chiến.

SAO-LA cu-si

THI-CA

## NỖI LÒNG THÔN-NỮ

Dưới bóng tre xanh, òn bóng hồng,  
« Giống đời » vẫn đục, bên nào trong ?  
Ngỡ xe cuốn bụi, ai dơ mắt ?  
Vòng đá phôi gan, khách tò lòng...  
Đời mới truyền tin thêm nỗi tiếng,  
Nguồn xưa rõ mạch lại khơi dòng.  
Hạnh-đàn may gặp ai thanh-khí,  
Sơn rựu « hoàng-hoa » chúc chén đồng...



Sơn rựu « hoàng-hoa » chúc chén đồng,  
Sơn thuyền chèo lái ngược xuôi dòng...  
Đề lớn sóng gió, già tay lái,  
Chung gánh non sông, nhẹ tác lòng.  
Ng nước trả xong, tìm suối mát,  
Duyên văn se lại, hời trông trong...  
Nguồn thơ còn mở, còn say tình,  
Vui ngắm trộm hoa giãi nắng hồng...

THANH-TRÚC



## DỊCH « BẠCH-VÂN-AM THI-TẬP »

TRẦN-THANH-ĐẠM

### MẤY LỜI NÓI ĐẦU

Bạch-vân am Thi-tập là tập thơ chữ Hán viết vào đầu thập-lục thế-kỷ của Nguyễn Bỉnh-Khiêm tiên-sinh, thường gọi Trạng-Trình.

Ông sinh năm 1492 tại xã Trung-Am, làng Cồ-Am huyện Vĩnh-Lại, tỉnh Hải-Dương, tức là năm Tân-hợi, niên-hiệu Hồng-Đức 33, con ông Tiến-sĩ Nguyễn Văn-Định.

Tương truyền khi bốn tuổi, ông đã biết làm văn thơ và thông hiểu điển-cổ kì-hi truyện. Lớn lên, ông theo học ông Lương Đắc-Bằng, được thầy cho làm trường-tràng.

Nhân đi sứ Tàu, ông Bằng được một nhà học-giả Trung-Quốc truyền cho cuốn « Thái-Ất Thần-Kinh » là một cuốn sách viết vào đời Tây Hán chuyên giảng về số-mỹ và số Thái-Ất. Khi sắp mất, ông Bằng truyền lại tập Thái-Ất Thần-kinh cho người học trò yêu quý và giỏi nhất là Nguyễn Bỉnh-Khiêm. Ông Khiêm đóng cửa nghiên-cứu Thái-Ất, thấu hiểu những lý uyên-áo, vi-diệu, có thể biết trước vận-hội quốc-gia, dân-tộc năm trăm năm về sau.

Nhân thời loạn lạc, vua Uy-Mục nhà Lê hoang-dâm vô đạo gây ra họa loạn; tiếp đến vua Tương-Dục chơi bời xa-xỉ đến nỗi bị giết và trong

cả một đời vua Chiêu-Tôn, họa loạn luôn năm, dân tình đồ thán không xiết kể; trong xã-hội tối-tăm vô trật-tự đó thái-nghệ một tư-trào Lý-học tiêu-thoát ảnh-hưởng nhiều ở Tống-Như và ở Phật, Lão, Nguyễn Bỉnh-Khiêm làm đại-biểu duy nhất cho phái này.

Thấy xã-hội rối ren, luân-thường đồ nát, Nguyễn Bỉnh-Khiêm ở ẩn mãi tại nơi quê nhà cho đến năm bốn mươi tư tuổi. Vì bà mẹ và bạn hữu thúc giục quá, bắt buộc đi, ông phải ra, thi đậu Trạng-Nguyễn vào niên-hiệu Đại-Chính thứ sáu (1535), triều Mạc Đăng-Doanh.

Khi đương giữ chức Công-bộ hữu Thị-lang, ông dâng sớ hạch mảy người quyền-thần. Vua Mạc không nghe, ông liền xin giã chức về hưu. Vua Mạc muốn mua lòng nên phong cho ông làm Đại-học sĩ và tước Trình Quốc-công; vì vậy hậu-nhân thường kêu ông là Trạng Trình.

Năm 1544, ông về trí-sĩ ở Trung-Tân quán, bên quán có am Bạch-Vân. Ông mở trường dạy học. Học trò rất đông đều mộ tài đức ông mà tìm đến. Trong đó có những người ưu-tứ như: Phùng Khắc-Khoan (Trạng Bùng) Lương Hữu-Khánh v.v...

Tập thơ Bạch-vân am phần nhiều viết vào hồi ông trí sĩ. Thơ ông: phần chữ Hán mới là phần chính, nó biểu hiện sắc thái cá tính đặc thù của tác-giả hơn phần quốc-âm.

Toàn tập có tới hơn ngàn bài.

Ông mất ngày 28 tháng 11 năm Ất-dậu (1537), hưởng thọ 95 tuổi, môn-đệ tôn hiệu ông làm Tuyết-Giang Phu-tử.

Tôi cố sưu-tầm và dịch tập thơ này vì nó là phản-ảnh tư-trào văn-nghệ và sĩ-khí của thế-kỷ thứ XVI. Công việc khó khăn, vất vả và vô cùng đối với một người học văn nông cạn như tôi. Sốt sắng làm việc này, chỉ là phụng sự phần nào cho tiền-đạo văn-nghệ (nói riêng) và văn-hóa (nói chung) của nước nhà, mong bạn đọc lượng cho.

### Bạch-Vân am thi tập tiền tự.

Phù tâm chí sở chí vị chí, nhi thi sở dĩ ngôn chí: hữu chí ư tiến đức giả, hữu chí ư công danh giả, hữu chí ư nhàn dật giả.



Dư ấu thừa đình huân, trường đăng sĩ bản, văn chí  
 nhàn dật, dĩ sơn thủy tự ngu, vụ chuyết ư thi, nhiên thị thi  
 nhân tịch, vị y đắc liễu ! Mỗi nhân giả khoáng, thác hứng  
 ngâm vịnh: hoặc mỹ sơn thủy chí thắng, hoặc dĩ hoa mặc chi  
 tú, hoặc tức cảnh nhi ngụ ý, hoặc tức sự nhi tự thuật, các  
 chí kỳ chí, thi nhất thiên thủ, biên tập thành thư, dĩ Bạch-Vân  
 tập tự danh.

Lão chuyết dĩ tiếu, cố bất năng từ, hậu chí quân từ,  
 hạnh thứ yên.

**Dịch:**

Sự phát hiện của tâm là chí, Thơ là bày bỏ chí. Có người chí  
 ở tiến đức. Có người chí ở công danh. Có người chí ở nhàn dật.

Ta nhỏ nhờ gia-huân ; lớn dự khoa-hoạn ; về già chí ở nhàn dật,  
 lấy non nước làm vui, thơ rất vụng, nhưng nghiệp thơ đã thành một  
 bệnh không chữa được ! Mỗi khi nhân hạ thường ngẫu hứng ngâm vịnh :  
 hoặc yêu hình thắng của núi sông, hoặc thích thanh tú của hoa trúc,  
 hoặc tức cảnh ngụ ý, hoặc tức sự tự thuật, đều là ghi lại cái chí của mình.  
 Thơ một ngàn bài biên thành tập, mệnh danh là Bạch-Vân.

Già cả, vụng về, buồn bã, vì vậy chẳng thể chau chuốt từ hoa, rất  
 mong các bậc Quân-tử hậu tiến thứ cho là may.

**BẠCH-VÂN AM THI-TẬP**

**DỊCH-ÂM**

自述

**I. - TỰ-THUẬT**

萬	里	鯉	鵬	早	香	身
Vạn	lý	côn	bằng	táo	phấn	thân.
窮	時	聊	且	我	修	麟
Cùng	thời	liêu	thả	trấp	tu	lân.
昔	繼	金	馬	玉	堂	家
Tích	liên	kim	mã	ngọc	đường	khách,

今	伴	青	山	碧	水	入
Kim	bạn	thanh	sơn	bích	thủy	nhân.
醉	理	琴	棋	長	度	日
Túy	lý	cầm	kỳ	trường	độ	nhật,
閒	中	花	草	足	供	春
Nhàn	trung	hoa	thảo	túc	cung	xuân.
斜	陽	獨	立	都	無	事
Tà	dương	độc	lập	đô	vô	sự
笑	彼	東	風	岸	角	巾
Tiểu	bỉ	đông	phong	ngọn	dốc	cân.

**DỊCH NGHĨA**

Cá côn và chim bằng sớm đã vượt xa vạn dặm.  
 Gặp thời cùng, hãy tạm tu sửa con Kỳ-Lân (1).  
 Xưa kia, thân cận khách ngựa vàng, nhà ngọc,  
 Ngày nay bầu bạn với những người ưa thú nước biếc, non xanh.  
 Sey sửa rồi mượn thú cầm kỳ cho qua ngày,  
 Trong cái nhàn dật, hoa cỏ có thể cung cấp một mùa xuân tươi đẹp.  
 Riêng ta đứng vẫn vơ dưới bóng mặt trời tà,  
 Cười gió đông kia thổi nhẹ trên chốc khắn.

(1) Trưng-Tạ lên cầu tự núi Ni-Sơn, năm mơ thấy con Kỳ-Lân nhà  
 cái ngọc-xích trên có câu văn : « con nhà thủy tinh, nối đời suy Chu mà làm  
 Tô-Vương » ; sau bà có thai, sinh ra Khồng-Khâu, vì cầu tự tại Ni-Sơn, nên  
 đặt tên tự là Trọng-Ni.

Sau Thư-Thương là gia-thần Thúc Tôn-thị, đi săn bắt được con Kỳ-Lân,  
 lấy làm quái mà giết đi rồi đem đến hỏi Khồng-Khâu. Khồng-Từ trông thấy than  
 rằng : « Ngộ đạo cùng hỷ ! » (Đạo ta cùng vậy ! ) Vì vậy, con Kỳ-Lân là vật biểu  
 hiện cho đạo Nho.

DỊCH THÀNH THƠ

Muôn dặm đường mây sớm dự phần,  
 Trau giời kính sử buổi gian-truân.  
 Ngựa vàng lâu ngọc thời lưu-luyến,  
 Nước biếc non xanh há ngại ngần.  
 Tháng lun cầm thơ vui có rượu,  
 Người nhàn hoa cỏ dễ nên xuân.  
 Tà dương, đứng lặng xem cơ sự,  
 Cười gió đông kia cứ lửa lãn...

II

重	招	物	議	愛	疎	懼
Trùng	chiêu	vật	ngị	ái	sơ	dung.
歸	意	誰	知	馬	首	東
Qui	ý	thùy	tri	mã	thủ	đông.
冷	怯	秋	霜	雙	鬢	白
Lãnh	kiếp	thu	sương	song	mấn	bạch,
峻	添	春	酒	數	杯	同
Noãn	thiên	xuân	từ	sở	bồi	đồng.
利	名	自	古	終	為	累
Lợi	danh	tự	cổ	chung	vi	lụy,
文	字	從	今	不	要	工
Văn	tự	tùng	kim	bất	yếu	công.
若	問	舊	家	何	所	有
Nhược	vấn	cựu	gia	hà	sở	hữu,
白	雲	庵	月	雪	江	風

Bạch-Vân . am nguyệt, Tuyết-Giang phong.

DỊCH NGHĨA :

Rước mãi những lời dị-nghị, vì chèn mắng sự thế.  
 Vô ngựa sang Đông, ai biết ý ta muốn về đã lâu ?

Sợ cái lạnh của sương thu mà đôi mái tóc đã trắng xóa.

Thích cái ấm-áp của rượu xuân, muốn uống thêm vài chén nữa.

Lợi-danh tự ngàn xưa, kết-cục vẫn vì nó mà mang lụy,

Nói đến văn-tự ngày nay, chớ nên cầu hay.

Nếu muốn hỏi nhà ta có những gì quý báu,

Thì ta trả lời họ ngay rằng : « Trăng am Bạch-Vân và gió sông  
 Tuyết-Giang.»

DỊCH THÀNH THƠ

Về thôi ! chèn mắng mặc khen chê.  
 Vô ngựa sang Đông (1) lướt dăm hòe.  
 Mái tóc dăm sương thu lạnh lẽo,  
 Bàu xuân nâng chén rượu để mê.  
 Lợi danh tự cỏ, thương lăm lữ,  
 Chữ nghĩa ngày nay, chịu vụng về.  
 Khe Tuyết, am Mây, bằng muốn hỏi,  
 Kho trời trăng gió đượm tình quê,

III

一	自	花	迹	快	着	鞭
Nhót	tự	hoa	đồ	khóai	trước	tiên.
不	才	自	愧	愧	諸	賢
Bất	tài	tự	sủy	quí	chư	hiền.
清	時	朝	不	庸	新	進
Thanh	thời	triều	bất	dung	tân	tiến,
白	髮	人	猶	道	少	年
Bạch	phái	nhân	do	đạo	thiếu	niên.
暮	秋	携	香	秋	圃	裡
Lê	trượng	huê	hương	thu	phố	lý,

(1) Tỉnh Hải-Dương xưa là Hồng-Châu, thường gọi là tỉnh Đông. Làng  
 Trung-Am thuộc tỉnh đó.



蘆花 漫 月 雪 江 邊  
 Lư hoa tằm nguyệt tuyết giang biên.  
 閒 中 自 有 閒 中 趣  
 Nhân trung tự hữu nhân trung thú,  
 一 片 孤 帆 弄 野 煙  
 Nhất phiến cô phàm lộng dã yên.

DỊCH NGHĨA

Từ phen ra roi ngựa, tới xem hoa trong vườn Ngự-Uyên. (1)  
 Tự lượng bất tài, vẫn lo sợ hồ thẹn sánh vai các bậc hiền thần.  
 Thời buổi thanh-bình, nên triều-đình không cần dùng lắm những  
 người mới tiến bước.  
 Đến khi tóc bạc, người ta hay nhắc lại chuyện ngày niên thiếu.  
 Chiếc gậy lê mang theo cả hương thơm trong vườn thu.  
 Bên bờ Tuyết-giang, hoa lau đã nở nhiều trong ánh trắng.  
 Trong cái nhàn, tự có nhiều thú nhàn.  
 Kìa trong một cánh bướm bay phơi phới trong làn khói đồng  
 tằm mịn.

DỊCH THÀNH THƠ

Vườn Ngự, từ phen ruổi ngựa hồng,  
 Không tài, tự thẹn sánh chư công.  
 Thanh bình triều chẳng ưa hiền trí,  
 Suy nhược người càng tiếc trẻ trung!  
 Gậy trúc vườn thu hương luyến gió,  
 Hoa lau bến vắng nguyệt vờn sông.  
 Trong nhàn sẵn có bao nhàn thú,  
 Một cánh bướm mơ quện khói đồng.

(1) Sau khi đậu kỳ đình thí, thí sinh được dự yến trên doanh-đài và cưỡi ngựa xem hoa trong vườn Ngự.

IV

不 待 投 章 便 解 簪  
 Bất đãi đầu chương tiện giải trâm.  
 田 園 舊 約 好 重 尋  
 Điền viên cựu ước hảo trùng tìm.  
 喧 無 車 馬 罕 春 隄  
 Huyền vô xa mã lao xuân thùy,  
 樂 有 園 書 老 客 吟  
 Lạc hữu đồ thư lão khách ngâm.  
 萬 古 東 風 曾 識 面  
 Vạn cổ đông phong từng thức diện,  
 一 江 流 水 是 知 音  
 Nhất giang lưu thủy thị tri âm.  
 何 年 再 覩 唐 虞 治  
 Hà niên tái đồ Đường Ngu trị.  
 倩 了 君 民 致 澤 心  
 Thuởng liễu quân dân trí trạch tâm.

DỊCH - NGHĨA

Chẳng đợi lúc dâng tờ tấu, đã có ý muốn giải chức từ lâu.  
 Cái ước cũ điền viên, phải tìm cho bằng được!  
 Không có tiếng huyền nào của xe ngựa, có thể yên ổn trong giấc mơ xuân.  
 Vui có sách vở, dễ ngâm đọc cho khuấy tuổi già.  
 Muốn thuở, gió đông đã từng biết mặt,  
 Một dòng nước chảy ấy là tri-âm.  
 Đến năm nào, được thấy thịnh-trị đời Đường-Ngu (1)  
 Để trả cho xong cái ơn lớn của nước và dân.

(1) Đường Ngu là vua Nghiêu họ Đào-Đường và vua Thuấn họ Hữu-Ngu.

Sử ký chép vua Nghiêu ở ngôi 70 năm. Khi già, nhường ngôi cho Tử-Nhạc nhưng Tử-Nhạc không nghe, bỏ trốn vào rừng. Vua Nghiêu xuống chiếu cử người hiền tài ẩn dật. Nhân-dân đồng tiến cử ông Thuấn. Vua Nghiêu truyền ngôi cho họ Hữu-Ngu rồi gả cho hai nàng Công-chúa là Nga-Hoàng và Nữ-Anh.

## DỊCH THÀNH THO

Chẳng đợi dâng tờ, đã mở trâm,  
Tìm về vườn cũ ước xa xăm.  
Lối không xe ngựa yên hồn mộng,  
Vui có đồ thư bạn cò kìm.  
Muôn thuở gió đông từng biết mặt,  
Một dòng nước chảy ấy tri-âm.  
Bao giờ trời đất thẳng bình lại,  
Trả trọn quân dân nghĩa vạn tâm.

(Còn nữa)

TRẦN-THANH-ĐẠM

THI-CA

## TIẾNG THU

Trời thu trải ánh trăng mờ,  
Sương thu lác đác, liêu sơ sắc vàng.  
Mây thu nhẹ phủ lưng ngàn,  
Gió thu vi-vút điệu đàn thông reo.  
Tiếng thu vắng vắng trên đèo,  
Nghe thu lại nhớ đến chiều thu xưa.  
Con sông Bến-Hải đôi bờ,  
Ai đi, ai ở, ai chờ đợi ai ?  
Bắc Nam đôi ngã xa vời,  
Trông về cố-quận ngậm-ngùi lòng quê !  
Thu đi thu lại trở về,  
Sầu thu man-mác, buồn tê tái buồn.  
Dặm nghìn cách trở nước non,  
Ai đem sẻ mảnh trăng tròn làm đôi ?

HỒNG-THIÊN nữ-sĩ

VĂN-HÓA — SỐ 42



LỊCH-TRÌNH

## VĂN-HỌC VIỆT-NAM

Nguyên-tác của MAURICE DURAND  
Bản dịch của TÂN-VIỆT-ĐIỀU

Văn-chương Việt-Nam mà chúng tôi trình bày ở đây gồm tất cả các văn-phẩm bằng chữ Hán, chữ Việt do người Việt-Nam sáng-tác.

Những văn-phẩm ấy đã phản chiếu các đặc-tính lịch-sử chính-trị và các ảnh-hưởng về hình-thức cũng như tinh-thần những thời gián-tiếp hoặc trực-tiếp mà nước Việt-Nam bị Trung-Hoa và Pháp đô-hộ.

Văn chương Việt-Nam chịu ảnh-hưởng Trung-Hoa bởi những thể văn có qui-tắc tỉ-mỉ, thấm nhuần một triết-lý Khổng-Giáo có tánh-cách thực-hành và bảo thủ trật-tự xã-hội, hay đạo Lão với cái thế-giới thần-thánh huyền-bí lý-kỳ, hay Phật-Giáo với sự tiêu-cực chán đời.

Bởi những ảnh-hưởng phiền toái như thế, nên văn-chương Việt-Nam bị câu nệ, không thể nào phát-triển được cái kho tàng vô-giá tiềm thế của một dân-tộc mà sự thông-minh hoạt-bát, tinh vô tư-lý,, tình yêu quê cha đất tổ đã bộc-lộ trong các tác-phẩm bình dân của một số văn-sĩ vô-danh đã tự ý thoát-ly vòng cương-tòa của người Tàu.

Tây-Phương đã nhập khâu vào Việt-Nam những tư-tưởng, nguyên nhân tác-dộng đem lại cho người Việt-Nam một tinh-thần mới, biết phát-biểu tư-tưởng một cách giản-dị thực-tế, biết cấu-tạo có mạch lạc câu văn, biết quan-

VĂN-HÓA — SỐ 42



sát chân lý, nên đã thay đổi hẳn cục-diện văn-chương Việt-Nam hiện đại và cho người ta có triển-vọng nhiều ở tương-lai.

### VĂN-CHƯƠNG VIỆT-NAM BẰNG HÁN-TỰ

Văn-chương Việt-Nam bằng Hán-tự thường mô-phỏng theo tinh-thần và hình-thức của Trung-Hoa :

Những văn-phẩm cũ nhất đã sáng-tác từ thế-kỷ XI thường là thi ca hay tản-văn thấm nhuần triết-lý Phật-Giáo do các nhà sư hay những quan đại-thần của triều Lý, Trần để lại.

Các hòa-thượng ở Việt-Nam cũng như các vị tăng-lữ đời Trung-cô ở Âu-Châu là những người đã bảo-trì nền văn-hóa : các Phật-Đường hay tu-viện là những bảo-tàng viện và tạo-tác trường của các văn-phẩm.

Trong các vị sư còn lưu danh đến nay có sư Khánh-Hy, tác-giả quyển *Ngó Đạo thi-ca tập*, sư Bảo-Giám, sư Bảo-Giác tác-giả quyển *Viên thông tập*, hai sư Không-Lộ và Từ-Đạo-Hạnh nổi danh là những vị thuật-sĩ, v. v.... Những thi-văn của các vị ấy lưu lại tựu trung đều phu diễn xung quanh những vấn-đề sáo ngữ về tư-tưởng triết-lý Phật-Giáo.

Dưới đây là hai mẫu điển-hình của lối văn ấy do sư Mãn-Giác viết ra :

Xuân khứ bách hoa lạc,  
Xuân đáo bách hoa khai.  
Sự trục nhân thiên quá,  
Lão định (1) đầu thượng lai.  
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận,  
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.

DỊCH :

Thời-tiết qua rồi lại,  
Hẹn hò xuân với hoa.  
Trước mắt thời đưa việc,  
Trên đầu tóc giục già.  
Chớ nói xuân tàn hoa cũng vậy,  
Sân mai một đóa rười hờm qua !

(ĐINH-VÂN-CHÁP dịch)

Chú thích : (1) Có bản chép là *tùng*

Những tư-tưởng tương-tự như trên cũng được sư Vạn-Hạnh diễn-tả trong bài tứ-tuyệt dịch sau đây :

*Thân như chớp nhoáng, có rồi không !  
Xuân tươi, thu rạc, cỏ cây cùng.  
Mặc vận thịnh suy không sợ hãi,  
Thịnh, suy : đần cò, giọt sương trong.*

(*Khuyết-Danh*)

Dưới đời nhà Lý, Phật-Giáo được ưu-đãi nên thế-lực các nhà sư cũng tăng-tiến, các vua và bá quan văn-vô đều dùng Hán-tự làm *chuyên-tự*

Hai vua Lý Thái-Tổ, Lý Nhân-Tôn và hai tướng quân Lý Thường-Kiệt, Tô-Hiến-Thành đều nổi tiếng là đại văn-hào.

Sư chép rằng tướng-quân Lý Thường-Kiệt khi xuất binh đánh nhà Tống đã làm một bài thơ tứ-tuyệt, lời lẽ chân thành cảm động đề biểu lộ lòng trung thành của mình đối với quân vương :

Nam-quốc sơn-hà Nam-Đế cư,  
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.  
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,  
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

DỊCH :

*Người Nam mình ở nước Nam,  
Phận riêng định-đoại muôn năm bởi trời.  
Bằng ai phạm đến giớng nòi,  
Đánh cho đại bại một hồi biết tay.*

(VŨ-HUY-CHÂN dịch)

Dưới đời nhà Trần, người ta nhận thấy hai điềm quan-trọng trong văn-học :

Sự ưu-thể của sĩ-phu trên các vị sư và sự quan-hệ của các tác-phẩm về loại tản-văn.

Dưới đời nhà Trần, thi-văn vẫn được các các bậc vua chúa, các vị thượng-lưu trong tăng-lữ trau-giồi nhưng chính các sĩ-phu và các bậc

đại văn-hào như Mạc Đĩnh-Chi, Trương Hán-Siêu và Chu-Văn-An mới đóng vai chính trong nền văn-học Việt-Nam thời ấy.

Ở thế-kỷ XIII, Trần Quốc-Tuấn được nổi tiếng là anh hùng đẹp quân Mông-Cổ và là tác-giả quyền Bình-Thư yếu lược trong ấy có bài hịch cho quân sĩ rất hùng hồn, mà dưới đây là một đoạn trích lược :

«Nhữ đẳng tọa-thị, chủ nhục tăng bất vi ưu. Thân đương quốc sĩ tăng bất vi quý. Vi quốc-trung chi tướng, thị lập di tù nhi vô phân tâm, thính thái thường chi nhạc, yến hưởng nguy nhi vô nộ sắc. Hoặc đấu kê dĩ vi lạc, hoặc đồ bác dĩ vi ngu, hoặc sự điền viên dĩ dưỡng kỳ gia; hoặc luyện thể tử dĩ tư ư kỳ; tu sinh sản chi nghiệp nhi vọng quân quốc chi vụ, tứ điền lạp chi du nhi đãi công thù chi tập; hoặc cam mỹ tửu, hoặc thị dâm thanh. Thoát hữu gia Thát chi khấu lai, hùng kê chi cụ bất túc dĩ xuyên lỗ giáp, đồ-bác chi thuật bất túc dĩ thi quân mưu, điền viên chi phú bất túc dĩ kích tặc chúng, mỹ tửu bất túc dĩ cư lộ quân, dâm thanh bất túc dĩ tủng lỗ nhĩ... ».

*«... Nay các người trông thấy chủ nhục mà không biết lo, trông thấy quốc-sĩ mà không biết thẹn, thân làm tướng phải hầu giặc mà không biết tức, tai nghe nhạc để hiển nguy-sức, mà không biết căm ; hoặc lấy việc chơi gà làm vui đùa, hoặc lấy đánh bạc làm tiêu-khiến, hoặc vui thú về vườn ruộng, hoặc quyến luyến về vợ con, hoặc nghĩ về lợi riêng mà quên việc nước, hoặc ham về săn bắn mà quên việc binh, hoặc thích rượu ngon, hoặc mê tiếng hát. Nếu có giặc đến, thì cựa gà-trống sao cho đảm thừng được áo giáp; mẻo cờ-bạc sao cho dùng nổi được quân mưu ; dẫu rằng ruộng lắm tiền nhiều, thân ấy nghìn vàng khôn chuộc ; chén rượu ngon không làm được cho giặc say chết ; tiếng hát hay không làm cho giặc điếc tai...»*

(TRẦN TRỌNG KIM dịch)

Cuối thế-kỷ XIII, ông Lê Văn Hưu viết ra quyền Đại Việt Sử-Ký làm căn-bản cho lịch-sử chính thức của Việt-Nam. Cũng vào thời-kỳ ấy, một quyền lịch-sử khác An-Nam chỉ lược cũng được ông Lê-Tắc soạn ra. Vì ông

là một quân-nhân đào ngũ theo Trung-Quốc, nên tác-phẩm này không được tín-nhiệm.

Thế-kỷ thứ XIV lưu-truyền lại quyền Việt-Điền U-Linh Tập rất quan-hệ về lịch-sử và thành tích của dân-tộc Việt-Nam, tác-giả là ông Lý Tế-Xuyên.

Các vị vua nhà Lê cũng như nhà Trần đều là những bậc văn-hào rất ưu ái với nền văn-chương quốc-gia. Vua Lê Thánh-Tôn đã đặt ra Hội Văn-Học trong nhóm quân thần, lấy tên là Tao-Đàn Nhị Thập Bát Tú.

Vua Lê Thánh-Tôn và hội Văn-Học của ngài đã bày ra một thể văn tán kỳ gọi là « Vịnh sử », hành văn tự-do mục-dịch dùng để tuyên dương các bậc vĩ-nhân hoặc ghi nhớ các biến-cố lịch-sử.

Theo các thi-văn đã được sưu tập và lưu-truyền thì hai ông Nguyễn-Trãi và Nguyễn Bình-Khiêm là văn-hào lỗi-lạc hơn hết.

Ông Nguyễn-Trãi quê ở Hà-Đông, hậu-duệ của những bậc sĩ-phu danh tiếng lừng lẫy.

Ông đó tảo-sĩ năm 21 tuổi. Ông và thân-phụ Nguyễn Phi-Khanh đều là trong-thần nhà Hồ, nhưng sau khi nhà Hồ bị quân Minh đánh bại và đặt lại ách đô-hộ thì ông đầu quân theo ông Lê-Lợi trong 10 năm kháng chiến. Khi người anh-hùng Lam-Sơn thăng quân Tàu lên ngôi Hoàng-đế, ông cũng được vinh-hiền một thì Đến năm 60 tuổi, ông xin nghỉ quan lui về an-dưỡng tuổi già ở núi Côn-son, tỉnh Hải-Dương.

Tục truyền rằng người thiếp của ông tên Nguyễn-thị-Lộ là nguyên-nhân làm ông bị hành-quyết thảm thương.

Nguyễn-thị-Lộ là một thiên tuyệt sắc giai-nhân, nhưng sinh-trưởng trong nơi hèn hạ.

Một hôm ông gặp nàng và làm bài thơ tứ-tuyệt sau này để tỏ nỗi lòng :

*À ở đâu mà bán chiếu gon ?*

*Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn ?*

*Xuân thu nay độ bao nhiêu tuổi ?*

*Đã có chồng chưa được mấy con ?*

Nàng đã đối lại trong 4 vãn thơ này :

*Tôi ở Tây hồ, bán chiếu gon,*



*Nội chi ông hỏi kết hay còn.*

*Xuân thu tuổi mới trăng tròn lẽ,*

*Chờng còn chưa có, có chi con !*

Vua Lê Thái-Tôn cũng cảm tài sắc của Thị-Lộ nên thường mượn nàng theo trong các cuộc du-ngoạn.

Năm 1442, nhơn một dịp đi kinh-lý ở tỉnh Bắc-Ninh, vua làm bịnh và liền sau đó băng hà trong phòng của Thị-Lộ nên Thị-Lộ bị tình-nghi đầu độc vua và bị xử án trảm và tru-di tam tộc, trong số nạn nhơn, ông Nguyễn-Trãi là chồng chính-thức nên cũng bị hành quyết luôn.

Về phương-diện Hán-văn, ông Nguyễn-Trãi là một tác-giả phong-phú đủ các thể. Ông đã thảo ra bài tản-văn chép trên bia ca-tụng công-đức vua Lê-Lợi. Người ta còn truyền rằng ông cũng là tác-giả các văn-kiện trao-đổi giữa vua Lê-Lợi và các tướng nhà Minh và tất cả những bài hịch cho quân-sĩ.

Dưới đây là một khoản trích-lục của bài tuyên-cáo quốc-dân sau khi vua Lê-Lợi đại-thắng quân Minh. Người ta nhận thấy trong bài này ông đã si-nhục sự tàn-bạo, giảo-hoạt của quân Tàu cũng như sự phân-bội cướp ngôi tiếm vị của nhà Hồ :

*« ... Pừa rồi : Vì họ Hồ chính-sự phiến-hà, để trong nước nhân-dân oán hận. Quân cuồng Minh đã thừa tế ngược, bọn gian-tà còn bán nước cầu vinh. Nước dân đen trên ngọn lửa hung-tàn, vì con đồ xuống dưới hầm tai vạ. Chước đời đủ muôn nghìn khốc, ác chúa ngót hai mươi năm. Bạt nhân nghĩa, nát cả càn khôn, nặng khoa-liếm vét không sơn trạch : Nào lên rừng đảo mỏ, nào xuống biển mò châu, nào hó bầy hươu đến nào lưới đồ chim sả. Tàn hại còn-trùng thảo-mộc, nheo nhóc thay ! quan quã điên liên. Kê há miệng, đũa nhe răng, máu nữ bấy no-né chưa chán. Nay xây nhà, mai đập đất, chân tay nào phục dịch cho vèra. Nặng-nề về những núi phu phen, bất bở mắt cả, nghề canh cấy ! Độc ác thay ! trúc rừng không ghi hết tội ! Đờ bán thay ! nước bể không rửa sạch mùi... »*

Ông Nguyễn-Trãi còn để lại quyền Dự-dự-chỉ là một tài-liệu địa-dư rất kỳ-cựu.

Về thi-văn, ông để lại quyền Úc-Trai Thi-Tập.

Ông Nguyễn-Bình-Khiêm hay Trạng-Trình là một văn-hào tiếng-tâm lừng lẫy. Ông sống vào khoảng hai niên-kỳ 1481 và 1585.

Ông là một quan Đại-thần của nhà Mạc nhưng sớm xin từ quan về quê sống 40 năm trong cảnh âu-dật an-nhàn. Ông đã lưu lại cho hậu-thế quyền Bạch-Văn thi-tập. Danh tiếng của ông do những lời tiên-đoán chính-trị gọi là Sấm. Những sấm có tánh-cách hồ-đồ khó hiểu nên dễ mà giải-thích theo tất cả hoàn-cảnh. Sấm của Trạng-Trình được hoan-ngheh cũng chẳng có gì lạ vì người Việt-Nam kể cả các nhân-vật có học-thức đều ưa mê-tin. Dưới đây là một mẫu thi-văn Hán-tự của ông Nguyễn-Bình-Khiêm :

Danh toại công thành hưu hỷ hưu,  
Đông nhàn thế cố nhất hư châu.  
Phong lai giang quán lương nghi hạ.  
Nguyệt đảo thư lâu minh chính thâu.  
Hồng nhật đồng thông tri đại hải,  
Bạch vân tây vọng thị thiên châu.  
Khê sơn diệc tức cung nọc lợc,  
Nhãn phụ tiền minh vọn lý âu.

#### DỊCH - NGHĨA

*Như thế cũng gọi là công toại danh thành rồi đấy, thời thế cũng nên thôi,  
Việc đời phó mặc con thuyền chơi vơi nọ lênh-đênh muốn đến đâu thì đến  
mà ta tìm lại cái thú vui của ta.*

*Khi cơn gió mát thổi vào cái quán chõ ta ngồi bên sông nọ, ấy là mùa hạ ;  
Lúc bóng trăng soi cái lầu chõ ta ngồi xem sách kia, ấy chính mùa thu.  
Ta trông thấy vầng hồng mọc lên ở đằng đông thì ta biết đó là chỗ thần châu.  
Ấy cái thú nước non như thế cũng đủ cho ta vui.*

*Vậy đàn bồ-nồng ngoài bể khơi muốn dạm mà ta đã thề cùng với chúng  
kết làm bạn « vong cơ », thì ta nay nữ lòng nào mà phụ-phàng với thế xưa  
cho đặng.*

(ĐO-NAM dịch)

Xuyên qua hai thế-kỳ XV và XVI, văn-chương Việt-Nam viết bằng Hán-tự rất phong-phú trên các phương-diện : chính-sử, tiểu-thoại, truyện kỳ hay dã-sử.

Dưới đời nhà Trần, ông Lê Văn Hưu đã viết sử-ký và sau ông còn có nhiều bộ khác được soạn-thảo trong đó có bộ Đại-Việt Sử-Ký Toàn Thư, tác-giả ông Ngô Sĩ Liên.

Về các truyện-kỳ, hai quyển quan-hệ đã được sáng-tác, quyển Lĩnh-Nam Trích-Quái và Truyện-Kỳ Mạn-Lục.

Từ thế-kỷ XVII đến đầu thế-kỷ XX, văn-chương Việt-Nam bằng Hán-tự rất thịnh hành. Về thi-văn, có rất nhiều tác-giả tên tuổi, nhưng tất cả đều lấy những đề-tài bất di-dịch như miêu-tả các thắng cảnh, cảm-tác khi đi sứ sang Trung-Quốc hay một ngoại-bang khác, ca ngợi cảnh an-nhàn.

Trong các tác-giả đã có tên tuổi, ông Đặng-Trần-Côn và Nguyễn-Du là đặc sắc hơn.

Ông Đặng-Trần-Côn sống vào khoảng đầu bán thế-kỷ XVIII. Ông đã viết ra bằng Hán-tự quyển Chinh-Phụ Ngâm mà nữ thi-sĩ Đoàn-Thị-Điềm đã dịch ra Việt-văn với những nét văn-chương tuyệt-tác.

Ông Nguyễn-Du là tác giả tập truyện vô-cùng danh tiếng Kim Vân Kiều. Ông cũng còn viết quyển Bách-Thanh Thi-tập bằng Hán-tự đề kể cuộc đi sứ-giả của ông sang Trung-Quốc năm 1813.

Về phương-diện lịch-sử và địa-dư, nhà Nguyễn đã để lại những tác-phẩm dồi-dào. Sở Hoàng-Gia Sử-Ký đã hoàn-thành quyển Khâm-Định Việt-Sử Thông-Giám Cương-Mục năm 1884, và quyển Đại-Nam Nhất-Thống Chí năm 1882, dưới triều Tự-Đức.

Hai ông Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú đã soạn-thảo bằng Hán-tự một công-trình bác-học vi-đại làm một kho tàng quý-giá cho những người sưu-tầm về lịch-sử và văn-chương Việt-Nam.

Với một cái quá khứ nặng trĩu vinh-hạnh như thế nhưng văn-chương Việt-Nam viết bằng Hán-tự cũng chỉ còn sống những ngày tàn, mặc dù trong các đề thi còn dùng Hán-tự, các vị phụ-mẫu dân còn lưu-luyện dùng nó, các nghị-dịnh công-văn của triều-đình còn viết bằng Hán-tự, cũng như các ông tân quan hiện đại bước vào con đường hoạn-lộ, các vị quan đến tuổi trí-sĩ đều dùng Hán-tự để phát-biểu tư-tưởng. Trái lại, đại chúng sống trong một quan-niệm khác hẳn : họ muốn có một nền văn-chương Việt-Nam thuần túy.

### VĂN-CHƯƠNG BẰNG NGÔN-NGỮ VIỆT-NAM

Văn-chương Việt-Nam dùng hai văn tự : chữ Nôm rút ở Hán-tự và chữ quốc-ngữ lấy ở chữ La-Mã.

Những tác-phẩm viết bằng chữ Nôm rất phong phú. Chữ nôm xuất-phát từ một nguồn-gốc, cơ-hội nào chưa ai dám xác-định nhưng chắc là vào sau thời-kỳ đồ-hộ đầu tiên của Trung-Hoa.

Đến cuối thế-kỷ XIX do sự đồ-hộ của Pháp mà ảnh-hưởng của Trung-Hoa bị loại lần và người ta đã dùng một thứ văn-tự giản-dị hơn, rút ở chữ La-Mã, ấy là chữ Quốc-ngữ mà ngày nay đã chiếm một địa-vị đơn độc trong nền văn-chương Việt-Nam.

Chữ Nôm dùng Hán-tự viết theo âm-thanh Việt nhưng cứ giữ ý nguyên ý nghĩa của Hán-tự, ví dụ chữ Tình, tàu là Cheng đều cùng một ý nghĩa là một đơn-vị lãnh-thô về hành-chánh ; hay Hán-tự với ý nghĩa của nó nhưng phát-âm theo Việt-Nam hơi khác một tí, như chữ Côi, tàu là Kou ; hay ý-nghĩa khác hẳn, mà hơi giống về âm-thanh như chữ Một, tàu là Mou ; hay dùng nhiều chữ Hán ghép lại với nhau, một phần chữ dùng về ý nghĩa, một phần về âm-thanh, như chữ Nấm, thì có một nửa chữ phát-âm theo tàu là Nan, còn một nửa có nghĩa là nấm.

Chữ Nôm còn dùng để ghi những âm-thanh hoàn toàn Việt-Nam như chữ Trời mà trong ngữ-vựng Hán-tự không có.

Các văn-sĩ đầu tiên đã dùng chữ Nôm có lẽ là ba ông Nguyễn-Thuyên hay Hàn-Thuyên (đầu thế-kỷ XIII), ông Nguyễn-Sĩ-Cò (cuối bán thế-kỷ XIII) và ông Chu-Văn-An (thế-kỷ XIV).

Các tác-phẩm chữ Nôm xưa nhất còn lưu lại là quyển Chiêu-Quân Cống Hồ, chuyện một công-chúa bị ép duyên với một ông vua Chăm. Bức-cục của chuyện giống y như truyện một công-chúa Trung-Quốc bị gả ép cho vua Hung-Nô ; chuyện cổ đầu người của Nguyễn-Biêu, truyện Trinh Thử, và một số bài văn khác đã được gom góp lại trong quyển sưu-tập Nghĩa-sĩ truyện của ông Hoàng-Trung.

Thời kỳ phồn thịnh của chữ Nôm bắt đầu từ thế-kỷ XVI đến XIX, nhưng phải cái cổ bịnh là cứ mô phỏng theo người Trung-Hoa cả hình thức và tinh-thần.

Tiếng Việt-Nam là thứ tiếng đọc âm, nên về thi-văn mỗi chữ là một vẻ, mỗi câu thơ có vần ở cuối hoặc trong câu tùy trường-hợp. Tất cả các ngữ đều chia ra làm hai âm-vực : Bình và trắc



*Bình* là những loại ngữ có âm thanh trầm, khi phát âm không khó khăn, không phải uốn giọng.

*Trắc* là những loại ngữ lúc phát âm cần phải lên giọng và có một ít cổ sức.

Một quyền truyện viết theo thể thi văn dài ngắn không có hạn định, nhưng phải bắt đầu với một câu thơ 6 vế và chung kết với một câu 8 vế.

Trong sự phân phối ngữ điệu của một quyền truyện viết lối lục bát, tác-giả phải theo qui-luật sau đây :

Câu thơ 6 vế phải đặt thứ tự :

*Bình bình trắc trắc bình bình,*

Câu thơ 8 vế phải đặt thứ tự :

*Bình bình trắc trắc bình bình trắc bình.*

Ngữ chốt của câu thơ 6 vế phải cùng một vần với ngữ thứ 6 của câu thơ 8 vế kế tiếp, và ngữ chốt của câu thơ này phải cùng một vần với ngữ sau cùng của câu thơ 6 vế tiếp sau v.v...

Tất cả các vận trong bài thơ đều nằm trong âm vực bình, nhưng cũng có miễn lệ cho những ngữ thứ 1, 3 và 5.

Từ thế-kỷ XVIII đã có nhiều thi-sĩ tỏ ra rằng tiếng Việt-Nam cũng đã phong-phú về mặt âm-vận tất cả tình-cảm tinh-vi của tâm-hồn, cũng như miêu-tả những cái biểu hiện vật chất của thế-giới hữu hình.

Về thể thi-văn bi-ca, nữ thi-sĩ Đoàn-Thị-Điễm đã phiên-dịch quyền Chinh-Phụ ngâm của Đặng-Trần-Côn là một công-trình lãng-mạn kiệt-tác.

Thi-sĩ Nguyễn-Gia-Thiều thường gọi là Ôn-Như Hầu cũng nổi danh với một áng bi-văn khác : Cung-Oán Ngâm-Khúc.

Truyện thì có hai tác-phẩm đặc-sắc nhất là truyện Hoa-Tiên và Kim Vân-Kiều.

Hoa-Tiên là một truyện do tác-giả ông Nguyễn-Huy-Tự viết ra, sau được ông Nguyễn-Thiện bỏ khuyết, phỏng theo một truyện Tàu, có một ngôn ngữ cao nhã, văn thể giản-minh, những ám-chỉ văn-chương rất bóng bành, với một ngữ-vận chải-chuốt nên đã được giới sĩ-phu hoan-ngheh.

Kim Vân-Kiều trái lại dung-dĩ, nhân-vật nồng cốt là nàng Kiều có những màu đời sống thắm trầm đau khổ được tả bằng những câu thơ cảm-

động tuyệt diệu. Nhờ nhiều người đã phiên-dịch truyện Kiều ra Pháp-văn nên tác-phẩm này đã được ngoại-quốc biết đến.

Về thi-văn thường, có hai đại nữ thi-sĩ là bà Hồ-Xuân-Hương và bà Huyện Thanh-Quan.

Bà Hồ-Xuân-Hương có một lối thơ dung-dĩ, bà thường phê-bình cái số-đoạn thị dục của con người ta qua cá-nhân của bà một cách ranh mãnh phóng túng.

Bà Huyện Thanh-Quan là một thi-sĩ có tình cảm cao thượng, bà miêu-tả tạo vật qua những câu thơ vô cùng phong-nhã.

Cũng có một số thi-sĩ khác ít tên tuổi hơn như ông Nguyễn-Đình Chiểu tác-giả truyện Lục Vân Tiên, các truyện khác như Nhị Độ Mai, Phan-Trần, Bích-Câu Kỳ Ngộ, Nữ Tú-Tài, và Lý Công.

Bên những truyện viết bằng thi-văn, còn có những bài ca là một thể văn thuần túy Việt-Nam.

Các bài ca gồm có hai loại : « thông thái » và « bình dân ».

Ca « thông thái » thì có « hát ả đầu » rất thịnh hành và khả ái, « hát nói » với những qui-lệ riêng biệt và một thể-thức hành sử như một nghi-lễ : khởi sự bằng những hồi trống nhịp nhàng gọi là « giao trống », rồi đến « giao hương ».

Hát nói được gọi là « thông thái » vì có nhiều bậc sĩ-phu danh tiếng như ông Nguyễn-Khuyến, Cao-Bá-Quát và Nguyễn-Công-Trứ đã tham gia soạn thảo nhiều bài rất hay.

Loại ca Huế thì éo-lả, trữ mẫn, và cũng có nhiều điệu khác nhau như « lưu thủy » linh hoạt như nước sông chảy, « hành vân » nhẹ nhàng như đám mây bạc bay qua, và « nam ai », « nam thương » nói ra những nỗi ai oán, buồn thương.

Người mù cũng có bài hát gọi là « hát xàm » giống như hát vè ở đời trung-cổ bên Âu-Châu.

« Hát xàm » chia ra làm 2 loại « xàm chợ » thường được hát ở các chỗ bình dân tụ-tập, như chợ búa, thương điếm và « xàm nhà trò », tao nhã hơn và lúc hát có âm nhạc hòa theo.

Cũng có loại hát gọi là « hát ru » để ru em, « hát trống quân » có trống phụ-diễn, thường hay hát về dịp lễ trung-thu, và sau hết là loại « hát đờ đưa » đem lại cho người nghe những niềm thương nhớ hão huyền.

Nhưng loại ca hát vô danh đã truyền-bá trong đại-chúng gọi là « ca dao » hay là « phong dao ». Đó là những tục-ngữ hay ngôn-ngữ truyền qua các thế-hệ. Nó là một kho tàng quý hóa để nghiên-cứu phong tục, nếp sinh-hoạt của người dân Việt-Nam.

Nếu các câu hát của các nàng ả-đào nói ra một cách tao-nhã nỗi buồn man-mác của bậc thượng-lưu trí-thức, những điệu ca huế đầy ẻo là nói lên cái ảo-ảnh của nhân-thế, thì trái lại « ca-dao » phổ-trương tất cả sự dung-dị và óc thực-tế của dân-tộc.

Ca-dao thường hay tả cuộc sống ở đồng áng của người dân quê.

Dưới đây là một bài ca-dao nói về công việc nhà nông trong bốn mùa :

*Tháng giêng là tháng ăn chơi,*

*Tháng hai trồng đậu, trồng khoai, trồng cà.*

*Tháng ba thì đậu đã già,*

*Ta đi, ta hái về nhà phơi khô.*

*Tháng tư đi tậu trâu bò,*

*Để cho ta lại làm mùa tháng năm.*

*Sớm ngày đem lúa ra ngâm,*

*Bao giờ mọc mầm ta sẽ vớt ra,*

*Gánh đi, ta ném ruộng ta,*

*Đến khi lên mạ, thì ta nhổ về.*

*Lấy tiền mượn kẻ cấy thuê,*

*Cấy xong rồi mới trở về nghỉ ngơi.*

*Cỏ lúa dọn đã sạch rồi,*

*Nước ruộng vơi mười, còn đắp một hai.*

*Ruộng thấp đóng một gàu giai,*

*Ruộng cao thì phải đóng hai gàu sòng.*

Người dân quê có ý-thức về cái ưu-thế và cái nhược-diểm của họ. Tuy làm việc khổ-nhọc nhưng còn làm được thì còn có ăn chớ các ông văn hay chữ giỏi có lúc gặp cảnh có hàng không người mua.

Ở thôn-quê còn có những thú lành mạnh êm-dềm mà người mục-đồng là kẻ được tận-hưởng hơn ai hết, nên có bài hát :

*Bao giờ đồng ruộng thành thơ,*

*Nằm trần thổi sáo vui đời Thuận-Nghiêu.*

Trong xã-hội Việt-Nam phụ-nữ là người gánh vác công việc nặng-nhọc, ở thôn quê họ tựa hồ nắm giữ địa-vị gia-trưởng, không hề nề hà đêm sức cần-lao tranh-đấu cho sự ấm no thịnh-vượng của gia-đình để người chồng được tự-do, nên chỉ người ta hát rằng :

*Chàng ơi! phải lính thì đi,*

*Việc nhà đơn chiếc đã thì có tôi.*

Người phụ-nữ Việt-Nam luôn luôn cứ nghĩ đến hạnh phúc của chồng con, lo tảo-tần bếp nước, khi chồng có bận tiếp đón niềm nở để chồng được tiếng tốt với chúng bạn để bề thù tặc.

Đề ru con ngủ, người phụ-nữ hát lên những câu hát du-dương :

*Chiều chiều con quạt lợp nhà,*

*Con cu chẻ lạt, con gà đưa tranh.*

*Chèo bèo nấu cơm nấu canh,*

*Chịa vôi đi chợ mua hành về ném.*

Những câu « hát ru » như trên ý-tứ thật kỳ-quái, người lớn không thể lý-hội được, nhưng đối với cái thế-giới Trẻ con thì vô cùng lý thú.

Lắm lúc người mẹ phải hát nhiều lần đưa bé mới ngủ. Hát rằng :

*Con vôi, con vôi,*

*Cái vôi đi trước,*

*Hai chân trước đi trước.*

*Hai chân sau đi sau ;*

*Cái đuôi sau đi rồi.*

*Tôi ngồi tôi kể nốt cái chuyện con vôi.*

*Con vôi con vôi,*

*Cái vôi...*

Một mình gánh vác cơ-đỡ nhà chồng, người phụ-nữ còn phải chịu những lời mắng nhiếc tục-tằn, những cơn sóng gió phú-phàng của đức lang-quân nữa.

Trong khi cơn ghen nổi lên, nàng tìm cách khuyên cáo chồng.

Thật là đáng đề cái óc thực-tế của người phụ-nữ Việt-Nam, nên người ta hát rằng :



Anh ơi ! anh ở lại nhà,  
Thời xuân vui thú nguyệt hoa chơi bời.  
Còn tiền, kẻ rước người mời,  
Hết tiền chẳng thấy một người nào ra !

Khi còn thanh-tân, nằng cũng dễ tâm hồn trôi theo mộng đẹp và tai nghe những lời ân-ái êm-dềm của những chàng trai trẻ...

Người phụ-nữ ở thôn quê thường có cái mộng giả nghĩa với một cậu học trò, nhưng những người chung quanh khe-khẽ bảo nàng rằng :

Ai ơi ! chớ lấy học trò,  
Dài lưng tốn vải ăn no lại nằm !  
Mùa đông trời rét cầm cùm,  
Đi cấy được bà mười sáu đồng kềm về, nó lại nằm nó ăn !

Trong những giấc mộng-diệp, người thiếu-nữ thường mơ-ước một người chồng, nên người ta hát rằng :

Thân em như cái quả xoài trên cây,  
Gió đông, gió tây, gió nam, gió bắc,  
Nó đánh lúc-la, lúc-lắc trên cành,  
Một mai vô tình rụng xuống biết vào tay ai...

Nàng chỉ biết mê cái mộng đẹp mà quên thực-tế một khi đã thành gia-thất với ý trung nhân. Người con trai không quen bỏ lỡ cơ-hội tốt, tán-tinh bằng những lời khen-tặng ngọt-ngào :

Cổ tay em trắng như ngà,  
Con mắt em sắc như là dao cau,  
Miệng cười như thể hoa ngâu,  
Cái "khăn đội đầu" như thể bóng sen.

Hơn thế, các cậu còn kêu-gọi viễn ảnh của hạnh-phúc với một giọng vô cùng thiết-tha :

Rời ta chung gối chung chăn,  
Chung quần, chung áo, chung khăn đội đầu.  
Năm thời chung cái giường tâu,  
Dậy thời chung cả hộp trầu ống với.

Ấu cơm chung cả một nồi,  
Gội đầu chung cả đầu hồi nước hoa.  
Chải đầu chung cái lược ngà,  
Sôi gương chung cả ngành hoa giặt đầu.

Lấy công bình mà xét thì người đàn ông Việt-Nam hay lêu-lồng lười biếng mà lại thêm cái tánh sớm mận tối đào.

Trong nhiều câu hát người ta thấy cả cảnh trí đời sống ở thôn quê với những biến cố nhỏ.

Những ca-dao thật là cả một bức bích-họa đời sống của dân-tộc Việt-Nam phổ-diễn bằng lời lẽ giản-dị, với những hình bóng nhẹ nhàng dễ người cảm thấy một sức mạnh thiêng liêng làm cho lòng nhớ nhung những kỷ-niệm êm-dềm.

## VĂN-CHƯƠNG VIỆT-NAM BẰNG QUỐC-NGŨ

Thế-kỷ XVII bắt đầu một kỷ-nguyên mới trong văn-chương Việt-Nam bởi sự dùng chữ La-Mã để phổ-diễn tường, do các nhà truyền-giáo Pháp, Y-Pha-Nho và Bồ-Đào-Nha.

Nguyên-thủy các vị tu-sĩ chỉ nhằm một mục-dịch thực-tế là giản-dị hóa sự học biết tiếng Việt-Nam để làm phương-tiện giao-dịch thương-mại và truyền giáo.

Năm 1651, linh-mục Alexandre de Rhodes viết ra quyền tự-diễn đầu tiên bằng ba thứ tiếng Việt-La-Bồ.

Đến thế-kỷ XIX, quốc-ngữ chưa được thông dụng, nhất là trong đại chúng. Còn các bậc sĩ-phu thì vẫn còn miệt mài theo dõi các cuộc khoa-cử nên chỉ chú trọng đến văn-chương cổ-diễn Trung-Hoa, hoặc chữ nôm. Nhưng thời-gian qua, trong sự tiếp-xúc với Âu-Tây, người Việt nhận thấy sự ưu-thế của văn-minh Âu-Tây nên mới chịu nhận sự dung-dị và thích-hợp của chữ La-Mã để diễn-tả tư-tưởng nên phát-động một trào-lưu duy-tân vào đầu thế-kỷ XX. Đến bây giờ tư-tưởng Âu-Tây mới được các giới trí-thức quan tâm và phổ-biến trong thiên hạ.

Những tư-tưởng mới nhập khẩu vào Việt-Nam gián-tiếp bằng các văn-phẩm Tàu và trực-tiếp do người Pháp qua giao-thiệp ở Việt-Nam.

Về phương-diện triết-lý và chính-trị, tư-tưởng của các đại văn-hà hào Pháp thế-kỷ XVIII, như J.J. Rousseau, Voltaire, Montesquieu được đặc-biệt hoan-ngênh. Nhờ ở sự tiếp-xúc tinh-thần ấy mà người Việt-Nam mới có những ý-niệm về vai trò quan-hệ của dân-tộc, về các vấn-đề dân-sinh và sự tai hại của chủ-nghĩa ngu-dân.

Những người Việt-Nam đầu tiên thông-thạo nền văn-hóa Âu-Tây, như là Pháp-văn, là những môn-đệ của các nhà tu-sĩ truyền giáo đào-tạo ra nhờ ở phương-pháp La-Mã hóa tiếng Việt-Nam mà các ông đã áp-dụng từ lâu.

Các nhân-vật có công lớn trong việc phổ-biến chữ quốc-ngữ là ông Trương-Vinh-Ký hay là Pétrus Ký, Huỳnh-tĩnh-Cửa hay Paul Cửa, Nguyễn-văn-Vĩnh và Phạm-Quỳnh.

Các ông này phổ-biến văn-hóa Âu-Tây bằng cách phiên-dịch các sách hoặc viết những bài bình-luận bằng quốc-ngữ đăng ở các báo hoặc tạp-chí. Có nhiều nhật-báo và tạp-chí được xuất-bản, trong số ấy đặc-sắc nhất là tờ Nam-Phong Tạp-chí của ông Phạm-Quỳnh.

Sĩ-phu của thế-hệ mới này đều nuôi tham-vọng đem truyền-bá cho đồng-bào họ những văn-phẩm nói về quá khứ và-vang của dân-tộc bằng cách phiên-dịch ra quốc-ngữ những tài-liệu bằng chữ nôm, hay phổ-biến văn-chương và khoa-học Âu-Tây bằng cách phiên-dịch ra quốc-ngữ những tác-phẩm của người Pháp.

Và cũng đề tăng cường tình hữu-nghị và sự thông-cảm giữa hai dân-tộc Việt-Pháp các ông còn viết những bài bình-luận bằng tiếng Pháp, quan-hệ đến dân-tộc Việt-Nam

Nhờ ở sự tô-chức nền công học bằng chữ quốc-ngữ, nhờ ở công-tác của các nhà truyền-giáo và sự phổ-biến của báo-chí mà chữ quốc-ngữ chiếm một địa-vị quan-trọng hẳn, hán-tự ra ngoài lề.

Văn-chương quốc-ngữ ví với hán-tự hay chữ nôm thật là mới mẻ và tự-do.

Cái môi trường ràng buộc thi-ca và tản-văn nay bị hạ xuống.

Về phương-diện thi-ca, thi-sĩ Việt-Nam mô-phỏng theo thi-ca Pháp. Về phương-diện tản-văn người ta dùng một văn-thê vô cùng giản-dĩ không kiểu-sức, cầu kỳ.

Trong các thi-sĩ hiện đại, người nổi danh nhất là ông Nguyễn-Khắc-Hiếu tự Tân-Đà.

Ông là một môn-đệ Nho-Giáo nhưng đã sớm quay chiều theo chữ quốc-ngữ từ năm 1922.

Ông thật là một thi-sĩ có thể nói là « từng chùn lông kẻ tóc », vật gì ông cũng có thể « thi hóa » được bằng một ngoài bút đầy thất vọng, chua cay và hoạt kê. Ông không có lối thơ đại cả sa, thơ của ông khoan khoái nhẹ nhàng có thể cảm-động tất cả mọi người. Tuy ông theo trào-lưu duy-tân nhưng không phải vì thế mà ông bị mất gốc với nền văn-hóa tổ-truyền.

Về phương-diện tản-văn, người ta nhận thấy ở cuối thế-kỷ XIX và đầu thế-kỷ XX, hai trào-lưu thiên về khoa-học và tưởng-tượng.

Trào-lưu khoa-học có các ông dịch-giả, sử-giả, các nhà phê-bình văn-chương, như ông Phan Kế-Bình, Trần Trọng Kim.

Các văn-sĩ viết về khoa-học đều có hấp-thụ một nền Âu-học, trong số nhân-vật cụ phách nhất, có hai ông Nguyễn-Văn-Tổ và Hoàng-Xuân-Hân.

Ông Nguyễn-Văn-Tổ làm phụ-tá Trường Viễn-Đông Bác Cổ, ông Hoàng-Xuân-Hân là một cựu sinh-viên trường Bách-Khoa, thạc-sĩ toán Pháp.

Về phương-diện Tưởng-tượng, có rất nhiều tiểu-thuyết gia kiếm cách miêu-tả các vấn-đề xã-hội, gia-đình, để tìm cách giải-quyết cho thích-hợp với phong-trào mới.

Những tiểu-thuyết tình ái, phi thường, trình thám mọc lên như nấm.

Những văn-sĩ lãnh nghề đều chịu ảnh-hưởng của các đại tiểu-thuyết gia của Pháp ở thế-kỷ XIX, như Balzac, Flaubert, Zola, vân vân.. và các văn-hào khác ở Âu-châu hiện đại.

Những đề-tài họ đem ra viết với một sự quan-sát rành rẽ đầy tả chân, văn-thê và cấu-tạo khéo-léo, nhưng tiếc thay buổi bình-minh rực-rỡ ấy chưa thấy bóng thái-dương.

TÂN-VIỆT-ĐIỀU DỊCH







## LƯỢC-KHẢO

VỀ

## TÂY-HỒ

(Tiếp theo V.H.N.S. số 41)

TU-NGUYEN

### II. — MẤY DANH-LAM THẮNG-CẢNH CHUNG QUANH TÂY-HỒ

#### 2. — CHÙA VÀ ĐÌNH MIẾU CỦA MẤY LÀNG NGHI-TÂM, QUẢNG-BÁ, NHẬT-TÂN, TRÍCH-SÀI

Trong bài « *Tụng Tây-Hồ phú* » của Chương-linh-hầu Nguyễn-huy-Lượng, có câu :

« *Tòa Kim-liên sóng nổi mùi hương, bia Trấn-quốc tường in vùng Tinh-Phan* ; (1).

*Hàng Cô-thụ gió rung bóng lộc, tràng Phụng-thiên nhận sẵn thú Nghi Vu* » (2).

Cảnh chùa Kim-Liên, tức chùa làng Nghi-Tâm, bốn mặt có nước Hồ-Tây bao bọc, giống như chùa Trấn-Quốc thuộc làng Yên-phụ, song cảnh

(1) *Kim-liên*: tòa sen vàng là chỗ thờ phật — *Tinh-phần* : cảnh phật thanh-tĩnh.

(2) *Nghi Vu* : Sách Luận-Ngữ có câu : « Dục hồ Nghi, phong hồ Vũ-Vu », nghĩa là tắm ở sông Nghi, hóng mát ở nền Vũ-Vu.

trí không được xinh đẹp bằng Cờn «hàng Cô-thụ» tức là bày cây gạo ở điện Nhật-tân ; trường-sở đề thi hương ngày xưa đóng ở Phụng-Thiên, thuộc làng Quảng-Bá ăn vào địa-phận Tây-Hồ.

Tại đình làng này khá to, có thờ bảy vị thành-hoàng, trong số ấy có ba vị đã lưu-danh trong quốc-sử là :

- 1) Bó-Cái đại-vương, tức Phùng-Hưng ;
- 2) Từ-Tổng-Quân, tức Từ-Mục ;
- 3) và Phùng Thái-Phó, tức Phùng-tá-Chu.

Bố-Cái đại-vương là một vị anh-hùng cứu-quốc đã khởi-nghĩa trong khi nước ta bị nhà Đường đô-hộ (năm 791 sau T.L) ; sự-tích ông thường si cũng rõ, nên không kể lại trong bài lược-khảo này.

Đến sự-tích Từ-Tổng-quân tức Từ-Mục, sử chép ông làm quan về đời Lê-Đại-Hành (980 - 1005). Vua sai Từ-Mục và Ngô-từ-Canh sang sứ Chiêm-Thành, bị người Chiêm bắt giam. Lê-Đại-Hành giận lắm, thân-chinh binh Chiêm năm 982 và thăng-trận năm 936, vua phong cho Từ-Mục làm Tổng-quân, coi việc quân dân và cho tước hầu. Năm 1000, Từ-Mục được cử đi tuần-thứ phía tây và Ngô-từ-An đi tuần-thứ phía bắc để xem xét tình-hình ngoài biên-thùy. Theo sử chép như thế, Từ-Mục cũng là một vị danh-thần, có công với đất nước, nên khi mất, có làng thờ làm thành-hoàng, tính đến nay được gần 10 thế kỷ.

Về sự-tích Phùng-tá-Chu, theo thần-tích làng *Quảng-Bá* chép, thì ông là họ ngoại với nhà Trần. Theo Khâm-dịnh Việt-sử, ông làm quan đến chức Thái-phó đời nhà Lý, sau theo nhà Trần, được nhà vua tin yêu trọng-dùng. Năm thứ hai niên-hiệu Kiến-Trung (1226), Trần-Thái-Tông cử ông đi sứ-thứ tại phủ Nghệ-An, được quyền tự-ý ban chức cho người từ tá-chức trở xuống, ban chức trước rồi tâu sau. Năm 1233, tức năm thứ hai niên-hiệu Thiên-ứng chính-bình, ông được cử duyệt-dinh các sắc-mục ở Nghệ-An. Năm sau (1234), ông được phong làm Hưng-nhân-vương. Năm Kỷ-Hợi (1239), Trần-thái-tông lấy Từ-Mặc là cố-hương, nên lại cho Phùng-tá-Chu làm Nhập-nội thái-phó, trông nom việc xây-dựng cung-diện, để nhà vua thời thường tới ngự. Ông hết sức đôn-đốc việc này, và năm sau (1240), ông còn làm năm sở hành-cung ở Thanh-Hóa.

Xem thế, ông là một nhà doanh-tạo giỏi, thời bấy giờ, tuy đã làm đến Thái-phó, được phong vương-tước, mà còn trông nom cả việc xây-dựng cung

diện. Ông đã giúp một phần lớn trong việc kiến-trúc của ta trong buổi Trần-sơ (thế-kỷ thứ XIII).

Ngoài ba vị kể trên đây, còn bốn vị được thờ làm thành-hoàng làng Quảng-Bá, là Minh-khiết, Bào-Trung, Triều-Đình và Cầm-Giang, đều có sắc-phong đời Cảnh-trị (1670) nhà Hậu-Lê.

Gần làng Quảng-Bá, có làng Nghi-Tàm (ở cạnh Tây-Hồ) cũng có thờ ba vị Minh-Khiết, Bào-Trung và Triều-Đình; ngoài ra, có thờ Lô-quốc Thái-sư đại-vương, Quỳnh-Hoa công-chúa và Bạch-Hoa công-chúa. Các vị này đều có thần-tích, nhưng không thấy ghi sự-tích trong chính-sử; tuy nhiên, các vị ấy đều có sắc-phong từ triều Hậu-Lê.

Còn làng Nhật-tán, cũng có địa-phận ở Hồ-Tây, thì thờ đức Uy-Linh-Lang như làng Yên-Phụ (1).



Trong bài « Tung Tây-Hồ phú » của Nguyễn-huy-Lượng, còn có câu :

« Đền Mục-Lang hương lửa chẳng rời, tay lưới phép còn ghi công bắt hổ ;

Quán Trần-Vũ (2) nắng mưa nào chuyển, lưới gươm thiêng còn để tích giam sùa.

Kẻ bên họ, quán Thiên-niên (3) lớp lớp ;

Cách ngàn kia, ghềnh Vạn-bảo (4) nhấp-nhỏ.»

Trong mấy câu đó, có nhắc tới «đền Mục-Lang», tức đền thờ Mục-Thận, một vị ngư-phủ tung lưới phép chụp được hồ, xem ra thì là Thái-sư Lê-văn-Thịnh định mượn thuật hóa hồ để mưu-hại nhà vua. Vì có công cứu giá, nên lúc mất, được phụng thờ làm thành-hoàng ở làng Trích-Sài và làng Vong-thị.

Nơi thờ ông ở làng Trích-Sài là một ngôi đình khá tráng-lệ, ở ven

(1) Trong VHNS số 41, đã nói tới (trang 598-599.)

(1) Quán Trần-Vũ: đền thờ Đức Trấn-thiên Chân-vũ thượng-đế, ở ven Tây-Hồ, sẽ nói rõ ở mục sau.

(2) Quán Thiên-niên: Chùa Thiên-niên, ở ven Tây-Hồ, sẽ nói rõ ở sau.

(3) Ghềnh Vạn-Bảo: Ghềnh này ở khúc sông Nhị-hà, gần Tây-hồ.

(4) Trong V.H.N.S, số 41, đã nói tới (trang 595).

Hồ-Tây, — trông sang đền Tây-Hồ của làng Tây-Hồ (1), — sen mọc ở ven hồ, ngay trước cửa đình, nên suốt mùa hè, gió đưa hương vào trong đình, thơm ngát vô cùng.

Ở làng Trích-Sài này (cũng như ở làng Vong-Thị), lại còn có ngôi miếu thanh-u và trang-nghiêm thờ ba vị Công-chúa về đời Tiền-Lý (544-602) mà thần-tích ở hai làng đại-khái ghi chép như sau: Tiền-Lý Nam-Đế là Lý-Bôn (có người gọi là Lý-Bi) vốn dòng dõi người Tàu. Tiên-tổ ở đời Tây-Hán phải tránh loạn di-cư và lập-nghiệp ở nước Nam đã bảy đời và đã thành ra người Nam. Năm tân-dậu (541) là năm Đại-Đông thứ bảy đời vua Lương-Vũ-Đế, thứ-sử Giao-châu lúc ấy là Tiêu-Tư, vốn tham những hà-khắc làm mất lòng dân, nên Lý-Bôn, tài kiếm văn võ, bèn khởi-nghĩa đánh đuổi Tiêu-Tư và thu-hồi đất nước. Ông tự xưng Nam-Việt-đế (n. 544), đặt quốc-hiệu là Vạn-xuân và niên-hiệu là Thiên-Đức, hết sức lo việc trị-quốc an-dân. Năm đó, hoàng-hậu đã 38 tuổi mà chưa con. Một đêm, hoàng-hậu nằm mộng thấy hai tiên-nữ bơi hai thuyền rồng vào trong cung, rồi hoàng-hậu hoài-thai mười lăm tháng, sinh hai con gái đặt tên là Vạn-Phúc và Vạn-Lộc. Tới khi khôn lớn, hai vị công-chúa đều ưa ngoa-du sơn-thủy. Vua và hoàng-hậu can ngăn thì hai công chúa tâu rằng: « Người ta sinh ở hồng-trần, dẫu thất vinh khờ như chớp mắt, cuộc trăm năm vụt chốc như mây bay gió cuốn, cha mẹ đừng lo cho chúng con làm chi...

Chúng con chỉ muốn cưỡi sóng lớn, chém kinh to nơi bề cả, chí-tâm cứu-độ nhân-dân ra khỏi nơi nước lửa; nếu không được thế, thì ăn thân ở hang sâu rừng thâm, bạn với cây tùng cây bách, đành chết già chứ không bắt chước người đời cúi đầu khom lưng làm đầy tớ người ta...». Nghe con nói vậy, vua và hoàng-hậu đành phải chiều lòng. Hai công-chúa lại giống chơi như trước khắp núi cao sông lớn trong nước. Một hôm, bơi thuyền đến mé dưới núi đá sông Tô-Lịch, hai công chúa chợt nghe đồn vùng này có con Cửu-vỹ hồ-tinh (con hồ-tinh chín đuôi) thường hay quấy nhiễu nhân-dân. Hai nàng bàn chuyện với nhau rằng: « Cứ như thế này, có tài-đức chưa đủ thắng được yêu-tinh. Con yêu này tu-luyện đã hơn ngàn năm, nếu không sẵn phép Phật thì không sao trừ nổi». Hai công-chúa

(1) Làng này chính tên trùng với tên hồ, địa-phận ở ven Hồ Tây, có ngôi đền thờ đức Liễu-Hạnh công-chúa (tức Văn-Hương thánh-mẫu), cảnh-trị rất tráng-lệ thanh-u.



bèn cho quay thuyền đi khắp nơi, tìm tiên học phép. Một hôm, đang bơi thuyền ở sông Nguyệt-Đức, thấy một thiếu-nữ có vẻ tiên-phong đạo-cốt đứng ở bên sông, Hai công-chúa bơi thuyền đến chào hỏi làm quen. Người thiếu-nữ tùm-tùm cười, tự xưng là Giác-Hải bà-vương và nói rằng : « Nghe tin hai công-chúa muốn vì dân quyết-tâm trừ yêu-quái, nên tôi đến giúp sức. » Mừng quá hai công-chúa bèn mời Giác-Hải về cung vua thử phép. Biết là một vị đủ pháp-thuật cao-cường trừ yêu diệt quái, nhà vua truyền làm cung-điện riêng để vị thiếu-nữ và hai công-chúa ở chung. Được ít lâu, Giác-Hải tâu vua xin lập đàn cầu khấn Long-Vương xuống chủ-đàn, để Giác-Hải hóa phép trừ yêu. Sau khi trở được hồ-tĩnh, vị thiếu-nữ biến mất. Nhớ ơn, nhà vua phong cho làm Trấn-tinh bà-vương, cho lập đền thờ và sai công-chúa giữ việc thờ cúng.

Về sau, năm 546, khi Lý-Bôn bị quân giặc vây hãm thành Gia-Ninh (tỉnh Phúc-yên), vua sai bộ-tướng là Lý-Hùng tới đền cầu-đáo. Đêm hôm ấy, Lý-Bôn lên mặt thành trông thấy có một nữ-tướng như ở trên trời xuống (1), cưỡi ngựa mùa gió đang hăng-hái đuổi quân Lương. Quân giặc hoảng-sợ, thi nhau chạy trốn, dầy xéo lên nhau mà chết. Ít lâu, vì thế yếu, Lý-Bôn phải rút lên đóng ở động Khuất-Liêu (thuộc đất Hưng-Hóa) dự-định sửa-soạn khí-giới quân-như và tìm đường khôi-phục cơ-đỡ, song nhiệm phải lam-sơn chướng-khí rời mắt. Hay tin, hai công-chúa thương khóc rất thảm-thiết, lui về Dâm-Đàm (tức là Tây-Hồ) rồi mất.

Qua các triều-dại sau, đến đời Trần, niên-hiệu Trưng-Hưng thứ nhất (1285), vua lại truy-phong Giác-Hải làm Kính-Thiên Pháp-tử bà-vương, phong Vạn-Phúc làm đệ-nhất công-chúa và Vạn-Lộc làm đệ-nhi công-chúa.

Tuy trong chính-sử không ghi chép rõ công-đức của mấy vị công-chúa kể trên, nhưng ta có thể căn-cứ vào thần-tích của người mà phỏng-đoán rằng : « Nhà Tiền-Lý trị nước tuy không được lâu dài, nhưng đã có quy-mô đế-vương ; quốc-dân nhớ đến công-đức của hai con gái Lý-Nam Đế, nên đến bây giờ đền thờ vẫn còn khói hương mãi mãi.

Ở làng Trích-Sài, ngoài đình miếu kể trên, còn một ngôi chùa cũng là một thắng-tích ở vùng này : đó là chùa Thiên-niên (xưa gọi là quán Thiên-niên), nơi mà tương-truyền xưa kia Đức Chúa Liễu-Hạnh đã từng hóa làm vị thiếu-nữ mở quán bán hàng và đã từng liên-vịnh cảnh Hồ-Tây với Trọng-Bùng (tức Phùng-Khắc-Khoan), một ông họ Lý và một ông

họ Ngô. Chùa này trông ra Hồ-Tây, cảnh-trí u-tịch, và trang-nhà vô cùng. Trong chùa, ngoài nơi tam-bảo thờ Phật, còn một nơi thờ Đức Liễu-Hạnh công-chúa, một nơi thờ Tề và một vị danh-thần đời Lý-mạt là ông Bùi-quốc-Khái. Ông là một bậc văn võ toàn-tài, sinh tại làng Trích-Sài. Năm 15 tuổi, ông đã đỗ thủ-khoa năm Ất-tỵ (1130), dưới triều vua Lý-Thần-Tông (Sĩ-tử trong khoa này có hơn 1000 người, mà ông đỗ đầu trong số 30 vị trúng-thí). Ông là người có tài thao-lược, trung-nghĩa một lòng, làm quan đồng-triều với ông Tô-hiến-Thành và trải ba triều vua : Lý-Thần-Tông (1128-1138), Lý-Anh Tông (1138-1175) và Lý-Cao-Tông (1176 - 1210). Ông được phong làm Thái-Học ngự-duyên, sau phong làm Kiểm-hiệu Thái-phó Đồng-bình-Chương-sự, Phụ-dục Đông-cung, sau lại được tặng-phong Vương-phó Thiếu-bảo. Cặp khi trong nước có nội-loạn, triều-chính lại đổ nát, gian-thần lộng quyền tham-nhũng, nhất là sau khi người bạn tâm-giáo của ông là Tô-hiến-Thành (giữ chức Thái-phó Bình - chương quân - quốc trọng-sự) đã mất năm 1179, ông tự xét một mình không thể cứu - vãn nổi tình thế, nên treo ấn từ-quan, rút lui về làng, tạm vui thú điền-viên, và trở về già, ông lại xuất-gia đầu phật. Ông mất năm canh-ngọ (1210) vào ngày 16 tháng giêng, thọ 94 tuổi. Vì có công giúp nước an dân, và đã giúp cho dân làng nhiều việc hữu-ích, nên sau khi ông mất, dân có tổ tượng thờ ông ở chùa Thiên-niên và có đặt bài-vị thờ ông tại đình làng Trích-Sài. Về sau, dưới triều vua Lê-thần Tông, niên-hiệu Vĩnh-Tộ (1620-1628), nhà vua cho tu-bổ lại thần-từ, cấp 40 mẫu tự-điền và cho lập bi-ký ở tại chùa Thiên-niên.

Ông sinh được 4 con trai, và các con cháu đời nào cũng hiền-hoan thành-danh cả.

### 3 - QUÁN TRẦN-VŨ (HAY ĐỀN QUAN-THÁNH)

Quán Trần-Vũ, thường gọi là « Đền Quan-Thánh » thờ đức Trần thiên Chân-vũ Huyền-thiên thượng-đế. Trần-vũ, hay Chân-vũ, hay Huyền-vũ đều là hiệu chung của 7 vị sao Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Ngụy, Thất, Bích trong Nhị-thập-bát tú, một vị tối-linh-thần, trấn-thủ Bắc-phương, Theo thần-thoại, ngài là một vị hoàng-tử của nước Tĩnh-Lạc (một nước của Tiên ở giữa bể về phía tây nước Nguyệt-Chi thuộc Ấn-Độ), đã kiên-tâm tu-luyện, làm một đạo-sĩ trong 42 năm tại núi Vũ-Đương ở phía nam tỉnh Hồ Bắc, nước Trung-Hoa. Sau khi đã thấu nghĩa mài sắt thành kim,

ngài được sắc-chỉ của Đức Thượng-Đế trấn phương Bắc, và sau được cử sang khu-trừ những loài yêu quái tại một rẫy núi phía nam thuộc địa phận nước Việt-Nam. Núi đó gọi là Vũ-Đương, nay thuộc làng Thụy-Lôi, tỉnh Bắc-Ninh. Bây giờ có đền thờ ngài ở đó, gọi là đền thờ Vũ-Đương nguyên-quân. Ngoài đền thờ này, còn nhiều nơi thờ ngài ở Việt-Nam, như động Thiên-Tôn (tỉnh Ninh-Bình), đền Huyền-Thiên (cạnh chợ Đông-xuân, Hà-nội) và quán Trấn-Vũ ở ven Hồ Tây, đầu đường Cờ-Ngư Hà-nội).

Tương-truyền rằng vua Lý-Thái-Tổ (1010-1028), sau khi thiên-dô từ Hoa-Lư (Ninh-Bình) ra Thăng-Long (Hà-nội), bèn cho dựng đền thờ ngài trong thành để khu-trừ yêu-quái và trấn-áp Bắc-phương. Đến đời vua Lê-Thánh-tông, niên-hiệu Hồng-Đức thứ năm (1474), vì nền cung-điện nhà vua chật hẹp, muốn mở rộng thì vướng đền, nên vua cho đo trảng khoát ngôi đền, trừ-tính đời đền ra ngoài thành. Vua Lê-Thánh-tông tự làm số cầu-khôn và được dựng đền ở chỗ bây giờ, tức là địa-phận làng Thụy-Khuê (xưa là Thụy-Chrong).

Năm Vĩnh-trị (1677) nhà Hậu-Lê, dưới triều vua Lê-Hi-Tông, chúa Định-vương Trịnh-Cần sai ông Nguyễn-dinh-Luận sửa đền, cho đúc một quả chuông và một pho tượng bằng đồng đen (để thay thế pho tượng gỗ tạc từ thế-kỷ thứ XI). Pho tượng này cao 8 thước 2 tấc, chu-vi bề dưới là 8 thước 7 tấc (1) đúc theo khuôn khổ tượng thờ của người Tàu, (2) nặng

(1) Tính theo thước tây (mètre). theo một tài-liệu khác, thì tượng đúc cao 3m07, bàn chân dài 0m80, bệ cao 1m50, nặng ước-độ 4000 cân tây.

(2) Tương-truyền rằng năm 1113, vua Huệ-Tông nhà Tống bên Tàu nhờ đạo-sĩ Lâm-Linh-Tổ triệu-thỉnh đức thánh Trấn-Vũ. Đang trưa, trong cung làm lễ, tự-nhiên trời tối sầm, sấm dậy chớp loè, một con rắn và một con rùa lớn hiện ra. Huệ-Tông quỳ xuống dâng hương, xin đức Trấn-Vũ hiện thành người. Chợt lại có tiếng sấm ran, rắn rùa biến mất, một chân người rất lớn hiện ở cửa cung. Nhà vua lại quỳ, khấn-cầu xin đức Trấn-Vũ hiện cho thấy cả người. Bấy giờ, thoáng thấy một người cao hơn 10 bộ (mỗi bộ là 5 thước tâu), vẻ mặt uy-nghiêm, có hào-quang trên đầu, tóc sỏa sau lưng, chân đi đất, mặc áo thâm rộng tay quét đất, trùm ngoài chiếc áo giáp bằng vàng, thắt đai ngọc, tay cầm kiếm đứng một lúc, rồi biến mất. Huệ-Tông là một họa-sĩ giỏi, vẽ ngay chân-dung đức Trấn-Vũ. Từ đó, ai tạc hình ngài cũng bắt chước bức tranh của Huệ-Tông. Có lẽ vì đức Trấn-Vũ hiện ra người cao lớn dị-thường, nên tạc tượng cũng cao lớn như thế.

6.600 cân tạ, tay cầm gươm đâm một con rắn dài, chân dẫm trên mình con rùa để tượng-trưng sự trừ-tà khu-quái. Pho tượng có 3 hạt minh-châu quý, hai hạt ở mắt và một hạt ở trán.

Năm Cảnh-hung nhà Hậu-Lê (1768), dưới triều vua Lê-Hiến-tông, chúa Tĩnh-độ-vương Trịnh-Sâm có sai tu-bổ lại đền và khắc bia kỷ-niệm, song bia này về sau bị vua Minh-Mệnh ra lệnh hủy bỏ, nên bia còn mà chữ mờ; vì thế, Tùng-Thiện-vương mới có câu thơ cảm-khái rằng :

Cổ-thụ hữu chi thể dạ-nguyệt,  
Tàn-bi vô-tự toả thương-đài.

tạm-dịch là :

*Cây cổ có cành treo nguyệt rạng,*

*Bia tàn mất chữ phủ rêu mờ.*

#### VIỆT-NGÂM dịch

Về triều Nguyễn, vua Minh-Mệnh, nhân dịp Bắc-tuần (1821), ban cho 50 lạng bạc để tu-bổ lại đền; năm 1840, nhà vua đổi tên là *Chân-vũ quán* và sai quan đến tế. Năm Thiệu-Trị thứ hai (1842), vua lại ban một đồng tiền vàng chạm rồng và cũng sai quan đến tế.

Khách thập-phương đến chiêm-bái đền này rất đông, và tao-nhân mặc-khách đến chiêm-ngưỡng và cung-vịnh cũng rất nhiều. Xin lục-dăng sau đây vài bài thơ của các thi-nhân cung-vịnh đức Thánh Trấn-Vũ, khi hành-hương ở những nơi thờ ngài :

Thần-giới khai tiên tự Thục, Đinh,  
Tối từ-bi xứ thị anh-linh. (1)  
Quang xung kiếm-khí Tây-hồ nguyệt,

(1) Tương-truyền đời Thục An-Dương-vương (257-208 trước T.L.), có thần bạch-kê lần-lút ở núi Tất-Diện (?), đức thánh Trấn-Vũ có hiện ra ở núi Xuân-lôi (?) để trừ yêu quái. Về đời vua Đinh, ngài cũng hiển-linh để giúp nước trừ tà.



Ảnh tán quần-yêu Bắc-trần tinh.  
Hiệp-phật nan đào sinh-hóa kiếp.  
Linh-thanh trường - hộ đế - vương kinh.  
Động-toàn nguyện sai cam-lâm vũ, (1)  
Dụng úy quần-lê ngưỡng trạch tinh.

PHAN-ĐÌNH-HỒE

DỊCH-NGHĨA

*Thần-giới mở đầu tự lỵục Đình,  
Tà-bi chốn ấy rất anh-linh.  
Hờ-Tây trang tở, gươm lồng bóng,  
Trấn-Bắc sao trung, quỳ nếp mình.  
Mâu-nhiệm khôn qua vòng họa-kiếp,  
Thiêng-liêng hộ vững đất hoàng-kinh.  
Xin tuôn nước suối làm mưa ngọt,  
Trời khắp xa gần lũ chúng-sinh.*

THI-SON dịch

I

QUA THĂM ĐỀN TRẦN-VŨ

Khói hương nghi-ngút giữa Long-Thành,  
Đứng vững thần-quyền buổi cạnh-tranh.  
Lửa đốt đồng nào phai vẽ thắm,  
Sen tàn nước vẫn đượm màu xanh.  
Lối vào cửa ngựa bia cao ngất,  
Thê bói lung rùa cửa rộng thênh.  
Mới biết trời Nam còn vương-khí,  
Gian-hùng qua đở sợ uy-danh.

NGUYỄN-BÌNH-HỒ (1940)

(1) Thực ra, bài này do tác-giả đã cung-vinh đức thánh Trần-Vũ khi đến chiêm-bái Động Thiên-Tôn (Ninh-Bình) là nơi thờ ngài.

II

Nền hương cầu-khẩn chứng lòng thành,  
Cầu đập cho ai lửa chiến-tranh.  
Đen mặt tượng đồng trông nước biếc,  
Đỏ mồ hôi muối ngó trời xanh.  
Trâu vàng còn nhớ diêm hay lạ,  
Hồ bạc gượng vui cảnh rộng thênh.  
Trần-Vũ gương thần coi vẫn sắc,  
Vi ai sớm tuốt rạng uy-danh !...

HÀ-THANH-TÙNG (1940)

4. - CHÙA VÀ ĐÌNH MIẾU CỦA MẤY LÀNG  
THỤY-KHUÊ, YÊN-THÁI, HỒ-KHẨU

Ngoài đền thờ đức Thánh Trần-Vũ, thuộc địa-phận làng *Thụy-Khuê*, làng này còn một ngôi đình thờ riêng vị thành-hoàng là đức *Linh-Lang*. Theo sách *Địa-dư Hà-nội* chép rằng: « Đền chính thờ đức *Linh-Lang* ở làng *Thủ-Lệ*, làm từ đời vua *Lý-thái-tông* (1028-1054). Tương-truyền nhà vua ngự-du ở *Dâm-dâm* (tức *Hồ Tây*), chợt thấy một người thiếu-nữ rất xinh đẹp dương giặt lụa bên hồ, bèn cho triệu tới hầu. Người thiếu-nữ sau có mang, thụ-thai mười bốn tháng thời sinh được một con trai, lên tám tuổi mà không biết nói. Gặp năm trời đại-hạn, người con trai tự-nhiên báo người đàn anh trong làng đưa yết-kiến vua cha để làm mưa. Vua cho triệu người mẹ hỏi duyên do. Người mẹ tâu rõ thực-tình. Vua lại cho phép người con trai thờ làm mưa, quả-nhiên trời mưa như trút nước. Vua cho nuôi người con trai ở trong cung; được ít lâu, người con trai lên đậu, ba tháng không ép, nốt đậu đen xì, chữa thuốc dầu cũng không khỏi. Vua truyền phán: « Nếu không phải con ta, thì đi cửa khác, đừng làm phí thuốc tốn công vô-ích ». Người con trai tâu: « Tôi không phải con vua cha, mượn cửa nhà vua từ bấy lâu, nay cần phải đi, nhưng xin làm cho một chiếc nhà ở chỗ tôi đi. » Vua chuẩn-tấu, sau người con trai lại xin đuổi tất cả người chung quanh, chỉ buông một cái màn, nằm ở trong. Vào

hồi quá canh một, người con trai hóa thành con rồng vàng (1), cưỡi gió đến hồ Linh-Lang (2), nằm ở trên cây, rồi bỏ xuống nước đi mất. Vua lấy làm thương tiếc, sai lập miếu thờ, và nhân lấy hai chữ « Linh-Lang » làm tên húy, sắc-phong làm Hoàng-đế tối-linh đại-vương.



Trong bài « *Tung Tây-Hồ phú* », còn có câu :  
« *Chày Yên-Thái nện trong sưng chệnh-chơang ;*  
*Lưới Nghi-Tâm ngàu ngọn nước quanh-co* ».

Làng Nghi-Tâm và làng Yên-Thái đều có địa-phận ở Hồ-Tây. Làng Nghi-Tâm, có ngôi chùa Kim-liên, cảnh-trí rất u-nhã (như trên đã nói) và dân làng có nghề nuôi tằm và đánh cá. Còn làng Yên-Thái (quen gọi là làng Bướm), có nghề làm giấy bản, nên tờ-mở sáng đã vắng nghe thấy như « nện trong sưng » tiếng chày giã bột giấy. Làng này có đền thờ hai vợ chồng người bán dầu. Theo thần-tích của làng Yên-Thái, tương-truyền có người bán dầu tên là Vũ-Phục, người xã Minh-Tảo (?), lấy vợ người cùng làng tên là Đỗ-thị-Thiện. Gặp khi vua Lý-thái-Tông (1072-1127) đau mắt nặng, thầy thuốc chữa mãi không khỏi. Nghe nói ở huyện Kim-Băng (?), có người giỏi bói dịch, nhà vua triệu tới để bói thử xem sao. Thầy bói đoán rằng : « Bộ-Hạ đóng kinh-đô ở Thăng-Long, bị thủy-mạch ở phương Càn (tức phương tây-bắc) xuyên vào, nên đau mắt ; nếu trấn-áp được thì không việc gì. » Vua sai sứ-giã tới ngã ba sông, bày đàn khấn Hà-Bá, nửa đêm nằm mộng thấy một vị thần bảo rằng : « Đến sáng sớm ngày mỗ (?), hãy thấy ai tới bến trước tiên, hỏi người ấy muốn gì thì cho nấy, rồi thả ra sông, phong làm thần và lập miếu thờ, thì có thể trấn-áp được ».

Sứ-giã giật mình tỉnh dậy, về tâu vua. Nhà vua sai người đúng ngày giờ đến đợi tại bến sông. Quả nhiên, mới tờ-mở sáng, đã thấy vợ chồng Vũ-Phục gánh dầu từ làng Minh-Tảo đến, Sứ-giã đón lại, cho

(1) và (2) : Theo thần-tích làng Thụy-Khuê, thì chép rằng người con trai hóa thành con « rồng đen » và chui « hồ Linh-Lang », tức là Hồ Tây. Xưa nay chỉ biết Hồ Tây còn gọi tên là Lăng-Bạc, là Dâm-dâm hay Đồi-hồ. Nay xem thần-tích làng Thụy-Khuê, mới thấy Hồ Tây còn gọi là hồ Linh-Lang.

người chạy về tâu vua. Vua phán : « Y theo lời thần-mộng, nên lấy ý hiều-dụ, không nên bắt ép ». Sứ-giã bèn kể hết chuyện ấy cho vợ chồng Vũ-Phục nghe, rồi an-ủi rằng : « Làm người ai cũng chết, nhưng còn gì bằng chết mà lưu-danh thiên-cổ. » Vợ chồng Vũ-Phục bằng lòng. Sứ-giã mừng lắm, hỏi muốn gì. Vũ-Phục chỉ đòi một mâm xôi và con gà béo ; vợ chồng ăn xong, ngửa mặt lên trời khấn thầm : « Vợ chồng tôi bỏ mình để báo-quốc giúp quân-vương, Hoàng-Thiên có biết, xin xét rõ tấm lòng thành ». Rồi hai vợ chồng cùng gieo mình xuống sông. Từ đó, nước sông lững sóng gió, không sôi nổi như trước, bệnh đau mắt của nhà vua tự-nhiên cũng khỏi hẳn. Nhớ ơn, vua truyền dựng đền thờ ngay khúc sông đó, (nay thuộc làng Yên-Thái), và phong cho hai vợ chồng Vũ-Phục làm Chiêu-Ứng phù-vận đại-vương và Thuận-chính Phương-dung công-chúa. Xem thần-tích trên đây, có lẽ cái tục lấy người sống để cúng thần ở nước ta còn mãi tới thế-kỷ thứ XII.

Cũng ở vùng Bưởi này, có làng Đông-xã (thuộc xã Yên-Thái), thờ ba vị thành-hoàng : một vị là Đông-cổ sơn-thần, còn hai vị ở núi Tân-Viên. Theo sách Khâm-dịnh Việt-sử và Việt-diện U-linh chép rằng : « Núi Đông-Cổ ở xã Đan-nô, huyện Yên-Đĩnh, tỉnh Thanh-Hóa. Núi này còn gọi là núi Khả-phong. Khi Lý-thái-Tông còn làm thái-tử (1020), Lý-thái-Tổ sai đem quân đi đánh Chiêm-Thành, quân đi đến Trường-Châu (?) trời đã tối, bèn ngủ lại đó. Đêm khuya, thái-tử nằm mộng thấy một người lạ mặt, vận nhung-phục, cầm binh-khí cúi đầu tâu rằng : « Tôi là thần núi Đông-Cổ, nghe tin điện-hạ đi bình Chiêm, nên xin ám-trợ. » Khi thái-tử đánh được Chiêm-Thành, trở về đến núi Đông-Cổ làm lễ tạ, rồi khấn xin rước về Thăng-Long để giúp nước yên dân. Về tới kinh-sư, xem khắp trong thành không có chỗ nào vừa ý, nên sửa lễ khấn thần. Vị thần Đông-Cổ báo mộng, xin cho lập đền ở sau chùa Thánh-Thọ, tại phía hữu kinh-thành, tức thôn Đông, xã Yên-Thái (bây giờ là làng Đông-Xã). Vua y lời thần-mộng, lập đền thờ ở đấy. Năm 1028, Lý-thái-Tổ mất. Lý-thái-Tông sắp lên kế-vị thì đêm ấy, thần Đông-Cổ báo mộng cho nhà vua rõ là ba vị hoàng-tử (Vũ-Đức-vương, Dục-thánh-vương và Đông-chinh-vương) sắp khởi-loạn, nên kịp đề-phòng. Sáng hôm sau, quả-nhiên ba vị hoàng-tử đem quân vây hãm kinh-thành để tranh ngôi vua, may có danh-tướng Lê-phụng-Hiêu giúp vua dẹp ngay được cuộc khởi-loạn. Nhớ ơn thần-nhân mạch bảo, vua Lý-Thái-Tông phong



cho làm Thiên-hạ minh-chủ, lại gia-phong chức đại-vương. Trong số 3 vị (em vua Thái-Tông), một vị (Vũ-Đức-vương) bị Lê-phụng-Hiền chém chết tại trận, còn hai vị chạy trốn, sau hối-hận, xin về chịu tội. Nhà vua nghĩ tình ruột thịt, tha tội và cho phục lại chức-trước cũ. Nhưng sau đó ít lâu, vào ngày 23 tháng 3 năm ấy (1028), nhà vua ban chiếu lập đàn treo cờ tại đền Đông-Cổ, bắt các vương-thần quốc-thích và tất cả triều-thần tới đền, đứng trước thần-vị, đọc lời thề rằng: « Làm con bất-hiếu, làm tôi bất-trung, thì xin thần-minh trị tội », Xong mọi người từ cửa đông đi vào qua thần-vị, uống tiết sống ăn thề (1). Từ đó hàng năm thành lệ (2), ai trốn không đến thề, sẽ bị phạt 50 trượng.

Sách Hà-nội địa-dư còn chép thêm rằng nhà Trần cũng bắt chước lời thề của nhà Lý. Ngày hôm đó, vua ngự tại điện Đại-Minh, các quan đem cả gia-nhân tới đền mà thề rằng: « Làm tôi phải hết lòng trung, làm quan phải thanh-bạch, ai trái lời thề, thần-minh giết chết ». Đến triều Hậu-Lê cũng vẫn theo lệ này, nhưng chọn ngày « mậu » tháng giêng mỗi năm làm lễ tuyên-thệ ở bến sông, còn tại đền Đông-Cổ thì sai quan đến tế-lễ.



Làng *Hồ-Khâu* cũng ở ven Hồ-Tây, tên gọi thế có lẽ « cửa hồ » ngày xưa ở tại đó. Làng này cùng chung tên nôm là làng Bưởi. Trong làng thờ ba vị thành-hoàng: hai vị dương-thần và một vị âm-thần. Theo thần-tích làng Hồ-Khâu, thì ngày xưa, về đời Hùng-vương thứ 18, có một vị quốc-công tên gọi Lê-Tin làm quan tại triều, Lê-Tin được vua tin yêu, ban cho quốc-tính và giả công-chúa, cho. Vì chưa có con mà công-chúa mất sớm, nên Lê-Tin xin từ-quan, về làm nhà ở làng Hồ-Khâu (xưa gọi là Thọ-Khang) và sau đó ít lâu, lấy người họ Nguyễn làm kế-thất. Vợ chồng thường cầu-đạo ở đền Đông-Hải (?), mộng thấy thần-nhân cho hai quả trứng. Một hôm, vợ chồng đứng tại cửa cổng Hồ Tây xem đánh cá, thấy cá chép dương vây đỏ, có ý mừng nước... Bà vợ sau thấy hoài-thai, sinh ra một bọc hai con trai. Lê-Tin lấy diềm đứng cửa cổng xem đánh cá, đặt tên con, một người là Lê-Công và một người là Lê-Cá, đến khi hai con khôn lớn đều là bực

(1) và (2): Ta có tục uống máu ăn thề là vậy.

Ngày ăn thề trước định vào tháng ba, song vì có húy vua Lý-Thái-Tổ, nên hoãn đến ngày mùng 4 tháng tư.

văn-vô toàn-tài, có công giúp vua đánh giặc, đánh được rồi bay lên trời (?). Hùng-vương phong cho làm thượng-đẳng phúc-thần, chuẩn cho hai giáp (giáp Đông và giáp Bắc) ở làng Hồ-Khâu trông nom việc phụng-sự.

Đến đời vua Lý-Thái-Tổ (1020), đi đánh Chiêm-Thành, hai vị có công âm-phù, lại được gia-phong. Đến đời vua Trần - nhân - Tông (1288) đánh quân Mông-Cổ, cũng có công phù-trợ, lại được gia-phong làm phụ-quốc tế-thần thượng-đẳng phúc-thần.

Truyện này thấy chép trong thần-tích, ngụ có ý nghĩa lịch-sử, và cho ta biết cửa Hồ-Tây về đời Hùng-Vương đại-khai ở vào chỗ nào, nên lược chép ra như vậy.



Một vùng Tây-Hồ mà kể đến sự-tích thần-kỳ thì có nhiều việc liên-quan đến lịch-sử nước nhà, và có nhiều truyện đáng làm gương cho hậu-thế soi chung. Tây-Hồ thực là một tấm gương phản-ánh biết bao nhiêu cảnh thịnh-suy hưng-vọng của các thời-đại, nên những ai biết cảm-thông với Lịch-sử, từ bình-dân tới bậc chí-sĩ danh-nhân, ai qua thăm Tây-Hồ thường dễ thấy xôn-xao trong lòng và dễ thốt nên nhiều câu thi-ca đáng được truyền-tụng.

Trong một số báo sau, chúng tôi sẽ lược-thuật và làm-bình về những thi-ca đó, nhắc tới hình-ảnh dễ say đắm của Tây-Hồ từng nhuộm muôn màu sắc của bao cảnh tang-thương...

(Còn tiếp)

TU - NGUYỄN

### XIN CHỮ-Ý

Bài « Lịch-trình Văn-Học Việt-Nam » do *Tân-Việt-Điều-phong* dịch bài « Littérature vietnamienne » rất có giá-trị của *Maurice Durand* đăng trong « Histoire des Littératures du Monde », (Lịch-trình các nền văn-học trên Thế-giới), Collection La Pléiade, do nhà sách Hachette xuất-bản năm 1958 tại Ba-Lé — Tòa-soạn Văn-Hóa Nguyễn-san chân-thành cảm-tạ tác-giả và nhà xuất-bản.

L.T.S.

# THIKA

## MÀU THU

### BỮU CẨM

Màu nắng nhạt, giêng vàng phơi xác ló.  
 Gió thu về, lẹ cúc chừa-chan tuôn.  
 Sóng sâu đông tràn ngập cả tâm-hồn  
 Người thi-sĩ băng-khuông tình lữ-thứ.  
 Trăng lạnh-lẻo vươn mình sau cò-tự,  
 Rừng thông xa cũ khúc nhạc thiên-thu.  
 Nỗ-nùng thay tiếng nhạn xé sương mù  
 Buông rơi giữa khoảng vô-cùng tịch-mịch.  
 Thu chầm chậm len vào hồn lữ-khách,  
 Buồn nao nao uốn khúc giữa lòng thơ.  
 Thương mệnh-mông và nhớ cũng không bờ,  
 Non nước bao-la đượm màu quan-tát.  
 Tuy gần-gũi nhưng xem tuồng xa-ngái,  
 Trông tắc gang mà tưởng cách quan-san.  
 Tắm tinh thơ gửi cánh mộng băng ngàn,  
 Mây khói đậm đè mộng-hồn lạc nẻo.  
 Tiếng ve giã nghẹn-ngào trong khóm liễu,  
 Lạc-vĩ (1) chiều khóc hận dưới thềm mưa.  
 Cả ngàn xưa chỗi dậy với sầu xưa,  
 Hồn vũ-trụ cũng nhuốm toàn thu-sắc.

(Trích trong tập HỒN VŨ-TRỤ sẽ xuất-bản)

(1) Lạc-vĩ 絡緯: cũng gọi là sa-kê 莎鷄, tức là con giọt-sành (holochlora brevifissa), một giống côn-trùng thường kêu về mùa thu. Bài Trương tương-tư 長

相思 của Lý-Bạch 李白 (701-762) có câu: «絡緯秋啼金井欄 = Lạc-vĩ thu đề kim tinh lan = Thu sang, lạc-vĩ sầu ngâm giếng vàng.»

## CÙNG BAN VĂN-HỌC

Muốn dắt nhau lên bước phú-cường,  
 Trước từ Học-Thuật với Văn-chương.  
 Góp tinh-anh lại nung khuôn ốc,  
 Thu cổ-kim vào đúc tấm gương.  
 Trông đó: Người đang tranh cạnh riết,  
 Nghĩ đây: mình chớ khóc cười sướng...  
 Anh em xin nhủ cùng nhau biết,  
 Kia lối văn-minh châu vạn đường.

Á-NAM TRẦN-TUẤN-KHAI

## TRÊN BÀI [NHA-TRANG

Non nước ngàn trùng cảnh-sắc tươi,  
 Nha-trang say-đắm dễ bao người!  
 Mây dùn trắng xóa chân trời thăm,  
 Sóng tỏa xanh rờn mặt bể khơi.  
 Núi Èn phủ sương, hình thấp-thoáng,  
 Thuyền câu lướt gió, bóng chơi-vơi...  
 Hòn Chông, Cầu Đá ngăn mùi tục,  
 Hời khách ưu-thời có tạm vui?

THANH-SƠN

## YÊU TRÚC

Ai quý loài hoa đẹp,  
 Ta yêu cây trúc thanh.  
 Từng khóm sống đoàn-kết,  
 Bốn mùa xanh hòa-bình.  
 Trắng giải lung-linh bóng,  
 Gió đưa dào-dạt tình.  
 Có-hương ai muốn hỏi:  
 Việt-Nam làng quê xanh!

ĐÔNG-XUYỀN



## NỘI LÒNG SƠN-NỮ

Giữ-gìn trong trắng ở non xanh, (1)  
Chu-từ màng đậu cánh thị-thành.  
Rừng tía, lan thơm nguyên thắm sắc,  
Bụi hồng, trắng sáng dễ tròn vành?...  
Thăm.sơn chờ khách thăm nguồn biếc,  
Thanh-nhơn mong ai dệt chỉ mảnh.  
Vàng ngọc trượng-phu ai biết rõ ?  
Lòng son nhờ bạn nhân đồng-thanh...

HẠ-BẠCH-NGỌC

## THĂM LONG-HẢI

Nước non Long-Hải đón chờ ai ?  
Đem tắm nhưng vàng dệt nắng tươi.  
Bát-ngát rừng cây chen đỉnh núi,  
Bao-la mặt biển ngút chân trời.  
Con thuyền sóng vỗ mảnh phơ-phất,  
Bãi cát triều dâng nước lóng-lai.  
Đá vắn phơi gan, rồng ẩn bóng,  
Suối trong lưu mãi tiếng muôn đời.

HỒNG-THIÊN nữ-sĩ

(1) Trong bài thơ này, câu nào cũng dùng chữ chỉ màu sắc.

## MÀU SẮC NHA-TRANG

Mỗi phút ngắm nhìn, mỗi đổi thay,  
Biết bao cảnh-sắc (1) khéo phò-bầy.  
Biếc tranh vân-câu, ai vờn vẽ ?  
Hờ-hững qua đường cũng mãi say.

Sương sớm mặt-mà tòa trắng tinh,  
Chân trời bàng-bạc, nước rung-rinh.  
Sẻ trưa, nắng rọi muôn nghìn vẽ,  
Mặt biển trong xanh, bóng gợi tình.

Chiều về, tấp-nập khách qua chơi,  
Mau-mác vàng gieo, rải núi đồi.  
Ngọn sóng rập-rờn, con gió thoảng,  
Êm-đềm, trong-trẻo, một màu tươi.

Bé cá linh-lung cảnh dị-thường : (2)  
Hải-ngư bao hạng một trùng-dương.  
Đủ loại tím, đỏ, vàng, xanh, trắng ;  
Nước róc ven hồ, phản ánh gương.

Trên bãi, lò-nhỏ mấy quán hàng,  
Đón chào, thiếu-nữ vẫn thời-trang.  
Thuốt-tha, tơ lụa quàng da xám ;  
Sắc-sỡ cố tìm vẽ mỹ-quan.

(1) Trong bài thơ, thường dùng nhiều chữ chỉ màu sắc.

(2) Hồ cá tại Hải-học-viện Nha-Trang.

Tuổi trẻ thi đua thú vẫy-vàng,  
Tưng-bừng đứ-hiện, lúc xa trông...  
Mấy nàng e-lệ che thân ngọc,  
Nét vẽ thiên-nhiên ửng ánh hồng.

Đêm tối, đèn rong suốt dây dài,  
Sao sa mặt nước, cảnh chơi-vơi...  
Lặng nhìn những tưởng nơi cung-phủ,  
Nào rõ thuyền câu chốn bể khơi. (1)

Giữa giải sơn-hà, một cảnh thơ,  
Đổi thay, sắc nước vẫn không mờ.  
Say-sưa mãi ngắm, quên dẫu bể,  
Thanh-khí ai người tỉnh giấc mơ?

THANH-SƠN

### HỒ TÂY MỘT BUỔI CHIỀU TÀ

Chiều về ngắm cảnh Hồ Tây,  
Đoái nhìn mặt nước chán mây mịt-mờ.  
Thuyền ai buồm trắng phất-phơ,  
Ánh dương còn chút, tờ-mờ trong mây.  
Sôi làn nước đổ háy háy,  
Rập-rờn lóng-lánh khéo bày nên thơ.  
Mãi nhìn cảnh vật ngân-ngờ,  
Thư-không chợt tiếng chuông chùa khua vang.  
Đưa ta đến cõi mơ-màng,  
Khiến quên, quên cả chiều tàn sương sa!

MAI-OANH nũ-sĩ

(1) Dây thuyền rong đèn suốt đêm, câu cá mực, nhưng chỉ câu lúc tối trời.

VĂN-HÓA - SỐ 42

### ĐỀ BỐN BỨC TRANH

#### CÂY THÔNG

Nắng gió mưa sương giải bốn mùa,  
Trăm năm trinh-tiết hầy còn tro.  
Trên đời hỏi có ai tri-ký?  
Luống tiếc công hươu những đợi chờ!

#### CHIM ĐÀU ĐỈNH NÚI

Trời rộng cây cao thú vẫy-vàng,  
Một mình riêng chiếm một non sông.  
Anh-hùng họa biết anh-hùng nhi,  
Hoa cỏ phen này có chủ-ông.

#### MAI NỜ' DƯ'ỚI TRĂNG

Dưới ánh trăng thanh hơn-hở cười,  
Đầu cành ba bảy những khoe tươi.  
Thương cây trúc nhớ năm canh đợi,  
Thấp-thoảng trông mình ngộ bóng ai?

#### RĂNG LIỄU

Nước nước non non khéo hữu-tình,  
Rèm thưa khép mở cánh ba-sinh.  
Đêm xuân trăng gió lòng tơ vương,  
Trong kiếp phồn-hoa hỏi có mình?

Á-Nam TRẦN-TUẤN-KHAI

VĂN-HÓA - SỐ 42



THƠ-DỊCH

NGUYỄN-TÁC

QUÁ TÂY-HỒ TỰ

Thế-giới tam thiên vị dị tâm,  
 Ngã ư hồ thượng hạnh đồng lâm.  
 Giang-sơn tứ cố không thành bại,  
 Thiên-địa nhất hồ tự cố tâm.  
 Tây-hồ thần lâm cơ điều tích,  
 Nam vô phật giáng kỳ tri-âm ?  
 Liên-Hoa quân-tử y thủy hội ?  
 Nguyệt hương Tây-Hồ nhất thường ngâm !

Tình-trai NGUYỄN-LONG-CÁT

BÀI DỊCH

QUA CHƠI CHÙA TÂY-HỒ

« Tam-thiên thế-giới » dễ đâu tìm ?  
 Chùa viếng Tây-hồ, bát-ngát xem :  
 Sông núi bốn bề thua với đực,  
 Đất trời một vũng cỏ như kim !  
 Thần về... mấy độ không tắm-tích,  
 Phật vắng, cùng ai tỏ nỗi-niềm ?  
 Ước-hẹn nhà sư, ai đó tá ?  
 Cảnh hồ ngâm-ngợi ngát hương sen !...

ĐÔNG-XUYẾN dịch



LÃO-TỬ

ĐẠO-ĐỨC-KINH

QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH

(Tiếp theo V.H.N.S. số 41)

NGHIÊM TOÀN dịch thuật

XLIV

以	辱	必	受	亡	與	名	
長	知	辱	必	孰	貨	與	四
久	止	亡	大	病	孰	身	十
	不	知	費	是	多	孰	四
	殆	足	多	故	得	親	章
	可	不	欲	甚	與	身	

## DỊCH ÂM

### TỬ THẬP TỬ CHƯƠNG

*Danh dữ thân thực thân ? Thân dữ hóa thực đa ? Đắc dữ vong thực lệnh ? Thị cố thậm ái tất đại phi, đa tàng tất hận vong ; tri túc bất nhục, tri chi bất đãi, khả dĩ trường cửu.*

## DỊCH NGHĨA

### CHƯƠNG BỐN-MƯỜI TƯ

Tên (1) với thân mình, cái nào thân hơn ? thân mình với của cải, cái nào nhiều hơn (2) ? được với mất, cái nào hại hơn (3) ? Cho nên rất mực yêu dấu ắt hao tổn lớn, cất giấu nhiều ắt mất nhiều. Biết đủ không hồ nhục; biết dừng lại không nguy, khó được dài lâu.

## CHÚ GIẢI

Chữ và câu khác nhau tùy theo các bản.

*Thị cố 是故* : Các bản phần nhiều đều có hai chữ này. Bản Hà-thượng công không có. Theo La Chân-Ngọc, bản Cảnh-phúc cũng không.

*Tri túc bất nhục 知足不辱* : Ở trên câu này các bản không có chữ *cố 故*. Theo La Chân-Ngọc, bản Cảnh-long và bản Đôn-hoàng đều có chữ *cố 故*.

*Danh 名* : 1<sup>o</sup>) tên để gọi vật.  
2<sup>o</sup>) tên để gọi người.

- (1) — Hoặc cũng có thể dịch là : «Danh tiếng ; tiếng tăm».  
(2) — Hoặc cũng có thể dịch là : «nặng hơn». (xin xem phần chú giải)  
(3) — Hoặc cũng có thể dịch là : «khô hơn ; khốn khó hơn».

3<sup>o</sup>) trở địa-vị mình ở, tỷ dụ như trong danh từ kép : *danh nghĩa, danh phận*.

4<sup>o</sup>) tiếng khen, tiếng thơm, tiếng tăm tốt, cũng như chữ kép *danh dự 名譽* (do bốn chữ *lệnh danh 令名* = tiếng lành và *mỹ dự 美譽* = lời khen tốt, đẹp, nói tốt.)

Ở đây chữ *danh 名* dùng theo nghĩa thứ tư này.

*Thực 孰* :

- 1<sup>o</sup>) ai, chỉ vào người mà nói.  
2<sup>o</sup>) gì, chỉ vào sự vật mà nói.  
3<sup>o</sup>) nào.

*Thân 親* :

- 1<sup>o</sup>) đến, tới, vì tình ý khàn thiết ân cần, như trong chữ kép : *thân ái* = thân yêu  
2<sup>o</sup>) gần, thân gần.  
3<sup>o</sup>) người thân.  
4<sup>o</sup>) yêu.

*Hóa 貨* :

Của cải ; vật có thể đổi lấy tiền.

*Đa 多* :

- 1<sup>o</sup>) Nhiều.  
2<sup>o</sup>) nghĩa như chữ *thắng 勝* = được, hơn.  
3<sup>o</sup>) Nghĩa như chữ *trọng 重* = nặng, trái lại với *khinh 輕* = nhẹ, như trong chữ kép *quý trọng 貴重*.  
*Hề Thông 異同* (hoặc Hề Đồng rắng : theo Thuyết-văn, *đa 多* là *trùng 重* như trong chữ kép *trùng điệp 重疊* ; rồi nói rộng ra *đa 多* là *trọng 重* = nặng. Trong Hán-thư, truyện Kinh Bó (tức Anh Bó) có câu : «*Hựu đa kỳ tài 又多其材*», lời chú của Nhan Sư Cồ rắng : *đa 多* tức là *trọng 重* vậy.

4<sup>o</sup>) Quý, đáng kè, đáng đếm xia. (theo J.J.L. Duyvendak : *Le livre de la Voie et de la Vertu*).

*Bệnh 病* :

- 1<sup>o</sup>) ốm đau, mình mẩy không được để chịu. Nhẹ là *tật 疾*, nặng là *bệnh 病*.  
2<sup>o</sup>) điều, làm lỗi.  
3<sup>o</sup>) bắt lỗi, buộc tội.  
4<sup>o</sup>) chỗ kém.  
5<sup>o</sup>) nhục.



6°) lo.

7°) khốn, khốn khó.

8°) làm hại (theo Thiệu-Chửu : Hán Việt tự điển). Ở đây, chữ *bệnh* 病 dùng theo nghĩa thứ bảy, thứ tám này.

Phi 費 :

1°) tiêu phí (theo Thiệu-Chửu : Hán Việt tự điển).

Tàng 藏 :

2°) hao tổn, tan mất của dùng.

1°) giấu.

Hậu 厚 :

2°) dành chừa, cất chừa.

1°) Dày, trái với mỏng.

2°) Trái với *bạc* 薄 : phạm phê bình sự vật, cái nào tốt hơn, nhiều hơn, dày hơn, đều gọi là *hậu* 厚.

3°) nghĩa như chữ *đạt* 大 là lớn; tỷ dụ như trong câu : « *Hậu khinh chư hầu* 厚輕諸侯 = lớn khinh chư hầu = coi rẻ chư hầu nhiều lắm ». (Quốc-sách, Tân-sách).

*Danh dữ thân thực thân, thân dữ hóa thực da, đắc dữ vong thực bệnh, thị cố thạm át tất đạt phí, đa tàng tất hậu vong.*

Kẻ ham được tiếng tăm, thích ở địa vị trên người, tự nhiên quên lãng, không nghĩ đến bản thân; cũng như kẻ thích của lắm tiền nhiều, ắt coi thân mình nhỏ, bé, rẻ, khinh, vì bởi lòng tham không chán. (4) Rốt cuộc, tuy được danh, được lợi, nhưng thân bị mất, thứ hồi đặng nào thiệt hại, đặng nào làm cho ta xót xa, khổ sở nhiều hơn ?

Sao không biết suy nghĩ đến cùng : đối với bất cứ cái gì, ta đã rất mực yêu đương, ắt lòng bị bế tắc, *chướng ngại* (5), không có thể cùng mọi vật suốt thông đi ; và khi đã cất giấu, tích lũy của cải thật nhiều, ắt là vật bị *đọng*, bị ngưng, không thể chuyển dời lưu loát.

4 — Tỷ dụ như truyện anh nhà giàu đại hà tiện Grandot của Honoré de Balzac, ốm đau gần chết vẫn bắt đề ngõ cửa phòng, tuy trời giá lạnh, dề có thể tự canh tù bạc, và trước khi tắt thở còn cố gắng trời trắng lại con gái, phải tương trình với ông về bạc vàng, gia sản, khi gặp ông ở thế giới bên kia !

5 — Nói theo nhà Phật.

Rồi cái ta yêu đương kia cũng làm người cầu được, của cất giấu kia, kẻ tới tranh giành chiếm đoạt hẳn không phải là ít, ta sẽ bị *vật* (cái ta yêu, vật ta chứa cất) làm hại, làm khổ ; cho nên càng yêu lắm, tổn hao càng lắm ; càng giấu cất nhiều, mất lại càng nhiều. (Phỏng theo Vương Bật).

Lòng người quả thật lạ lùng : tiếng thơm, của cải là cái ở ngoài, ở sau thân ta, so với sinh mệnh ta bên thân bên sơ, bên khinh bên trọng, ai chả nhận thấy rõ ràng ? một đàng mất danh, lợi, một đàng mất bản thân, hãy thử so sánh xem mất bên nào tai hại, khốn khổ hơn nhiều ? ắt vậy mà lắm kẻ quên hẳn thân mình chỉ vì danh, vì lợi. Cũng bởi lòng yêu quá nặng, *yêu người*, đến đặt cả cuộc sống, vào tình yêu ấy, *yêu của*, tham lam chắt chừa của cải không biết hao nhiều cho đủ, nên *lúc mất, cái mất càng lớn lắm* : nào ruột xé gan bào khi tình yêu phải lạt, nào mồ hôi chảy theo nước mắt khi công-phu bốn tâu tích lũy một sớm tiêu tan.

Trương Nhĩ-Kỳ rằng : « Kẻ tham lam chết theo của, người liệt-sĩ chết theo danh, đều chỉ biết có lợi danh mà không biết có thân mình ; hái không tự ngắm xem, một đàng là bản thân, một đàng là lợi, là danh, bên nào thiệt với ta hơn và ta nên coi trọng bên nào ? nếu đem thân đánh đổi lấy lợi, lấy danh, bên nào mới thực là *thiệt*, là *mất*, bên nào là *được*, là *còn* ? tưởng lẽ ấy cũng có người hiểu thấu. Cho nên cái mình rất mực yêu quý tự nhiên gây ra xấu xé, giành giật, cái mình giấu cất thực nhiều tự nhiên thúc giục, hấp dẫn bọn đạo tặc kéo đến... khi bấy giờ mới hối ngộ, thân bị danh làm lụy, bị của làm hại, cái *được* không đủ đền bù cái *mất*, nhưng đã quá muộn rồi... » (Phỏng dịch).

Tri túc 知足 : biết tự lấy làm đủ.

Nhục 辱 : 1°) dơ bừa.  
2°) xấu hổ, hồ nhục.

Chỉ 止 : 1°) thôi, dừng.  
2°) nơi ở yên của lòng (như trong câu : *chỉ ư chí thiện* 止於至善 = lòng ở yên tại chỗ rất phải.— Đại-học.)

Tri chí 知止 : biết ngừng lại.

Đất 殆 : 1°) nguy.  
2°) mỗi một.

*Tri túc bất nhục, tri chí bất đãi; khả dĩ trường cứu.*

Ham danh, cầu lợi không chán, lòng yêu—yêu người, yêu của, yêu vật — nặng trĩu, thể chất tâm hồn ngày càng trở buộc, ấy là tự rước lấy cái khổ đau, buồn tủi; cho nên ở đời phải biết *tự đủ*, phải biết khiến lòng *dừng lại*, tùy thời hành động tiến thoái, mới hy vọng tránh khỏi những sự dơ bẩn hồ nhục hay những điều hiểm nguy tai họa và mới có thể giữ cho sinh mệnh dài lâu.

Và lại khi đi đuổi theo cái ở ngoài, ta trở nên tham, kiêu, rồi trôi giạt trong *biển muốn, sông yêu* (6), lòng một ngày đắm chìm, ta dần dần bỏ mất thiên chân, hối hại Đức, hại Đạo còn gì hơn thế nữa?

Duy chỉ kẻ nào biết *tự đủ* và biết *dừng lại*, không đem tài trí ra thi thố để cản ngăn, cưỡng ép thúc đẩy cuộc sống theo thiên-nhiên của mình và của vật, mới tránh được điều nguy hiểm và bảo toàn được kiếp sống của ta hợp với Đạo—thề cho đến lúc chung cùng.

## ĐẠI Ý KIÊM TỔNG BÌNH

Chương này dạy ta nên coi trọng tính mệnh chân thân mà coi khinh danh lợi bên ngoài; ở đời phải *biết đủ*, *biết dừng* (7), chớ có tham lam chỉ tiến không lui, mới mong tránh khỏi những nỗi nhục nhã hiểm nghèo và giữ cho thân mình cùng lòng đạo được dài lâu bền vững./.



(6) Dịch hai danh từ *dục hải* 欲海 và *ái hà* 愛河 của nhà Phật.

(7) Về mấy chữ này (Tri túc, tri chí), đề so sánh và bỏ túc, xin đọc thêm các chương: XXXIII, XLVI, XXXII, IX và XVI.



## HU'ONG THOM

THANH-TÂM

biên khảo

Ba mươi lăm thế-kỷ về trước, một đoàn 5 chiến-thuyền Ai-Cập lừng lừng xuất-hiện trước cửa biển xứ Tonoutir (hiện nay là Somali, ở Đông Châu-Phi). Một đoàn chiến-thuyền hùng hậu như thế, được dựng công tạo thành mảnh trên bờ sông Nil, rồi được khuân vác bằng đường bộ cho đến bờ biển Hồng-Hải để lắp, rồi đến một cuộc hành-trình dài dằng dằng đầy nguy-hiểm trên hai ngàn cây số, tất không phải có một mục-dịch tầm thường: Các viên thuyền-trưởng can-đảm ấy đã tuân mệnh nữ-hoàng Hatshepsout nước Ai-Cập đến nơi nổi danh là Xứ Huyền Bí của Hương-Thơm này không có mục-dịch hung hãn gì, chỉ cốt đưa giống hương thơm quý báu về dâng cho Nữ-hoàng.

Chúng ta ngày nay chỉ vài chục đồng bạc là đủ để hưởng nhiều thứ hương lạ, bán ẽ-hề la-liệt tại các cửa hiệu, tất khó lòng lượng được sự cầu kỳ của cô-nhân khi đi tìm vật báu ấy.

Đấy quả là báu vật, vì nó có cả hai đặc-tính hiếm và công dụng không lường được.

Chắc nhiều bạn sẽ ngạc nhiên, vì công-dụng của các thứ hương thơm có đâu đến không lường được! Nhưng xưa kia nàng Cleopâtre thực-tế hơn chúng mình, nàng đã dùng cái chiến-lược thông thường của nữ-lưu, là xư-dụng rất khéo các thứ phấn, son, các thứ dầu mỡ thoa tóc, chải lông mi, đánh quầng mắt, và các thứ nước hoa, mà



đánh bại được những vị tướng bách chiến bách thắng, hiệu nghiệm gấp bội những đoàn quân, cầm-tử, những chiến-thuyền đồ sộ. Ở Phương Đông mình không rõ các mỹ-nhân thời xưa có biết tận dụng những phương-pháp giả tạo để gây lấy cái sắc đẹp đồ quân siêu đỉnh hay chăng, chứ về phần nàng Cléopâtre thì, theo lời truyền tụng lại, thực ra nàng cũng chẳng lấy chi làm đẹp cho lắm, tóc thì hung hung mà mắt cũng như da lốm-đốm vết tàn nhang. Sở dĩ nàng tiếng tăm lừng lẫy là do nàng đã khéo dụng lối ngoại-giao tràn ngập hương thơm mà làm thay đổi cả cục-diện thế-giới, điên đảo cả các quốc-gia.

Tất nhiên, nàng Cléopâtre không phải đã phát-minh ra các mỹ-phẩm, nó vốn có tự thuở xa xăm nào ấy, tự cái thời người đàn bà cần thấy phải trối buộc người đàn ông cứng cõi, bắt phải phục tùng mình là kẻ chân yếu tay mềm, nói tóm lại, tự thuở người đàn bà biết làm đấm.

Ngay tự thời ấy, cả lối quàng mắt cho làn thu thủy thêm phần mơ mộng ngát ngây cũng đã rất thịnh-hành, thứ thuốc bôi ấy bán khắp đường cùng chỗ ở Memphis cũng như ở Thèbes.

Một nghìn năm trước nàng Cléopâtre, hoàng-hậu của vị Pharaon đầu tiên nước Ai-Cập đã được bà mẹ truyền-thụ cho lối nhuộm bằng chất cây chỉ giáp hoa (henné), và nàng Cléopâtre cũng đã biết dùng cái bí-quyết ấy mà nhuộm tóc cho óng ả một màu nâu đỏ.

Cho tới ngày nay, nhờ sự tìm tòi của bao nhiêu chuyên-viên về mỹ-phẩm, mà các bạn gái cũng vẫn chưa thêm được một «thủ đoạn» nào hoàn toàn mới trong nghệ-thuật chinh-phục người đàn ông bằng sắc đẹp. Như thế mới biết được cái bí-quyết về lực-lượng quyến rũ của Cléopâtre. Nguyên các viên danh-tướng bao giờ cũng phải có được những chiến-lược hay võ-khí đi trước người đương-thời mới lập nổi kỳ công. Cléopâtre cũng thế, tự nàng đã tìm ra nhiều bí-quyết, tạo những thứ hương mới, nhiều khi dùng ngay những mùi hôi nồng nặc của một vài con vật mà biến chế thành những mùi thơm vô song. Nhờ đấy mà vị nữ-hoàng này đã trọng-trung cho sự quyến rũ của phái đẹp trong lịch-sử nhân-loại. Cho đến bây giờ, hẳn các bạn phái yếu cũng không ngờ là còn dùng nhiều thứ «vũ-khí» đặc biệt của Cléopâtre xưa kia.

Nếu ta đi lui mãi vào dĩ vãng, sẽ thấy rằng xưa kia hương thơm và trầm hương dùng lẫn nhĩa. Nhựa cây một được và thứ trầm chính thức, cùng với đinh hương, nhục quế, các thứ dầu thơm và thuốc xức, đã xuất-hiện trong thương trường cùng với một thứ vật dụng cần vào bậc nhất là muối ăn, chừng đó người xưa coi làm đáng không

kém không kém cần thiết, so với vấn-đề dinh dưỡng. Trong đó riêng chất nhựa cây bá hương (cèdre) xứ Liban là loài trầm được nổi tiếng hơn hết, sau mới đến những thứ sản-xuất tại Soudan, Abyssinie và xứ Somalie nói ở đầu bài này. Thứ trầm chính cống kia chỉ riêng có ở những rặng núi hiểm trở xứ Na n Á-Rập, và mỗi loại ấy dành riêng cho chừng ba trăm gia-đình được hưởng. Cũng như bất cứ vật gì quý, nó cũng có những sự tích huyền-hoặc kèm theo: Theo Hérodote thì lấy nhựa cây đó không phải bao giờ cũng được, còn cần phải được thần linh cho phép, vì mỗi cây bá hương có rất nhiều rắn rết canh giữ, muốn chúng lảng xa người ta phải đốt nhựa cây tô hợp hương (styrax) Nếu kẻ đi hái nhựa là một người đàn ông không giữ mình trong sạch trong tuần trăng thì nhựa sẽ hôi và không dùng được nữa. . . Mỗi loại ấy không một ai chịu bỏ qua, vì thế các thầy tế lễ xứ Saba cho phép những đoàn người đưa hương đi qua tỉnh mình, nhưng với điều-kiện chỉ vào có một lối đi... để bề đánh thuế. họ lấy mất 1/10 số hàng đưa qua. Rồi đến cửa biển Gabanites, các vị vua xứ này lại lấy mất 1/10 nữa. Cứ như thế mãi cho đến khi tới đại-thị Alexandrie, nơi tập trung những cuộc buôn bán lớn lao về hương, trầm và các thứ gia-vị, giá nó đã vọt cao đến nỗi các lái buôn phải bắt bọn nô-lệ loã-lò thân thể, chỉ được mang có một chiếc khố nhỏ xíu, để không còn chỗ nào giấu-giếm nếu chúng định ăn cắp. Vị vua Juba đã phải xuất ra một số trăm nặng ngang với nàng ái-phi nhà vua định cưới mới được toại nguyện. Kể không sao xiết những tích truyện ly-kỳ về trầm hương.

Các thứ mỹ-phẩm tự Ai-Cập tràn lan sang La-Mã và trở nên thông-dụng đến một mức điên cuồng: Phụ-nữ mạ vàng đầu như bộ, đánh hồng đầu gối và chơn mày, nam giới thì dùng màu xanh dương về nổi các đường gân máu để tỏ mình tràn-trề nhựa sống..

Rồi đến khi đế-quốc La-Mã sụp đổ thì các mỹ-phẩm, và nhất là bí quyết chế-tạo hương-thơm, lại theo gót kẻ xâm-lãng lan tràn sang phương Đông. Những tay chế-tạo mỹ-phẩm và hương thơm trút sang trung tâm xứ Á-Rập Đến thế-kỷ thứ XI một nhà bác-học trú danh là Tortula đã chịu khó viết tới ba cặp sách ghi chép các phương-pháp chế-tạo nước hoa.

Tại Ý-Đại-Lợi, dưới thời Văn-Nghệ Phục-Hưng, trào-lưu dùng hương

thơm hồng-bột mãnh-liệt. Năm 1562 Giovanni Marinello viết cả một pho sách vĩ-đại được tái-bản nhiều lần, nhan đề là « Cách Phục Sức của các Bà ». Hoàng-hậu Catherine de Medicis du nhập những sự phát-minh của Ý-Đại-Lợi trên địa-hạt này vào nước Pháp và gây ra cả một kỹ-nghệ mỹ-phẩm tại đó. Suốt hai thế-kỷ XVII và XVIII xuất-hiện tại Pháp hàng nghìn thứ mỹ-phẩm khác nhau: kem thoa, phấn, tinh chất nước hoa, thuốc thơm, thuốc đánh quầng mắt, phấn đánh trên má, và... cả chất sơn móng tay nữa. Nhưng thời ấy, việc dùng mỹ-phẩm cũng có « tôn ti trật-tự » lắm: có ba lối trang sức hầu như chính thức, ấn-định cho ba hạng các bà Mệnh-Phụ, các Gái-Điểm và các bà Nội-Trợ Trưởng-Giả. Các bậc nam nhi thì chưa có cái sở-thích riêng như ngày nay. Thay vì chọn màu cờ của các Bàn Lông như các nhà hiệp-sĩ thời trước, họ đã chọn ngay thứ nước hoa của người yêu để xài. Vua Lô-Y XV nước Pháp làm đóm tới nỗi các phòng trong cung-điện hàng ngày phải được bươm nước hoa, mà mỗi ngày một thứ khác nhau. Sự xa-xỉ đã đưa đến chỗ tiêu tốn, riêng tại Ba-Lê, có tới năm chục triệu quan một năm về nước hoa, tính thành tiền bây giờ vào khoảng hơn hai tỷ bạc Việt-Nam!

Nhưng các bạn đừng vội tưởng là kinh-thành nước Pháp thời ấy sự nức mùi thơm như một hộp phấn không-lò. Tuy tiêu-tốn là thế, nhưng cũng chẳng có được là bao nhiêu nước hoa, vì cách chế-tạo nước hoa còn cực kỳ tốn kém.

Tự thượng cổ, trước khi người Á-Rập phát minh ra cách cho các cánh hoa, thân cây thơm v.v... vào bình cất, để đun chung với nước và cất tinh chất nước hoa ra (đĩ nhiên là lẫn với nước), thì người ta cũng đã từng biết cách ngâm cánh hoa hay cây thơm vào dầu, hoặc trải trên mỡ, vì các chất nhờn đó có đặc tính hút được tinh chất thơm của cây cỏ. Hiện nay, cái phương-pháp cổ-lũ ấy một đôi khi còn phải dùng đến để ướp lấy những hương thơm mà lối đun cất làm cho biến tính.

Người ta còn truyền tụng một cách làm nước hoa khác nữa do vị ái-phi nhà vua Ấn-Độ Jehanger xưa kia phát-minh ra. Nguyên một hôm bà ta dạo chơi trong ngự-vườn, đến chỗ trồng hoa hồng bỗng lưu-ý đến một làn màng mỏng, đóng vàng trên bề nước ngập cánh hoa hồng rụng. Bà ta cho vớt lấy và đặt tên là nước hoa Atr-i-Jehan-giri. Đến nay thì còn ai lạ thứ dầu hoa hồng danh tiếng của nước Bảo-Gia-Lợi nữa?

Sau hết, là một lối thứ tư: ngâm các yếu tố có hương thơm trong một chất phù-hợp, như nước, rượu, hay bột pha một thứ dung môi nào đấy.

Nước Pháp hiện nổi tiếng nhất thế-giới về các mỹ-phẩm, là nước hoa, tuy rằng kỹ-nghệ nước hoa của Pháp có sau nhiều nước trong đế-quốc La-Mã. Nguyên tại vùng Nice, Cannes và Monte Carlo, kỹ-nghệ trồng hoa đã chiếm tới 20.000 nhân công, hàng năm sản-xuất chừng hai triệu rưỡi ki lô đủ loại, nhiều nhất là hoa cam, hoa nhài, nguyệt hạ hương, hoa cam chanh, mộc tê thảo, hoa đồng thảo. Nhưng con số khổng lồ ấy cũng không đưa lại được bao nhiêu nước hoa vì phải tới 1.000 ki lô cánh hoa mới cất nổi có 1 cà-ram ét-săng hương thơm (tức nước hoa nguyên-chất).

Ngoài vùng Nam nước Pháp ra còn nhiều nơi khác nổi tiếng trong địa hạt sản-xuất này, chẳng hạn như đảo Sicile sản-xuất hoa chanh và hoa cam chanh, Ấn-Độ: gỗ đàn hương, Java: cây sả, Zanzibar: đinh hương, Anh-cát-lợi: Oải hương thảo, Ba-Tây: Huê-mộc, Trung-hoa: Đại hồi và Ba Đậu, Đài Loan: Long não, Bảo-gia-lợi: Hoa hồng v.v... Mỗi nơi có một thứ hương quý. Không những hương của thực-vật mới được dùng, còn nhiều thứ xạ cũng dùng làm nước hoa, do động-vật nơi thâm sơn cùng cốc sản-xuất, ở những rừng núi Mông-Cổ hay rừng thẳm xứ Abyssinie chẳng hạn. Nước Mỹ rộng lớn như thế mà không có được mấy thứ hương quý. Nhiều nhất chỉ có giống bạc hà vùng Michigan và Oregon và giống khô ngải (absinthe) vùng Marylanb và Louisiane.

Xưa kia Ponce de Léon cầm đầu đạo quân Y-Pha-Nho đi khắp vùng Floride nước Mỹ để tìm dòng suối Trường xuân nhưng nào có thấy. Trái lại, ông ta được mục kích thổ dân nhai hoặc trộn vào thuốc hút vó hay lá một thứ cây mà họ gọi là « pavane » vừa thơm, vừa chữa được bệnh. Về sau nó đã được đưa vào sách thuốc, nghiên-cứu lối chữa bệnh của người Da Đỏ tại châu Mỹ (tác-giả; Monardès, 1574). Ta gọi thứ đó là cây gie vàng hay cây gie gừng. Người châu Âu tin ở thuốc đó quá đến nỗi về sau dùng chữa lung tung bất cứ một bệnh gì, từ bệnh rụng tóc đến bệnh đau răng.

Cái phong trào dùng cây gie gừng này đã làm giàu cho những viên-thuyền trưởng phiêu-lưu. Viên thuyền-trưởng John Smith muốn tìm người giúp tiền để đi thám hiểm ven biển nước Mỹ, hồi đó còn thuộc Anh, đã dám hứa hẹn sẽ đem vàng về trả nợ. Vàng thì không thấy, nhưng ông ta đã khôn khéo chất đầy tàu toàn cá, lông thú và giống gie gừng này Henry Hudson, Adrian Block, Bartholomew Gosnold, Mathew Pring v.v.. đều là những thuyền-trưởng làm giàu về gie gừng. Nhưng rồi sự ham



chuộng quá đáng lúc ban đầu đã qua, nó bị coi rẻ, và hiện rễ thứ cây quý giá ấy chỉ còn dùng vào một công việc tầm thường là chế một vài thứ rượu bia.

Không những riêng nó, mà còn nhiều thứ hoa trước kia rất quý hiện nay cũng bị người ta coi thường. Đó không phải là do thị hiếu, nhưng chính là vì chúng đã bị nhiều hóa-học phẩm thay thế với một giá rẻ mạt.

Đã từ lâu, hóa-học jru tâm nghiên-cứu thay thế hương liệu thiên tạo, vốn dĩ đã dất lại thêm sự thâm hoạch thất thường có thể làm cho nhà buôn phá sản như chơi. Nhưng nào phải việc dễ. Nhà hóa-học Bonastre đã từng lấy ra được một chất nước vàng nhợt trong ét-săng, định hương, với một mùi thơm rất gắt, đun tới 120 độ thì sôi, công-thức là  $C^{10}H^{12}O_2$ . Tưởng rằng đây là tinh chất hương thơm, không dè trong cây thì là, ông ta cũng lấy ra được chất  $C^{10}H^{12}O_2$  nhưng đây lại là những hạt tinh thể, đun nóng lên 54 độ rưỡi thì chảy lỏng ra, và... không có hương gì hết. Rồi người ta còn tìm thấy hàng trăm chất khác nhau mà lại đồng công thức ấy. Khoa học-dành thức thủ, cho đến ngày tìm ra rằng các chất không phải chỉ thay đổi tính vì công thức hóa-học mà thôi, nó còn thay đổi cả với cách kết-cấu của các nguyên-tử và phân-tử nữa. Nhờ hiểu biết về tinh chất những thể đồng phân dị tính (isomérisme) mà khoa-học vén được màn bí-mật bao phủ trên tinh chất hương thơm.

Và bây giờ mới khám phá ra rằng thiên nhiên không thay đổi chi mấy trong lối cấu-tạo cảm-giác cho ta. Nếu các màu sắc nhiều vô kể thực ra chỉ là sự pha trộn khéo léo của ba màu chính là đỏ, xanh, và vàng thì tất cả các dị hương của muôn hoa rút lại cũng chỉ là sự pha trộn của một số hương chính. Và nếu trong thiên nhiên ta ít khi thấy được màu xanh, đỏ hay vàng ở thể thuần khiết thì mỗi thứ hương thơm thường là một mớ hương chính pha trộn, ít khi có được đơn hương.

Và người ta lại còn tìm thấy là phần lớn các thứ nước hoa nguyên chất (essence) thường có một đơn hương mạnh nhất, một số đơn hương phụ khác ít hơn nhiều, tất cả pha trộn với những thân hoa kinh (hydrocarbures) công-thức là  $C^{10}H^{16}$  hoặc các chất đồng phân dị lượng (polymères) của chúng, tên khoa học « téc-ben » (terpène).

Phần lớn các chất téc-pen này vô ieh, nhiều khi còn hại cho hương liệu nữa, vì nó dễ bị óc-xy hóa và làm hỏng hương thơm. Nó thường biến chất thành nhiều thứ át-xít mùi nồng nặc khó ngửi,

Chẳng hạn trường hợp một vài thứ phở-mát xấu, mùi khó chịu, chính là do sự hiện diện của át-xít buy-ti-ric (acide butirique) vậy.

Xưa kia các thứ hương thơm cực kỳ đắt, như chúng ta đã biết : ét-săng hoa hồng có thể cân lên đánh đổi ngang với ngọc quý được. Vì vậy, không ai là không muốn tìm cách chế-tạo nước hoa bằng hóa-học. Và người ta may mắn hơn việc tạo đá làm vàng xưa kia.

Ban đầu người ta dùng cách tổng-hợp chế ra được những chất thơm, may ra thì giống hương thiên nhiên, nhiều khi còn tùy người ngửi mới thấy là giống hay không (chẳng hạn như chất « nitrobenzène » giống mùi dầu hạnh nhân), taurong khi là hương lạ, lại thêm may mắn thì gặp được cả chuỗi hương thơm khác nhau ; không thì lâu lắm mới tìm ra được một hương.

Lối tìm tòi hủ họa ấy về sau được chấm dứt nhờ các nhà bác-học ngày thêm tinh-xảo trong việc pha trộn các yếu-tố, hiểu tinh tường các tỉ-lệ thích-hợp, lại thêm biết rõ cả cách kết-hợp các nguyên-tử trong các chất thơm.

Cuộc thành-tựu đáng ghi nhớ đầu tiên là của Perkin, người đã từng phát-minh ra thuốc nhuộm đầu tiên bằng hắc ín. Nguyên cây hương đậu (fève de Tonka), thứ này vốn phát sinh tự Nam-Mỹ Châu, đem ngâm vào rượu thành một thứ hương thơm rất được người ta ưa chuộng, chế vào thuốc lá để ngửi, dùng làm nước hoa, mùi ngát như hương rạ lúa mới cắt. Tinh chất của nó được Vogel tìm ra năm 1813, công thức là  $C_9H_6O_2$ , và đổi tên là « coumarin ». Tinh chất này còn nằm trong nhiều thứ cây, chẳng hạn ở trong đinh-hương trong trái dâu dại, và nhiều cây khác nữa, với những độ nhiều ít khác nhau. Đến năm 1868 Perkin đã tổng-hợp được chất coumarin này.

Sự hòa hợp màu sắc của thiên-nhiên đã làm nảy tài các họa-sĩ thì trong địa-hạt mới này cũng xuất-hiện những nghệ-sĩ mới, họ không dùng bút vẽ và thuốc màu, nhưng biết hòa hợp các hương thơm để chế ra những mùi thơm ngát như của thiên nhiên.

Một trong những nhà nghệ-sĩ tiên phong ấy là giáo-sư F. Tiemann, ở đại-học-đường Bá-Linh, một nhà bác-học kỹ tài và cũng rất nhẫn nại, đã hy-sinh cả một đời cặm cụi để phân tách các vi-phân tử của hương thơm và để hợp chúng lại. Một trong những thành tựu lớn nhất của ông là việc chế ra tinh chất hương của hoa đồng thảo (violette).

Đã từ lâu lắm người ta đã biết dùng rễ cây khê tôn nghiên nhỏ thành bột để làm nước hoa, vì mùi nó thơm thanh thú như hệt mùi

hoa đồng thảo. Ông Tiemann phân tích rút được ở rễ cây đó chất « irone ». Nhưng ông không đại gi đi tìm cách chế cho bằng được cái chất « irone » ấy, ông ta nghiên-cứu tổng-hợp được một chất khác là « ionone », cũng được mùi thơm của mùi hoa đồng thảo.

Muốn hiểu giá-trị của cuộc phát-minh này, ta nên so-sánh giá cả. Dù rằng giá hoa đồng thảo chỉ chừng 20 hoặc 30 xu một « liu » (cân Anh, khoảng nửa ki-lô) cũng phải cần đến 6.000 đô-la hoa mới chế được nửa ki-lô nước hoa nguyên chất. Cái giá ấy thật là đắt đỏ, dù rằng là loại nước hoa quý cũng khó đươg nổi giá ấy. Vì thế các nhà sản-xuất không dám dùng nước hoa nguyên chất mà chỉ dám dùng một thứ pom-mát của hoa đồng thảo, trong đó thoảng qua « dấu vết » chất irone quý-hiệu kia thôi, thế mà thứ pom-mát ấy cũng giá tới 700 đô-la một liu ! Trong khi ấy thì chính chất ionone, thơm ngát không kém gì chất irone, chỉ có từ 2 đô-la rưỡi đến 3 đô-la rưỡi là cũng một liu !

Nhưng đây mới là làm được hương thơm « bằng » thiên nhiên. Các nhà bác-học còn từng làm được « hơn » cả thiên-nhiên nữa. Chẳng hạn trường-hợp hoa hồng.

Phương tây quý hoa đồng thảo bao nhiêu thì phương đông quý hoa hồng bấy nhiêu. Và cả hai thứ liệt vào hạng « chúa hoa » và cũng vô địch về giá đắt. Người ta phải dùng đến chừng hai nghìn ki-lô cánh hoa hồng mới cất được độ nửa ký nước hoa nguyên chất. Trong khi ấy thì chất géraninol, tinh túy của hương hồng còn nhiều hơn chất ionone nữa, nó nằm tản mát trong bao nhiêu thứ cây, nhiều nhất là trong dầu sả và phong lữ thảo. Tổng hợp được chất géraninol này rồi, nhà bác học tiến một bước nữa, là thêm vào với nó tí chút chất rượu phenyl-éthylque, chất này vốn có trong cánh hoa nhưng với lối đem cất nó đã bay mất, khiến ét săng cất được không thơm như hoa thực.

Nhiều khi các nhà bác học còn đi con đường tắt : họ không phí công tổng hợp nếu thứ hương định tạo ra có thể tìm thấy trong những thứ hoa rẻ tiền hoặc có thể dùng hương khác sẵn có biến chế ra được. Đây là trường hợp nước hoa tử đinh hương và linh lan (muguet, lilas). Hai thứ hoa này có một dị tính là không có cách nào cất được, dù người ta đã cố công cải tiến lối nấu cất. Các nhà bác học bèn đem cây sả cất thành ét săng. Với thứ ét săng rẻ tiền và rất sẵn này họ lại phân ra được chót citronellol, một thứ tinh chất có rất nhiều, nó chiếm tới 80% khối lượng ét săng cây sả. Tinh chất này một khi bị biến chế thành hydroxy-citronnellal thì mùi thơm giống hệt hoa linh lan. Thế là một thứ nước hoa được chế không do chính thứ hoa có hương thơm mà do một thứ khác hẳn.

Thứ dầu hoa đinh hương cũng có rất nhiều công dụng. Người ta phân ra lấy chất eugénol, chất này chế biến bằng xút (soude caustique) thành iso-eugénol tức là một chất đồng phần dị tính (isomère) của eugénol và được dùng chế nước hoa cam chướng (œillet). Chất iso-eugénol đó một khi bị óc-xy hóa lại biến thành vanilline. Thực ta có ngờ đâu thứ mùi thơm dịu này lại là một biến chất của thứ hương gay gắt là đinh hương.

Mùi thơm của gie vàng (sassafras) ta thấy trong xà bông, hồ dán, xi đánh giày, cho chí cả mực nữa, thực ra là mùi thơm của chất safrol, lấy ở dầu long não ra. Chất safrol bị óc-xy hóa lại biến thành héliotropine tức là thứ tinh chất của các loại hoa quí hương nhạt.

Nhiều khi ta lại thấy bán cả xà bông với mùi thơm linh lan, nhưng làm gì có hoa linh lan nhiều đến nỗi xa phí như thế ? Đây là mùi terpinéol, một thứ tinh chất lấy ở... đầu nhựa thông. Tinh chất này đã sẵn, rẻ, mà lại dùng được nhiều việc : biến chế bằng át-xít dấm, nó cho ta hương thơm của oải hương thảo (lavande), biến chế bằng át-xít fo-mic (acide formique) nó lại hóa ra mùi thơm của hoa nhài ; nhưng nếu ta dùng át-xít bu-ty-ric (acide butirique) để biến chế thì sẽ có được mùi thơm của dầu gió (eucalyptus) Kể ra không xiết, hàng mấy trăm thứ hương tạo được do terpinéol, và dùng để sản-xuất cả những thứ nước hoa đắt tiền, mùi thơm thanh lịch như nước hoa dạ hương lan, thủy tiên v.v...

Trong ét-săng của hoa nhài thiên-nhiên, người ta còn tìm thấy 65% là chất acétate de benzyle sẵn có nhiều trong hoa trường thọ (jonquille) và hoa sơn chi (gardenia), nhưng tiện hơn hết và cũng rẻ hơn hết, là lấy chất đó ở trong... hắc ín.

Nhưng mũi con người không phải lừa nổi một cách dễ dàng, nên tuy các thứ hương nhân-tạo thần tình đến thế, thường vẫn phải pha thêm chừng 10% nước hoa thiên-nhiên mới được coi là nước hoa hảo hạng và đánh lừa được những người sành sỏi.

Đi được đến kết quả này, thực là tử công phu, vì chiếc mũi con người cực kỳ tinh : chỉ cần rớt lại 1/10.000 chất brom-rôm hay co-lo (brome, chlore) trong nước hoa nhân-tạo là đủ để... dò nó đi, vì không ai là không nhận thấy. Nhất là mùi diêm vàng (soufre) thì thực là tai hại, chỉ một chút « vết » diêm vàng là đủ làm hỏng cả, thế mà chúng lại có sẵn rất nhiều trong thiên nhiên nhất là trong tỏi, hành, mù tạc v.v... vì thế nhà sản-xuất nước hoa bất cần một chút trong khi chế tạo là có thể tiêu sự nghiệp.



Như vậy không có nghĩa là các «mũi sành sỏi» chỉ thích những mùi thơm-tho. Trong nhiều thứ nước hoa rất được ưa chuộng, còn thoảng qua một chút mùi có thể gọi là nồng nặc khét, hay hôi thối nữa. Nhưng chúng chỉ được pha vào có một tí sủu thì cái mùi rất nhẹ và càng làm tăng mùi thơm của sản-phẩm, chẳng khác chút muối làm cho thức ăn thêm đậm đà vậy. Loại nước hoa này tuy kém phần thanh-tao nhưng lại được khen là «kích-thích» và hiện nay đang tràn lan trên thị-trường.

Nước hoa xưa kia làm nghiêng ngã được cả ngai vàng, thì bây giờ chính nó lại tạo ra được những ngai vàng của các vị vua nước hoa. Lực lượng của nó không phải tầm-thường, hàng năm tại nước Mỹ kỹ-nghệ làm nước hoa có được một số thương-vụ hàng mấy trăm triệu đô-la, chẳng kém gì ngân-sách của một nước.

Tại Mỹ-Quốc, cái cơ-sở kỹ-nghệ nước hoa nhân-tạo đó đã được một hóa-học gia trẻ tuổi người Tiệp-Khắc đặt nền móng.

Cách đây hơn nửa thế-kỷ, cậu Isakovics, con một luật-gia của quân-đội hoàng-gia Áo, đã không tuân lời cha theo học về võ-bị, vì cậu chỉ có hai cái thích: chơi tem bưu-diện và môn hóa-học. Để tự-túc, cậu ta viết sách nói về nghệ-thuật chơi tem. Sách bán rất chạy khiến cậu có thể tự-do theo môn học ưa thích của mình và đến năm 16 tuổi thì nhà hóa-học mới tốt nghiệp Đại-Học-Đường thành Vienne này tìm đường sang Huê-Kỳ.

Cậu gặp một dịp may hân hữu: Hãng R. H. Mac Donald vừa mới mất một chuyên viên hóa-học cừ khôi, và viên đó đem theo mất sự bí mật chế tạo một thứ dấm ăn rất được khách hàng ưa chuộng. Alois Isakovics nhận số tìm ra công-thức dấm đó, và đã đạt được kết-quả. Ba năm sau, trong một tầng gác sát mái của một căn nhà khu Harlem tại kinh-thành Nữ-Uớc, Alois Isakovics đặt nền móng cho một hãng đầu tiên tại Huê-Kỳ, chuyên-chế các thứ nước hoa nhân-tạo.

Dần dần kỹ-nghệ ấy trưởng thành và đến kỳ đại chiến thứ Nhất nó đã đủ sức cung cấp cho toàn quốc thay cho các nước ở Âu-Châu.

Và đến ngày nay thì chẳng những tại Hoa-Kỳ, mà ngay tại khắp các nước chuyên trồng các thứ bông quý, đâu đâu kỹ-nghệ nước hoa nhân-tạo cũng thịnh vượng và phụ-nữ của mọi nước trên hoàn cầu đều được sử dụng cái kho «vũ khí» ấy để chinh phục phái nam nhi.

THANH-TÂM



VĂN-HÓA — SỐ 42



## THỨ XEM TRUYỆN TÀU

(Tiếp theo V.H.N.S. số 41)

VƯƠNG-HỒNG-SÉN

**N**HẮC lại bên Trung-Hoa, trong những buổi kể chuyện thích-thú ấy, những người được nghe thường chung dậu nhau kể ít người nhiều, khi vài đồng kếm khi vài đồng điệu, góp lại mua trà bánh để người kể chuyện thắm giọng thêm hăng chí. Lâu ngày thành lệ, nhiều khi nếu người kể chuyện có duyên, thuộc tuồng-tích nhiều, nói năng hoạt bát, thì mỗi buổi như vậy kiếm cũng khá tiền. Lần lần, anh đẹp nghề thủ-công, trau-giồi nghề mới trở nên chuyên môn kể chuyện. (Trong bộ *Nhạc-Phi điển-nghĩa*, có một đoạn nhắc lại lớp Nhạc-Phi đi thi Vô-Trạng-nguyên, có Ngưu-Cao đi theo; đêm đến, vì nghe ba chớp bốn sáng ngoài đường, nên Ngưu-Cao lên theo hai anh võ-cử tướng cướp rừng xanh là Dương Tái-Hung và La Diên-Khánh. Đến một cảnh chùa trong Kinh-dô, ba người nghe kể chuyện: một nơi thì nhà thuật chuyện đang kể tích Dương-Gia Ngũ-Hồ, dòng Dương-Nghiệp giúp Tống, cả nhà trung-liệt, vua ban biển vàng «Thiên-Ba-Lâu, — Vô-ninh Phủ»; vì nghe nhà kể chuyện nhắc tích ông cha mình nên Dương Tái-Hung thường tiền rất hậu; đi đến chỗ khác nghe nhắc chuyện mặt Tùy sang Đường' tướng La-Thành trong một ngày chặn eo-núi bắt sống năm vị phân-vương, nên La Diên-Khánh hậu thưởng).

VĂN-HÓA — SỐ 42

Nhưng cũng có khi vì tưởng-tập thuộc ít mà khách bàng-thính đòi hỏi quá nhiều, nên nhà kể truyện buộc lòng phải chế biến và pha-phách mãi. Những khi ấy, họ phải chịu khó, sưu-tầm sách vở bồi-bổ phần dốt của mình và nhờ vậy họ bèn moi sự cũ ra, tó - diêm thêm, một phần lấy kinh-nghiệm thâu-thập nhờ nghe lóm chuyện trong Nội, do hoạn-quan đã kể, phần khác nhờ óc tưởng-tượng và một mặt khác cũng nhờ bằng-thính nhắc-lớp nhận-sắc thêm :

- Trụ-Vương vì nịch sắc nên khiến cho vợ Hoàng Phi-Hồ tự-tử ;
- Vô-Tông đánh quờn tay đôi với Tây-Môn-Khánh ;
- Lư Tuấn-Nghĩa, lương-tâm hiền-hiện của tướng cướp chưa dứt-khoát với bàn tánh lương-thiện, chiêm-bao thấy trước sự thất-bại của nhóm anh-hùng Thủy-Hử-trại ;

- Chuyện xưa hơn nữa như tích Ngũ Tử-Tư xuy tiêu khát thực ;
- Tàn-Thủy-Hoàng gồm thâu lục-quốc ;
- Hán-Sở tranh cường ; Trương-Lương thời sáo phá binh Hạng-Vô ;
- Tam Quốc Gia-Cát-Lượng (181-235) lục-xuất Kỳ-sơn ;

sao sao nhờ họ khéo trình-bày, vá-vúi thêm bớt mà bằng-thính ngồi nghe khoái-trá như việc thấy trước mắt. (Ba-mươi-lăm năm về trước (1924) tại làng Rạch-Giã, nơi nhà ông chủ Trưốc, nhưn một kỳ đại-hội đấu kể Lục-Tinh, một đêm tôi ngồi chiếu nhĩ được nghe một học-giả ngồi chiếu giữa kể lại một lớp « Thiệt-chiến quân-nho ». Cụ Thái-hữu Vó, nay đã quá cố, thuộc lâu Tam Quốc, kể đủ lớp-lang trời-chày còn hơn chúng ta lấy truyện ra đọc ; cụ nói rất có duyên, bao nhiêu thính-giả hôm ấy đều nín thở chăm-chỉ nghe ông già quắc-thước kể chuyện, nào Khổng-Minh đã nói câu chữ gì, cụ liền lập lại nguyên-văn câu ấy, rồi câu ấy nghĩa ra sao, cụ dịch rành-rẽ ; Trương-Chiêu, Lục-Tịch đã vấn nạn Gia-Cát thế nào, v.v., tôi dám chắc kể truyện khéo đến thế cụ thái hữu-Vó không hổ với người xưa vậy.)

Nhắc lại nhờ tài nói của nhà kể truyện, mà người Tàu từ già chỉ trẻ, từ quan chỉ dân, từ hạng hay chữ đến hạng căn-củ củi lục, thấy thầy đều biết sơ-lược chuyện xưa tích cũ đâu không y-hệt trong chánh-sử, nhưng cũng còn khá hơn bọn Tịch-Đàm vong tổ, sử Tây trả bài như kéc, sử nước nhà ú-ớ nói không ra lời.

Người kể truyện khéo thi-vj-hóa thêm Đến nay xét lại nhiều chỗ xưa kia đã chịu, nay còn chưa vừa lòng. Cho hay sử-truyện, tùy thời gian, tùy trạng huống, cũng nhiều thay đổi. Và lại, có khi bàng-thính nghe một đường mà hiểu

một ngã khác, cũng có khi nhà kể truyện nhắc việc xưa mà ám-chỉ việc nay, phần kết-luận đề cho người ngồi nghe tự tìm lấy nghĩa :

— Thuở ông Quan Công, chỉ biết trung một đường... câu chuyện kinh-quyền về sau mới nghĩ đến.

Nay thử đọc bộ Nhạc-Phi diễn nghĩa và dung-hòa với bộ sử Tàu bằng Pháp-văn (Histoire de la Chine par W. Eberhard (Payot, Paris), ta thấy nhiều chỗ khá thương mà nhiều chỗ cũng khá trách :

a) Nhạc-Phi binh-quyền quá lớn, lấn-áp quyền Thiên-tử. Và lại, Nhạc rất được lòng bộ-hạ, mỗi lần thu-phục tướng mới, đều cùng nhau ăn huyết uống thề cho vua thêm nghề-vực và e-sợ sự phản-trắc. Từ sợ đến sự cố-tình nhắm mắt cho Tàn-Cối lộng hành làm ra vụ án Phong-Ba-Đình để như chơi ;

b) Nhạc-Phi ngày ngày nhắc-nhở Nhị-Đế, tuyên-bố năng-năng quyết đánh róc qua Ngũ-Quốc-Thành, bên Kim-Quốc, rước Huy-Tôn và Khâm-Tôn về. Nếu hai ông vua già này về được thì ngôi vàng của Cao-Tôn đâu còn ? Trung mà phải kín miệng mới được cho chó !

c) Vì bốn chữ « Tận trung báo quốc » bà Nhạc-mẫu thích trên lưng mà Nhạc-Phi chịu chết với một cá-nhân, quên việc phải sống để cứu nước. Nay ông đã thành thần, xin miễn bàn...

Sự tích Nhạc-Phi, tác-giả soạn để làm gương cho hậu-thế, nên tán-dương cái trung-tư-kỷ của Nhạc-Phi để che cái tối của vua Cao-Tôn. Giả thử ngày nay nay đem án Tàn-Cối ra xử lại, có trạng-sư bào-chữa hân-hoai thì Tàn-Cối đâu có bị chiền đầu ! (1)

Nếu Nhạc-Phi và phe tướng vô tượng-trưng « chủ chiến », thì phe Tàn-Cối, phe văn-thần, phe bọn « buôn lỵ, thóc, lại chủ-trương « thủ hòa », ai có phe nấy. Phe Nhạc-Phi thắng thì kinh-dô sẽ dời về miền Bắc. Bọn tư-bán, bán tơ lụa, lúa gạo thì thích giữ kinh-dô tại Hàng-Châu (Hang-tcheou) (Theo W.Eberhard). (Riêng về vua Huy-Tôn, nhà học-giả Pháp René Grousset khen ông về rất tài, nay bọn sưu-tập còn tìm kiếm những bức tranh có chữ ký ông vua

(1). — Tàn-Cối chết mấy mươi đời mà nay còn tái-diễn cách trả thù của dân Tàu làm bánh chiên đầu gọi là « đầu cha Cối » (du tặc Cối) 油炸槍 炸 đầu vợ chồng Tàn-Cối.



này. Ông rất thích ngọc bích, nên trong Thủy-Hử có kể chuyện Cao Cầu đi dâng ngọc mà được trọng-dụng. Thêm nữa, đời Huy-Tôn có « mốt » đá cầu, và họ Cao nhờ nghề này mà có danh phận và lấy đó làm tên luôn.)

*An Cao Hoát-Đức.* — Theo truyện Tam-Hạ Nam-Đường, Cao Hoài-Đức trở lại đánh vua Tống Khuông-Dẫn, vì bị bà mẹ của Dư Hồng . Biết chừng đầu ông Phò-Mã này lâu năm nhớ lại mối thù lớn xưa cha là Cao Hành-Châu bị Khuông-Dẫn giết, nhà kẻ truyện sửa lại cho dễ nghe và cố che đậy lỗi vua.

*An Trĩnh Ân.* — Trĩnh-Ân là em út của bộ ba đời Tống bắt chước gương Đào-viên minh-thệ : Sài Vinh, Triệu Khuông-Dẫn và Trĩnh-Ân. Sài chết, Triệu đoạt ngôi của cháu. Trĩnh bép xép không giữ gìn lỗ miệng, nên chết là phải. Sau rốt, còn một chị Hàn Tố-Mai léo mép không vừa, cũng bị cho Đào Tam-Xuân lăn đền tể Trĩnh-Ân, một mũi tên bắn được hai chim... (ám-chỉ cái chết của Tố-Mai vừa đở cho Khuông-Dẫn khỏi thấy mặt một người biết nhiều việc kín, vừa làm cho Đào Tam-Xuân bớt giận vì thù chồng đã trả).

*An Triệu Khuông-Nghĩa.* — Triệu Khuông-Dẫn lưu-lạc giang hồ nên thích rượu. Bởi bị rượu nên trở về già đau ung-thư phát-tổ. Đề như vậy cũng chết, cần gì Khuông-nghĩa « che đén cho uống thuốc » cho có nghi-án về sau ? Nhưng Khuông-Nghĩa muốn gặp... Khuông-Dẫn rất hiếu với mẹ, nghe lời mẹ làm di-chức lập em lên ngôi để chờ con trưởng-thành sẽ trao ngôi báu và đời đời ngôi vua ở trong tay những người lớn tuổi thì khỏi sợ nịnh chuyên quyền. Kế rất khéo, nhưng Khuông-Nghĩa chơi « trút lợp », may ông Bác-Vương (con Khuông-Dẫn) rất hiền nên không xảy ra chuyện gì Thiên-địa tuần hoàn, sau này Nhị-Ế (đồng Khuông-Nghĩa) bị Ngột-Truật bắt về Phiên-quốc, Khương-Vương (Triệu Cấu) chạy về tức vương-vị là đồng Khuông-Dẫn trở lại ngôi báu.

*An Đường Thế-Dân.* — Đường Cao-Tổ Lý-Uyên bắn trúng mắt chim (cồng) không-tước thêu trên bình-phong mà được vợ, bà này nguyên dòng Bắc-Phiên. Lý Thế-Dân là người đầu tiên thống-nhứt nước Trung-Hoa (1). Được tổ-truyền bên ngoại nên giỏi cưỡi ngựa, rất giỏi nghề cung tên, thông thạo tiếng Bắc. Về sau, đơn thân độc mã ra nói chuyện với Chúa Phiên, Hung-Nô phục cử-chỉ anh hùng mà lui binh, không đánh. Về Lý Thái-Bạch, tương-truyền là dòng Kiến-Thành, Ngươn-Kiến. Có máu Hung-Nô nên đọc

(1) LI CHE-MIN, unificateur de la Chine (600 à 649) par C.P. Fitzgerald (avant-propos et traduction de G. Lepage) Payot, Paris.

đọc Hích-man-thơ và viết chiếu trả lời bằng Phiên-ngữ. An-Lộc-Sơn, Lý Bạch đều đẹp trai vì lai giống Phiên. Đời Tùy và Đường, xảy ra nhiều việc loạn-luân : gương Tùy Dương-Đế bức em gái, Kiến-Thành, Ngươn-Kiến trêu-gheo Công-chúa em khác mẹ, Lý-Trị là con của Thế-Dân lấy di ghê là Vô-Hậu. Đời Đường mê-tin việc hôn-xác nên có việc thỉnh kinh Tây-Phương về siêu-dộ oan-hồn. Tích Tần Thúc-Bảo, Uất-Trì Cung và Ngụy Trưng thay phiên đứng giữ cửa cho yêu-ma đừng phá giấc ngủ của vua.

Nhà kẻ truyện nhờ khéo giảm vá, tuy cũng có nói chêm vào đôi chỗ theo ý riêng và gia-giảm nhiều đoạn, nhưng họ vẫn giữ ý nòng-cốt sử-sách, nên truyện còn hứng-thú hoài. Khi nào gặp một đôi hồi cần có văn-chương điền-xuyết vào chọt thêm gay cấn, tỳ như tả phong-cảnh hoặc nhắc đến một danh-lam cổ-tích, khi ấy họ mới trò tài, dùng kinh-nghiệm và trí-nhớ riêng, cốt ý để tăng phần linh-dộng.

Người kẻ truyện chuyên-môn thường đi từ làng này qua làng khác mà sinh-nhai, mỗi khi có cúng đình-chùa hoặc lễ-tết, tiệc mừng, khánh-chúc, họ đều không bỏ qua, không nữa thì họ vào các trà-thất, tửu-lâu, phiên chợ hoặc ngã-từ đường cái... Bàn-thính có khi cũng đóng góp phần ý-kiến và mẩu lời phê-bình chê khen hữu lý đều được nhà kẻ truyện nhứt nhứt ghi nhớ đề kỳ sau, với một công-chúng khác, sẽ đem ra canh-cải bài cũ.. Tay duyên-dáng và khả-năng từng người, câu chuyện càng linh-dộng thêm càng phong-phú thêm mãi. Văn nói truyện càng trôi chảy thì văn bạch-thoại càng thêm phổ-biến. Ta có thể nói nếu cha sanh truyện Tàu là người kẻ truyện, thì thầy dạy-đó và nuôi-dưỡng là quần-chúng từ đời này qua đời khác nối nhau tô-diềm cho truyện Tàu thêm giàu thêm mạnh. Sau rốt, các truyện ấy mới được ghi-chép hẳn-hoai do một người bút phần nhiều nặc-danh. Thủy-Hử, truyện một trăm lẻ tám vị anh hùng Lương-Sơn-Bạc, gồm ba mươi sáu đầu đảng thì họ chế ra do tam-thập-lục thiên can giáng-thế, thêm vào đó là bảy-mươi-hai phó-đảng, đứng vào số thất-thập-nhị địa-sát lâm-phần. Trong truyện có nhiều lớp đánh cọp, nhưng tác-giả tả lớp Vô-Tông đã hồ Kiêng-Dương-Cang khác hẳn đoạn Lý-Quy sát hổ trả thù mẹ. Cũng thì lấy trai mà Kim-Liêu (vợ Vô Đại-Lang), Diêm-Bà-Tích (vợ Tống-Giang), vợ Dương Hùng, vợ Lưu Tuấn-Nghĩa, các án ngoại-tình không khi nào giống, như vậy ta mới thấy ngôi bút của tác-giả biến-hóa vô cùng.

Mỗi cốt truyện ban đầu dung-dị nhưng về sau càng biến chế thêm mới mãi.

Chung qui truyện thần-tiền thì nhắc đến thất-thập-nhi huyền-công, truyện ái-tình thì làm-ly bi tráng, truyện anh-hùng thì cao-thượng xen tiêu-tâm, thối đời muôn mặt. Trong truyện Tàu, dù cả chuyện hoang-đường, thần-thoại, về sau gia-tăng phần phong-hóa : ông vua, bà chúa, chen-chức lại với phong-cùi. ăn xin... nhưng rốt cuộc luôn luôn loạn thần bị giết, trung-thần, liệt-nữ được sắc phong, phong-hóa được bảo-vệ.

Gần đây, các học-giả Trung-Hoa dùng phương-pháp Âu-Mỹ, gia-tâm nghiên-cứu truyện Tàu nhưng vẫn chưa đủ tài-liệu dịch-xác nhìn-nhận và hợp-thức-hóa tình-trạng phân-đồng những đứa con « tập tàng » trong rừng văn-chương bình-dân Tàu ;

Thủy-Hử, bộ nào có trước, bộ nào có sau, bộ khen Lương-Son-Bạc nghi là của con cháu đám lục-lâm binh-vực cho ông cha, còn bộ chề rồ là của một tác-giả viết đề làm gương cho dân-chúng theo về chánh-phủ. Cả thầy Thủy-Hử đến hơn sáu bộ :

- bản Trung-Nghĩa Thủy-Hử, một trăm hồi ;
- bản cũng một trăm hồi nhưng khác bản Trung-Nghĩa Thủy-Hử ;
- bản một trăm hai-mươi-bảy hồi ;
- bản bảy-chục hồi, có lẽ là xưa nhất ;
- bản Thi-Nại-Am soạn lại, gồm một trăm hai-chục hồi ; về sau bản truyền-tụng nhất thấu còn 70 hồi ;

— bản sau rốt là bản binh-vực thuyết cộng-sản do Mao Trạch-Đông ra lệnh uốn sừng sửa xoáy đề mạ tròng mắt dân đen (nghe nói mà chưa thấy).

Kim Thánh-Thán (Tsing Cheng-t'an) biết không phương cấm con đọc Thủy-Hử, bèn soạn riêng và phê-bình rành-rọt một bộ cho con xem ; Bộ Đàng-khấu-chí (T'oung k'ou che) là của phe trị vì cho ra đời để binh thuyết của mình và nói qua chuyện đánh dẹp bọn giặc loạn Lương-Son-Bạc.

Các học-giả đời nay nhận xét cho rằng Thi-Nại-Am là tác-giả bộ Thủy-Hử. Nhưng thực ra Thủy-Hử không phải công-trình của một người mà được sự thật ắt do nhiều tác-giả góp tay từ đời Tống. Trương truyền Thi-Nại-Am mua được trong một nhà sách lèo-tèo bản truyện Lương-Son-Bạc, thấy cách viết sơ-sài, ông đem về diêm-xuyết mới ra hồn. Bộ Đàng-Khấu-Chí về sau ít người đọc, vì dân-chúng bản tính tuy không thích làm giặc nhưng bao giờ chuyện chống đối cũng rất ưa nghe.

Sách Tây đã dịch một phần lớn Thủy-Hử, nhan là « Les Chevaliers chinois ».

Riêng bà Pearl Buck đã dịch bộ bảy chục hồi ra Anh-ngữ, ấy là bộ : « All men are brothers » (tous les hommes sont frères).

Kể ra, bộ Thủy-Hử cách đây mấy trăm năm mà đọc còn hấp dẫn, vì chuyện xưa chuyện nay giống nhau nhiều chỗ, như vậy đủ chứng-minh Thủy-Hử đã đoạt thời-gian và không-gian mà trở nên bất hủ trên đường văn-chương quốc-tế. Nếu khéo dọn lại, nêu cao vai tuồng Lưu Tuấn-Nghĩa, tướng giặc, có nhiều bản-năng lương-thiện, khéo dùng độc khử độc, dùng gai lè gai, thì biết đâu Thủy-Hử chẳng là rất có ích trong cuộc chống cộng-sản ngày nay.

Theo bà Pearl Buck, nếu trong bộ Thủy-Hử còn thiếu một nhân-vật nào đi chăng thì thì ắt thiếu nhân-vật mới, tỷ như tân học-giả tốt nghiệp Văn-khoa Triết-học Âu-Mỹ. Nhưng theo nữ-sĩ, việc ấy cũng không quan-trọng mấy, và để xem qua một kỳ tái-bản nữa lo gì không có nhân-vật mới này xen vào, kénh-kiệu với giọng ăn chưa tiêu của hạng tân hủ-nho « Thiên bất chí, Địa bất đáo » !

Nếu Thủy-Hử chuyên tả cảnh xã-hội lầm than của dân đen nhà Tống, kể truyện tranh-dấu vì Tự-Do, thì bộ Tam-Quốc-Chí kể lại thời-kỳ chiến-tranh liên miên đời Hán và nhắc lại những chiến-lược du-kích đến nay còn thấy áp-dụng như trong trận Nhứt-Hoa đại-chiến vừa rồi.

Các học-giả Trung-Hoa cũng nhận-nhận rằng La Quán-Trung (Lo Kouan-tchong), môn-đệ của Thi-Nại-Am (Shih Nai-An) cùng dọn bộ Tam-Quốc-Chí, và La Quán-Trung có những tay diêm-xuyết bộ Thủy-Hử. Quán-Trung sanh vào Mạc-Nguyên, đến đầu nhà Minh ông vẫn còn.

Tam-Quốc, bản truyền-tụng hơn cả là bản đời Khương-Hy, do Mao Tôn-Cương (Mao Tchen-Kan) coi việc ấn-loát và tự tay phê-bình. Tôn-Cương có thêm, bớt, cắt xén, thay đổi nhiều đoạn, biết chắc thì đoạn tả chuyện nữ anh-thư Tôn Phu-nhơn (Souan Fou-jen) là do ông sáng-tác

Như đã nói trong Văn-Hóa Á-Châu tập-san số 4 và 5, Hồng-Lâu-Mộng tả về đời sống dân Trung-Hoa dưới triều Thanh, và chuyện tình-sử xảy ra trong vài vọng-tộc thời ấy. Bản in đầu tiên tại Bắc-kinh năm 1765, nhan đề « Thạch-đầu-ký » (Shih T'ou che). Thời ấy, sách in còn mắc tiền lắm, nhưng nhờ một phong tục rất lạ rất quý là người Tàu chuyền tay nhau cho mượn sách truyện để đọc, nên chỉ năm sáu năm mà bộ Thạch-đầu-ký đã được phổ-biến gần khắp xứ Trung-Hoa rộng lớn, đủ biết câu chuyện



hấp-dẫn đến bực nào. Dân chúng đua nhau kiếm đề đọc. Vua chúa, triều-thần, cũng thích. Theo thuyết bà Pearl Buck, bọn quan già khảo-cứu, tên riêng là Hồng-học-gia, đã nguy-biện, dám tâu lên vua: «Hồng-Lâu-Mộng không phải một bộ tiểu-thuyết tầm-thường, trái lại đó là một bộ khảo-cứu xã-hội-học, trong ấy tác-giả dụng tâm ám-chỉ nhiều việc về chính-trị đương thời. Thậm-ý tả một nước Tàu không-lỡ bị ngoại bang chinh-phục: «Hồng» ám chỉ Mãn-tộc.

Già Bảo-Ngọc (Kia Pao Yu) tượng-trưng nước Trung-Hoa.

Lâm Đại-Ngọc (Ling Tai Yu), tiểu-thơ nghèo, không sinh duyên được với Già Bảo-Ngọc, thồ-huyết mà thác, ấy là dân Trung-Hoa.

Còn Bửu-Thoa (Pao Ts'ai), địch-thủ của Đại-Ngọc, đã đoạt được Già Bảo-Ngọc làm chồng, Bửu-Thoa ấy là nước thù, ấy là Mãn-Châu.

(Còn tiếp)  
VƯƠNG-HỒNG-SÈN

## THI-CA.

### HỢP BẠN THƠ TRÊN TÀU MỸ-CẢNH

(Bến Bạch-đăng — Sài-gòn)

Con tàu lơ-lửng dòng sông,  
Lơng-lanh nước biếc đèn lồng ánh sao.

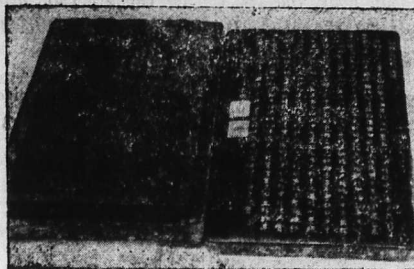
Tiệc hoa at chước chén đào,  
Trăng thanh gió mát thu vào túi thơ.

Tình cố-cựu, nghĩa thân sơ,  
Chút duyên văn-tự từ xưa sẵn dành...

Chữ rằng: «đồng-khí đồng-thanh»,  
Cảnh thơ đâu để phụ tình khách thơ.

Nước non còn vấn hẹn-hò,  
Chi-lan còn nặng, duyên thơ còn nhiều...

HỒNG - THIÊN NỮ - ST



## THÂN-THẾ LY-BACH

(Tiếp theo V.H.N.S.số 41)

TU-TRAI  
dịch thuật

**T**RONG khi cần dùng người, vua Đường truyền chỉ cho Dương-quốc-Trung bưng nghiên mài mực và Cao-lực-Sĩ cời giầy. Hai người ấy không dám từ chối phải tuân chỉ vua; khi ấy Lý-Bạch rất đặc ý, ngồi trên cái đòn tay trái vuốt râu, tay mặt cầm bút, thảo luận một hơi, giầy lát đã xong tờ chiếu dâng lên long án.

Thiên-Tử coi xong cả kinh, thấy giống y chữ Phiên-quốc, nhưng vua không biết chữ nào, truyền đưa bách-quan xem, lại khiến Phiên-sứ đứng dưới thêm nghe tuyên đọc. Lý-Bạch đứng trước ngự-tọa đọc lớn rằng:

« Đạt-Đường Khai-Nguyên Hoàng-Đế,

Chiếu dụ cho Khả-Độc Hàn-Hải:

Từ xưa, trướng không thề chốt với đá, rắn không thề đầu với rồng. Bàn-triều ứng theo mạng vận, nổi trời lập ngôi, trị an bốn mọi, tướng mạnh binh hùng, giáp bèn, gáo nhọn. Hiệt-lợi trái lờn thề mà bị bắt, Tân-Phò đúc sắt mà nạt lời thề. Tân-La tâu bài tụng chức-cầm, Thiên-Trúc dâng chim biết nói, Ba-Tur hiến rắn bắt chuột, Phất-Lâm cống chó dãi ngựa; Anh-Vô trắng đến từ A-Lãng, châu dạ-quang đến từ Lâm-ấp; Cốt-Lợi Cán tiến ngựa hay, Nê-Bà-La dâng giấm tốt, các nước ấy đều là sự uy mệnh đức, mua lạng cầu an. Còn Cao-Ly truyền thế được 900 năm, một khi chống cự, nên thiên triều ra lệnh trừ diệt, có phải do cái tội nghịch thiên, để treo cái gương to lớn đó không? Huống chi nước người là một nước nhỏ ở ngoài biên mà là thuộc-quốc của Cao-Ly, sánh với Trung-quốc chẳng hơn một huyện, binh mã lương thảo vạn phần không bằng một. Nếu buông cái giận cánh chấu chống xe, thì thiên binh tràn xuống, lưu huyết ngàn dặm, vua phải bị tù như Hiệt Lợi, nước phải bị mất như Cao-Ly

VĂN-HÓA — SỐ 42

Nay trăm giữ độ-lượng khoan hồng, tha thứ cho tội cường bột ấy, nên gặp lo hối họa, cống hiển thường năm chớ chuộc lấy tội tru lục để cho tở đi che cười. Người nên nghĩ lại đôi ba lần cho kỹ. Nay Dạ. »

Vua Đường nghe đọc xong cả mừng, đem ấn đóng vào, khiến nội-sứ giao cho Phiên-sứ. Phiên sứ kinh-ngạc phi thường, không dám có lời gì cả, rồi bãi tạ ra về.

Hạ-tri-Chương đưa ra cửa Triều, Phiên-sứ hỏi :

— Vừa mới viết tờ Chiếu ấy là người nào mà khiến Thái-sư<sup>6</sup> bung nghiến, Thái-Úy cỡi giày ?

— Người ấy họ Lý tên Bạch, chức quan Hàn-lâm học-sĩ, là bực Thần-tiên trên trời hạ thế giúp đỡ Thiên-triều. Thái-sư, Thái-Úy bắt quá là người cực-quí ở nhơn-gian, đâu dám không vưng mạng lệnh của người trời. Phiên-sứ nghe nói ghi nhớ vào lòng, về đến bần-quốc thuật hết đầu đuôi cho vua Bột-quốc nghe.

Vua nước Bột xem phúc thư rất kinh-hãi, lại nghe Thiên-triều có Thần-tiên phụ trợ, nên không dám vọng-tưởng, bèn tả hàng-biêu tình nguyện thường năm đến triều dâng cống.

Từ đây Triều-đình rất kính Lý-Bạch, muốn gia cho quan chức trọng thể, nhưng Lý-Bạch cố từ không nhận, xin tiêu-dao nhân tẩn, châu hầu trước vua như việc cũ của Đông-phương-Sóc đời Hán vậy. Vua Đường bèn cho vàng lụa và đồ dị-bửu. Lý-Bạch tâu :

— Vàng lụa chẳng phải lòng tôi ham muốn, chỉ muốn theo Học-sĩ nhân du, thường ngày uống được rượu ngon là đủ.

Thiên-Tử biết Bạch là người thanh cao, không nỡ ép buộc, thường thương tứ yến, lưu Bạch ở trong điện để hỏi chính-sự.

Một ngày kia, Lý-Bạch cỡi ngựa đi du-ngoạn Trường-An, thoát thảy một bọn đao-phủ thủ đất một tù-xa đi qua. Bạch hỏi ra mới biết ở Tinh-Châu giải đến quan tướng thất-cơ : Họ Quách tên Tử-Nghi ; con người anh vĩ phi phàm. Bạch thấy tướng mạo như vậy, liệu biết có một ngày ông này sẽ làm trụ đá cho nước nhà, lật-đật kêu bọn đao-phủ-thủ đứng lại, rồi Bạch phi ngựa thẳng đến Cung-môn gõ cửa, xin ra mắt Thiên-Tử, lãnh một đạo sắc ân-xá, liền đến đông-thị tuyên độc, phá mở tù-xa, thả Quách-Tử-Nghi ra, để ông đời tội lập công. Tử-Nghi bãi tạ rồi từ khứ.

Thuở ấy trong cung hoa mầu-đơn nở rộ. Giống hoa này nguyên ở Dương-Châu cống hiến, người đời Đường gọi là mộc thực-đực. Trong cung trồng được bốn cây, nở hoa có bốn sắc : đại-hồng, thâm-tử, thiên-hồng, thông-bạch. Vua Đường đòi trồng bên đình Trầm-hương để cùng Dương-Quý-Phi thưởng ngoạn, và chiếu cho từ-đệ Lê-viên tấu nhạc. Vua nói : « đối với Quý-Phi thưởng danh-hoa đâu được dùng khúc nhạc đã cũ rồi ». Vua bèn mạng nhạc-trưởng Lê-Viên là Lý-Quy-Niên, triệu Lý học-sĩ vào cung. Nội-thị bàm : Lý học-sĩ đã ra quá nướng rượu rồi. Lý-Quy-Niên nghe nói, thẳng đến quán rượu tìm, chỉ nghe trong quán có người ca rằng :

三 杯 通 大 道

Tam bôi thông đại-đạo,

一 斗 合 自 然

Nhất đấu hiệp tự-nhiên.

但 得 酒 中 趣

Đãn đắc tửu trung thú,

勿 為 醒 者 俦

Vật vị tỉnh giả truyền.

#### TẠM DỊCH

Ba chung thông đại đạo,

Một đấu hiệp tự-nhiên.

Được gạt-thú say rượu,

Người tỉnh chớ nên truyền.

Lý-Quy-Niên tự nói : người ca đó chắc là Lý học-sĩ, rồi lật dật lên lầu, thấy Lý-Bạch xềnh xoàng say như. Quy-Niên đến trước nói ; Thánh-Thượng dương ở đình Trầm-hương mời Học-sĩ qua ngay bây giờ. Lý-Bạch không nói chi cả, mở cặp mắt say ngó Quy-Niên mà đọc câu thơ của Uyên-Minh (tức Đào-Tiềm) rằng : *ngũ túy dục miên quân thả khứ* (ta say muốn ngủ người hãy đi đi). Đọc rồi nhắm mắt ngủ ngay. Quy-Niên lúc bấy giờ không biết làm sao được, kêu bảy người tòng-giã nhất tề leo lên lầu xúm khiêng Lý-Bạch xuống trước cửa, bồng lên lưng ngựa ngọc-hoa, chúng đỡ hai bên đi thẳng về trước lầu Ngự-Phụng. Thiên-Tử sai nội-thị ra giục khiến cỡi ngựa vào cung thẳng đến đình Trầm-hương. Thiên-Tử thấy Bạch ở trên lưng ngựa, hai mắt nhắm riết, chưa tỉnh, khiến



nội-thị trái nệm cù-du đề ở bên đình rồi bỗng Bạch xuống nằm. Thiên-Tử đến xem thấy miệng Bạch chảy nước dãi, bèn lấy tay lau, Quý-Phi tâu : « Thiếp nghe người ta nói lấy nước lạnh rửa mặt thì tinh được ngay. » Vua bèn khiến nội-thị lấy nước hồ đem cho cung - nữ rửa cho Bạch. Quả nhiên Bạch tỉnh lại liền. Khi ấy thấy Thánh-giá đứng trước, Bạch cúi lạy nói : « Tội của thần như vậy là đáng chết ». Thiên-Tử kéo đứng dậy bảo rằng : « Nay Trẫm cùng Phi-Tử thưởng danh-hoa, cần có ca-từ mới, nên triệu khanh làm ba bài « Thanh-bình điệu ». Bạch thấy đã sẵn có văn-phòng từ bừa, bèn thảo xong liền ba bài trong khi còn hơi say.

I

Vân tưởng y thường hoa tưởng dung,

雲 想 衣 裳 花 想 容

Xuân phong phát hạm lộ hoa nùng.

春 風 拂 檻 露 花 濃

Nhược phi quần ngọc sơn đầu hiện,

若 非 羣 玉 山 頭 見

Hội hướng Dao-đài nguyệt hạ hùng.

會 向 瑤 台 月 下 逢

DỊCH NGHĨA

Mây tưởng áo xém, hoa tưởng mặt,

Được gió xuân, khi chất tốt bưng.

Trên Quần-ngọc đã thấy chằng,

Hoặc Dao-đài gặp dưới trăng ngày nào.

(TRẦN TRỌNG KIM)

II

Nhất chi hồng diễm lộ ngưng hương,

一 枝 紅 艷 露 凝 香

Vân vũ Vu sơn ưỡng đoạn trường,

雲 雨 巫 山 枉 斷 腸

Tá vãn Hán cung thùý đắc tự ?

借 問 漢 宮 誰 得 似

Khả liên Phi - Yến ý tân trang.

可 憐 飛 燕 倚 新 妝

VĂN-HÓA - SỐ 42

DỊCH NGHĨA

Một cảnh đồ tốt hương một khói,

Buồn mây mưa trên núi Vu-sơn.

Hỏi Hán Cung đã ai hơn,

Họa chằng Phi-yến một toan sánh cùng.

(TRẦN TRỌNG KIM)

III

Danh hoa khuynh quốc lưỡng tương hoan,

名 花 傾 國 兩 相 歡

Trường đắc quân vương đôi tiếu khan.

常 得 君 王 帶 笑 看

Giải thích xuân phong vô hạn hận,

解 釋 春 風 無 限 恨

Trầm Hương đình bắc ý lan can.

沉 香 亭 北 倚 欄 杆

DỊCH NGHĨA

Khuynh quốc vớt danh hoa vừa thích,

Đắc quân vương khúc-khích vui cười.

Gió xuân xiết nổi bài ngời,

Trầm-hương-đình bắc dựa ngoàì lan can.

(TRẦN TRỌNG KIM)

Vua xem từ-diệu khen hay, khiến Quý-Niên theo điệu mà ca. Quý-Phi hai lạy tạ ơn. Vua nói : chớ lạy trẫm, nên tạ ơn Học-sĩ. Quý-Phi lấy chén thất-bửu rót rượu bồ-đào Tây-Lương, khiến cung-nữ đưa cho Lý-Bạch uống.

Từ ấy mỗi khi nội yến trong cung đều triệu Bạch châu. Quý-Phi cũng thương trọng Bạch. Nhưng vì Cao-lực-sĩ rất giận về việc cởi giày muốn nghĩ báo oán ấy cho được. Có một bữa Quý-Phi dựa lan-can ngắm đi ngắm lại ba bài Thanh-bình-diệu mà khen ngợi. Lực-sĩ nhưn dịp tâu nói :

— Theo thiên-ý, nương-nương (tức Quý-Phi) nghe từ-diệu ấy nên oán thâm xương tủy, có sao lại khen thưởng ?

VĂN-HÓA - SỐ 42

— Có điều gì nên oán ?

— Câu « Khả liên Phi-yến ý tân trang » là có hàm ý-nghĩa nói bà Triệu Phi-yến vợ vua Thành-Đế đời Tây-Hán, được vua sủng-ái không ai bằng, bà Phi-yến lại tư tình với Xích-Phụng, vừa lúc Thành-Đế vào cung thấy Xích-Phụng đứng nép trong giá áo, Thành-Đế bắt giết. Nay Lý-Bạch đem Phi-yến sánh với nương-nương là chính lời phi-báng đó, xin nương-nương nghĩ kỹ lại coi.

Thuở ấy là chính thuở Quí-Phi dùng An-lộc-Sơn làm con nuôi, lại cùng Lộc-Sơn tư-thông, Lộc-sĩ đem chuyện Phi-yến nói ra khích động lòng Quí-Phi, nên Quí-Phi cư hờn, mỗi khi ở trước vua thường nói Lý-Bạch không lễ nhân thân. Vua thấy Quí-Phi không bằng lòng, bèn không mời Bạch dự yến và cũng không lưu Bạch ngủ trong điện nữa.

Lý-Bạch nghi bị Lộc-sĩ gièm pha, hằng xin từ khứ, nhưng vua không cho. Từ ấy Bạch càng say mê về rượu, cùng Hạ-tri-Chương, Lý-thích-Chi, Nhữ-dương, Vương-Tiến, Thôi-tông-Chi, Tô-Tấn, Trương-Húc, Tiêu Toại kết làm tửu-hữu, người đương thời gọi là tửu-trung bát-tiên 酒中八仙. Một bữa nọ, Huyền-Tông hỏi Bạch :

— Khanh có chí cao-thượng muốn ăn-cư, Trẫm cho khanh tạm về, như có sự nhu cầu, Trẫm nhất nhất cấp cho. Bạch tâu :

— Thần không nhu cầu việc gì khác, chỉ mong sao có tiền treo đầu gậy, mỗi ngày mua rượu uống say một lần là đủ.

Huyền-Tông bèn ban cho một kim-bài, trên bài có ngự thơ : « Lý-Bạch là hạng Học-sĩ vô-tru (không lo), đi đến đâu gặp quán rượu thì được uống, gặp kho bạc thì phải chi cấp, như ở phủ thì cấp 1000 quan, ở huyện thì cấp 500 quan, tất cả văn võ quan-viên và quân dân, nếu ai thất-lễ với Bạch sẽ luận tội vi-chiếu ». Vua lại ban cho 1000 lượng vàng, và cầm-bào ngọc-dới kim-an long-mã, cùng cấp cho 20 người tòng-giả. Vua lại tặng cho hai đóa kim-hoa, ba chén ngự-tửu, Lý-Bạch khẩu đầu tạ ơn.

Bạch từ giả lên ngựa ra khỏi triều, bách quan mang rượu đưa đi từ đường Trường-An thẳng đến trường-đình thập lý, chén rượu tiễn đưa không dứt. Chỉ có Dương Thái-sư và Cao Thái-úy hai người hiềm hận không đi đưa mà thôi. Còn bảy người tửu-hữu là bọn Hạ-tri-Chương thì đưa chân ra ngoài trăm dặm, lưu-liên đến ba ngày mới từ biệt.

Lý-Bạch khi đang trình mặc cầm-y, đội sa-mạo, cỡi ngựa Ngự-tứ long-mã đi trên đường gặp quán vô uống rượu, gặp kho được cấp tiền. Một ngày nọ về đến Cầm-châu, tương kiến cùng Hứa-Thị phu-nhân, quan phủ địa phương và thân hữu nghe tin nhiều người đến bái-tạ.

Bạch ở nhà được nửa năm rồi nói với phu-nhận đi du ngoạn sơn-thủy, sửa soạn theo mô-dạng Tú-sĩ, đem theo Ngự-tứ Kim-bài và dẫn một tiều-bộc, cỡi một con lừa tùy ý du-hành. Một ngày nọ đi đến giới hạn huyện Hoa-âm, nghe quan huyện này là người tham của hại dân, quyết trị cho một phen. Khi đi đến trước cửa huyện cỡi trên lừa đánh liên thanh ba hồi trống. Quan huyện đương ngồi giữa huyện-đường làm việc, trông thấy cả giận, khiến nha-lại bắt đến thăm xét hỏi, Lý-Bạch giả say không trả lời. Tri-huyện giao cho ngục-quan dẫn vào trong lao, khiến Bạch cung khai sự-trạng ; ngục-quan khiến ngục-tốt lấy giấy viết đề trên bàn, thôi xức Lý-Bạch phải viết cho xong. Bạch cười rồi viết :

Cung trạng nhân : Cầm-châu Lý-Bạch :

Nhược-quan quảng văn chương,

Huy hào khắp quí thân.

Trường-an liệt bát-vị,

Trúc-khê xưng lục-dật.

Túy thơ hách man-quốc,

Thanh danh ba tuyệt vức.

Ngọc-liễn mỗi xu giai.

Kim-loan vi tâm-thất.

Chuyết canh ngự-thủ điều.

Lưu diên ngự-tụ thức.

Cao Thái-úy thoát hài,

Dương Thái-sư ma mặc.

Thiên-Tử điện tiền thượng dung ngô tâu mã,

Hoạ-Âm huyện lý bất hứa ngã ký lự.

Thỉnh nghiệm kim-bài, tiêm tri lai-lich.



Người viết cung-trạng này là Lý-Bạch ở Cầm-châu.

Khi 20 tuổi học rộng văn-chương.

Hoa bút lên. Quỷ-thần phải sợ khốc.

Ở Trường-An liệt vào hạng Bát-tiên.

Ở Trúc-khê xưng là Lục-dật (1).

Đương say, thảo ra thơ hách-man (2).

Thanh danh truyền đến cõi tuyết-vức.

Hăng ngồi ngọc-liễn đi vào triều,

Lấy điện kìm-loan làm phòng ngủ.

Ăn canh do tay vua khuấy,

Chảy nhều lấy áo vua lau.

Cao Thát-Úy cốt giày,

Dương Thát-sur mài mực.

Trước điện Thiên-Tử còn để cho ta cốt ngựa.

Trong huyện Hoa-âm không cho ta cốt lừa.

Nghiệm lấy kìm-bài này, thì biết lai-lịch ta.

Ngục-quan xem thấy cung-trạng mất hồn, cúi đầu lạy xin tha tội. Lý-Bạch nói : « Việc của người không can chi, nên nói với Tri-huyện rằng ta phụng kim-bài đến, bị tội gì mà giam ta ở đây ? ». Ngục-quan lật đật đem cung-trạng trình với Tri-huyện. Tri-huyện cả kinh, nhưng việc đã lỡ không biết làm sao, bèn đi với ngục-quan thẳng vô trong ngục, khấu đầu năn-ni xin tha thứ cho. Sau đó các quan-viên ở huyện nghe biết đều kéo nhau đến lạy mời Học-sĩ về huyện-đường làm lễ thêm-bái. Xong rồi, Lý-Bạch lấy kim-bài đưa cho xem và nói : « Nếu ta y theo kim-bài này mà làm việc, thì các người đáng mắc tội gì ? » Các quan-viên nghe nói đều quì xuống, ai-cầu rằng tội chúng tôi đáng chết, xin đại-lượng tha cho. Bạch cười nói :

- (1) Trúc-lâm lục dật : sáu người ẩn-dật ở đất Trúc-khê là Không-sào-Phủ, Hàn-Chuẩn, Bùi-Chánh, Trương-thúc-Minh và Đào-Miến.
- (2) Thơ hách man là tờ chiếu của Lý-Bạch viết đưa cho sứ thần Bột-Hải. Chữ hách nghĩa là làm cho kinh sợ, chữ man nghĩa là mọi. Tờ chiếu ấy làm cho mọi Bột-Hải kinh sợ.

— Các người đã thọ trước lộc Thánh-Thượng mà sao lại tham tài hại dân, nếu biết cái quá thì mới được miễn tội.

— Chúng tôi xin tuân theo lời huấn-dụ, không dám tái phạm.

Sau đó đặt bày yến tiệc tại huyện-sảnh, đãi rượu đến ba ngày.

Từ đó viên Tri-huyện đổi bỏ nét xấu, hóa thành một quan-lại tuấn-lương. Tin ấy truyền đến Kinh-sư, đều nói Thánh-Thượng sai Học-sĩ ra ngoài để xem xét phong tục chánh-trị, nên ai cũng đòi lòng tham tàn mà thành người thanh-liêm lượm-thiện.

Sau nhân An-lộc-Sơn phiến loạn, Minh-Hoàng chạy qua đất Thục, Dương quốc-Trung bị giết ở trước hàng quân, Quý-Phi bị ải-tử ở chùa Phật, khi ấy Lý-Bạch ẩn ở Lu-Sơn. Vĩnh-vương-Lân đương làm Tiết-dộ-sứ ở đông-nam có chí âm-thầm tự lập làm vua, nghe Bạch có đại-tài hơn thiên-hạ, cưỡng bức Bạch phải hạ sơn rồi câu-lưu trong Mạc-Phủ. Chưa bao lâu Túc-Tông lên ngôi ở Linh-Vô, phong cho Quách-Từ-Nghi làm Bình-mã ty Nguyên-sứ. Có người đến cáo giác Vĩnh-Vương-Lân mưu phản, Túc-Tông mạng Quách-Từ-Nghi đi đánh. Khi ấy lương-kinh đã khắc phục, Từ-Nghi tức thời cử binh tiến thảo, Vĩnh-Vương-Lân đại bại, Lý-Bạch Nhơn đó thoát thân ra trốn ở cửa sông Tâm-dương, bị chức Bả-tông ở tại sông đấy bắt giải đến trước quân-môn. Từ-Nghi nhìn thấy Lý-Bạch bèn mở trời mời ngồi lên cao rồi sụp đầu lạy nói : « Ngày xưa ở Đông-thị Trường-An nếu không có ân-nhơn cứu hộ, thì bặc (Từ-Nghi tự xưng) đâu có ngày nay ». Từ-Nghi khiến làm rượu đãi Bạch để trấn áp sự kinh khủng ấy, rồi liền trong đêm ấy làm bàn tàu lên Thiên-Tử biện oan cho Lý-Bạch, và kể lại công hách-man của Lý-Bạch, nói tài Bạch nên đại dụng.

Thuở ấy Huyền-Tông ở Thục đã được rước về làm Thái-Thượng-Hoàng. Huyền-Tông đem kỳ-tài của Bạch nói với Túc-Tông. Túc-Tông trưng dụng Bạch làm Tả-thập-di, Bạch không chịu làm. Bạch từ biệt Từ-Nghi chèo thuyền đi chơi ở Nhạc-Dương rồi đến Kim-lăng đậu thuyền bên sông Thê-thạch. Đêm ấy trăng sáng như ban ngày, Lý Bạch ngồi trên đầu sông đương khoải ải, thoạt nghe giữa không-trung có tiếng nhạc du-dương vang lên đến bên thuyền, rồi hốt-nhiên giữa sông nổi sóng ồ-ạt, có con cá kinh dài vài

trượng dương gậy sè vầy nổi lên, có hai tiên-dồng cầm cờ tinh-tiết đến trước mặt Lý-Bạch xưng rằng : «Thượng-Đế mạng nghinh Tinh-quân hoàn vị (Đức Thượng-Đế khiến đến rước trình quân trở về vị cũ)». Người trong thuyền đều kinh sợ bỏ nhào, giây phút tỉnh lại, thấy Lý-Bạch ngồi lưng cá kình, âm nhạc dẫn trước bay lên không-trung.

Ngày hôm sau người trong thuyền đem việc ấy cáo báo với huyện-lệnh là Lý-dương-Băng. Băng đem sự tình tâu lên, vua sắc dụng. đền thờ Lý Trích-Tiên ở núi Thề-thạch, mỗi năm cúng tế xuân thu hai lần, Ngày nay người ta xưng «Thi tiên tửu thánh» đều lấy Lý-Bạch làm đệ nhất. Có bài thơ đề chứng minh :

Hách-man thơ thảo kiến thiên tài,  
 赫 變 書 草 見 天 才  
 Thiên-tử điều canh thân tứ lai.  
 天 子 調 羹 親 賜 來  
 Nhất nhật kỵ kinh thiên thượng khứ,  
 一 日 騎 鯨 天 上 去  
 Giang lưu Thề-thạch hữu dư ai.  
 江 流 采 石 有 餘 哀

#### DỊCH NGHĨA

*Thảo hách man thơ rõ đại tài,  
 Canh ăn Thiên-Tử phải ra tay.  
 Lưng kình thử nọ theo mây gió,  
 Di cảm dòng sông Thề-thạch hoài.*



# GIÁO DỤC



GIÁO-DỤC CĂN-BẢN VÀ GIÁO-DỤC TRÁNG-NIÊN (UNESCO)

## BẢN-CHẤT VÀ VAI-TRÒ CỦA GIÁO-GIỤC TRÁNG-NIÊN

Bài của E.M. HUTCHINSON  
 Dịch-giả : THIÊN-PHƯỚC

### TỜ-CHỨC CÁC PHƯƠNG-TIÊN VÀ TÌNH NGUYỆN THAM-GIA

TÔI đã gặp lần đầu danh-từ «giáo-dục tráng-niên» cách đây ba mươi năm. Lúc bấy giờ tôi hãy còn trẻ và đang theo học một lớp huấn-luyện của Hội Giáo-dục người Lao-Động (Workers' Educational Association); hồi ấy tôi không hề nghĩ rằng danh-từ giáo-dục tráng-niên có thể chỉ-định một việc gì khác hơn là sự giáo-dục mà tôi đang thụ-hưởng. Ngày nay tôi vẫn còn tin chắc rằng đó là công-cuộc giáo-dục tráng-niên, nhưng tôi còn tin hơn nữa rằng đó chỉ là một trong những công tác ấn-định dưới danh-từ ấy. Tôi biết rằng hiện nay những cuộc thảo-luận về giáo-dục tráng-niên sẽ không đi đến một kết-quả nào cả nếu danh-từ ấy chỉ



dành riêng cho các hoạt-dộng của một tổ-chức nhất định, hoặc-giá, nếu tầm ảnh-hưởng của nó phải thu-hẹp cho một vài hạng người thôi.

Đành rằng trong những trường-hợp biết rõ, chúng ta phải nhìn-nhận vài tổ-chức đã được xem như là chủ động tượng-trưng cho nền giáo-dục tráng-niên giữa xã-hội của họ. Do đó ta không thể tuyên cáo danh-từ ấy mà không nhắc đến Hội giáo-dục người lao-dộng ở Anh-quốc, các trường Đại-học Bình-dân ở Đan-mạch hay các trường Cao-đẳng Bình-dân ở Đức-quốc. Cách đây hơn một thế-kỷ danh-từ giáo-dục tráng-niên dùng để chỉ định những trường dạy nghề ở Anh-quốc mà thôi; ngày nay không cần tìm đâu xa, chỉ nhìn ngay những công-trình quan-trọng của các tổ-chức như Hội giáo-dục người lao-dộng ở Anh, các trường hoạt-dộng cho giáo-dục tráng-niên ở Goettingen và ở Kiel, .. ta cũng nhận-dịnh được rằng các cơ-sở ấy đều thuộc phái canh-tân, yêu-chuộng tiến-bộ mà chủ-trương đôi khi bị các cơ-cấu giáo-dục tráng-niên cũ-diễn phá-hoại ít nhiều. Dĩ nhiên ta không thể căn-cứ trên hoạt-động của một tổ-chức duy-nhất nào để định-nghĩa bản-chất và vai trò của giáo-dục tráng-niên. Và lại, hiện nay người ta nhận thấy các cơ-cấu cũ-diễn đã bắt đầu cải cách sâu rộng và nhiều lực-lượng mới đã bắt đầu xuất-hiện trong địa-hạt giáo-dục tráng-niên ở nhiều xứ. Nếu không sợ các dấu hiệu đó sai-lầm, chúng ta nên quan-sát sự tiến-hóa trên-dây với một trí-thức phê-bình.

Vậy thì tôi phải định-nghĩa danh-từ «giáo-dục tráng niên» như thế nào ? Tôi xin nhắc lại các từ-ngữ mà tôi đã không ngần-ngại nêu ra trong kỳ hội-ngập ở Elseneur năm 1949 : «Nói tới giáo-dục tráng-niên là chúng tôi nghĩ đến các hình-thức giáo-hóa do các người tráng-niên tự-ý tìm ra (ở nước Anh tráng-niên là các người đã quá 18 tuổi), mà mục-dịch là phát-triển tài-lực và khả-năng của họ, không hề trực-tiếp nghĩ đến lợi ích trên bình-diện nghề-nghiệp, phát-triển trách-nhiệm xã-hội, đạo-đức và tinh thần của họ với tư-cách là công-dân của một địa-phương, của một quốc-gia và của cả thế-giới. Ở Anh-quốc cũng như ở các xứ Bắc-Âu, dùng danh-từ ấy là giả-định các tráng-niên đã có sẵn một trình-độ giáo-huấn tương-đương với chương-trình học-đường cưỡng-bách cho trẻ em».

Tôi đã hân-hoan và hãnh-diện khi nghe ông Johannes Nevrup tuyên-bố trong phiên nhóm khoáng-đại rằng câu nói của tôi phát-biểu khá đúng quan-niệm của người Đan-mạch; về sau, câu ấy đã được nhắc lại nhiều lần. Tuy-nhiên,

ngày nay tôi ngần-ngại hơn và không muốn dùng nó để định-nghĩa giáo-dục tráng-niên nữa, vì tôi xét ra nó quá cứng-rắn và quá thiên về thái-độ đặc-biệt của xứ Anh và do đó không-thể áp-dụng cho toàn-thê thế-giới. Vì vậy tôi muốn thay nó bằng một định-thức ngắn hơn : «Tổ-chức các phương-tiện cho nam-nữ tráng niên thông hiểu kinh-nghiệm ở đời».

Định-thức giản-dị nhưng bao-hàm hai khái-niệm căn-bản :

a) danh-từ «giáo-dục tráng-niên» chỉ dành cho các hoạt-dộng có tổ-chức, chứ không phải là một thứ truyền-bá văn-hóa hỗn-tạp bằng đủ phương-tiện như : sách, báo, kịch, nhạc, vô tuyến truyền thanh, vô tuyến truyền hình, sự giao-tiếp trong gia-đình, ngoài công-sở.

b) danh-từ «giáo-dục tráng-niên» có tính cách khoan-đại đối với những ai muốn làm này-nở và tìm hiểu bản ngã của mình. Nó cống-hiến phương-tiện nhưng nó không cưỡng-bách.

Nhờ khái-niệm đầu tiên mà chúng ta được phép thu-hẹp phạm-vi ứng-dụng cho vừa với khả-năng của chúng ta, mặc dù chúng ta vẫn biết âm-nhạc, phim ảnh, vô tuyến truyền thanh, vô tuyến truyền hình đều có thể dùng vào công cuộc giáo-dục; nhờ khái-niệm thứ nhì, nhấn mạnh tính-cách tự-do của cá-nhân, ta thoát khỏi những lời tuyên-bố mập mờ ca-tụng lợi-ích phi-thường của giáo-dục tráng-niên đối với quốc-gia, dân-tộc, đoàn-thể, lao-động, phụ-nữ, v.v... Nếu chúng ta in trí rằng đó là một công-tác mà các cá-nhân phải đóng vai chủ-động, hăng-hái phục-vụ cho lợi-ích của chính mình, nếu chúng ta cùng nhau đưa ra biện-pháp để giúp họ thực-hiện điều đó, để hướng-dẫn họ, để giáo-hóa họ, thì không khi nào chúng ta có thể làm lẫn tuyên-truyền — dù cho nghĩa cả cao-quý — với giáo-dục được.

Khi nói về tráng-niên nam-nữ là ta nghĩ tới những người, ở trong hoàn-cảnh xã-hội của họ, đã đến tuổi thành-hôn, đến tuổi đầu phiêu, đầu quân, nghĩa là những người thường lệ đã quá tuổi tùy thuộc gia-đình, và dù muốn dù không phải gánh lấy trách-nhiệm hành-vi của họ, phải đảm-đương lấy đời sống cho chính họ. Về mặt giáo-dục, các thanh-niên chưa đến tuổi độc-lập đó lại có những nhu-cầu và sở-thích không giống với các tráng-niên. Ta không thể liệt họ vào hạng tráng-niên được. Tuy nhiên giữa họ và hạng tráng-niên có rất nhiều hoạt-dộng tương ứng cho cả đôi bên. Vì không phân-biệt hai hạng người ấy nên ở Anh-quốc người ta chỉ-trích các trường trung-học bình-dân của xứ Đan-Mạch.

Người ta định-ninh rằng các cơ-quan này phụ-trách giáo-dục tráng-niên, nhưng kỳ thật là các cơ-quan dành cho thanh-niên, nghĩa là những người chưa đến tuổi thành-hôn, chưa có trách-nhiệm công-quyền.

Người Đan-Mạch nào biết qua tình-trạng của Anh-quốc đều tránh khỏi sự lầm-lẫn đó và làm nổi bật sự phân-biệt hai hạng người ấy bằng danh-từ «giáo-dục tráng-niên trẻ tuổi».

Bởi không lưu tâm đến giới thanh-niên, nên giáo-dục tráng-niên thường gác qua một bên cái vấn-đề huấn-luyện chuyên-nghiệp, nhưng lại hết sức chú trọng đến những vấn-đề của người tráng-niên đã phải tự mình tìm sanh-sống.

Sau cùng, vì giáo-dục tráng-niên không đặt ra quy-chế tổ-chức, không ấn-định phương-pháp áp-dụng, không giả-định cá-nhân phải có một trình-độ giáo-huấn trong thời thơ-ấu nên định-nghĩa của tôi giữ được đủ sức mềm dẻo để cho các chuyên-viên có thể thảo-luận với nhau hữu hiệu, bất phân trình-độ phát-triển của xã-hội mà họ phụ-trách.

Điều này làm cho tôi nhớ đến một người Phi-Châu, theo học một khóa tập sự, cách đây không bao lâu, có yêu cầu chúng tôi chỉ-dẫn cho anh ta phương cách để ló cuốn đồng-bào ở những vùng hẻo-lánh của xứ Nigeria ham muốn những lợi-ích của giáo-dục tráng-niên. Tôi trả lời rằng tôi không biết phương-cách nào cả, nhưng tôi biết rằng ngày nào họ ham muốn thì chắc-chắn họ sẽ cho anh ta hay. Tôi không coi thường vai-trò của các nhà tiên-tri ; họ tuy không đông lắm nhưng rất đáng sợ, ở địa-hạt nào cũng thế. Nhưng danh tiếng của một Grundvig hay một Mansbridge sở dĩ nổi lên được là vì trong đầu óc mọi người đều có sẵn hơi men thúc-dẩy họ tán thưởng và hoan nghinh ai có đủ khả năng phát-lộ được những ước-vọng của họ mà chính họ không nói lên được. Cái mà đã tạo ra hơi men đó chính là áp-lực của thời-cuộc mà người sáng-suốt tự cho mình có đủ khả-năng để khai-thác. Khi tráng-niên phát biểu được nguyện-vọng của họ về giáo-dục, thì trước hết họ hướng về cách cư-xử ở đời. Rất có thể họ hướng về những chiều khác và, nếu chưa được chuẩn bị, thì họ sẽ đòi hỏi cho có phương-tiện để tự giáo-hóa, nghĩa là cho họ biết đọc, biết viết, cho họ dùng được sách báo và các phương-tiện thông-tin khác. Sự đòi hỏi này cần phải được thỏa-mãn, mặc-dù nó chưa tiết-lộ mục-đích thật-sự của nó. Nhưng kinh-nghiệm giáo-dục tráng-niên ở nhiều nơi đã cho biết rằng sự cung-ứng xuống dốc rất nhanh nếu nó không được thúc-dẩy bằng một sự đòi-hỏi sáng-suốt ; và một trong những phạm

sự gay-go như là làm thế nào để biến-chuyển nhiệt-tâm, nhiệt huyết ở buổi đầu thành một nhu-cầu khẩn-thiết, luôn luôn tái sinh mãi. Trọng-trách giáo-dục tráng-niên không phải giao-phó cho Chính-phủ hay cho một cơ-quan nào do Chính-phủ kiểm-soát, vì chính-quyền không thể có cảm-tình và dể-dãi với một tổ-chức nào giúp đỡ tráng-niên tìm hiểu các vấn-đề xã-hội và chính-trị, nghĩa là các vấn-đề của Chánh-phủ, của quốc-gia và như là khi tổ-chức đó hoạt-động theo một lối khác-biệt với hạng công-chức, chánh-trị gia. Như vậy, lợi khí chính yếu của giáo dục tráng-niên phải là những cơ-quan tư-nhân có thế-lực ; đó là một sự cần thiết không thể tránh được vì chánh-quyền không thể làm ngơ trước bổn-phận khẩn-thiết phải giúp đỡ các cơ-quan ấy.

Cách nay 40 năm, bổn-phận trên đây ở Anh-Quốc đã được diễn-tả đầy đủ qua lời kêu gọi của Khoa-trưởng Đại-học-Đường Balliol gửi lên Thủ-tướng Anh-quốc : «... Giáo-dục tráng-niên phải được phổ-biến điều-hòa và tuân-tự cho toàn-thể cộng-đồng ; đó là bổn-phận khẩn-thiết của cộng-đồng đối với nó và cũng là một bổn-phận chánh yếu của cộng-đồng đối với đoàn-viên ; thế nên phải nâng đỡ và triệt để khuyến khích các tổ-chức tư-nhân để giúp họ hoạt động sâu rộng và chặt-chẽ hơn hiện thời, giúp họ có cơ phát-triển và tìm được chân đứng trong hệ-thống giáo-dục của nước nhà». (1)

Theo chỗ tôi biết, đến ngày nay chỉ có các xứ Bắc-Âu mới áp-dụng ít nhiều các nguyên-tắc đó ; và các bạn đồng-nghiệp của tôi ở những xứ ấy thấy tôi rất lạc-quan đối với họ. Ở Mỹ-Châu thì trái lại không một người đối thoại nào chịu để ý nghe tôi nhắc đến các nguyên-tắc trên kia. Nhưng không vì thế mà tôi không giữ vững quan-niệm của tôi là : phải có một sự phản-úất chống lại áp-lực xã-hội thì mới có sự đòi-hỏi giáo-dục tráng-niên ; vậy theo ý tôi khởi điềm duy-nhất có thể là tổ-chức tư-nhân, và công-trình sở dĩ được bảo-đảm và có cơ phát-phát triển là khi nào Chính-Phủ thừa nhận hiệp-hội ấy và mở ngân-khoản trợ-cấp cho nó.

Có lẽ các bạn sẽ cho đó là một cuộc kiến-trúc trừu-tượng ; chỉ riêng có một ít công-tác của các tổ-chức liên thuộc Unesco mới đáp trúng định-nghĩa mà tôi vừa nêu ra. Các bạn sẽ tự hỏi : Có những mối liên

(1) Final Report of the Adult Education Committee of the Ministry of Reconstruction, 1919. Tái bản năm 1956 dưới nhan-đề : A Design for Democracy.



quan gì ? giữa một đảng là các trung-tâm cộng-đồng, các lớp âm-nhạc, các nhóm công-nghệ phụ-nữ và đảng khác là các « chống-đối căn-bản», tình-trạng trung-lập có võ trang giữa chính-quyền và các tổ-chức tư-nhân». Câu hỏi của các bạn rất chính-đáng và hệ-trọng; các bạn sẽ cho tôi quá chìm đắm trong chủ-nghĩa độc-đoán với tư-tưởng quá hẹp-hòi. Tuy-nhiên-tôi không đồng ý với các bạn chút nào, và, thừa cơ-hội các bạn có cảm-tưởng ấy, tôi xin nhấn-mạnh đề các bạn thấy rằng sự hỗn-tạp căn-bản là cái ung-thư của các cuộc thảo-luận quốc-tế từ mười năm nay về giáo-dục tráng-niên. Kinh-nghiệm đã cho tôi thấy rằng chữ adult education của người Anh có rất nhiều nghĩa, mà đại-khái là hai nghĩa sau này: theo nghĩa thứ nhứt, adult là một tính từ định-tính danh-từ education; nó đồng nghĩa với mature (thành-thục) và chỉ rõ một sự giáo-dục dành riêng cho người lớn, càng ngày càng ý-thức trách-nhiệm và khuyết-diêm của mình, so-sánh kinh-nghiệm bản thân về cuộc đời với những điều đã trình bày trong thi, kịch, tranh, nhạc, với những lý-thuyết của các nhà hiền-triết, các nhà kinh-tế-học. Đó những cái mà người ta đã in trí khi nói tới liberal adult education và những cái mà người ta thường tìm cách đồng hóa với giáo-dục công-nhân: chính đó là giáo-dục tráng-niên đệ nhất-cấp. Còn nghĩa thứ nhì thì adult education là hai chữ viết tắt của một câu dài như dưới đây: « Một sự giáo-dục cung-ứng cho các người trưởng thành vì tuổi tác; nội-dung của giáo-dục ấy có thể giống hay khác với giáo-dục trẻ em ». Trong trường-hợp này, từ-ngữ bao-hàm vô số hoạt-động khác nhau: huấn-luyện nghề-nghiệp công-nghệ, cơ-hội làm chung với nhau các việc mà một người không thể làm được, chẳng hạn như diễn kịch, hợp ca. Đó là thứ giáo-dục mừng-tượng như những điều người ta thường thấy trong các cộng-đồng tây-phương; nó có thể đi kèm theo giáo-dục tráng-niên đệ nhất cấp, nhưng cũng có thể tách rời.

Trên thực-tế, ta không dễ thực-hiện được thế quân-bình giữa hai hình-thức ấy trong khuôn-khò của một tổ-chức; có lẽ vì các nhà giáo-dục có những quan-niệm khác nhau về cuộc đời. Các chiến-sĩ cơ-đốc-giáo (từ-ngữ không thu hẹp trong ý nghĩa tôn-giáo) có khuynh hướng khinh-miệt việc huấn-luyện nghề-nghiệp và chủ-trương cộng-tác ấy khác-biệt giáo-dục tráng-niên chẳng những về cấp-bực mà cả về bản-chất; theo họ giáo-dục tráng-niên phải đặt trên sự « tiếp-xúc tự-do của tinh-thần » và gạt bỏ tất cả những gì không liên-hệ tới sự tập-trung hỗn-tạp về cuộc sưu-tầm chung.

Sau khi quá dài dòng về một phản-đề biểu-diện, tôi ước-mong bây giờ có thể chứng-minh loại bỏ nó đi — nhưng không chắc sẽ loại bỏ được. Trước hết chúng ta hãy trở lại ý-niệm cho rằng áp-lực xã-hội gây nên sự phản-úất dẫn đến sự đòi-hỏi một nền giáo-dục tráng-niên. Những áp-lực ấy, theo cô-lệ, đi đôi với những tranh-chấp chính-trị và kinh-tế, với những thất-bại đối ngoại, với mỗi di-hận của các dân-tộc bị lệ-thuộc hay bị bóc-lột kinh-tế. Nhứt là ở Anh-quốc, cuộc cách-mạng kỹ-nghệ đã tạo nên một xã-hội trong đó quyền-hành chánh-trị, thịnh-vượng kinh-tế và giai-cấp xã-hội đều mật-thiết thắt-chặt vào sự học-vấn. Khi những người thức-tỉnh nổi dậy chống lại một chế-độ thuộc-địa kinh-tế và chính-trị, mục-tiêu đầu tiên của họ là phản-kháng sự độc-quyền giáo-huấn. Cái mà đã làm cho giáo-dục tráng-niên ở Anh-quốc hồi đầu thế-kỷ XX được có một tính-cách đặc-biệt, là sức mạnh của phong-trào hòa-giải phe nổi dậy với bè ưu-tú và sự đoàn-kết của họ đã làm thay đổi bộ mặt của cuộc phiến-loạn. Chính nó là cái mà Mansbridge gọi là « hôn-phối giữa cần-lao và trí-thức » do sự thành-lập những ủy-ban hỗn-hợp gồm có đại-diện của Hội Giáo-dục công-nhân và các Trường Đại-học để phát-triển và đưu-dắt các nhóm lao-động. Ảnh-hưởng rất là sâu rộng. Mặc dù giai-cấp ưu-thế đã hy-sinh một phần tài-sản vật-chất của họ, mặc dù họ đã chấp-nhận nhiều phân-tử mới sung vào hàng « ưu-tú » lãnh-đạo — chẳng hạn như Hội-đồng T.U.C. — mặc dù thế, xã-hội Anh-quốc vẫn giữ được hệ-thống giai-cấp của nó. Trong Hội Giáo-dục công-nhân, điều đáng chú ý nhứt có lẽ là sự góp sức của lao-động vào việc ổn-định chính-trị và xã-hội ở một thời-buổi thuận-lợi cho một cuộc cách-mạng. Nó dựa vào các trường Đại-học nên đặc-tính bảo-thủ của các trường này dần dần biến chuyển thành cải-cách chính-trị: nhờ đó mà hai cơ-quan cộng-tác với nhau rất điều-hòa. Tuy nhiên, như giáo-sư Waller đã viết: « Điều mà không ai có thể ngờ được: là người ta cố tình thực-hiện an-ninh xã-hội trong một thế-giới đầy đầy nguy-hiểm và bất-an; người ta càng tiến gần xã-hội lý-tưởng thì mọi nhiệt-huyết và nỗ-lực sa-sút; càng giảm giờ làm việc thì « vấn-đề tiêu-khiển » càng gay-go; càng thu-hoạch được kết-quả người ta lại càng phân-vấn, không còn biết mình sẽ đi về đâu nữa » (1).

Đến ngày nay, sự nghiên-cứu công-phu về kỹ-luật đại-học dường không góp được phần nào để làm dịu bớt các áp-lực xã-hội và tâm-lý, mà sự tiêu-hủy hình-

(1) A Design for Democracy, p. 31.

thức bóc-lột dã-man lại càng làm thêm bóc-phát. Thực ra, nhiều dự-án cách nay 40 năm đã làm sôi nổi các cuộc thảo-luận về giáo-dục tráng-niên; ngày nay các dự-án cải-thiện xã-hội ấy vừa thực-hiện xong lại gây ra một cách phi-lý nhiều vấn-đề xã-hội liên-quan đến mọi ngành: thất-bại của chủ-trương phát-triển ý-thức cộng đồng trong các đô-thị mới, khó-khăn gây ra bởi quá nhiều giờ nghỉ, ảnh-hưởng của sự giảm số giờ làm việc, khó-khăn vì sự tăng gia số nhân-viên hồi-hưu, khó-khăn vì phụ-nữ đột-nhiên được thoát-khỏi các công việc nội-trợ nên năng-lực không biết dùng vào đâu nữa...; đó là vài thí-dụ về các hiện-tượng nói trên. Ngoài ra, các vấn-đề của giáo-dục « công-nhân » ngày nay không còn giống như các vấn-đề của thời-đại trước. Ở Anh- quốc cũng như ở những nước tân-kiến khác, sự đòi-hỏi giáo-dục không còn mãnh-liệt như ở các nước chậm tiến mới vừa thức-tỉnh. Muốn hoàn-bị sự học-vấn của một anh thợ trung-bình bằng cách gia-nhập nghiệp-đoàn không phải là việc dễ; các lãnh-tụ nghiệp-đoàn chú-trọng đến chi-tiết nghề-nghiệp nhiều hơn là triết-lý cuxử ở đời. Thật đáng buồn mà nhận rằng giáo-dục tráng-niên nhằm mục-dịch giảm bớt các ưu-quyền nhưng thực ra không giúp ích bao nhiêu cho những hạng người không biết lợi-dụng sự bành-trướng của nền giáo-dục cưỡng bách.

Chính vì thế mà giáo-dục tráng-niên đệ-nhi-cấp trở nên quan-trọng. Nếu ta chỉ xem giáo-dục tráng-niên như một phương-tiện giết thì-giờ nhàn rỗi, như một phương-tiện giải-trí, tương-tự như cách ngăn cản con trẻ rong chơi ngoài đường, thì — đúng như ông Vagn Fenger, thủ-lãnh trường Đại-học bình-dân ở Elsenaur đã mạnh-dạn lên tiếng — chẳng khác nào đang lúc người ta đòi bánh mì mà mình đưa ra đá sỏi vậy.

Nhưng đâu phải là việc khó lắm đối với các công-chức muốn nâng-dỡ, khuyến-kích các hoạt-động lành-mạnh, lý-thứ của các thanh-niên hăng-hái theo học thủ-công, âm-nhạc, sinh-ngữ, thể-dục...; nhưng tiếc thay các công-chức Chính-quyền chỉ chú-trọng đến những hoạt động nông-cốt của quốc-gia và chỉ riêng biệt nâng-dỡ những cộng-tác ấy mà thôi. Tuy-nhiên, ta không thể quên rằng trong thời-gian phát-triển máy vô tuyến truyền-hình, nghĩa là từ mười năm nay sự đòi-hỏi các loại hoạt-động trên đây đã thấy này nở mạnh ở Âu-Châu và Bắc Mỹ-châu; người ta đã tìm dịp nghiên-cứu những nỗi khó-khăn của thời-đại chó không thụ-động như các nhóm lao-công

truyền-thống ở Anh-quốc. Dường như sự đòi-hỏi này do nhiều áp-lực mới thức dậy, áp-lực do sự phá-hủy các cơ-cấu văn-hóa gây ra. Sự đòi hỏi đó quan tâm đến các mối liên-lạc giữa cá-nhân giữa đoàn-thề, trong khuôn-khò của việc làm, của đời sống công-dân, của gia-đình, của các cuộc tiêu khiển, giải-trí. Vì sự đòi hỏi đó có thật nên mới này ra các trung-tâm giáo dục công-nhân, nên các xí-nghiệp mới chú trọng đến việc huấn luyện cán-bộ và thợ-thuyền của họ về khoa giao-tế nhân-sự; đó là hai hình-thức mới của thời-đại chúng ta đang sống. Theo-ý tôi, chính các cơ-quan tư-nhân, các trường đại-học biệt-lập, các xí-nghiệp đều có bổn phận phải nghiên-cứu sự đòi-hỏi đó để tìm cách ứng-đáp và làm trung-gian bên cạnh Chính-quyền để yêu-cầu các đoàn-thề trợ-cấp. Nếu ta tìm hiểu châu-đảo về giáo-dục tráng-niên, ta sẽ thấy những người lấy nó làm hoạt-động chuyên-nghiệp sẽ có một trách-nhiệm hết sức nặng-nề. Nói thế không phải là tôi phủ-hận vai-trò của các hiệp-hội tư-nhân; nhưng tôi muốn nhấn mạnh điều này: phát-triển và điều-hành công việc của giáo-dục tráng-niên không thể được giao-phó cho những người tình-nguyện làm việc theo sở-thích như ở thời hay trong từng khoảng thời-gian gián-đoạn. Đành rằng những người tình-nguyện có thể giúp-ích được nhiều việc, nhưng ở thời-đại này, ta không thể thành công bằng cách bố-thí làm nghĩa. Giáo-dục tráng-niên ngày nay phải ứng-đáp nhu cầu của nam-nữ tráng-niên đã thức-tỉnh trong sự tiến-hóa. Sự tiến-hóa này đâu phải là một hiện tượng ngẫu nhiên do các sơ-xuất của Chính-Phủ gây ra, mà là một sự tiến hóa thúc-giục không ngừng, do lại ở những khả năng càng ngày càng tăng mạnh để kiểm soát-tất cả mọi hoàn-cảnh nhân-loại. Và lại, chúng ta chỉ nhìn thấy cảnh sụp-đổ nếu chúng ta bỏ mất sự kiểm-soát ấy.

Yếu-tố này — ý thức của các bài học lịch-sử, các áp-dụng bất ngờ nhưng quả thực của sự phát-minh khoa-học và các biến-chuyển liên tục đòi hỏi vô số thích ứng trong khoảng ngắn một đời người, ý-thức về ảnh hưởng giá-trị đạo-đức của tất cả nhân-loại, — chính nó đã thúc giục sự thành lập một nghề chuyên-môn cho nhà giáo-dục tráng-niên, một nghề tối cần cho đời sống hiện tại của chúng ta. Các cơ-quan chăm lo về giáo-dục tráng-niên đệ-nhi-cấp từ lâu nay — các lớp học buổi tối, các nhóm cộng-đồng, các đoàn-thề phụ nữ, cũng như các tổ-chức tương-tự mới thành hình trong địa hạt kỹ-nghệ, — cần phải nhận-định vai trò quan trọng của mình, ngang hàng với các hoạt động bên lề đại-học, các hội khuyến-học, giáo-dục bình dân, v.v... Các cơ-quan ấy không khi nào dám quan-niệm như vậy, nếu họ



không kêu gọi đến sự giúp đỡ của các chuyên-viên đã dày công nghiên-cứu về vai trò và nhiệm-vụ của giáo-dục tráng-niên ; họ nên nhớ rằng các chuyên-viên này không phải là những nhà truyền-giáo, cũng không phải là những chiến-sĩ mà là những người đã theo đuổi nghề giáo-dục tráng-niên mà thôi.

Sau đây tôi xin tóm lược những điều tôi đã trình-bày : giáo-dục tráng-niên thiết yếu phải là một hoạt-động ứng-đáp cho một sự đòi-hỏi tự nhiên, sự đòi-hỏi do ở một nhóm thiếu số thức-tình, nhận thấy sự bóc-lột kinh-tế hay tranh-chấp chính-trị ảnh-hưởng sâu-xa đến điều-kiện sinh sống của loài người. Luôn luôn sự đòi hỏi chủ trương đả-kích các ưu-tú, nhưng nó chỉ phát-triển được là nhờ sức giúp đỡ ngẫu-nhiên của các đại-diện cấp ưu-tú : trường đại-học hay Chính-quyền. Đó là điều mà tôi gọi là giáo-dục tráng-niên đệ-nhứt cấp.

Sự đòi hỏi tổng-quát hơn một nền giáo-dục thực-tiến, hướng-dẫn hoạt-động tập đoàn, là sản-phẩm tự-nhiên của sự phát-triển tình-cảm và sự bành-trướng các cảnh nhân rồi. Tôi gọi những điều mà người ta thực-hành để thỏa mãn nhu-cầu này là giáo-dục tráng-niên đệ-nhi-cấp.

Giáo-dục tráng-niên có thể liên-quan với áp-lực xã-hội và tâm-lý ; nếu nó được phát-triển trong những hoàn-cảnh thuận tiện, dưới sự hướng-dẫn của các chuyên-viên, danh-từ « đệ-nhứt cấp » và « đệ-nhi cấp » không hề có ý nghĩa cao thấp gì cả.

Giáo-dục tráng-niên sẽ thành một công-tác của Chính-Quyền khi nào nó nhận được viện-trợ tài-chánh và tuân theo huấn-thị của Chính-Phủ ; tuy nhiên các cơ-quan tư nhân vẫn là tối cần, cũng như các trường đại-học biệt-lập, để tập-trung các nhu-cầu và tìm cách thỏa-mãn dưới hình-thức này hay hình-thức khác.

Mọi hình-thức giáo-dục đều hướng về cá-nhân, nhưng kinh-nghiệm xã-hội rất cần-thiết cho sự phát-triển bản thân. Do đó giáo-dục tráng-niên là một hoạt-động tập-đoàn chỉ có thể được hoàn toàn này nhờ trong các trung-tâm chuyên-môn ấy mà thôi.

Sự « đe dọa của nền thịnh-vượng » — phương pháp sản-xuất tối tân, giờ nghĩ nhiều hơn, nhiều người trường thọ hơn bắt buộc giáo-dục tráng-niên phải đảm-đương thêm nhiều trọng-trách mới. Vậy cần phải nghiên-cứu các sự giao-tiếp giữa đoàn-thể, xử-dụng vô-tuyến truyền thanh và vô-tuyến truyền hình để giáo-hóa, đồng-thời với những phương-tiện thông-tin cổ-diễn, bằng lời nói hay bằng văn-tự.

Tựu-trung, ta không thể phủ-nhận giáo-dục tráng-niên là một nghề chuyên-môn, ý-thức nhiệm-vụ của nó và các chuyên-viên giáo-dục tráng-niên phải được tung ra trong nhiều tổ-chức để hoạt-động.



## THƠ DỊCH

## LE SEMEUR

*C'est le moment crépusculaire.*

*J'admire, assis sous un portail,*

*Ce reste de jour dont s'éclaire*

*La dernière heure du travail.*

*Dans les terres de nuit baignées,*

*Je contemple, ému, les haillons*

*D'un oteillard qui jette à poignées*

*La moisson future aux sillons.*

*Sa haute silhouette noire*

*Domine les profonds labours.*

*On sent à quel point il doit croire*

*À la fuite utile des jours.*

*Il marche dans la plaine immense,*

*Va, vient, lance la graine au loin,*

*Rouvre sa main et recommence,*

*Et je médite, obscur témoin,*

*Pendant que, déployant ses voiles,*

*L'ombre où se mêle une rumeur,*

*Semble élargir jusqu'aux étoiles*

*Le geste auguste du semeur.*

VICTOR HUGO

DỊCH-NHĨA

**ÔNG LÃO GIEO MẠ**

Chiều hôm bằng-lãng bóng vàng,  
 Dưới hiên gặp lúc thanh-nhàn ngồi chơi.  
 Ngắm trông cảnh-sắc bầu trời,  
 Tà-dương giục-giã trước hồi thu không.

Sương kia đã phủ đầy đồng,  
 Ai kia tuổi-tác còn trong luống cày ;  
 Tả-tơi manh áo, thương thay,  
 Gắng công gieo mạ, tôi ngày chưa thôi.

Đồng khuya chìm xuống chân trời,  
 Càng khuya càng nổi bóng người càng cao.  
 Thời giờ quý báu xiết bao,  
 Lão-nông há để tiêu-hao ngày mùa.

Mông-mênh đồng rộng, già-nua,  
 Bước chân đi, lại, tay đưa nhịp-nhàng.  
 Dưới hiên trộm ngắm đã tường,  
 Minh ta biết lão, canh trường ai hay.

Rì-rào muôn tiếng thoảng bay,  
 Tiếng rì-rào bốc theo mây, lên trời.  
 Cảnh khuya ngất tạnh mù khơi,  
 Phóng tay tế-độ tới nơi Ngân-Hà.

ĐẠM-QUANG

**SURSAUT**

— *Arrière ! Ennui, chagrin, anxiété, douleurs,  
 Doutes surtout, arrière !*

*Je veux suivre au hasard mon âme aventureuse,  
 Qui marche devant moi, les cheveux ceints de fleurs.*

— *Et j'irai jusqu'au bout de la route inconnue  
 Que m'indique sa main,*

*Sur le chemin chancelant de brouillard et de nue  
 Qu'hier jette à demain.*

— *Il ne sera pas dit que le sort m'ait vaincu !  
 Je relève la tête,*

*Je cours vers le combat comme vers une fête.  
 Qu'on dise si je meurs : « Qu'importe ! il a vécu ! »*

— *Mystérieux Destin, tu n'es pas le plus fort,  
 Debout, je te défie :*

*Tout homme, s'il le veut, est maître de son sort,  
 Et chacun fait sa vie.*

FERNAND GREGH  
 (La beauté de vivre)

DỊCH-NHĨA

**CHỖ DẬY**

I

(Theo lối song-thất lục-bát)

Lùi bước đi ! Sầu, lo, khổ, bực !

Lùi đi ngay ! Ngờ-vụ chồ-đồ !

Mặc ta thỏa chí giang-hồ,

Đọc ngang ta bước, hoan-hô bao người...

— Ta mạnh tiến, đường đời trăm ngã,

Đi đến cùng, dù lạ nước non.

Qua cầu mây khói sương tuôn,

Tương-lai quá-khứ nối luôn một đường.



—Truyện thua được, coi thường mệnh-số,  
Ta hiên-ngang vẫn cố đua tranh.

Khác chi dự hội đô-thành,  
Thác chẳng, song vẫn lưu-danh với đời.

— Thần Định-Mệnh, hơn người chưa dễ !...  
Thử sức nhau, ai khoẻ hơn ai !...

Anh-hùng tạo lấy cuộc đời,  
Tạo nên số-phận mà trời giao cho.

HOÀI-QUANG

II

(Theo lối thơ tự-do)

— Hãy lùi bước ! nào âu-sầu buồn-bực, nào đau  
thương tư-lự,

Lùi đi ngay ! hồ-nghi do-dự,  
Mặc cho ta nổi chí bạn giang-hồ,  
Trên đường tiến mà bao kẻ hoan-hồ.

— Ta rấn bước trên đường xa lạ,  
Do bạn đưa chỉ cho hết ngã.

Qua nhịp cầu đầy mây tối sương mai,  
Đề nói liền quá-khứ với tương-lai.

— Đâu nói chuyện được thua theo số-mạng,  
Ta hiên-ngang, ngàng đầu lòng phóng-khoáng.

Ham tranh-đua như ai ngày hội thích vui chơi.  
Dù có thác, miễn sao sống trọn cuộc đời.

— Hỡi Định-Mệnh ! tuy thần-bí nhưng đâu  
hùng-mạnh nhất !...

Vùng dậy đi ! độ hơn thua xem ai tài-giỏi thật !

Bền gan vàng, người là chủ số-phận con người,  
Và ai cũng thế, phải tự tay tạo lấy cuộc đời.

THANH-TÙNG

VĂN-HÓA — SỐ 42

MORTS POUR LA PATRIE

*Ceux qui pieusement sont morts pour la Patrie,  
Ont droit qu'à leur cercueil, la foule vienne et prie,  
Entre les plus beaux noms, leur nom est le plus beau.  
Toute gloire passe près d'eux et tombe éphémère,  
Et comme ferait une mère,  
La voix d'un peuple entier, le berce en leur tombeau.*

*Gloire à notre patrie (1) éternelle,  
Gloire à ceux qui sont morts pour elle.  
Aux martyrs ! Aux vaillants ! Aux forts,  
A ceux qu'enflamme leur exemple,  
Qui veulent prendre la place au temple !  
Et qui mourront comme ils sont morts.*

VICTOR HUGO

DỊCH-N-GHĨA

VỊ-QUỐC VONG-THÂN

Kìa người vị-quốc vong-thân,  
Trước quan-tài được quốc-dân nguyện cầu,  
Phương-danh ấy còn đâu hơn nữa,  
Trải xưa nay vinh-dự nào bằng.  
Trước mồ công-chúng khóc thương,  
Tựa hồ tiếng mẹ dịu-dàng ru con.

Ngàn muôn năm : Giang-sơn tổ-quốc,  
Vinh cho ai vì nước quên mình !  
Nào người dưng-cảm, tình-anh,  
Nào người nghĩa hiệp nổi danh ở đời,  
Nếu những muốn dự đài chiến-sỹ,  
Hãy hy-sinh theo chí người xưa.  
Tám gương anh-dũng chưa mờ,  
Tận-trung báo-quốc, ấy là thác vinh.

ĐẠM-NGUYỄN dịch

(1) CHÚ-THÍCH — Cho câu văn được hợp, xin đổi chữ « France »  
ra chữ « Patrie ». (Đạm-Nguyên).

VĂN-HÓA — SỐ 42

841

NGUYỄN-TÁC  
TỨC PHỦ

Thanh thu mọc phủ tình ngô hàn,  
Độc tức Giang-thành lập cự tàn.  
Vĩnh dạ giốc thanh bi tự ngữ,  
Trung thiên nguyệt sắc hảo thủy khan ?  
Phong trần nhâm nhiêm âm thư tuyệt,  
Quan tái tiêu điều hành lộ nan.  
Dĩ nhãn linh đình thập niên sự,  
Cưỡng di thể tức nhất chi an...

ĐỖ-PHỦ

DỊCH-NGHĨA  
NĂM Ở MẠC-PHỦ

*Giếng ngô mạc-phủ khít thu rền,  
Chiếc gỏi Giang-thành ngọn sáp hoen.  
Còi giục canh trường riêng bụng xót,  
Trăng soi gởi thăm với ai nhìn ?  
Lần-lữa gió bụi tin xa bất,  
Xo-xác non đời lối khó len.  
Nhìn trót mười năm trời giạt khỏ,  
Gượng đẩy nường tựa một cảnh yên.*

**PHẦN CHÚ-GIẢI.**— Giữa buổi trời thu trong vắt, cái giếng có những cây ngô - đồng ở trong mạc-phủ đã chớm hơi thu lạnh-lẻo : một mình ta nằm ở Giang-thành, nơi địa-phương hieu quanh, lại thêm ngọn sáp hoen mờ không sao sáng tỏ lên được.

Trong lúc này, vắng nghe trong quân đội có những tiếng còi nổi lên, khiến lòng ta tự thấy bi-thương mà một mình lại nói với mình ; trông lên trời thì ánh trăng soi sáng không-trung rất là thú vị, nhưng biết cùng ai xem ngắm lúc này ?

Ta đây bấy lâu lần-lữa phong-trần, âm-tín của gia-đình đã bằng hân từ lâu không còn nhận được ; mà hơn nữa là ở nơi biên-viễn này, cảnh tượng thê-lương, dù có muốn đi đâu cũng bị đường lối hiểm-trở khó lòng mà len đi được.

Đối với ta, lâm vào cảnh-hướng lênh-dênh cô-khở, riêng đã chịu đựng tới trót mười năm ; vậy thì nay cũng phải gượng lòng tạm đóng nơi đây yên nghĩ, khác nào con chim mỗi một cũng phải tìm một cành cây tạm đậu cho yên, đề rồi sẽ tùy cơ-hội về sau...

Á-Nam TRẦN-TUẤN-KHAI

Chú thích : Mạc-Phủ là nơi văn-phòng của viên tham-mưu trong lúc hành-quân.

ĐỌC TẬP THƠ  
« TỪ-THỨC » CỦA ĐOÀN-THÊM  
CẨM-ĐỀ

— Xưa và nay, hỏi ai Từ-Thức ?  
Lòng hỏi lòng, rạo-rực đã bao phen ?  
Ngắm trò đời, bao khách bon chen,  
Mê danh-lợi, bạc đen chi xá kè ?  
Nên bần-khoăn buồn cho nhân-thế,  
Tim đường đi, nào dễ biết về đâu ?..

*Lối xe ngựa, công-hầu cuốn bụi,  
Đường nhục vinh, dễ tủi lòng son.  
Thân ve ngày tháng hao mòn,  
Lo sao giữ được vương trôn mai sau...  
Cảnh lâm-tuyền, tiêu-sầu dạo bước,  
Ngắm cỏ hoa, thua được mặc người !..*

*Nhỡ khi non nước đời đời,  
Tu-mi đâu trốn nợ đời cho đang !..  
Chốn cung tiền, loan-hoàng kết bạn,  
Cưỡi xe mây, xa đám bụi hồng,  
Quên đời, quên gánh tang-bồng,  
Lòng nào quên được non sông nước nhà ?..*

Nhớ Tò-quốc, theo đà tiến-hóa.  
Ra bề khơi, sóng cả vãn chèo thuyền.  
Tiếng Thiên-Lương róng-rà ngày đêm :  
« Hỡi Từ-Thức ! Đừng quên non nước Việt ! »  
Lời Chân-nhân nhủ ai tâm-huyết,  
Vững tín-thành, nhận biết đường quang.  
Hãy quên mình, dẹp bớt mộng vàng,



Hòa tâm-trí với làng, dân, nước.  
Lòng ưu-ái chăm thu xếp trước,  
Mong trời Nam sớm được an-hòa.

— Gieo hạnh-phúc, muốn nhà no ấm,  
Khuyến cho ai say ngắm non sông.  
Gần xa vui kết giải đồng,  
Ơn ai sớm mở đường thông giúp đời.



Xưa nay, Từ-Thức được bao người ?  
Thắc-mắc tìm đường biết hỏi ai ?  
Nên thiết-tha tranh cờ, biển, lạng ?  
Hay say-sưa ngắm trúc, tùng, mai ?  
Đường về âu dễ lên cung quế ?  
Lối thoát phải chằng lánh cuộc đời ?  
Ướm hỏi Hà.Công cùng Pháp.Tĩnh,  
Vì ai nhân-nhũ một đôi lời...

Vì ai nhân-nhũ một đôi lời :  
Chân.lý tìm đường khéo lạc nơi...  
Cung quế nguồn đào sinh truyện ảo,  
Trượng danh chợ lợi hóa trò cười.  
Chính-tâm quả-dục câu yên dạ,  
Kiến-quốc hưng-gia nhớ giúp đời.  
Hạnh-phúc của người, âu của bạ,  
Lòng ai hiếu-thiện đẹp lòng trời.

HOÀI-QUANG



## A. — TIN TRONG NƯỚC

### 1. — TÔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA VIẾNG THĂM CUỘC TRIỀN-LÂM ĐƯỢC-PHẨM TẠI SÀI-GÒN

Sáng 5-7-59, hồi 11 giờ, Tông-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa đã đến viếng thăm cuộc Triển-lâm Được-phẩm do Tổng-Đoàn Công Kỹ-Nghệ Việt-Nam tổ chức tại Phòng Thương-Mại Sài-gòn.

Phó Tông-Thống Nguyễn-Ngọc-Thơ kiêm Bộ-Trưởng Bộ Kinh-Tế, cùng các Ông Đình-Xáng, Chủ-tịch Tổng-Đoàn Công Kỹ-nghệ Việt-Nam, và Nguyễn-Cao-Thắng, Chủ-Tịch Hiệp-Hội Chế-tạo Được-phẩm Việt-Nam đã nghênh đón Tông-Thống tại phòng Triển-lâm.

### 2. — ÔNG BỘ-TRƯỞNG QUỐC-GIA GIÁO-DỤC ĐI KINH-LÝ TỈNH VINH-LONG

Ngày 1-8-59, ông Trần-Hữu-Thế, Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo-dục đã đi kinh-lý tỉnh Vinh-long, tháp tùng có ông Bửu-Trí, Giám-đốc Nha Trung-Học vụ.

Đúng 8 giờ, ông Bộ-Trưởng đến chủ-tọa, tại Trung-tâm Nhân-vị Vinh-long, lễ bế-giảng khóa nhân-vị thứ 21 dành cho nữ giáo-chức toàn-quốc. Trong bài diễn-văn đại-khái ông Bộ-trưởng nói :

« Cuộc cách-mạng nhân-vị và cộng-đồng do NGÔ TÔNG-THỐNG chủ-trương và lãnh-đạo nhằm mục-dịch cải-tạo toàn-diện xã-hội Việt-Nam về vật-chất cũng như về tinh-thần. Đó là cuộc cách-mạng duy-nhất có thể giải-phóng toàn-diện con người Việt-Nam, giải-phóng trong trật-tự chứ không phải trong loạn-ly, giải-phóng trong tình thương chứ không phải trong thù hận. »

Tiếp tục cuộc kinh-lý, ông Bộ-trưởng có viếng Ty, Tiểu-học Vinh-long, học-xường tỉnh, trường nam, nữ tiểu-học, tiếp-xúc với đồng-bào và phụ-huynh học-sinh cùng trao tặng sách, tập cho nam nữ học-sinh.

Tại trường Tiểu-học làng Thiềng-Đức, phụ-huynh học-sinh và dân-chúng dành cho ông Bộ-Trưởng một cuộc tiếp đón nồng-hậu và chân-thành. Ông Bộ-Trưởng có cho biết sự tiến-triển của ngành giáo-dục từ ngày NGÔ TÔNG-THỐNG chấp-chánh và tặng học-sinh tập, sách.

Kể đó, ông Bộ-trưởng viếng các phòng thí-nghiệm đang xây cất tại Trường trung-học Vinh-long và khu Su-phạm đang khởi công kiến-trúc trên một vuông đất rộng lớn dọc theo đường Vinh-long Căn-thơ.

Ông Bộ-Trưởng trở về Sài-gòn hồi 21 giờ, đến thủ-đô hồi 23 giờ.

### 8 - TẶNG SÁCH

— Ngày 1-7-1959, Sứ-Quán Úc-Đại-Lợi tại Việt-Nam đã gửi tặng Thư-Viện Quốc-Gia một bộ bách-khoa rất quý nhan đề « The Australian Encyclopedia ».

Bộ sách này gồm 10 quyển, ấn loát đẹp và đóng bìa rất mỹ-thuật.

— Ngày 23-7-1959, ông Vũ-Quốc-Thông, Viện-Trưởng Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh, đồng thời là Phó Chủ-tịch Quốc-Hội, đã tiếp nhận được nhiều pho sách Hoa-Kỳ về ngành chánh-trị học.

Bác-sĩ Wesley Fishel, nguyên Trưởng Phái-đoàn Cơ-Văn Đại-học đường Michigan ở Việt-Nam, đồng thời là nhân-viên Ủy-Pan Chấp-Hành Hội những người Mỹ bạn của Việt-Nam, đã nhân danh « Thư-viện tự do » ở Hoa-Kỳ chuyển đạt những cuốn sách nói trên tới ông Vũ-Quốc-Thông.

Ngoài những hoạt động khác « Thư-viện Tự-do » còn cung cấp

cho các giới trí-thức ở Á-Châu và Phi-Châu những tác-phẩm chọn lọc tượng-tượng nền văn-chương chính-trị ở Hoa-Kỳ, cùng những tác-phẩm từng gây ảnh hưởng mạnh mẽ đối với những nhà sáng-lập nền dân-chủ Hoa-Kỳ.

### 4. — TÁC-PHẨM DỰ CUỘC THI VĂN-CHƯƠNG DO VĂN-HÓA VỤ BỘ THÔNG-TIN VÀ THANH-NIÊN TỜ-CHỨC

Tính đến hôm 15-7-59, Văn-Hóa Vụ Bộ Thông-tin và Thanh-niên đã nhận được hơn 260 tác-phẩm dự cuộc thi văn-chương do Cơ-quan nói trên tờ chức nhân dịp bầu cử Quốc-Hội Lập-pháp khóa II.

Trong số 260 tác phẩm ấy có :

- 51 tuồng hát (bằng văn xuôi)
- 28 tuồng hát (bằng thơ hoặc bài ca)
- 23 tập dân-ca
- 55 thi-tập.
- 64 bản nhạc cải-cách
- 15 bản cô-nhạc Bắc-phần
- 14 bản cô-nhạc Trung-phần
- 10 bản cô-nhạc Nam-phần

Một ban chấm thi đặc-biệt do ông Đái-Đức-Tuấn, văn-sĩ làm Chủ-tịch, đã chọn lựa được nhiều tác-phẩm trong một buổi khảo-sát sơ bộ.

Kết-quả cuộc thi văn-chương nói trên sẽ được công bố trong một ngày gần đây.

### 5. — LỄ KHAI-MẠC ĐẠI-HỘI THƯỜNG-NIÊN CỦA HỘI KHÔNG-HỌC VIỆT-NAM

Chiều 18-7-59, tại trụ sở Hội Bắc-Việt Trưng-Tế, 36, đường Hiền Vương, Sài-gòn, đã khai mạc Đại-hội thường niên của Hội Không-học Việt-Nam.

Lễ khai mạc Đại-hội đã cử hành trước sự hiện-diện của rất đông nhân-vật trong số đó, người ta nhận thấy có ông Trần-Chánh-Thành, Bộ-Trưởng Bộ Thông-Tin và Thanh-Niên; ông Nguyễn-Khắc-Kham, Giám-Đốc Nha Văn-Hóa Bộ Quốc-Gia Giáo-dục; các vị đại-diện hai Tòa Đại-Sứ Trung-Hoa Dân-Quốc và Đại-Hàn Dân-Quốc tại Việt-Nam.



Sau nghi thức thường lệ, ông Nguyễn-Trác, Phó Hội-Trưởng, đại-diện ông Hội-Trưởng, đã đọc một bài diễn-văn trong đó ông nhắc lại quá-trình tiến-triển của Hội từ ngày thành lập.

Hội Khổng-học Việt-Nam được thành lập cách đây hai năm rưỡi và hiện nay đã có 15.000 hội-viên vừa là người Việt-Nam vừa là Hoa-kiều. Nhiều Chi-hội cũng đã được thiết lập tại các tỉnh Bình-Định, Phú-Yên, Đà-Lạt, Khánh-Hòa, Bình-Thuận, Định-Tương, Phong-Dinh, Kiến-Giang và Tây-Ninh.

Nhân dịp này, ông Trần-Chánh-Thành, Bộ-Trưởng Bộ Thông-Tin và Thanh-Niên, có ngỏ lời khen ngợi Hội về những kết quả tốt đẹp mà Hội đã thu được trên các lãnh-vực văn-hóa và xã-hội.

#### 6. — CUỘC TRIỀN-LÂM HỌA-PHẦM CỦA HAI HỌA-SĨ LÊ-TRUNG VÀ VĂN-ĐEN

Cuộc triển-lâm họa-phẩm của hai họa-sĩ Lê-Trung và Văn-Đen đã được khánh thành hồi 10 giờ sáng 22-7-59, tại Phòng Thông-tin Đờ-thành ở số 165 đường Tự-Do, Sài-gòn.

Tới dự buổi lễ khánh thành này có rất nhiều nhân-vật Việt-Nam và ngoại quốc, các đại-diện các Hiệp-hội Văn-hóa và báo-chí ở Thủ-đô. Lối 70 họa-phẩm đã được trưng bày tại cuộc triển-lâm này; hai bức tranh « *Ngay thơ* » và « *Vô tư tự* » đã được chú ý tới nhiều nhất.

#### 7. — MẤY BUỔI DIỄN-THUYẾT VỀ VĂN-HÓA

\* Tối 15-7-1959, hồi 20 giờ, một buổi diễn-thuyết và bình thơ đã được tổ-chức tại thính-đường Hội Việt-Mỹ, Sài-gòn.

Sau lời giới-thiệu của ông Nguyễn-Phước-Thiện, chủ-bút tạp-chí « Việt-Mỹ » lần lượt các ông Thái-Văn-Kiểm, Phạm-Đình-Khiêm và Nguyễn-thành-Cung đã lên diễn-đàn thuyết-trình về đề-tài « Bốn ngọc-nữ miền Nam » gồm những phần dưới đây :

— « *Từ Đờng-Nai đến Đờo Cả* »

hay là : Theo dấu hai bà Ngọc-Vạn, Ngọc-Khoa.

— « *Từ Đờo Cả đến Sông Gianh* »

hay là : Theo dấu hai bà Ngọc-Liên, Ngọc-Định.

— « *Tổng-luận và tông-vịnh* ».

Phản bình thơ do ông Lê-Tấn-Lợi, nữ-sĩ Phương-Khanh và thi-sĩ Á-Nam Trần Tuấn-Khải đảm nhiệm.

Khán-giả rất đông đảo đã nhiệt-liệt hưởng ứng chương-trình diễn-thuyết và bình thơ này, nó đã làm sống lại cả một dĩ-vãng lịch-sử nước nhà.

\* Tối 23-7-59, Phù-Luân Hội Sài-gòn đã nhóm buổi họp hàng tuần tại Lữ-quán « Continental Palace » ở đường Tự-Do, trước sự hiện diện của nhiều nhân vật Việt-Nam và ngoại quốc.

Sau khi đọc bản báo cáo về những hoạt-động của Hội, Ban Chấp-hành Hội đã làm lễ tiếp nhận 3 hội-viên mới là các ông Nguyễn-Thành-Cung, Tổng-thor-ký Phủ Tổng-Thống, đồng thời là Hội-trưởng Hội Hướng-đạo Việt-Nam ; Marc Bricout, Giáo-sư trường Trung-học Marie Curie ; và Paul Ortolie, Giám-đốc Hãng vận-tải « Les Transitaires Réunis ».

Kế đó, luật-sư Trương-Đình-Dzu chủ-tịch Phù-Luân hội Sài-gòn, giới thiệu với cử tọa ông Thái-Văn-Kiểm, Phó Giám-đốc Nha Văn-Hóa Bộ Quốc-gia giáo-dục, là diễn-giả trong buổi hội-hop này.

Ông Thái-Văn-Kiểm đã nói chuyện về đề-tài « *Đờng-Nai và Công-Chúa Ngọc-Vạn* »

\* Tối 24-7-59, tại trụ-sở Hội Việt-Mỹ, Bác-sĩ Ralph Smuckler, Trưởng phái-đoàn Cố-vấn Đại-học đường Michigan ở Sài-gòn, đã nói chuyện về đề-tài « *vai trò của các Đại-học đường Mỹ trong nền giáo-dục quốc-tế* ».

Trước hết, ông Smuckler cho biết rằng vì Hoa-Kỳ ngày càng tham-gia các vấn đề quốc-tế, cho nên các Đại-học đường Hoa-Kỳ đã đóng một vai trò mới trên thế-giới. Thật vậy, Hoa-Kỳ đã bỏ chính sách biệt lập hội 1920, và đã tham gia hoạt-động vào các vấn đề quốc-tế kể từ năm 1945. Do đó, chương-trình học tập về các vấn đề quốc-tế tại các Đại-học-đường Hoa-kỳ cũng đã tiến-triển mạnh mẽ.

Đoạn, diễn-giả đề cập tới triết-lý mới của nền giáo-dục áp-dụng tại các Đại-học đường Hoa-Kỳ, gồm có ba đặc điếm là thiết-thực, linh-động và khai-phóng.

\* Sáng ngày 26-7-59, tại trường Quốc-Gia Âm-Nhạc, Sài-gòn, Mặt trận Bảo-vệ Tự-do Văn-hóa Việt-Nam đã tổ chức một buổi nói chuyện về « *Dân-tộc tình Việt-Nam qua các hình-thức thi ca* ».

Sau phần nghi-lễ thường lệ, Bác-sĩ Lý-Trung-Dung, Chủ-tịch Mặt trận, ngỏ lời giới-thiệu cùng thính giả, ông Hà-Thượng-Nhân, diễn-giã.

Sau đó, ông Hà-Thượng-Nhân lên diễn-dàn đề cập đến dân-tộc tính Việt-Nam qua thi ca.

Ông đi sâu vào từng chi-tiết, phân tách các hình thức của các thi-phần và ca-dao và nghiên-cứu tỉ-mỷ từng câu thơ, cách thức làm các câu thơ đó, đề làm nổi bật cá-tính của dân-tộc Việt-Nam qua các thời đại.

Sau bài diễn-thuyết, là phần trao đổi ý-kiến giữa diễn-giã và cử-tọa.

### 8. — GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

Văn-Hóa Nguyệt-San vừa nhận được thi-phần « *TỪ-THỨC HAY LÀ KÈ TÌM ĐUỜNG* » của thi-sĩ ĐOÀN-THÊM đã có nhũ-y gửi tặng.

Thi-phần này ấn-loát tại nhà in Mai-Linh, (Sài-gòn) và được trình bày rất trang nhã.

Thi-phần gồm có :

1. — Một bài tựa của Giáo-Sư VŨ-VĂN-MẪU nhấn mạnh giá-trị đặc-biệt của thi-phần « *Từ-Thức* », cho rằng đã đánh dấu một giai-đoạn mới trong thi-văn Việt-Nam, vì tác-giã đã khéo dung-hòa âm-thanh nhạc-diệu cũ và mới để diễn-tả cái đẹp của tâm-tình, và đồng-thời mượn vai trò của *Từ-Thức* để giải-quyết vấn-đề trách-nhiệm của phần tử trí-thức đối với non sông đất nước.

2. — Một thiên toát-yếu (gồm ba phần) tóm-tắt truyện *Từ-Thức*, theo một ý-niệm mới-mẻ về cuộc đời, lúc ở cõi trần, khi lên cõi tiên và lúc trở về trần, trước sau thường lẫn-khoan thối-mắc, cố đi tìm con đường chân-lý, hợp với thiện-bản của con người, không siêu-phàm thoát-tục, nhưng hữu-ích và thanh-cao.

3. — Phần chính trong tập thi-phần, tức là khúc tâm-tình trường-thiên, gồm 2129 câu thơ đủ các thể cổ kim, từ lục-bát ngũ-ngôn, qua song-thất lục-bát, tới các điệu thơ mới, v.v... nhưng thi-sĩ họ Đoàn đã khéo chọn mỗi thể cho phù-hợp vào tình vào cảnh trong truyện, một cách rất uyển-chuyển và tự-nhiên.

4. — Phần chú-thích các điển-tích, những chi-tiết lịch-sử hay địa-lý trong truyện do ông THÁI-VĂN-KIỆM góp phần.

Muốn nhận rõ thêm chân giá-trị tập thơ này, xin bạn đọc xem lại bài phê-bình về thi-phần ấy đăng trong Văn-Hóa Nguyệt-San số 37 (tháng 12 năm 1958, trang 1519-1524) và số 41 (tháng 6 năm 1959, trang 584-590).

Sách dày 364 trang (khổ lớn), in trên giấy satiné do tác-giã xuất-bản. Giá bán chỉ có 50\$00 (Nam-Việt); hoặc 60\$ (Trung-Việt và Cao-Nguyên) có gửi bán ở các tiệm sách lớn tại Thủ-dô và các tỉnh.

## B. — TIN NGOÀI NƯỚC

### 1. — THAM-DỰ KHÓA NGHIÊN-CỨU VỀ ĐIỀU-KHIỂN CHUYÊN-NGHIỆP VÀ KỸ-THUẬT TẠI ĐÔNG-KINH

Hôm 6-7-59 ở Đông-kinh, tổng số 27 nhà giáo-dục của 10 quốc-gia và lãnh-thô ở Đông-Nam Á đã khai mạc một khóa nghiên-cứu trong ba tuần lễ về điều khiển chuyên-nghiệp và kỹ-thuật. Khóa này đặt dưới sự bảo-trợ của Tổ-chức văn-hóa quốc-tế, ủy-ban Nhựt của Tổ-chức này và Tổ-chức lao-động quốc-tế.

Các đại-biêu của các quốc-gia kể sau đã tham-dự khóa nghiên-cứu: Ấn-độ, Hồi-quốc, Tích-lan, Nam-dương, A-phú-hãn, Trung-hóa quốc-gia, Hương-cảng, Đại-hàn, Ba-tư, Phi-luật-tân, Tân-gia-ba, Mã-lai, Miến-điện, Cambodge, Ai-lao, Népal, Thái-lan, Nhựt-bôn và Việt-Nam cộng-hòa.

Trong số nhiều vấn-đề được thảo-luận, có vấn-đề thành-lập một trung-tâm giáo-hóa chuyên-nghiệp và kỹ-thuật và vấn-đề trao đổi các sinh-viên giữa các xứ trong vùng.

Các đại-biêu sẽ viếng miền Tây nước Nhựt trong khoảng thời gian từ 9 đến 12 tháng Bày.

### 2. — THAM-DỰ HỘI-NHỊ QUỐC-TẾ HỌC-CHÍNH Ở GENÈVE

Hôm 14-7-59, trong phiên họp khoáng đại của Hội-nghị Quốc-Tế Học-Chính ở Genève (Thụy-Sĩ), hai vị đại-biêu Việt-Nam là ông LA-VĂN-THỚI, Khoa-Trưởng Trường Khoa-Học Đại-Học Sài-gòn, và ông LÝ-CHÁNH-TRUNG, thuộc Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, đã trả lời những câu hỏi của một số đại-biêu các nước về tình hình học-sinh ở Việt-Nam.

Hai ông đã trình bày rằng trước ngày cải-tò nền giáo-dục, các học-sinh Việt-Nam phải học 2 ngoại-ngữ cùng một lúc, nhưng vì phương-pháp đó không đem lại những kết-quả mong muốn, cho nên Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đã quyết định chỉ giảng dạy một ngoại-ngữ theo ý lựa chọn của học-sinh mà thôi. Học-sinh



học viết và nói ngoại ngữ đó tại lớp học, nhưng lẽ dĩ nhiên ngoại-ngữ không thể chiếm một địa-vị quan trọng như Việt-ngữ trong chương-trình giáo-huấn. Do đó, chương-trình này đã được nhẹ bớt về phần sinh-ngữ.

Việt-Nam là một nước tôn sùng nhiều đạo giáo. Học-sinh không bị bắt buộc phải học đạo tại các trường, vì nếu áp-dụng biện-pháp đó, các tôn-giáo có đầy đủ cán-bộ sẽ chiếm ưu-thế hơn đối với các tôn-giáo khác.

Nguyên-nhân việc cải-tổ nền giáo-dục Việt-Nam là do ở quá-trình tiến triển lịch-sử của nước nhà.

### 3. — THAM-DỰ CÁC CUỘC THÍ-NHIỆM VỀ CƠ-CẤU NGUYÊN-TỬ Ở HOA-KỲ

Theo VTX ngày 14-7-59, nhiều cuộc thí-nghiệm về cơ-cấu của Nguyên-tử hiện đang được thực hiện tại Phòng thí-nghiệm nguyên-tử Đại-học đường Berkeley (California), Hoa-Kỳ, dưới sự điều- khiển của nhà vật-lý-học nổi danh Alvarez.

Các cuộc thí-nghiệm này nhằm mục-đích dò tìm những nguyên-tố cấu-tạo hạnh-tâm nguyên-tử, cùng các nguyên-tố anti-lambda và anti-sigma.

Trong số những nhà bác-học tham-gia các cuộc thí-nghiệm nói trên, người ta nhận thấy có ông Nguyễn-Hữu-Xương, một nhà vật-lý-học trẻ tuổi hiện đang giúp việc tại Quốc-gia Nguyên-Tử-Lực Cuộc Việt-Nam.

### 4. — THAM-DỰ HỘI-NHỊ KỲ THỨ 30 CỦA «HỘI VĂN-BÚT QUỐC-TẾ» NHÓM HỌP TẠI FRANCFORT

Hai ông Đỗ-Đức-Thu và Lê-Văn-Siêu, Chủ-Tịch và Phó Tổng Thư-Ký Hội Văn-Bút Việt-Nam đã rời Sài-gòn để đi tham-dự Hội-nghị kỳ thứ 30 của Hội Văn-Bút Quốc-Tế hiện đang nhóm họp tại Francfort (Tây-Đức).

Hội-nghị kỳ thứ 30 của Hội Văn-Bút Quốc-Tế khai mạc sáng 19-7-59 tại Francfort đã qui tụ các đại-biêu của lối 40 quốc-gia hội-viên trong Thế-giới Tự-do. Hội-nghị sẽ nghiên-cứu vấn-đề liên-lạc giữa các văn-sĩ thi-sĩ trên thế-giới và sẽ đề cập đến vấn-đề khoa-học giả định.

Ngoài ra, các đại-biêu tham-dự Hội-nghị sẽ đi thăm viếng các

di-tích lịch-sử và văn-hóa của Đức quốc nhất là quê-hương của đại thi-hào Goethe.

Nhân dịp này xin nhắc lại Hội-nghị kỳ thứ 29 của hội Văn-Bút Quốc-Tế đã nhóm tại Đông-Kinh hồi năm 1957.

### 5. — THAM-DỰ HỘI-NHỊ KỲ THỨ 8 CỦA TÒNG-LIÊN-ĐOÀN GIÁO-GIỚI QUỐC-TẾ (HOA-THỊNH-ĐÓN)

Sáng 20-7-59, do chuyến máy bay thường lệ của hãng Air France, đáp lời mời của Tòng Liên-Đoàn Giáo-Giới Quốc-Tế (World Confederation of organization of the Teaching Profession), một phái-đoàn giáo-sư đã lên đường đi Hoa-Thịnh-Đồn để tham-dự Đại-hội kỳ thứ VIII của tổ-chức này.

Phái-đoàn gồm có giáo-sư Nguyễn-Quang-Trình, Viện-Trưởng Viện Đại-học Sài-gòn, Chủ-tịch Tòng Hội Giáo-Giới Việt-Nam và ông Lê-Xuân-Khoa, giáo-sư, Phó Tòng Thư-ký.

Hội-nghị họp từ 25/7 đến 8/8 và ngoài những vấn-đề nội-bộ thường lệ, Hội-nghị sẽ thảo-luận đề-tài : « Thăm-định giá-trị hổ-trương của nền văn-hóa Đông-Tây ».

Đây là lần đầu tiên một phái-đoàn giáo-giới tham-dự Đại-hội của tổ-chức này với tư cách đại-diện cho Tòng-Hội Giáo-Giới Việt-Nam. Cũng nên lưu ý là Tòng-Hội Giáo-Giới Việt-Nam là một đoàn-thể mới được thành lập vào cuối tháng năm vừa qua, với mục-đích đoàn-kết toàn thể giáo-giới các cấp và ngành trong công cuộc kiến-thiết quốc-gia và phục vụ nền giáo-dục và văn-hóa nước nhà.

### 6. — MỘT CUỐN PHIM VỀ NHỮNG NGƯỜI VIỆT-NAM TỶ-NẠN ĐÃ ĐƯỢC TRÌNH BÀY TẠI HOA-KỲ

Ngày 22-7-59, trong khuôn khổ một chương-trình đặc-biệt dành cho « Năm quốc-tế những người tỵ nạn », Hãng « American Broadcasting Company » mới đây đã trình bày trên hệ-thống vô-tuyến truyền hình toàn quốc của Hãng một cuốn phim tài-liệu nhan-đề « Những kẻ không nhà ».

Cuốn phim đó đã thuật lại những cuộc mạo hiem của bốn nhóm

người tỵ nạn. Theo ông John Secondari, nhân-viên phụ-trách việc chú-giải cuốn phim, thì « mỗi cuộc mạo-hiêm đó liên-hệ tới sinh mạng của ít nhất là một triệu người. Một vài cuộc mạo-hiêm đã thành tựu, nhưng cũng có nhiều cuộc khác đã bị thất bại đau thương ». Cuốn phim đã trình bày những cuộc di-cư tỵ nạn ở Việt-Nam, Trung-Đông, Hương-Cảng và Tây-Âu.

Cuộc di-cư tỵ nạn ở Việt-Nam đã được xem như là một thành công.

7.— THAM-DỰ ĐẠI-HỘI CỦA CƠ-QUAN  
« TƯƠNG-TRỢ QUỐC-TẾ ĐẠI-HỌC » (WUS) TẠI NIGERIA

Tối 23-7-59, một phái-đoàn Việt-Nam đã từ giả Sài-gon bằng chuyến phi-cơ thường lệ của hãng Air-France sang Nigeria để dự kỳ Đại-Hội của tổ-chức Tương-trợ Quốc-tế Đại-học (World University Service) đã diễn ra từ ngày 26 tháng 7 đến ngày 1 tháng 8 năm 1959 tại Đại-học đường IBADAN.

Phái-đoàn Việt-Nam gồm có :

Quý Ông Nguyễn-Đình-Hòa, Giáo-sư tại Văn-Khoa  
Đại-học đường Sài-gòn.  
— Nguyễn-Hồng-Nhuận, Sinh-viện Luật-Khoa,  
Tổng thư-ký của Ủy-Ban  
Quốc-gia trong tổ-chức  
Tương-trợ Quốc-tế Đại-Học.

Nên nhắc lại rằng Việt-Nam Cộng-Hòa là quốc-gia duy nhất ở Á-Đông đã được dự vào Ban Chấp-Hành Trung-Ương của tổ-chức này, gồm trên 40 quốc-gia hội-viên.



Hàng tháng hãy đón đọc nguyệt-san

## SINH-LỰC

Cơ-quan Văn-hóa, nghệ-thuật, chính-trị, xã-hội.

Xuất-bản ngày 25 mỗi tháng

đầy 100 trang, giá bán 18\$

Chủ-nhiệm kiêm chủ-bút : VÕ-VĂN-TRUNG

Tòa soạn : 357/4, Nguyễn.thiện.Thuật, SAIGON



Tòa soạn VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

NHA VĂN-HÓA (Bộ Quốc-gia Giáo-dục)

266, Đường Công-lý — Sài-gòn

Điện-thoại : 24.633

✱

— Chủ-nhiệm : NGUYỄN-KHẮC-KHAM  
— Chủ-bút : THÁI-VĂN-KIỆM  
— Quản-lý : BÙI-ĐÌNH-SAN  
— Thư-ký tòa soạn : NGUYỄN-VĂN-NINH

✱

Ấn-Quán : BÌNH-MINH

149, Đường Yên-Đồ, Sài-gòn

Tổng Phát-Hành bán lẻ : THỐNG-NHẤT

329, Đại-lộ Trần-Hưng-Đạo, Sài-gòn



## KÍNH-CÁO BẠN ĐỌC THÂN-MẾN

Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-dục đã quyết-định, kể từ **VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN** số 38 (tháng 1 năm 1959) hạ-giá mỗi số từ 24\$ xuống 12\$ đối với tư-nhân, để tạp-chí được phổ biến sâu rộng. Đối với công-sở, giá mua vẫn giữ nguyên cũ.

Tuy nhiên, số trang in trong tạp-chí vẫn như trước (ít nhất là 168 trang), bài vở vẫn đổi-đào và có thể tăng thêm số-mục.

Đối với độc giả đã trả tiền mua dài hạn, chúng tôi sẽ gửi thêm những số tiếp cho cân-xặng với số tiền mua tạp-chí.

V.H.N.S.



## THẺ-LỆ MUA TẠP-CHÍ

Mỗi số (Tư-nhân) : 12\$ — 1 năm (10 số) : 120\$  
Mỗi số (Công-sở) : 24\$ — 1 năm (10 số) : 240\$

Giữ bảo-đảm, mỗi số tính thêm 7\$00

Ở ngoại-quốc, xin gửi thêm cước-phi.

- ☆ Mua dài hạn V.H.N.S., xin gửi phiếu mua báo và ngân-phiếu về Ô. GIÁM-ĐỐC NHA VĂN-HÓA (số 266, Đường Công-lý, Sài-gòn)
- ★ Bài soạn đăng tạp-chí, xin gửi về Ô. CHỦ-BÚT VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN (số 266, Đường Công-lý, Sài-gòn).
- ☆ Bài của các bạn gửi đến tòa soạn, nếu không đăng được, không có lệ trả lại bản thảo.

